

**VƯƠNG
HỒNG
SẼN**

HƠN NỬA ĐỜI HU

Phần 1

Học giả
Vương Hồng Sển
chuyển lời
TATY
1985

Hơn nửa đời hư

phần 1

VƯƠNG HỒNG SẼN



Paris * 05.2025

**Tranh bìa : *Học giả Vương Hồng Sển
nhìn bởi Tạ Ty***
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

Hơn nửa đời hư

VƯƠNG HỒNG SẼN

VĂN HÓA
xuất bản 1997

MỤC LỤC

Thay lời tựa	11
1. Hơn nửa đời hư	33
2. Kiếng họ Vương ở Sóc Trăng	44
3. Phước Lộc Nhi	99
4. Nhớ song thân	116
5. Nhớ tuổi hồng, tuổi xanh	181
6. Nhớ trường cũ Primaire Sóc Trăng	190

7. 1923–1927	255
8. Hồi lộ	361
9. nếp sống dân ta	427
10. Một công chức đời Tây	461
11. Năm 1930	473
12. Cánh bướm bể hoạn	501

THAY LỜI TỰA

Tôi từ nhỏ đã có tánh ham mê đọc sách. Tôi cho sách là bạn cố tri trung thành, nên khi đọc và lúc cao hứng, tôi thường ghi lại bên lề trang sách những cảm tưởng nhứt thời, không khác được tỉ tê tâm sự với một bạn cố giao bằng xương bằng thịt. Vì vậy cuốn sách hóa ra của riêng, y như vợ nhà, và nếu thuở nay không đời nào ai cho mượn vợ, thì xin các bạn hiểu giùm vì sao tôi ít cho mượn sách. Sau này vì thời thế, tôi

có cho mượn nhiều, đó là sự cùng chẳng đã, và những sách cho mượn là những cuốn có dư, dầu mất cũng không tiếc. Tánh tôi rất khó, nên tôi lập tâm không bao giờ mượn sách của ai, vì tôi cho rằng đọc sách phải thư thả, sách mượn đọc hối hả để mau trả thì mất vui mất thú. Khi tôi lựa được một cuốn sách hay, thì tôi chẳng nệ hà mắc giá, thế nào tôi cũng mua cho được, và tôi cưng cuốn sách còn hơn bà xã nội gia. Cách tôi đọc thì chậm rãi, tôi không tiếc thì giờ bỏ ra cho sách, khi khác tôi đọc ngẫu nhiên còn hơn bồ câu ra ràn nuốt mỗi không kịp nuốt, nói tục mà nghe, y như chó gặm xương, như mèo mới sanh được mẹ nhường mỗi dạy ăn, vừa ngủ nghe sợ mất mỗi vừa gặm gừ tiếng rên nho nhỏ vì khoái trá và vì sợ miếng ngon chóng hết hoặc anh chị nào đồng lứa sắp giựt phổng trong mồm. Cũng vì những tật ham đọc sách hay, đọc

quên ăn quên ngủ, thậm chí có khi quên cả phận sự buồn thê, cho nên chỉ tồn đã hai phen bị giựt vợ, bị cầm sừng mà không tồn.

Từ năm Bính tuất (1947), tôi chạy lên Sài Gòn nương náu thì tuổi đã xấp xỉ năm mươi, khi ấy tôi mới bắt đầu viết lách. Sự thật tôi viết, không có ý phô trương sở trường, mà đúng ra viết để kiếm thêm miếng cà và trôi miếng cơm, viết cho vơi bớt cơn buồn, nhứt là viết để bù đắp đồng lương công nhứt quá ít ỏi. Ngày nay, tôi xin kể những gì đã viết gọi đánh dấu bước đường đã trải :

– *Sài Gòn năm xưa*, Bản kỳ nhứt in năm 1960 (226 tr.) và tái bản năm 1969 (328 tr.) ;

– *Thú chơi sách*, in năm 1960 (167 tr.) ;

– *Hồi ký năm mươi năm mê hát*, in năm 1968, 254 trang ;

– *Chuyện cười cổ nhân*, in năm 1971 (253 tr). – Còn cuốn nhì, vẫn chưa xuất bản được ;

* Một bộ *Hiếu cổ đặc san* gồm chín cuốn khảo về đồ sứ men lam Huế, nhưng chỉ xuất bản cho đến nay được sáu cuốn đầu là :

– Cuốn 1 : *Phong lưu cũ mới*, xuất bản năm 1970, 298 tr. ;

– Cuốn 2 : *Thú xem truyện Tàu*, in năm 1970, 327 tr. ;

– Cuốn 3 : *Thú chơi cổ ngoạn*, in năm 1971, 337 tr. ;

– Cuốn 4 : *Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa*, in năm 1972, 461 tr. ;

– Cuốn 5 : ***Cảnh Đức Trấn đào lục***, in năm 1972, 368 tr. :

– Cuốn 6 : ***Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn***, in năm 1972, 365 tr.

Xuất bản đang ngon lành, bỗng có sự trục trặc, lúc đầu do ông ra tiền lại biến chứng, không khứng ra nữa tuy sách đã viết xong và sau đó ba tập sau rốt, tôi giao cho Trung tâm học liệu Bộ Quốc gia Giáo dục cũ lo việc in thành sách, thì dùng một cái, sách và hình ảnh đều thất lạc, và ba cuốn ấy tôi xin kể là :

– Cuốn 7 : ***Khảo về đồ sứ từ Hậu Lê đến sơ Nguyễn*** – 281 tr. đánh máy, 56 ảnh ;

– Cuốn 8 : ***Những đồ sứ do đi sứ mang về*** – 300 tr. đánh máy, 52 ảnh ;

– Cuốn 9 : **NHỮNG ĐỒ SỨ KHÁC**

: Quốc dụng, ngự dụng, quan dụng, dân dụng, đồ ngang, đồ phố, đồ đàn v.v... – 311 tr. đánh máy, 214 ảnh.

Những ba tập 7, 8, 9 này, gọi chung là “Khảo về đồ sứ men lam Huế”, vì nay chưa xuất bản được, nên bộ Hiếu cổ đặc san của tôi, xin kể tỹ như còn chỉ tồn bốn cuốn là những : Cuốn 3 “Thú chơi cổ ngoạn”, cuốn 4 “Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa, cuốn 5 “Cảnh Đức Trấn đào lục”, và cuốn 6 “Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn” là tạm tạm cũng xem chơi được buổi thừa nhàn gọi để hiểu sơ lược về đồ xưa đồ cổ ta và Tàu.

Sở dĩ tôi nói tĩ tê dài dòng, kể lể lằng nhằng là vì con có để mới biết cang, và nói để dành chỗ khai sanh cho tập vừa viết xong này, nhan đề là “Hơn nửa đời hư”, vốn là một tập hồi ký bổ túc các tập kể trên. Các độc giả nào muốn rõ ngọn

nguồn, xin tìm các tập cũ đọc cho đầy đủ. Trong mỗi tập ấy đều có rải rác tâm sự của tôi phân tán manh mún nhiều chuyện vụn vặt khác.

Ở đây tôi cố viết lại làm sao cho gần đúng y sự thật, cố chép ra đây – không thêm không bớt, những gì nghe, thấy và những gì do Ba tôi hoặc cô bác thuật lại, hoặc đã xảy ra chung quanh tôi và cho chính cá nhân tôi, trong khoảng thời gian khá dài bắt đầu từ buổi chập choạng tranh tối tranh sáng nửa xưa nửa nay của đầu thế kỷ XX qua đến những giờ gần đây, kinh cụ khóc cười lẫn lộn : Tây cuốn gói chạy dài, Nhật bò càng cút mất, ông Ngô lên như điều gặp gió rồi ông cũng băng lẹ như điều đứt dây.

Các việc ấy sờ dĩ nay ghi lại được là nhờ công khéo giữ gìn cất giấu cặp cùm mớ tài liệu vật vãnh suốt năm chục năm

dư mà không mất. Không mất, không phải vì tài hay, chẳng qua nhờ một vảy may tôi cho là không đến hai lần, không cắt nghĩa được và chỉ có nước đổ thừa nhờ có âm nơn phù trợ.

Bây giờ bột đường đã sẵn, va-ni, quế thơm đều có, chỉ cần khéo tay là cái bánh tự nhiên thành. Ngon cùng chẳng, bánh giòn hay chai, không còn tùy tôi nữa và có lẽ tùy đóc giọng khách ăn, chớ bao giờ đầu bếp nào không xưng mình là ngự thiện ? Duy cho người tri kỷ đã mất rồi là Cụ Ấm Tư Lưu Đình Tiễn mới phân tách được phàm đầu bếp vua phải xuất thân tại làng Phước Yên tỉnh Thừa Thiên và chia ra có ba bậc Phụng thiện, Thượng thiện và Lý thiện, cũng như nài giữ voi gọi quân kinh tượng phải tuyển ở làng Thanh Yên, lại cũng tỉnh Thừa Thiên. Đến như kể về văn chương thì ở

đâu há chẳng có anh tài, và lựa là hay chữ mới dám cầm viết ?

Với mở tài liệu chạy loạn từ năm 1945 đến năm 1968, may thời còn gần đủ. Thậm chí tập vở khai tâm năm 1909 và các tập của bốn năm trường trung học Sài Gòn 1919 - 1923, nay vẫn còn dùng được để chứng minh ngày tháng những gì xảy đến cho mình. Chúng vẫn là vô tội, không choán chỗ là mấy, và trong khi vợ cũ hai người, bạn cũ mấy đứa, thầy đều phản bội, các tập sách này lại giữ được lòng trung tín nhắc lại buổi thiếu thời. Tội gì bỏ bê sách, nó đã dẫn dắt mình vào đường chữ nghĩa và đạo hạnh. Uổng thay, từ lúc ra trường, chữ nghĩa trả thầy, không biết nghe lời sách, nay địa vị thua, chúc phận thua, duy kể về chất chua tâm khổ, há dám thua ai.

Năm 1919, được cha mẹ cho tiền lên

học trường Chasseloup–Laubat (nay là trường Lê Quý Đôn), tôi bắt đầu hư từ đó. Giá nội trú mỗi kỳ tam cá nguyệt chỉ ba chục bạc, trọn niên học là chín chục đồng, thế mà tôi tìm cách trốn cho Ba tôi hơn bốn trăm bạc nội năm đầu : xin tiền mua sách, bịt răng vàng, học thêm giờ... Nay dở tập sổ chi tiêu vật dò lại thấy ông S. trước có mượn nhứt ngươn (1\$00) chưa trả. Cậu sáu Dũ còn nợ mình sáu đồng trước khi bước cảng xuống tàu sang Pháp du học, nay nghiêm nhiên...

Ông S. là bác sĩ, tiền mạch một ngàn kiếm trong nhấp nháy, không chấp cậu Sáu D. không đủ tiền nuôi chị Phù Dung, tôi làm sao mở miệng đòi ?

Năm 1923 ra trường biết kiếm tiền nuôi thân, không gởi về nhà một đồng xu cạo gió, như vậy là hư chưa ? Có được bao nhiêu, tự tung tự tác, tập làm

quen với chị em ở xóm, trong túi nhỏ kè kè một cuốn sổ tay chép không sót chi tiết nào. Các chị đã chết hoặc già nua, duy sổ tay còn lại. Những năm vô trật tự như 1945, 1946, mặc dầu có lệnh cấm biên chép, bắt được khép tội “toan làm Việt gian”, “toan thu tài liệu cho địch”, nếu không bị chặt đầu thả trôi sông thì cũng bị mổ ruột đồn trấu hoặc cho mò tôm dưới thủy phủ ; tuy rằng ghê rợn nhưng tật lớn khó chữa, tôi vẫn lén lút ghi chép duy giấu nhét kỹ hơn và bao giờ tôi vẫn dai, giỡn với thần chết mà không hay biết. Nhộn nhút là năm 1946, tôi tản cư vô ruộng bên người vợ cũ, hết núp trốn xóm Búng Xa-mo (Bong Thmo), rồi qua nấu nướng làng Thổ có tên tiền định “Chắt-Đốt» (Chắc bị đốt), (Thổ gọi Mả chắt, mả đott, vì cá tôm quá nhiều, xuống sông vừa lụi (mả chắt), vừa xỏ cá vào dây lạt (mả đott), cũng không hết).

Hết tản cư đến hồi cư, sách vở vẫn còn, lại đùm để chở về mái nhà của Ba tôi ở đường Đại Ngãi Châu thành, Sóc Trăng (nay là đường Hai Bà Trưng). Các tập số còn nguyên.

Nửa năm 1947, tình hình trong tỉnh căng thẳng quá, bên này như bên kia đều ép mình phải ra cộng tác, tôi cáo bệnh với hai đảng, dối rằng “đi uống thuốc”, rồi tay gói tay xách chạy lên Sài Gòn. Cũng tưởng đi ít tháng rồi trở về, ngờ đâu từ đó dính gốc dính rễ ở luôn trên này. Nay đắc địa, có nhà có cửa trong Gia Định, họa chẳng ngày nào theo ông bà, ngày ấy sẽ kèn trống rình rang về trót thế.

Giờ đây tuổi đã xế chiều, dòm lại cặp hồ sơ tài liệu đã dày cộm. Một điều nhớ lại còn tiếc là có một xấp ứng ý nhứt, nguyên viết để trêu mảy ông chủ sở bất tài, khi còn kẹt ở Hòa Tú, bị các chú học trò Đạo

Chích thấy mình quá trọng mang kè kè trong nóp đeo sau lưng, định chừng đó là giấy “bộ lư” (giấy xăng 100\$) khiến nên một hôm nọ lính Tây bố ráp súng bắn bùm bùm, tôi sợ quá bỏ chạy quên chiếc nóp trên bộ ván, mấy cha thừa dịp bóc chiếc nóp ra, thấy toàn là giấy vô dụng, nản lòng họ đốt làm đuốc rọi nhà để lục lạo tìm qua vật khác, bây giờ nhớ lại tôi đau lòng còn hơn họ đốt giấy bạc nhà băng. Nay để an ủi, tôi định chừng hoặc sổ kiếp mấy ông chủ sở kia không đáng được ghi danh trong tập này, hoặc giả tôi còn số đỏ, không bêu riếu ai thì khỏi sanh oán thù. Tai hại không kém là vào năm Mậu thân (1968), miếng rốc-kết rơi mái nhà làm lủng ngói, mỗi đùn ổ trong tủ sách, lựa ngay tập hồ sơ hồi ký ăn tiêu ngon lành. Nay viết lại, chấp nối những khoảng mỗi ăn rất khó, nhưng không đại gì mà chờ mỗi ăn lần nữa. Còn lại bao

nhiều tài liệu mỗi bỏ sót, o bế trở nên tập tữ thuật này.

Bù qua sót lại, chỉ tồn còn một chữ “HU” to tướng !

– HU từ lúc nhỏ, xa cha xa mẹ không người kèm thúc, tiền sẵn trong tay mặc sức tung hoành, đã không sớm tu thân lại va đầu đại đủ bốn mặt vách : tửu-sắc tài-khí đều có chấm chút, khác nào con dơi muỗi nhốt trong phòng tối sập sập bay, thấy cửa không lo thoát, nhè tường vôi đập cánh vào.

– HU, vì hai lần tự mình làm đổ vỡ gia đình, hai lần ra tòa ly dị, chẳng qua vì tội mê đồ cổ thiết hơn mê con đàn bà thiếu thành thật.

– HU, vì cho đến bây giờ, vẫn chưa bỏ tật ích kỷ : có bao nhiêu tiền kè kè

bên túi, trong thì ép vợ ép con ăn kham mặc mót, ngoài thì tiêu pha đàn đúm, hời hợt với người dung. Chúng bạn bởi không rõ nên thường khen là thành thạo là chuyên môn, chớ rõ được rồi, nào dè từng tuổi nầy còn mê giọng trọ trẹ của mù già bán cổ ngoạn chết chồng kia, tin lời mù mua cái tô cái chén ôm về nhà, kêu đèn xem kỹ lại, cái kêu cạch cạch, cái nứt đường, bây giờ nói ra chi cho khỏi bà xã sấm sét ngầy ngà, thôi thì lén ém nhem đút nhét vào kẹt tủ để một mình mình biết, là già đời còn mắc lừa tiếng đồng đưa của mù Huế. Nhớ lại buổi sáng dắt vợ dắt con đi ngang đường Gia Long, mùi phở, mùi cà phê chị Mai bay thơm phưng phức mà bắt nhin ; đi ngang rạp Casino, con xin tiền một châu ciné cũng đành lòng từ chối ; nay sẵn tiền mua của bỏ đem về, như vậy mà dám nhận là lịch duyệt, là lão luyện, là ăn đứt thế gian.

– HU, vì ngày chay lạt, rằm và mồng một, những ngày ấy lại là ngày bông bột nhứt, rậm rật nồn nao thêm muốn chuyện tà, những ngày ấy xét ra tội lỗi có lẽ lại nhiều hơn những ngày thường, không ai ép buộc mình tu, và mình ép lấy mình, chỉ thêm tội dối lòng dối Phật.

Kể về cái hư của tôi, ắt không sao nói cho hết, nhưng biết đâu chừng, có người còn hư tệ hơn mình nhiều nhưng họ không khứng nói ; không như mình, tự xét “nói ra là hết tội”, và những cái hư vừa vừa, những cái ngoài xem tuồng như hư, nhưng “bên trong vẫn còn xài được”, những thứ hư ấy, trước lương tâm được tha thứ ngay, và được miễn tố ; hư mà dám nói, xét cho kỹ, chưa đúng lửa hư, và có lẽ là một lối biện minh có hơi kỳ quặc.

Nay trong tập này, tôi rút tỉa được bao nhiêu cái hại của đại, xin kết làm một xâu chuỗi lần “sám hối”, một xâu tràng hạt ! Buồn vui đau khổ ăn năn lẫn lộn. Những nhân vật có tên trong tập, xin ai kia khi đọc tập này, đừng thổi lông tìm vết, những nhân vật ấy, nhiều vị đã đánh dấu thời đại, nay đã lui vào dĩ vãng, xin đừng cố moi ra nữa. Duy những nét tốt đức lành, cũng như những tật xấu thói nhơ, tiếng thơm tiếng lành, tôi cố giữ y như đã nghe thấy–và–được–biết, và xin chép lại đúng sự thật, gọi ghi dấu một thời buổi đã qua, để làm gương cho hậu thế. Xin đừng lầm tưởng tôi có ý bêu riếu hoặc thừa dịp nói xấu một người nào. Tôi xin thưa tôi chỉ muốn tôn trọng sự thật, và hoàn toàn không ác ý. Xin đọc giả đừng tìm hiểu xa hơn những gì tôi muốn nói và đã viết.

Kể về cung mạng theo số tử vi, ông bạn quá cố Phan Văn Vĩnh năm 1958, cũng như ông Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực năm 1976, đã chấm, thì tôi sẵn có ;

– Thiên hư, tôi hiểu theo tôi, là tánh trời hư sẵn ;

– Tuế phá, tôi dịch riêng cho tôi, là tánh ăn xài lớn ;

– Liêm trinh, (phải chăng tôi có tánh nóng, nhưng biết giữ đức độ ?)

– Tham lang, phải chăng là bản tánh ham thích của ngon và ưa nói sa đà.

Tôi không thêm bớt, nội bao nhiêu ấy nghiệm ra đều trúng phong phúc. Bạn Vĩnh và ông Thọ Dực này đều rủ nhau xuống dưới ấy, vậy tôi xin hẹn khi nào gặp nhau sẽ dâng một tiếng khen. Cái hư của tôi phải chăng là tiền định ?

Nhớ lại, lúc trước tôi thi lên ngạch trên đến bảy lần, mà lần nào hễ quan lấy sáu thì tôi đậu thứ bảy, nếu lấy bốn thì tôi đậu thứ năm. Cho hay đó cũng là tiền định, vì nếu đậu thì nay nếu không bị mò tôm, ắt cũng sách vở giấy má bị mất, bị tịch ; cái rớt của tôi là vảy may số trời. Và cũng là một trong những chuyện “Tái ông thất mã”. “Cánh buồm bể hoạn mệnh mang, Cái phong ba khéo cột phùng lợi danh”. Câu thơ cũ ấy đeo đuổi tôi gần hơn nửa kiếp người. Nay đã thoát vòng lợi danh, hồi tưởng lại toát mồ hôi lạnh ! Xuất thân làm thơ ký cho Tây, tái hồi đầu về hưu vẫn một thơ ký không hơn không kém, một thông phán già đệ nhị hạng, nghĩ lại hóa tức cười : «ông chẳng ra ông, thẳng chẳng thẳng». May nhờ thi không đậu, mà khỏi phạm lỗi lớn. Làm một phán già quét bu-rô chưa phải là tội trọng, và còn được viết lãng nhăng, ai

dám gọi hể thi rớt là vô phước ? Xét ra lúc trước tôi cất đầu không lên, và vẫn bị chúng ém, đè đầu giành chỗ, một phần cũng vì có tánh hay chống chọi với kẻ bề trên, và cho đến già vẫn còn tánh cứng cỏi, ưa cự nự và ít biết phục tùng, nhứt là khi kẻ bề trên ở ăn bất chánh thì tôi đây ít chịu giấu giùm.

Duy nhờ sanh năm cạp (Nhâm dần : 1902) và sanh vào giờ dần (bốn giờ rưỡi sáng), thầy số cho rằng nhờ vậy, nên ít ai hại nổi.

Tục thường ví : “tốt khoe, xấu che”. Và không ai đại khai cái hư cái xấu của mình ra cho thế gian chế nhạo. Vả chẳng tấm thân bé mọn, nếu nói theo nhà Phật, ví với hột cát nhỏ sông Hằng cũng chưa được, hà tất hơn ai mà dám lên mặt thầy

đời ? Tuy vậy nhờ sống lâu lên lão làng, trót ngồi chiếu nên phải ăn nói theo chỗ ngồi. Tôi thấy nhiều người trở về già thường viết hồi ký bêu thơm. Tôi lại muốn riêng bêu xấu. Trước khi vác đá liệng người, xin xét kỹ, nếu quả không như bọn, thì xin cứ chọi.

Đọc sách đọc truyện, thường thấy lấy trăm năm làm hạn. Tôi cho như vậy là vượt bực và quá tham. Sống được đến tuổi này, đã là nhiều, và nếu thêm được ngày nào xin cứ kể đó là lãi của trời cho. Vả lại, đường đi cũng chưa biết đến đâu là cùng tốt thì tội gì phải thất công đếm ngày đếm năm.

Tập chuyện viết xong, ban đầu lựa nhan là “*Một kiếp người*”, sau đó đổi “*Anh Vương tự thuật*”, nhưng tất cả đều

chưa vừa ý. Sau xóa hết, và chọn : “*Hơn nửa đời hư*”

Viết tại Gia Định, Vân Đường Phủ,

ngày 10-07-1974

(21 tháng 5 năm Giáp dần).

Xem lại tháng 5 năm 1992

Vương Hồng Sển cẩn tỵ.

1. HƠN NỬA ĐỜI HƯ

Hiểu theo trong Nam Hơn nửa đời hư, có nghĩa là hơn phân nửa đời người, chưa làm gì nên thân. Giọng hàng tôm, giặm mắm muối, rõ ràng hơn ; đã quá nửa đời người, hổng nên thân gì ráo trọi !

Hơn nửa đời, biết làm sao mà định ? Bốn mươi năm mươi cũng được, quá sáu bảy mươi cũng biết đâu chừng ? Thôi thì để đó, khi đập nắp quan sẽ hiểu.

Chuyện tôi viết, bắt đầu từ năm sanh (1902) đến năm đi dạy học ở Huế về (1967), thấy nhộn quá nên ở nhà, chớ dư sức hoạt động. Con đường đã trải, cũng dài khá bộn, kể tuổi đầu cho đến nay đã trên bảy mươi, như vậy lẽ đáng nên gọi, nếu mai nầy chết, là “trọn một đời hư”, mới phải.

Như con bạc trúng một canh bài về khuya, đủ gỡ vốn lời, vì “nên” được vào mấy ngày chót vậy xin cho tôi ghi “Hơn nửa đời hư” làm nhan sách.

Tưởng “viết để lại cho con là Bảo” nhưng nay in thành sách có nhiều mắt cùng xem, như vậy “Hơn nửa đời hư” là phải.

Ngoài trời mưa, đêm vẫn lạnh. Gió muốt tỉ tê, mắt già mi ướt. Tôi chúc đôi hài nhung, mặc thêm một lớp áo ấm, lại

ngồi bàn viết :

*Đêm nay gió bắc mưa dầm,
Đèn khuya một bóng, bóng lấm với đêm*

Dưới Mái Tây, ngọn đèn điện cứ reo vui với mấy con thiêu thân tự sát. Song cửa mở sương che mất khu phố mấy tầng cao.

Con mèo tam thể đi ăn vụng bị hàng xóm chém tét móng chân trước, đang nằm rên hì hì trên đầu tủ sách. Vừa viết đến đây, tôi đọc lớn. Con mèo nhướng mắt tưởng tôi ngỏ lời an ủi, nên hoà âm mấy tiếng hừ hừ, tợ chiếc ấm gần sôi. Bỗng tôi đổi sang giọng lớn, không mấy êm tai, tôi thấy vành tai con miêu đang xụ lại vành lên, trán con miêu nhăn nhăn, tam thể tựa hồ bụng bảo dạ : “Lão Vương này chướng, chúng cho về hưu cũng phải ; Lão lai nhai những gì rỗng

tuếch, chẳng bù má Năm, nói những lời đáng giá, hứa cho ăn thì no bụng đến phát ách, hăm đánh đòn thù nhừ tử nên thân ; Bữa nay lão viết giống gì nữa đây, chỉ hại tốn giấy ?”

Ấy đó, trên bảy mươi mà còn bị chó mèo xài xể, hỏi phải hư chưa ? Lúc nhỏ vì mê đọc văn Anatole France nên vương cái nghiệp của lão già Ba Tri này. Tuy không hiểu hết những câu sâu sắc của lão, nhưng lại thích cái giọng trích thượng nửa đùa nửa thật, hơi cay một tí thôi, vừa nhẹ vừa thâm, hiểu được mớ nào, thấm ý đánh đùi cái chát ? Thú vị nhứt, đọc mãi không chán là bộ “Le crime de Sylvestre Bonnard”, và đoạn ly kỳ nhứt trong sách là chỗ diễn tả cách báo ân đáp nghĩa của chị ả huê khô, nửa đời tài sắc trước nghèo xơ xác đến nỗi phải trú ngụ trên gác thượng của lão hàn

lâm nầy, rồi sau đặng một ông hoàng giàu sang không mấy hồi, trực nhớ ơn xưa lão hàn tặng một chén xúp khi đói lạnh, nay biết lão ham sách bèn sai con ôm đến nhà đêm No-en dâng cho lão một cuốn sách quý đặng trong bụng một khúc gỗ củi chuyện đọc thật là khoái trá. Chương trong sách tựa là “La buche de Noel”, ai muốn thưởng thức hãy tìm mà đọc. Nay tôi mượn ý viết tập nầy mở đầu truyện “Anh Vương tự thuật”.

✱

Dừng chén ngoảnh lại trời non nước,

Một mảnh tình riêng : ta với ta.

(Thơ Bà huyện Thanh Quan “Qua Đèo Ngang”)

Đêm nay, cứ sao hai câu thơ trên như thôi miên tôi, như vương vấn tâm hồn, ngâm đi ngâm lại mãi không biết chán. Buổi đầu hôm ăn mừng sinh nhật, lễ trung thọ thất thập tam tuế, Năm dâng chén rượu mừng khiến cảm động, đóc giọng còn cay. Nếu đời quen lấy trăm năm làm hạn, thì kiếp sống mình kể đã hơn nửa độ đường, trời cho thêm được ngày nào, kể như là lãi. Phần còn lại, không nên tham nhiều. Ô hay ! Lên chới đỉnh tự hồi nào ? Và sẽ lần dốc xuống triền được bao lâu nữa ? Thật là không sao nhớ xiết Và xiết bao bồi hồi. Lên đến chót đỉnh tất đã đăng cao. Lên cao rồi phải hạ. Mai nầy cất bước dò lần đường xuống. Tức nhiên câu thơ tức cảnh Đèo Ngang bà Thanh Quan làm sẵn mà nó phù hợp với cảnh ngộ của mình làm sao ? Âm ảnh là phải.

Đêm đã về khuya, tư bề lặng lẽ ; rất phải dịp cho mình chiêm nghiệm việc đời. Thử bỏ bàn toán tính sổ : lỗ hay lời, trước giờ gác đầu về núi, ta phải biết để mà lo liệu.

✱

Nhà hiện thời đang ở, truyền đến tôi đã hơn ba đời. Thế mà mình vẫn tưởng là một dịch đình tạm, dùng chén đêm nay để mai nầy trẩy bước. Nơi phòng bên cạnh, mẹ con chúng đang ngon giấc. Hơi thở đều đều của một mớ tóc bông của người hiền phụ và làn môi son của trẻ. Nhớ đến trẻ, cục máu thâm tình duy nhứt, đứa con muộn màng mà cũng là cái mốc ăn chịu với đời của tôi. Bao nhiêu tình yêu buổi thanh xuân đã như giọt sương buổi sáng bao nhiêu người

thương cũ đã rớt rơi hoặc nằm yên nơi bên kia triền dốc : mẹ tôi mất năm 1913, tôi biết khóc tiếc người hiền mẫu khi tuổi độ vừa mười một. Năm tản cư 1946 khi hồi cư về nhà thì chịu tang cậu tôi. Nhưng chưa thấm bằng năm ấy mất đứa em trai mười chín tuổi, Vương Hiến Vinh, tuy khác mẹ nhưng xem dường ruột thịt. Làm thanh niên tiền phong, lánh giặc Tây rút chân theo đồng chí, đang cũ rét hành, trốn lính Tây nhảy vào bụi ô rô, Tây đi mất là tử thần vội đến, Vinh thở hơi cuối cùng, nay nằm xương lạc loài còn vùi đâu đó nơi cù lao Dung lạnh lẽo, chưa được mang về. Thời gian mãi như vậy, khi hết chiến tranh, dễ gì tìm thấy xác.

Ba tôi tám mươi sáu tuổi, mất năm 1961, là người thân yêu khoá tạm cuốn sổ này. Hồn Mẹ có linh, phách Ba đâu

hiển, lại với mấy dì và mười đứa em trai sanh chưa kịp đặt tên đã trở về âm cảnh, bao nhiêu ấy là cốt nhục tình thâm nay gom lại làm mười mấy núm mộ nằm lúp xúp trên đất nhà ở Sốc Trăng, xin hãy về cùng tôi đêm nay nhấp chén mừng trung thọ. Nhưng xin đừng làm động giấc ngủ ngây thơ phòng bên cạnh. Hiền thê và Bảo con, hãy ngủ cho ngon, mai này chúng mình sẽ thấy một khúc đường mới lạ còn dài lắm.

Tôi khoác thêm áo ấm, kéo ghế tránh bóng đèn, đêm nay nguyện thức viết cho thật nhiều, kể lại cuộc đời đã qua, lưu lại cho vợ hiền con thơ được biết.

Ô hô ? Tuổi chẳng chờ ta...

Tôi nghe nhiều người phàn nàn, cho rằng không hơi đâu nhắc lại chuyện cũ.

Cái gì đã qua, hãy để cho nó qua. Hãy nhìn tới tương lai mới phải.

Tương lai ! Tương lai ! Cách nay ba chục năm, tôi cũng say mê về tương lai, về ngày mai sẽ đến. Nhưng trải qua nhiều biến cố, từ năm 1945 cho đến nay, tuổi mòn chồng chất, tuy chưa đến độ chồn chân mỗi gối, tuy vẫn còn đi bộ hàng cây số không mệt, ngồi đánh máy suốt ngày không đau lưng, nhưng quay đầu ngó lại buổi đã qua, mới thấy cái hay của dĩ vãng.

Đời vẫn không cay nghiệt gì với tôi. Tôi phải biết ghi ân rằng đời đã dành riêng cho tôi khá nhiều hạnh phúc. Nhưng khi ai kia nhắc đến buổi tương lai, bỗng khiến tôi lại bùi ngùi lo sợ. Bất giác tôi lại hồi tưởng tới chuyện đầu đầu. Tôi đã hết trông cậy vào tương lai, và nếu

phải ước mong, họa là gói hết vào cái đầu non và mớ tóc xanh của trẻ đang say giấc nồng bên cạnh.

Xin ơn trên ban tôi thêm vài tuổi, có thì giờ đủ thấy đứa trẻ nên người.



Lão Vương trên Quý Phi sàng

2. KIẾNG HỌ VƯƠNG Ở SÓC TRĂNG

I. Lai lịch

Họ Vương của chúng tôi, chỉ ở Sóc Trăng, vốn xuất thân từ tay trắng.

Xét cho kỹ, không làm gì có gia phả để lại. Sự ấy cũng dễ hiểu :

a) Ông tổ của chúng tôi, – chỉ biết được đến đời ông sơ, tức không hơn năm đời – từ Trung Quốc sang đất Miên rồi đất Việt một khi tách bước ra đi trên con

đường vô định – nói ra không sợ xấu đã dẫn thân trên đường lưu lạc, phiêu lưu, đi tha hương cầu thực, đi để tìm lẽ sống mà tại nơi nhau rún không sao tìm thấy, nói thẳng ra, đi hoang làm vậy, thì cần gì đem theo gia phả ? Giắt lưng cái tờ tộc phái ấy chỉ thêm bận chân vướng cẳng, ích gì ? Và thương thay cho những người lang thang trên bước giang hồ.

b) Đến đời ông nội chúng tôi, sẵn tánh bản bạch kiêu nhân, dám đứng làm tù-hia (đại ca) của chi nhánh Thiên Địa Hội tại Sóc Trăng, thì càng không nên cất giữ gia phả trong nhà. Nơi xứ lạ quê người, thù nhiều bạn ít, đã quyết chí chống triều đình Mãn Thanh, thì đâu có bao nhiêu gia phả cũng phải thủ tiêu, để tránh liên lụy gia đình thế tử.

c) Họ Vương, tiếng rằng sang, kêu lắm, giòn lắm, nhưng có giàu chăng

là giàu hai chữ “thanh bản”. Từ ông sơ xuống đến ông cố, lang bạt kỳ hồ, làm miễn đủ ăn là đủ mừng, đeo bông chi cái gia phả, chúng cười : “sang không phải chỗ”,

d) Thuở đó, trước đây một thế kỷ, sống trên đất lạ, vùng Sóc Trăng vừa mới phát, việc khai hoang chưa hoàn thành, ở chung đụng với người Miên người Thổ, họ quen dùng bùa ngải tà thuật, khi trù ẻo dùng thiên linh cái bắt hồn, để tránh các tai họa dữ kia, muốn sống yên lành vô sự, tất nhiên phải giấu tên giấu họ, mai danh ẩn tích là hơn. Cho nên nói chung, tại Miên Nam chúng tôi không có tục lập gia phả, vì xét rằng tờ tộc phả có ghi tên họ năm sanh năm tử của ông bà để lại rủi lọt vào tay kẻ thù muốn hại mình thì quả là lợi ít hại nhiều, nên không lập. Tờ

gia phải xét kỹ ra, chỉ dành cho các dòng họ lớn nào sống nơi thái bình yên định, không gặp cảnh loạn ly.

Tuy vậy không phải người miền Nam không biết quý trọng tổ tiên, duy không chép ra thành sách. Người tộc trưởng của một họ thường thuộc nằm lòng để truyền khẩu giữa con cháu hoặc kỹ hơn, dùng thẻ giữ kín ghi những ngày kỵ húy giỗ quải, và ít khi bằng lòng lấy ra cho người ngoại tộc xem.

Sau đây, tôi xin tóm tắt những gì tôi từng nghe phụ thân tôi thuật lại về chi họ Vương ở Sóc Trăng, dòng ông Vương Thoại là ông cố của chúng tôi.

– Kể về chi lớn, thì được biết vẫn ở tại Phước Kiến (Trung Hoa), và có thể nói, gồm trong mười lăm chữ : “*Phước Kiến tỉnh, Tuyên Châu phủ, Đồng Ân huyện,*

Lâm Mễ thôn, Quan Khảo lý”. Như vậy, không phải bất cứ người nào hễ sanh tại Phước Kiến và cùng một họ Vương là một dòng với chúng tôi. Phải sanh từ Lâm Mễ thôn, từ Quan Khảo lý mới đủ điều kiện.

Bây giờ thử hỏi : Một người như tôi, máu Hoa pha máu Việt đã bốn đời, không nói được tiếng Phước Kiến, giá thử có dịp qua bên ấy, vậy chớ có nhìn đồng tông đồng tách với người bên ấy được chăng ? Giấy tờ chứng minh không có, nói miện tài ai tin ?

Vả lại nhìn bà con ở xa mút bên Tàu để làm gì ? Khi đã xa cách nhau suốt nhiều đời, dẫu tình đậm cũng hóa lợt ; thêm vấn đề ngôn ngữ bất đồng, phong tục cách ăn thói ở không giống, “y ăn xì-dầu, tôi húp nước mắt”, lại nữa tỉnh Phước Kiến là đất tiêm nhiễm lâu

năm chủ nghĩa khác với tôi. Vương này Vương kia, tôi tưởng gặp nhau e không dám ngó ngay mặt chớ đừng nói chi chuyện bắt tay nhau nhìn một họ một dòng. Gặp nhau, câu thi Học Lạc ngâm sông : “*Hóa An-nam, lữ khách trú*”... rồi huê. Không nói thêm được nữa lời.

Không phải cốt ý để khoe khoang, nhưng Ba tôi có thuật lại rằng xưa kia kiếng họ Vương ở Phước Kiến vốn có địa vị khá. Giữa triều Thanh đang thịnh cũng không bị bạc đãi. Một chi tiết nhỏ : Thuở ấy, cặp lồng đèn giấy treo trước cửa, được phép kẻ một chữ Vương duy nhất, thay vì các họ khác phải viết kèm chữ “phủ”, tỷ dụ Phạm phủ, Trần phủ, Quách phủ, v.v... Và đó là đặc ân dường như do bà Tây Thái Hậu ban ra, vì bà cho rằng hễ Vương thì ở phủ là cố nhiên, hà tất viết dư chữ “phủ”. Một giai thoại khác

thuật luôn là cũng bà Tây Hậu khi sắp hạng những mười tám tỉnh dâng lễ khánh thọ cho bà, thì tỉnh Phước Kiến được sắp đứng đầu vì chữ “Phước” không thể sắp sau chữ khác.

Một đặc ân khác dành cho chi họ Vương quán ở Quan Khảo lý, là được dùng bốn chữ “*Khai Môn đệ nhất*” là biển treo nhà, vì tương truyền họ này xưa kia có công khai phá mở mang đất Môn (Phước Kiến), biến hoang địa thành lương điền. Nói để nghe chơi chớ không dám vẽ viên nhiều, bằng sắc đầu có hồng chứng minh, khoác lác là tội. Không nên “thấy người sang, bắt quàng làm họ”,

– Nay nói về chi thứ là chi xuất dương, vốn cùng một đầu ông sơ. Hiện biết có ba chi ở ba chỗ khác nhau : chi Nam Vang, chi Gia Định, chi Sóc Trăng.

Nhưng đã tản lạc, chưa thấy ngày trùng phùng.

1) Ông sơ (? – ?). Khuyết danh, khuyết ngày sanh, ngày tử. Giỗ chung với bà sơ, húy nhứt : ngày hai mươi lăm tháng chạp âm lịch.

Theo Ba tôi kể lại, ban đầu ông sang ngụ đất Nam Vang, nhưng kể từ năm nào không rõ. Về sau, chi này tách ra một nhánh xuống định cư ở đất Gia Định. Hiện chi này ở đâu ? Khi lên viếng Sài Gòn độ năm 1901, Ba tôi có gặp, hai đảng nhìn nhau mừng mừng tủi tủi rồi cũng chia tay từ đó rồi bặt vô âm tín, cũng không biết địa chỉ để liên lạc, nay kể như thất lạc, mất còn chẳng hay. Từ ngày tôi lên ở Gia Định, tôi cố gắng hỏi thăm nhưng chưa gặp một ai chỉ bảo.

Ông sơ chúng tôi ở Nam Vang một

thời gian không biết bao nhiêu lâu, bỗng nhớ chén cơm lưu lạc động gót giang hồ, lại một gói một xách, một thân một mình, cất bước lên đường một phen nữa. Có lẽ nghe lời đồn đãi nên chuyển nầy, ông xuống *Miền Ba Thắc* (nay có miếu thờ ở *Chợ Cũ Bãi Xàu*), Thổ gọi *Sroc Bassac*, hoặc *sroc khléang*, là tên cũ xứ *Sóc Trăng* (nay là *Khánh Hưng, Ba Xuyên*¹). Thuở đó, vừa hơn một thế kỷ, vùng nầy là một đồng ruộng mênh mông, người thưa rừng nhiều, đất tốt “làm không hết” cá tôm, thịt rừng khỏi mua mạnh ai nấy bắt, đời sống dễ dãi như cảnh thiên đàng, khiến ông lựa gót lại đây, lập thêm một gia đình nữa với bà sơ chúng tôi. Ở như vậy bao lâu không biết, rồi đến lúc tuổi già sức yếu, biết đã gần ngày quay đầu về núi, ông bèn “qui cố hương” rồi mất luôn bên ấy. Có nên trách ông hai lần tạo lập

1 Ba Xuyên : tên gọi thời VNCH, nay là Sóc Trăng.

gia đình rồi bỏ về chết ở bên Tàu không ? Xin đáp rằng không. Ông vả chẳng là người Phước Kiến. Tháp cánh bay xa để thử sức, khi sức kiệt thì bay về ổ cũ. “*Phú quý không về làng thì khác nào áo gấm mặc đêm*”. Người Âu khi xưa đi lập Tân thế giới cũng thế. Nếu đã trót để lại hai nơi hai giọt máu tươi, thì may thay trời sanh trời dưỡng, hai giọt ấy hoa đơm kết trái cháu chất nối dòng, bốn phận kẻ sau phải nhớ câu “mộc bốn thủy nguyên”. Dầu tôi quá hư, cũng không dám buộc tội ông, duy dám hỏi “Sao ông không nói cũng không để lại dấu tích nào ?” Họ tên để khuyết, vậy xin giỗ ông chung với bà. Mộ ông ở bên Tàu, có còn hay đã san bằng lấy chỗ trồng rau cỏ ? Mộ có người giữ gìn ấm cúng hay đã xiêu lạc mồ hoang ? Ông hãy yên giấc ngàn thu. Tại Sóc Trăng, chúng tôi vẫn giữ nhang khói đều đều và giỗ quải không sơ sót.

Bà sơ (?– ?) – Cũng không biết họ tên và không biết luôn năm sanh năm tử, duy nghe dặn lại ngày giỗ là ngày hai mươi lăm tháng chạp. Nhờ một chi tiết nhỏ có thể truy nguyên năm mất là Ba tôi có nói bà từ trần đúng năm ông nội chúng tôi được mười lăm tuổi đầu. Và chẳng ông nội tôi sanh năm 1848. Cộng thêm mười lăm năm nữa là năm 1863. Ba tôi kể lại lịch sử của bà chỉ có chạy giặc : hết giặc Thổ dậy đến giặc Tây qua lấy nước. Việc này trùng hợp, vì năm Tây xâm chiếm ba tỉnh Miền Tây đúng là năm 1862. Tội nghiệp bà chạy mãi thở chưa hết mệt, kể bà gặp một trận bão to bồi tiếp. Thân già sức mòn, tài nào chịu nổi ? Phần thì lạnh, phần thì sợ, phần thiếu thuốc men, thiếu săn sóc, nên bà sơ chúng tôi tắt hơi thở trong cảnh hãi hùng, duy bà khỏi thấy nước nhà mất độc lập, lọt vào tay Tây.

Chị em bà cả thấy bốn người : bà là chị cả, kể là mẹ vợ ông Châu Đức, kể nữa là mẹ ông Lưu Hỷ, và út chót là mẹ vợ xã Sốc.

Con của Sốc là xã Kóln, người này có lập một gánh hát dù kê tức hát cải lương Khmer. Như vậy chi ngoại này có một nhánh trở về nguồn, trở lại Khmer. Đó là những gì Ba tôi thuật lại về bốn chị em của bà sơ chúng tôi, còn họ tên là gì, Ba tôi cũng không biết.

Nay mộ của bà vẫn nằm lên sở đất của mẹ vợ ông Châu Đức. Cuộc đất giống (cương) này, Thổ gọi sóc Phno Tin, cách xa chợ Sốc Trăng độ bảy tám cây số ngàn. Phải chăng đây là vị trí xóm xưa bà ở ? Phải chăng đây là quê ngoại của ông nội chúng tôi ?

Năm trước đây, nhơn dịp lễ Thanh

Minh, tôi có về tảo mộ thì thấy thì thấy cuộc đất này đã thay đổi chủ. Con cháu ông Châu Đức đã sang nhượng cho một Huê kiều tên là Xiều (Thiếu). Ông này lập nơi đây một sanh phần vĩ đại, may sao ngôi mộ lúp xúp của bà sơ chúng tôi không án, nên được chủ đất mới để nằm yên chỗ cũ. Không như các mộ tổ tiên khác chôn nơi Trường đua, vốn là đất nghĩa địa thí, nhưng đến năm 1964, chánh quyền cần mở rộng sân phi trường và ra lệnh sung công, buộc lòng chúng tôi phải hốt cốt đem về đất nhà nơi miếng rẫy sau chùa bà Tư Định, đường cũ đi Bạc Liêu, an táng lại. Phen này cầu xin nằm đó được vĩnh viễn.

2) Ông cố (?–1882) – Húy là Thoại (Thụy), mất tại Sóc Trăng ngày mồng năm tháng mười năm Nhâm ngọ (1882). Vẫn không rõ nã ai sanh, chỉ biết khi mất

tuổi xấp xỉ bảy mươi. Về dật sử của ông, vẫn không biết nhiều, chỉ biết khi ông biết mình sắp lìa đời, thì vì mộ cha ở bên Tàu nên ông cũng về Tàu chờ chết. Bao nhiêu của cải làm ra, ông chia lại mớ nhấm để bên này, còn tiền mặt dành dụm, (Ba tôi nói không nhiều chỉ độ vài ba ngàn), ông cố tôi ôm hết xuống thuyền trực chỉ cố hương. Khi về tới xứ sở, ông tìm nhà quen xin ở tạm và gởi trọn số tiền cho chủ nhà cất giữ. Tai họa đâu xảy đến thành linh. Có một đứa cháu họ gọi ông bằng bác, nó biết ông có tiền, nên mưu mẹo lòng treó thế nào mà người chủ nhà đưa hết cho nó. Thế là ông đã bị cướp sạch tiền, rồi làm sao khi ông mất lấy gì làm ma chay tổng táng? Người chủ nhà muốn cho êm chuyện và cũng động lòng trắc ẩn, thương người ngay mắc nạn, một phần lỗi tại mình nhẹ dạ, nên sau đó tặng lộ phí khuyên ông kíp trở về

đất Nam, bề gì cũng còn con còn cháu.

Thuở ấy đi đường biển hết sức gian nan. Tàu sắt vững chãi chưa có. Từ Áo môn (Phước Kiến) muốn sang Nam địa, chuyển đi chuyển về đều tùy mùa gió thuận. Mỗi lần vượt biển là vái van Trời Phật, chớ thuyền gỗ chạy buồm, mạng không quá ba phân, việc may rủi không sao lường trước. Xuống thuyền không ai dám nói một lời bất kính và luôn luôn lấy đức tin và tín ngưỡng làm sức mạnh chớ che. Tại nhà tôi hiện nay còn giữ hai vật kỷ niệm của ông, đó là một bức tượng *Quan Đế* vẽ thủy mặc², và một tượng Phật *Quan âm* ngự trên tòa sen, tượng nầy vóc nhỏ bằng vỏ hộp quẹt diêm và làm bằng gỗ trầm đựng trong hộp trầm, tương truyền mỗi lần ông cố tôi về Tàu đều mang theo nơi cổ, qua tới xứ, tìm

2 Xin xem trở lại cuốn *Sổ tay người chơi cổ ngoạn*, trang 355... về bức tranh nầy.

đến dòng suối Ô chúí (ô thủy) nhúng vào lấy hên (hưng) và quý trọng như báu vật độ mạng có nhiều phép lạ. Chuyển trở về Nam may quá được bình yên vô sự và khi thuyền cập bến nơi *Chợ Cũ Bãi Xàu*, thì ông cố tôi gượng lên bờ vào xin ở đậu nơi nhà ông Xú Biển là một tay giàu có lớn, ở xóm *Hốc Kiến* (Phước Kiến). Xóm này con cháu lai khách vẫn còn ở đông đúc tuy không sum tụ bằng xưa, và bến đậu thuyền buồm nay còn gặp di tích, vì năm trước đây khi dỡ nhà bà ngoại tôi ở xóm này, khi đào xuống sâu còn gặp vô số đá cuội lót nền to bằng cái thúng cái cối và nguyên là đá khi xưa dùng để neo tàu buồm hoặc để dẫn lườn cho dễ lướt sóng khi tàu chở quá nhẹ. Bà ngoại tôi mót lại dùng làm nền nhà thì vững chắc vô cùng. Ông nội chúng tôi được tin lật đật vãng rước cố tôi về nhà, lúc ấy ở trên đất mướn, vị trí

nay là góc đường Champeau cũ xóm nhà ông *Xường Há* đựng với dây phố trệt của cha sở họ Sóc Trăng lúc ấy. Rước được ông cố tôi về, ông nội tôi đã túng lại càng túng thêm ; nhà sạch tiền, có bao nhiêu không đủ chạy thuốc chạy thầy cho cố tôi, đã vậy thêm ông nội tôi mang bệnh hút lớn. Nhưng Ba tôi kể lại á phiện hồi đó rẻ rề. Mỗi lần Ba tôi đi mua, một ngao lớn bằng vỏ sò đựng đầy thuốc. Ba tôi lắc chuyển vẫn không chảy giọt nào vì thuốc đặc sệt, thật ngon mà giá chỉ có mấy xu chưa đầy một cắc bạc (0\$10), trong khi các tiên ông ngày nay mua lén mua lút một ký lô giá trên bạc triệu mà còn gặp thuốc pha thuốc lỏng. (Mua mắc mà còn bị ăn gian, thêm nguy hiểm vì lính bắt được thì thuốc tiền đều mất).

Khi ấy ông nội tôi nhớ lại có hùn với ông *hương hào Thơ* cả hai chung vốn lập

một trại hàng, bán hòm (quan tài). Ông Thơ nầy sau khuất, người vợ tái giá trở nên bà chủ Hứ, vẫn làm chủ trại hàng Xóm Lò Heo ở mé kinh nhỏ sau nhà bà Phủ An. Lúc bé thơ khi còn ở Sốc Trăng tôi có đến xóm nầy và từng biết mặt cả hai bà (bà Phủ An và bà chủ Hứ). Vì nghèo quá không tiền mua thọ cho cha, nên ông nội tôi xin rã hùn, tội nghiệp, phần hùn chia vồn vện được một cỗ quan tài kiểu mang cá gỗ danh mộc. Ông cố tôi hay được rất mừng lòng vì trước sau ông vẫn muốn được chôn theo nghi thức Trung Hoa. Tội nghiệp chút hy vọng nhỏ buổi đời tàn suất tiêu theo mây khói, vì hòm đã hứa bán cho một hiệu buôn ở lối xóm, mua để dành cho người thân. May sao nhờ khéo nói, nên hiệu Đức Phong cho thỉnh về để mai táng ông cố chúng tôi.

Nhưng số ông còn lận đận chưa dứt. Tám mươi hai năm sau, năm 1964, nhà nước sung công đất chỗ ông nằm để nói rộng phi trường. Khi đào sâu xuống độ hai thước Tây, thì gặp nắp quan tài. Đồn rằng hòm danh mộc chịu nổi thiên niên, nhưng đây ván đã hư mục mỏng lún có chỗ đã lủng, có lẽ chỗ đó là dác chớ chỗ nào lõi thì còn lành lẽ, chẻ thử thì gỗ còn vàng lờm, đúng là huỳnh đàn hay sao đá mới bền và chịu đựng đường ấy. Than ôi ! Ván hòm tuy còn, nhưng xương cốt đã mục nát từ bao giờ, tan rã chỉ còn lại trong hòm những cục đất màu đen đen. Khỉ lấy cốt phải cẩn thận từ chút, hốt lượm thật kỹ những cục đất đen, được bao nhiêu dựng vào quách nhỏ bằng gỗ sao sơn lớp trong màu đỏ, rồi kính cẩn dời về an táng nơi đất mộ nhà. Ô hô ! Thuở sanh tiền tranh danh đoạt lợi làm gì ? Danh mà chi ? Lợi mà chi ? Khi nằm

xuống, đất cục trở về đất cục.

Trước sau chưa đầy trăm năm ! (Năm chôn 1882, năm lấy cốt 1964).

Bao nhiêu việc kể trên đây cho phép tôi nói gia đình chúng tôi buổi ban sơ rất là chật vật, hàn vi cơ cực đến thế là cùng, về Sốc Trăng, ông cố tôi hạ sanh được bốn người con, hai trai hai gái :

- Đầu lòng là bà Vương Thị Chỉ ;
- Trưởng nam là ông nội tôi, ông Vương Biển ;
- Thứ nam là Vương La, tên khác là Vương Bầu ;
- Người gái út là bà Vương Thị Cuội (Vương Thị Quế).

Chi ông Vương La, con cháu còn đông, vẫn có nhà cửa nơi rẫy tổ phụ gần

sở rẫy mộ của gia đình chúng tôi, nhưng thấy đều chuộng nghề nông và sinh sống hoàn toàn theo người Minh Hương, chuyên việc trồng cải trồng rau, không người nào theo nghề nghiên bút. Tuy hai chi không xích mích, nhưng chi ông Vương La ít lên xuống với chi chúng tôi : an phận thủ thường, cơm ai nấy ăn, nhà ai nấy ở, sự lạnh lùng, nếu có, phát sanh có lẽ từ khi ông cố tôi nằm xuống mà chỉ có một mình chi lớn lo việc hiếu.

Ông Vương La sanh ông Vương Hứ và Hứ sanh cô Hai Chín.

Với bà kế thất, ông Vương La sanh hai gái : bà Vương Thị Xung ở Rạch Gỏi (Sóc Trăng) và bà Vương Thị Chìa, ở trên rẫy.

Ông Vương La được cố tôi cưng nhứt, cho đứng bộ làm chủ rẫy vườn, vì

khen : “Biết chí thú làm ăn”, không như ông nội chúng tôi, tuy làm chủ lò thợ bạc, có vợ có con đàn ông, nhưng hút á phiện và ham mê cờ bạc”. Không dè khi ông cố tôi lâm chung, chính người con không tin cậy, “hút và cờ bạc” ấy, đứng ra chôn cất.

Và như vậy, khi gần nhắm mắt, ông cố tôi còn vài việc chưa toại nguyện :

– Đứa cháu bên Tàu phản bội, cướp đoạt tiền ông,

– Đứa con vừa lòng bên này, vẫn biết ăn của mà không giữ tròn hiếu đạo.

Một niềm an ủi chót gần như bất ngờ, số ông không được chôn bên Tàu thể mà tốt phước, vì chôn ở đất Việt như vậy mà ấm cúng, còn chúng tôi giữ việc khói nhang.

Bà cố (?– 1875) – Bà có để tên lại : Diệp Thị Cạnh.

Bà mất trước ông, vào năm Ất Hợi (1875). Húy nhựt : mồng ba tháng chín. Năm Ất Hợi nhà họ Vương có lẽ dễ thờ hơn trước, cho nên bà được chôn trong quan tài danh mộc kiểu mang cá. Mộ của bà khi còn nằm trên cuộc đất Trường Đua, tuy mộ bằng đất nhưng đắp núp thật cao và thật lớn. Mộ này hai lần bị đụng chạm :

Lần đầu, không rõ năm nào. Nguyên khi táng, vì tin lời thầy địa lý Tàu, nên chôn theo bốn góc hòm bốn cái hỏa lò bằng đất, tin rằng nhờ sức nóng của “lửa”, con cháu sẽ phát đạt sớm. Sau đời mãi không thấy hiệu nghiệm, trái lại thấy trong họ có nhiều nóng xót xào xáo, nên bốn tộc hội lại, và đồng ý cạy lấy bốn cái hỏa lò ra. Cũng không dựng mộ bia nơi

đầu mộ như trước nữa.

Đây cũng vì tin lời thầy địa lý bàn : “Đất Ba Thắc nguyên là phù sa nên địa không có chun, vả chẳng chôn đất núi thì nên dựng bia, còn nơi đây đất bùn, bia đá chỉ thêm nặng nề, con cháu bị đè nên chậm phát”. Cái bia đá ấy, sau có người tiếc, mót lại đem cắm bên mộ lân cận và đó là mộ của thân nhưn bà Ba Thọ. Năm 1964, mộ bia này ai dời đâu mất.

Lần hai và lần chót, xảy ra năm 1964, khi nổi rộng phi trường. Vì mộ nằm bên trong vòng rào kẽm gai nên phải có lệnh quan mới được vào trong lấy cốt. Giá thử bình thường chúng tôi không bao giờ dám cải táng vì sợ “động mồ động mả, con cháu làm ăn không khá”. Nhưng đây là nhờ có lệnh của chánh phủ, nên không xảy ra việc gì. Cũng nhờ cải táng, chúng tôi tìm thấy hai di tích của bà cố.

Một đàn ông khác nữa hai vật này chúng tỏ trong năm bà mất (1875), trong nhà đã thời thời hơn lúc trước. Hai di vật ấy là :

Một chiếc cà-rá “hồng mã não” đỏ au vì chôn lâu đời, trở mặt nhợt” cũng gọi “cà-rá mặt yêu” thấy trên đầu quan tài chắc xưa đặt trong miệng.

Một chiếc nhẫn thứ hai kiểu mặt võng, (cũng gọi miếng chả), cũng bằng mã não đỏ, thấy giữa quan tài, có lẽ xưa đeo trong tay.

Cả hai chiếc, vóc thật nhỏ, con cháu đeo thử không vừa, như vậy vóc bà ắt nhỏ thó lắm.

Ván hòm còn thơm, gỗ còn vàng, nắp sụp xuống lưng chùng. Xương cốt biến thành đất đen y như nơi mộ ông cố.

Từ ngày táng đến ngày di táng, đếm

được $1964 - 1875 = 89$ năm.

3) Ông nội, ông Vương Biễn (1848–1895)

Sanh năm Mậu Thân (1848). (Tự Đức thứ I, Đạo Quang năm thứ 28) ;

Mất năm Ất Mùi (1895), (Thành Thái năm thứ 7, Quang Tự thứ 21).

Húy nhựt : mồng bốn tháng chín, giờ Dần.

Ông là người có bản lĩnh hơn hai ông trước.

Ông sơ, ông cố không để lại gì cho tôi thán tức. Trái lại tôi muốn noi gương ông nội chúng tôi, có nhiều nghệ sĩ tính, lịch duyệt và từng trải việc đời nhiều.

Cho đến năm hai mươi chín tuổi, ông chưa có một nghề tùy thân. Cha mẹ

cho học chữ Hán với thầy Tàu. Ông nói được ba thứ tiếng : Tiếng Việt rành rẽ, tiếng Quảng Đông, Phước Kiến trôi chảy và ông nói được tiếng Miên dễ như là lật rau với đủ mảnh khóe cao thấp pha trò đủ giọng.

Ông có tánh ham vui ham chơi thật, nluưng ông cũng biết dùng nhiều thì giờ để đi đó đi đây ; vô rừng đi săn, châu lưu giao thiệp, thâm nhận kiến thức mới lạ. Vì ham vui ông vướng nhiều tật ; tật hút, tật cờ bạc, ông thạo đủ hốt me cờ đề bài bạc. Anh em bạn của ông rất nhiều và thấy đều có cảm tình tốt đối với ông. Trên bước giang hồ, ông quen với nhiều tay hảo hớn, trong số có đủ mặt người Tàu, người Minh Hương, người Nam, người Thổ. Trong số có một ông cũng gốc Minh Hương xuất thân đi bạn chèo chống ghe chài, sau có con ăn học thành

tài, làm đến chức tri huyện kiêm học giả và đó là dòng ông Dực Văn Trần Quang Thuận. Ông Thuận là nội tổ của kếp Hữu Phước.

Ông sơ ông cố chúng tôi đều ăn cơm Việt mà một lòng còn tưởng nhớ Tàu. Ông nội tôi thì nhớ Tàu bằng cách quyền chống lại chế độ đàn áp độc tài của nhà “Mãn Thanh”. Vì vậy ông làm tù-hia Thiên Địa Hội, tức thủ lĩnh của hội kín ấy. Nguyên hồi Tây mới qua, gọi là “đời đảng cừu”, tại Sóc Trăng, trong đám Minh Hương, có ba đảng Thiên Địa Hội :

- Đảng ở Bồ Thảo (Thuận Hòa) và đảng ở Bãi Xàu (Mỹ Xuyên) nhập một, xưng “Nghĩa Hòa đoàn”,

- Đảng ở châu thành Sóc Trăng là “Nghĩa Hưng đoàn” do ông Trần Phước

Hải làm tù hia. Sau ông nầy ra giúp chánh phủ Pháp, lần lần lên đến cai tổng tổng Nhiêu Khánh, về già cáo lão, Tây phong hàm Tri phủ.

– Một đảng nữa do Nghĩa Hưng đoàn tách ra xưng Lương Hữu Hội. Cầm đầu là hai ông : ông Ông Hưng Kỳ và ông Sếp (chef) Sầm. Sau hai ông đều ra mặt làm việc cho Tây, ông Kỳ làm đến cai tổng tổng Nhiêu Khánh, thế cho ông Phú Hải, và khi mất được thăng Tri huyện hàm, nên gọi ông Hàm Kỳ ; ông Sầm ra làm hương quản làng sở tại là làng Khánh Hưng. Tây phong chức chef de la police communale, nên cũng gọi ông Xấp Sầm Bởi đó, chức tù hia hai người nhường lại cho ông nội tôi.

Lúc khởi sự, Thiên Địa Hội là hội kín lập ra với mục đích xúm nhau lại quyền tiền gửi sang Tàu giúp việc lật đổ

nhà Thanh, khôi phục nhà Minh. Nhưng về lâu, chủ nghĩa lệch lạc biến lần ra hội ái hữu Phục thiện, chuyên tế trợ anh em trong hội lúc hữu sự, để rồi suy đồi thêm một cấp nữa, trở nên “hội đánh lộn”, chuyên giành quyền cướp của hiếp đáp lẫn nhau, và lần hồi phe này tố cáo phe kia. Tây thừa dịp bắt hết, kẻ bị đày, người ngồi tù, thôn mồn Thiên Địa Hội tỉnh Sóc Trăng cũng như ở các tỉnh khác đều tàn lụi dần. (Nên nhớ năm Tân Hợi (1911) ông Tôn Dật Tiên nhờ có Thiên Địa Hội trợ lực, lật đổ được nhà Thanh, thế là các hội kín này đều không phải là vô ích).

Dấu tích của bước giang hồ, rày đây mai đó, ông nội tôi còn để lại cho tôi làm kỷ niệm và hiện giữ tại Gia Định, là một chiếc rương cốt gỗ thông ngoài bọc da heo thuộc và sơn láng (laqué). Rương

này dài độ hơn sáu tấc Tây (0,6 m), nắp cao độ mười lăm phân (0,15m), khi đặt xuống đất hay trên bộ ván, cái rương sẽ biến thành gối nằm và nhờ da có độn nỉ nên rất êm ái và khen ai khéo chế một vật dụng tuyệt diệu. Trong rương có chia làm hai tầng : tầng dưới đựng áo quần và đồ tế nhuyễn đi đường, tầng trên có cái ngăn lấy ra được bằng gỗ thông vừa nhẹ vừa gọn, khi đi thì chứa cây dọc tẩu, bàn đèn, khi đình bộ bày ra, lấy ngăn làm mâm hút thì là tuyệt hảo. Hút xong thu xếp đồ “binh khí”, thu gọn vào rương, khóa lại, kê đầu trên nắp làm gối, thì bao nhiêu đạo chích trên thế gian đều tro tay thua trí ông tiên ghiền. Rạng ngày, lấy cái khăn gọi “ịch bại” [ịch bại : tiếng Triều Châu, tức dục bố, khan vải để tắm.] (Khăn này còn dẹt và còn bán ở Sài Gòn do Nam Vang đưa xuống) cột hai đầu khăn vào đầu rương có làm sẵn hai cái quai đồng chắc chắn,

xỏ khăn lên vai thế là có cả một gia tài “lưu động” dẫu đi tới tận chân trời cũng không mỏi và không sợ mất. Cái khăn ấy vừa dùng để che thân khi tắm, để lau mặt lau mồ hôi, khi khác lấy che đầu, khi giặt tréo, khi đội trùm, khi chừa hai mắt, vừa là ám hiệu của các nhóm Thiên Địa Hội, đồ thám tử, đồ lính kín luôn cả ông Trời, đồ ai biết được. Một bả tiền để hốt me, một mâm hút lý tưởng, một vài bộ quần áo cần thiết vạn tuế người giang hồ lớp trước ! Tiếc thay, rường nầy nay không thấy bán, găm ra tiện lợi vô song, tên rường là “hòm phù sấu”, “Sấu” ta đọc “thủ” là “tay”. “Phù” là nổi trên mặt nước, cũng như “phù gia phiếm trạch” là nhà nổi nhà bè. Phù thủ, đọc “phù sấu³” mới đúng điệu và đó là rường nhẹ xách trên

3 Hòm phù sấu này đã được tram năm, vì mua trước lúc được 30 tuổi, lối 1878 và còn mới lầu lầu. Nhãn hiệu vẫn còn, đọc : “Dương Giang, Đặng Phùng Nguyên”. Dương Giang là Quảng Đông.

tay, ôi tuyệt diệu thay cái rường da của nội tôi để lại.

Ông nội tôi có kể lại cho Ba tôi nghe nhiều dật sử về Thiên Địa Hội. (xin xem lại Sài Gòn năm xưa, trang 45). Tiện đây tôi tóm tắt cho những người không có sẵn bộ sách nầy dưới tay :

Theo ông nội tôi thuật, sự khai phá miền Nam, nhứt là vùng Hà Tiên, oái oăm thay, lại nhờ hai thú “tài và khí” trong tứ đồ tường.

Ông Mạc Cửu và đồng bọn, nhờ hút mà khỏi các bệnh do sơn lam chướng khí kết thành, tỷ như bệnh rét rừng, kiết lỵ và đi tiêu chảy... Các bệnh hiểm nghèo nầy ngày xưa đều trị bằng thuốc phiện. Rồi lại nhờ cờ bạc, hốt me để giải sầu mà Mạc Cửu và đồng bọn trở nên giàu có lớn. Các người bản xứ Thổ Miên lúc ấy,

các chủ vườn tiêu vườn đậu khấu thua bài đều cố vườn bán ruộng cho ông Mạc Cửu. Đến khi ông trở nên chủ gần trọn vùng Hà Tiên. Mạc Cửu đâm ra sợ nạn quân Xiêm qua cướp đất của ông cho nên ông chạy ra Huế xin vua mình phong cho ông làm tổng binh trấn thủ Hà Tiên để ông đủ sức chống ngăn giặc Tiêm La. Việc nói nghe dễ quá, nhưng đúng sự thật hay không, tôi không đảm bảo.

Theo ông nội tôi, Tập Đình và Lý Tài (chương 345 Việt Nam Sử Lược– Trần Trọng Kim) đều là người trong Thiên Địa Hội, và duy Tào Minh (Thiên Địa Hội) mới biết đủ mảnh lời và trị được bọn Tào Thanh là quân Mãn Châu, đại thù địch của di thần nhà Minh. Thành ngữ “giáo Tào đâm Chệt” còn đó. Tôi viết ra như vậy là để nhớ ông nội chúng tôi, còn việc quân ta cả thắng quân Thanh

dưới lá cờ vua Quang Trung, thì sử sách đã có ghi (Chuyện tôi kể đây chỉ là một chi tiết nhỏ không đủ làm hoen ố trận chiến công bất hủ kia).

Năm hai mươi chín tuổi ông tôi còn lêu lổng. Năm ba mươi (tam thập nhi lập) ông tôi mới trụ thân và chọn nghề thợ bạc. Ông tôi học đủ các môn để sau truyền giáo lại Ba tôi. Nghĩ cũng nực cười cho cái nghề này, không biết đến chừng nào mới được gọi cho danh chánh ngôn thuận. Xưa kia thợ làm nhiều đồ nữ trang bằng bạc hơn làm bằng vàng, nên xưng khiêm tốn “thợ bạc”.

Ngày nay, hai giới thợ bạc và hát bội⁴, đều ngán chữ “bạc” và chữ “bội” cho nên họ đổi lại : nói “hát bộ” thay vì

4 Câu thơ của Cử Trị vịnh hát bội : “Hèn chi chúng nói bội là bạc / Bội mặt đánh nhau cú lại thôi”; hai câu này đủ chứng minh tự thuở nào vẫn nói “hát bội” chứ không phải “hát bộ”. Danh từ “hát bộ” là do nhóm hậu snah mới đặt đây thôi.

“hát bội”, để tránh chữ “bội” và nói : “thợ kim hoàn” thay vì “thợ bạc” để tránh chữ “bạc”. Nhưng có tránh hẳn được không, vì tôi xin hỏi : “Hát nào lại không ra bộ ? Và chỉ làm kim hoàn không thôi sao ?”. Tuy vậy, nếu gọi “thợ vàng” thì nghe nó chướng tai.

Cái nghiệp hút và cờ bạc đã làm cho ông cố tôi giận, nhưng cho tôi minh oan : “Phải chăng đó là hai bức bình phong khéo che đậy những buổi tụ tập bất hợp pháp về Thiên Địa Hội ?”

Nhưng “chơi dao có ngày đứt tay”. Hút thuốc phiện không biết chán và cầm cây bài không biết mỏi, một ngày nào đó vướng tật không gỡ được, đến phải mê sa ghiền ngập, cờ bạc không thôi, thì vừa có hại cho sức khỏe vừa có hại cho thân danh.

Có lẽ một phần nào vì hai nghiệp đó mà ông nội tôi tuổi không được thọ. Ông thi thố chưa hết tài năng thì đã vội tách đời ra đi. Việc này có ảnh hưởng nhiều đến đường học vấn của tôi. Năm 1923, Ba tôi được bốn mươi tám tuổi, tôi năm đó vừa thi đậu ra trường trung học. Ý còn muốn bay nhảy muốn ra Hà Nội học trường Cao đẳng, nhưng Ba tôi khuyên nghỉ học, “Vì mày có bằng thành chung cũng là đủ, còn Ba nay đã già và thầy số coi Ba không quá năm mươi”. Tôi vội vâng lời Ba tôi để được chữ Hiếu, thêm nữa tôi tự xét tôi đã cứng đầu sẵn không ra học Hà Nội không may bị đuổi về còn thêm dở dang, lại nữa một lẽ khó nói ra là tôi đã biết đời vợ. Còn Ba tôi, ông thầy số nào đó nói trật lất, vì đến năm Canh Tý (1961), Ba tôi mới từ trần, lên đến thượng thọ, tám mươi sáu tuổi. Bây giờ, tôi học đâu chẳng tới đâu, then mình

“thiên bất đáo, địa bất chí”, không dám trách Ba tôi cho thôi học sớm chỉ giận muốn vợ sớm mới ra nỗi này. (Tôi đã nói tôi là thằng hư).

Năm Ất Vị (Mùi) (1895), ông nội tôi lâm bệnh rồi từ trần, tuổi vừa bốn mươi tám. Trong làng có ông hương sư Khoa, nổi tiếng là người hay chữ, vốn người đồng một hội và chơi nhau rất thân, khóc ông nội tôi bằng hai câu điệu :

“Lục bát xuân thu, nhân vi thiên địa khách,

Nhứt triệu huynh đệ, phân tác cổ kim nhân”.

Câu này ý vị, nói ra được ông tôi có chân trong hội kín “Thiên Địa”, vừa là một người Tàu lai (khách) ; một sớm anh em còn thấy nhau, đến chiều đã

phân tách kẻ kim người cổ. Khéo nhứt là hai chữ “lục bát”, muốn hiểu 68 tuổi hoặc hiểu 48 (6x8) đều được.

Cơ khổ ! Lúc ông tôi mất, Ba tôi vừa hai mươi mốt tuổi đầu, đơn chiếc thiệt thà, đang khóc cha nào biết ông văn sĩ Khoa (khuyết họ), muốn nói gì trong hai câu điệu ? Ba tôi nghe lời cô bác và cứ theo tục lệ nên cứóc tuổi ông tôi thêm ba tuổi, thành ra trên tấm giá triệu viết “tử năm 51 tuổi” khiến ông hương sư cần nhần, câu đối mất hay.

Ông Khoa, tôi có biết mặt, vì năm 1913 khi mẹ tôi mất chính ông đến giúp việc tẩm liệm tôi còn nhớ cách ông đọc thần chú lúc đây nấp quan tài, mỗi lần gõ búa lên đầu cây đinh đều có một câu chú riêng biệt. Đó là đúng theo sách Thọ Mai Gia Lễ và những người như ông nay còn rất ít.

✱

Ông nội tôi, theo tập tục cổ truyền và vì là con trưởng nam, nên lập gia đình rất sớm, – mười lăm tuổi cưới vợ, – mười chín tuổi sanh một gái đầu lòng, tên Diệp, (mất từ bé thơ).

Năm ông hai mươi mốt tuổi, sanh bà Hiếm (1869), tức tôi gọi “Cô Hai”, bà này mất năm Đinh Dậu (1897).

Qua hai mươi bảy tuổi, sanh Ba tôi là ông Vương Kim Hưng (1875).

Tám năm sau, năm Quý Mùi (1883), sanh bà Vương Thị Khốc Khía, (mất lúc được tám hay chín tuổi).

Ông nội tôi có một bà kế thất, không biết tên họ, sanh ra bà Vương Thị Chuội

(1877). Bà này là em khác mẹ của Ba tôi nay còn con cháu ở Ngã Tư (Sóc Trăng), có một người trước đây làm nghề hót tóc.

Ông nội tôi lấy giấy người Minh Hương để tránh khỏi đi lính cho chánh phủ Pháp, không như Ba tôi, lấy giấy thuê thân theo người bản xứ, nên sau khi bị phiền phức, mắc vòng lao lý vì một tội không chánh đáng, tội đánh bạc thuộc về tiểu hình mà đời đó phải vào tù.

Ngoài chiếc hòm phù sấu, ông tôi còn để lại cho tôi :

1. Một chiếc cà rá mã não kiểu “mặt chữ nhút” (sau tôi làm bể) ;

2. Một đĩa sành Tam Thái, vẽ ba màu xanh đỏ hường, dáng như quạt xòe, nguyên là một bộ phận của bộ đĩa chín

cánh sen dùng đựng mứt bánh, nghe nói trước kia của ông Bá Hộ Non (Trương Ngọc Loan) ở Vĩnh Long (số mục lục 22).

3. Một cái còi săn bằng sừng nai (số mục lục 22-bis)

4. Một cái rương thật lớn bằng gỗ cây dầu gió, mỗi lần mở nắp là hương thơm ngào ngạt, có cái ổ khóa và ống khóa thật to và thật mỹ thuật. Đây là rương làm ở Hạ Châu (Singapore) sau bị mỗi một ăn, nếu còn là một sưu tập phẩm có giá trị (ruương Ăng-lê thế kỷ 19).

Ngoài ra có hai di vật thất lạc năm 1946 lúc tản cư vô Thanh Thới An và đó là hai ống đót để hút thuốc làm bằng hai nanh heo rừng, ông tôi xoi lỗ và bịt vàng thật khéo. Hai ống đót này vì dùng lâu đời, nhựa thuốc làm cho nanh lên

nước chỗ vàng chỗ thâm đen, trông rất đẹp. Nay ở đường Phạm Ngũ Lão trước chợ Bến Thành, thỉnh thoảng có thấy bán nhưng không khéo bằng. (Hỏi mấy người bán da thuộc gấu cạp, mật gấu, gân nai v.v., có bán).

Hiện tôi có rất nhiều tật xấu, phải chăng tôi giống ông tôi. Duy ông nội tôi là người tài tử thêm có nghề vững chắc. Tôi trót nửa đời chỉ làm nghề thơ ký quét văn phòng, quả thật đồ hư.

Một điều này tôi nói ra chỉ cho khỏi có người phản đối, chê rằng bất thức thời vụ, cười còn luyến tiếc thú đồ quốc cấm. Nhưng trong thâm tâm tôi còn tiếc mãi bộ bàn đèn của ông nội tôi. Bộ này gồm :

– Một mâm hút lớn bằng gỗ trắc quý, rất thanh nhã, và quả là một kỳ công khéo léo của một tay thợ mộc khuyết

danh xưa. Da gỗ trơn tru, bóng ngời thấy mặt. Chạy chỉ ngay bon, ráp cạnh khít khao không hở một sợi tóc. Mâm hút này sau Ba tôi dùng làm trang thờ, gắn lên vách để thờ ông Tà. Ngày má tôi từ trần tất cả bàn thờ mâm hút đều bị hỏa thiêu đốt luôn với ông Tà, như vậy gọi trừ tiệt dấu tích một dị đoan. Nhưng giả thử cái mâm này còn : tôi dùng làm mâm đựng vật dụng văn phòng chẳng là tuyệt thú. Xét lại ăn thua nơi mình biết dùng cho đúng chỗ chớ đâu phải vật đó là một di tích xấu nào.

– Một đèn dầu phụng, chụp bằng pha lê rất đẹp. Nếu còn, thì có đèn đọc sách nào “mát con mắt” bằng ?

– Một ống hút lớn bằng cườm tay người lớn. Dọc tẩu này làm bằng tre Hạ Châu tuyệt đẹp, hai đầu có hai khúc ngà lên nước đỏ au. Nếu còn tôi không dùng

làm ống hút nữa nhưng để vào tủ quý thì đó là một sưu tập phẩm có giá trị. Không lẽ lính bài trừ ma túy vào nhà đành tịch thu vì ai ai cũng biết tôi là nhà chơi kỳ trân cổ ngoạn và nhà chơi sách hoàn toàn chưa phạm một lỗi nào.

Nhưng ngày ông nội tôi mất, Ba tôi đã ký thác đèn ống cho ông Trầm Chê ở Nhu Gia, nay vẫn thành di vật của họ này. Khi tôi lớn khôn vẫn tiếc mãi hai vật ấy, nhưng Ba tôi nói : “Sợ để lại nhà, bị cám dỗ, rủi mây lấy ra dùng thì tao biết làm sao ?” Âu cũng đành vâng lời Ba tôi, nhưng hư vẫn hoàn hư, tôi không nằm nhà thì đi nằm chỗ khác. Vì tôi chưa chừa cái thú nằm nói chuyện liên miên cạnh bàn đèn, ai đốt ai phì phà mặc ai, tôi cứ chuyện đời xưa tôi kể.

Không cho dùng, không lẽ cấm luôn nhắc lại danh hiệu cũ ? Ống hút có thú

nào hơn ống làm bằng trúc Hạ Châu (như của ông nội tôi) cho dầu bằng gỗ trầm, gỗ cây ốt hiểm cũng không bì. Ống bằng ngà voi, khéo chớ không thơm là hút không ngon. Nồi hút có hiệu “Đàm Nguyên Ký”, “Trúc Phong”, “Lương Hữu Hương” nay đã bị chẻ hoặc đốt cũng phải ghi lại cho biết, chớ không có tuyên truyền bại tục.

Bà nội của chúng tôi, Lâm Thị Xu (1849 – 1905). (Thọ năm mươi sáu tuổi) Sinh năm Kỷ Dậu (1849), Tự Đức năm thứ 2, Đạo Quang năm thứ 29) ; Tử : năm Ất Tỵ (1905). Thành Thái thứ 17, Quang Tự năm thứ 31.

Húy nhật : mồng tám tháng tư, tử nhằm giờ Mão.

Ba tôi không nói bà sinh tại đâu, tổ tiên cha mẹ là ai, sinh tiền bà là người

khiêm tốn, đến lúc nhắm mắt bà đi êm không để lại một kỷ niệm gì. Bà đáng là một người nhu thuận.

Tôi được biết mặt bà nội tôi. Bà người cao và ốm, nước da ngăm ngăm, ít nói ít cười, lạ một điều là tôi không thấy bà ra khỏi nhà và cũng không nhớ có bà con thân quyến của bà đến nhà thăm viếng. Bà tánh rất hiền, giỏi chiêu nuông... Uống thay tôi chỉ là một đĩa trắc mắt nết, ỷ cha mẹ cứng, mỗi lần bà đút cơm, tôi nhõng nhẽo đợi khi có tiếng ba tôi cắn nhả tôi mới chịu ăn. Bà luôn luôn nhịn nhục : không trả lời, lòng thương cháu thật vô bờ bến. Hồi bà còn, bà ẵm tôi suốt ngày vì chỉ có tôi là cháu nội trai : cháu đích tôn để phò giá triệu.

Năm bà mất (1905) là năm buồn bã nhứt. Nhà vừa qua khỏi trận bão lớn năm Giáp Thìn (1904), buổi nhắm mắt, Ba tôi

không thấy mặt mẹ, vì thân mắc trong vòng lao lý, ngày mãn hạn ra khỏi khám là ngày làm tuần thất thất (49 ngày) của bà nội tôi. Hỏi tội gì ? Xin thưa chẳng qua tội cờ bạc, lẽ đáng phạt tiền vì thuộc tiểu hình chứ không đến nỗi phạt tù. Ôi khát khe thay chế độ bản xứ của chánh phủ đô hộ Pháp (régime de l'indigénat).

Tôi nay còn nhớ khi bị kẹt ở khám, má tôi làm cơm bưng rổ đem đón nơi chỗ tù đập đá lót đường ở khu Đá Hàn gần Sở vọng toàn : Ba tôi áo xanh quần cụt khỏi gối, ăn cơm chan nước mắt, tôi cũng khóc theo.

Năm bà mất, tôi vừa bốn tuổi ta mà ba tuổi Tây, được mặc đồ tang, được đầu bịt bích cân, mũ bạc dây rơm, được phò gậy vong ngồi trên giá triệu buổi cất đám, lại tỏ ra hãnh diện. May có cậu ruột tôi theo giữ chừng núng đỡ không thì đã té

gãy cổ rồi đòi. Nay tiếc thương thì bà đã không còn.

Chị của ba tôi, Cô Hai Vương Thị Hiếm (1869–1897), hưởng dương 27 tuổi. Sinh năm Kỷ Tỵ (1869), mất năm Đinh Dậu (1897), húy nhật : 5 tháng 11 ta.

Cô Hai tôi là người có công nhiều nhứt đối với gia đình. Một mình quán xuyến, tảo tần thức khuya dậy sớm, cực nhọc vất vả không kể thân. Gái đầu lòng nên sớm phải đảm đương việc nhà.

Nhà không đủ tiền ăn, phải biện ra một nghề : sáng sớm cô tôi gánh một gánh rất nặng, nào bún, bánh hời, rau sống, thịt quay, bò nướng, rồi chạy bộ vô xóm Xoài Cả Nả (nay là làng Đại Tâm), bán nơi đông đảo, trường gà, chỗ quay số (một lối đánh bạc với con quay sáu mặt),

sòng tứ sắc, v.v... Khi nào mỗi mệ, gánh không nổi, thì quá giang xe kiếng tức loại xe hai ngựa kéo : có thùng gỗ ngồi được bốn người, khi mưa gió có cánh cửa lộng kính che đỡ mưa nắng. Nhưng cô Hai tôi nào dám xa xỉ đồng tiền kiếm ra, và phần nhiều là chạy bộ, đi bộ cho thật mau để kịp bán cho khách cờ bạc đa số là cầu kỳ nóng tính. Xoài Cả Nả, tên gọi làm vậy vì xóm nầy khi xưa có trồng rất nhiều xoài và ai ai đến đây khi trở về nhà đều mang theo cả giỏ, cả nả xoài. Tiếng Thổ gọi làng nầy là Xài chum (Xoai chrum) phiên âm ra Việt ngữ đời Minh Mạng là làng Tài Sum, về sau hai làng kế cận Tài Sum và Trà Tâm (Xà Tim) sát nhập lại và lấy lên mới là Đại Tâm như ngày nay đã biết.

Nhờ cô Hai tôi năng vô bán trong số nầy, dò la và xem ý tứ kỹ, nên về nhà

trầm trồ với bà nội tôi về nhan sắc và nết na của mẹ tôi và muốn cưới cho ba tôi làm vợ. Ban đầu nghe cưới vợ trong số Thổ, Ba tôi có ý chê và tỏ vẻ không bằng lòng, nhưng khi thấy mặt mới là vui chịu. Thương thay, trong nhà vẫn không tiền, mắng nắn ná mà khi dâng sính lễ thì Cô Hai tôi đã ra người thân cố.

Nếu không có Cô Hai tôi về Xoài Cà Nả thì làm sao Ba và Má tôi nên duyên chồng vợ và làm sao sanh ra tôi ? Ở đấy, làm sao đứa cháu bất hiếu này dám quên. Hồn Cô có linh xin phù hộ chúng tôi, việc hương hỏa phụng tự, chúng tôi vẫn thờ Cô y như thờ cha mẹ. Buổi sanh tiền ba tôi ít nhắc bà con, duy đối với Cô Hai, Ba tôi thường ngày vẫn kể gương tốt cho con cháu nhớ, và căn dặn phải tôn thờ đồng một bậc.

Cải táng năm 1964. Ở Miền Nam, không ai muốn dời chỗ mồ mả ông bà, vì tin rằng ông bà nằm ở đâu thì cứ để yên nơi đó, dời đi dỡ lại, xây mả vôi mả đá, nếu may vô sự thì không nói gì, bằng chẳng may xảy ra việc xui xẻo “động mồ động mả”, sợ cho con cháu làm ăn không khá, hoặc sẽ ốm đau bệnh tật, hao tài táng mạng thì quả là không nên. Trừ phi có lệ người Tàu họ rất trọng câu “phú quý bất hủn hương như y cẩm dạ hành”, cho nên dầu nghèo giàu gì họ vẫn có tục lấy cốt đem về Tàu an táng lại. Ngày nay lục địa Trung-hoa cấm nhập khẩu nên họ không làm theo ý muốn được, chớ trước đây, đối với người nghèo vô phương cải táng, họ vẫn giao cho mỗi bang trưởng có phận sự lấy cốt những mộ chôn trên năm năm, gửi hài cốt về Trung Hoa, bên ấy có đại diện Quảng Đông, Triều Châu, hoặc Phước Kiến v.v..., lãnh mớ xương

khô ấy đưa về làng chôn cất lại tử tế, như vậy đặt cho ở bên này, các nghĩa địa mỗi bang sẽ có đủ đất và rộng chỗ chôn người lớp mới.

Ở Sóc Trăng năm 1964, có lệnh những mộ chôn nơi đất thí của làng tại vùng Trường Đua ngựa năm xưa, đều phải lấy cốt dời đi để đất nói rộng phi trường. Vì là việc công, cần thiết và không trì hoãn được, nên năm mộ của ông bà chúng tôi phải dời đi. Chúng tôi chọn ngày kiết nhật là ngày hai mươi tháng tám Giáp Thìn (25-9-1964) lo việc cải táng. Em tôi sắm sẵn năm cái quách nhỏ đóng bằng gỗ sao chắc chắn, trong quách lót một lớp sơn dầu màu đỏ cho thêm bền, và đưa đến nơi một ông thầy tụng kinh siêu độ và dẫn phu đến đào mộ lấy cốt.

Mộ ông cố chôn năm 1882, mộ bà cố chôn năm 1875, quan tài bằng danh mộc

gỗ hòm còn chịu đựng. Ông nội tôi táng năm 1895 quan tài bằng gỗ vên vên nên đã mục nát thành đất. Bà nội tôi chôn hòm cây dầu (táng năm 1905) và hòm Cô Hai cũng bằng dầu (năm 1897) đều không còn chi cả. Trong bốn mộ chỉ thấy toàn là đất đen, duy nơi mộ Cô Hai còn thấy được chút ít xương nhỏ cỡ ngón tay út. Như vậy có thể kết luận đất ở Sóc Trăng ẩm thấp ứ đọng thêm có phèn nên gỗ hòm mau hư nát không được bền lâu như đất vùng Gia Định, Biên Hòa vốn là đất chun núi.

Ông nội, bà nội, Cô Hai đều chôn hòm tạt chun ngang đủ thấy chúng tôi trước vẫn nghèo (Xem thêm Sài Gòn năm xưa trang 175–178, cuộc lấy cốt ở Hòa Hưng năm 1953).

xã Chấn sang 27-9-âm dất 2-1902
 nguyệt khuyệt rớt 22 có khuê môn,
 sang hồ cốt các phần con em.
 Vương hầu mặc kẻ say như tặc,
 Hồng trúa tâm hoa chướng sắc Sơn
 Sóc hăng
 nguyệt già Sông trăng

Thủ bút và chữ ký

3. PHƯỚC LỘC NHI

Thời ấu thơ như đã nói rồi trong bài tựa, tôi sinh năm Nhâm Dần (1902), ngày 27 tháng 9 ta, nhưng trong khai sinh chánh thức cũng như trên giấy tờ nạp quan lại đề sinh ngày 4-1-1904, tức năm Giáp Thìn (1904). Nay đã về hưu, già biệt kiếp trâu cày công chức, xin trở lại tuổi thiệt năm Dần, để dễ dò thăm lá số Tử vi, và giỗ quải theo ngày này mới phải.

Nguyên nhà của Ba tôi vốn ở tại

Châu Thành Sốc Trăng, nhưng khi sanh, mẹ tôi lại về quê sanh tôi tại làng Xoài Cả Nả.

Cái tên Sốc Trăng vốn là do tiếng Giêng hai chữ “Srock-Khléang” nói trại. Srock là xứ, cõi. Khléang là kho vua Thổ, chỗ chứa bạc vàng. Srock-Khléang là xứ có kho chứa bạc nhà vua.

Về sau, âm ra Tiếng Việt, trước kia viết Sốc-kha-lăng, sau nữa viết Sốc Trăng. Qua triều vua Minh Mạng, đổi lại tên chữ là “Nguyệt Giang tỉnh”, “Nhiều Khánh tổng, Khánh Hưng xã”, từ “sốc” biến thành “sông” (Sông trắng : Nguyệt Giang) đến đời ông Diệm, lại gọi tỉnh Ba Xuyên và châu thành Khánh Hưng.

Xin hãy trở lại cái làng con con, quê bên mẹ. Làng nầy nôm na là làng Xoài Cả Nả. Nay muốn hỏi thăm, xin hỏi làng

Đại Tâm mới được. Tên cũ đã mai một lui vào dĩ vãng hoặc theo bọn tôi chạy lên Sài Gòn hay đi xa hơn nữa mất hết rồi. Đừng hỏi người mới theo lên cũ, họ không biết đâu. Lớn lên tôi truy tầm lâu lắm mới biết. Chính mắt tôi thấy lối năm 1908, trong làng hai bên lộ quan, còn nhiều gỗ xoài cổ thụ, mỗi mùa trái rất sai. Lớp mẹ tôi người nào ở chợ ở thành vô đây, thế nào bận về cũng mang xoài về nhà cho con cháu. Mà thuở ấy, người trong xứ phần đông là con cháu khách, vợ chúc, ý bang (vợ bang trưởng), nên họ không biết cầm bóp đầm như các cô tân thời, đi đến đâu họ chỉ dùng cái ná, cái nả, tức là cái giỏ xách tay, dáng tròn đương đất bằng vỏ tre già, trên có nắp đậy, ngoài nả có phết một lớp sơn bằng dầu trong cho mưa đừng thấm và có vẽ hoa hòe bông mẫu đơn xanh đỏ đẹp mắt, nả ấy đựng xoài đầy óc nhóc, nên

gọi xứ “xoài cả nả” gọi thét, nói lúu lại là “Xoại nả” rồi “Xại nả” là cũng do tiếng Miên biến thể nữa. âm ra tiếng Việt là “Tài Sum”, Miên gọi “Xoai chrum”, biến ra Xoài Chum, rồi Tài Sum ? Gần đây vì chỉnh trang hương thôn, làng Tài Sum sáp nhập với làng Trà Tâm (do Xà Tim, Trà Tim biến ra) và hoàn toàn Việt hóa với tên mới là làng Đại Tâm.

Trong làng Tài Sum cũ, cách bốn năm mươi năm về trước, con gái trong làng cùng một trang lứa đâu có nhan sắc dễ coi. Theo lời Ba tôi thuật lại, hồi đó ai ai cũng tin trong làng này có phong thủy. Thuở ấy trước chợ làng có một rãnh nước con chảy ngang, lúc ấy có một lão xinh xe (tiên sanh) Tàu, quả quyết cuộc đất đó địa thế con cua, tức là đất linh có mỹ nhân, quý nhân xuất hiện. Ngày nay vì mở rộng đường phố, trải đá cao ráo,

nên rãnh con cua đã tắc nghẹt, gái làng đua đòi theo gái chợ, mãi lo làm dáng bắt chước phần son mà mất vẻ thiên nhiên “đóa hoa sứ cài áo tầm vông⁵” đã bớt thấy.

Mẹ tôi sanh tôi tại nhà bà ngoại. Ít ngày sau cô bác hội lại lựa tên đặt giùm. Ban đầu, dưỡng tôi là ông Trầm Chúc, bang trưởng Phước Kiến ở Nhu Gia đề nghị : Wòng Xí Dện (Vương Tú Thành) ngụ ý đứa trẻ về sau sẽ giàu sang, có bốn thành trì che chở. Nhưng Dì út tôi nghe đến chữ “xí” thấy đồng âm với chữ “tứ” là chữ cũng đọc “xí”, nên vội xin lựa chữ khác. Dưỡng tôi vốn thâm Nho nhưng không nói được tiếng Việt, bèn đổi tên tôi thành “Thạnh” (Sễn) và cho chữ lót là “Hồng” để đối chiếu với chữ lót của Ba

5 áo tầm vông = áo dài đàn bà Miên, cổ khoét để khoe ngực, khi có chồng thì gài nút lại, ý nói hoa đã có chủ. Thân dưới áo may bít bùng và bó sát khoe vóc mình. Khi mặc phải trông từ đầu trông xuống. Bà Nhu bắt chước kiểu áo này. Dân ghét gọi là kiểu áo lồn trâu.

tôi là “Kim” (Vương Kim Hưng) (Hưng đối với Thanh). Dượng tôi nói phải dùng chữ Hồng (viết bộ thủy) vì bầm số, mạng tôi thiếu nước, nên phải tiếp tế bằng cách này. Lựa chọn xong rồi, dượng tôi viết ba chữ Hán vào giấy hồng đơn, gấp lại, giao cho Ba tôi đi làm khai sanh. Ba tôi đến làng Tài Sum, thì làng chỉ qua nhà lục bộ. Qua nhà này thì ông chủ nhà, tức ông lục bộ, đang mắc kẹt. Ông bị bốn ông tướng hành tội và vây ông trong một sòng “xí xệt” (tứ sắc) một đồng xu một lện, tức bằng năm chục hay một trăm đồng bạc một lện ngày nay, chứ không phải nhỏ. Nước hải ông đang xui, ông thấy Ba tôi đến nhờ việc, định bắt Ba tôi gỡ nên đòi cho có sáu cắc bạc (0\$60) lì xì. Ba tôi đã ghét sẵn hội tề làng Khánh Hưng ngoài chợ, nay vô làng quê này lại gặp lục bộ Thổ đòi tiền trà nước. Ba tôi không trả lời, trao tám giấy đỏ có biện danh tánh

và ngày tháng sanh bằng chữ Nho, bước qua bàn giấy ký lệ vào ba cuốn sổ bộ đời, rồi bỏ ra về, còn tờ danh tánh đã được ông lục bộ nhét gọn vào túi sợi dây nịt da đựng cả xấp tài liệu thứ nầy, vì ông lục bộ có lệ một tuần lễ chẵn ông mới trút dây nịt chép vào sổ cái một lần, chánh tả không màng trúng trật (sự thật ông ghi sai họ Vương ra họ Dương), và sẵn cái thù xin sáu cắc không cho, ông để luôn tên tôi theo giọng Tàu, mới sướng tai sướng nhĩ cho đến nay.

Mà tôi không trách ông chút nào vì việc đã qua. Trình độ học thức ông thấp kém, ông viết sai họ Vương ra Dương, là việc khác.

Đáng trách là tôi đây. Năm 1915, Ba tôi định làm khai sanh lại trước tòa, tại sao tôi không thừa dịp ấy mà đổi ra tên Việt ? Không, Ba tôi hỏi ý kiến tôi lúc ấy,

tôi nhứt định không đổi. Tên cha mẹ đặt làm sao, tôi xin để y làm vậy. Mẹ tôi biết tôi với tên này, thì xin để vậy để dễ nhìn dưới Huỳnh tuyến.

Người ta tốt phước có cái tên rộng tên phượng, mình gặp tên như vậy lại mấy có sao ? Bây giờ về già tôi lại càng thích nó một phần nào, vì tên đặc biệt không trùng với ai, và bưu phiếu, ngân phiếu lãnh trót lọt. Không ai mạo tên mà lãnh của tôi được (Duy mới đây, lần đầu tôi gặp trở ngại là thấy tên tôi có vẻ Ba Tàu, có một người chặn một ngân phiếu do bộ Giáo Dục trả tiền cho tôi, nhưng nay tôi đã lãnh rồi, tuy có trễ).

Theo tôi, tên xấu hay tốt, thanh hay không thanh, nó cũng là của cha mẹ cô bác lựa chọn đặt cho, vốn là một kỷ niệm không phải mình có quyền chối từ hay chỉ trích, chê bai.

Nơi nhà tôi có một cuốn sách nhan là “Thành ngữ biên lục do ông Trương Minh Biện, giáo sư dạy chữ Nho tại trường Nguyễn Xích Hồng (bản in năm 1918 tại nhà in Joseph Viêt, Sài Gòn), nơi chương 69 có ghi rằng :

“Danh tử giả : bắt dĩ Quân Quốc, bắt dĩ Nhứt Nguyệt, bắt dĩ Sơn xuyên, bắt dĩ Ẩn Tật” Nghĩa là : Đặt tên con chẳng nên dùng chữ Quân chữ Quốc ; chẳng nên dùng chữ Nhứt chữ Nguyệt ; chẳng nên dùng chữ Sơn chữ Xuyên ; chẳng nên dùng chữ Ẩn Tật.

Quân Quốc là Vua, Nước ; Như Nguyệt là mặt trời, mặt trăng ; Sơn, Xuyên là Núi, Sông. Còn Ẩn Tật là mấy chỗ kín trong thân mình (tục tĩu). Người xưa giữ theo lễ cấm, không đặt lên con như mây chữ đã nói.

Thật là chí lý, vì e rủi sau này con mình không xứng đáng thì có tội với đất trời. Nhưng ngày nay những tên ấy thấy tràn đồng. Xét ra lớp trước không phải không biết chọn tên tốt mà đặt cho con, nhưng vì kỵ húy rất nhiều, thêm nữa vì dị đoan kiêng những danh từ xinh đẹp, sợ quỷ thần ganh ghét theo bắt hồn đứa trẻ.

Phong tục ngày trước trong Nam do người Tàu truyền sang, những nhà có máu mặt chờ bói Tử vi tính toán theo ngày giờ sanh đẻ, thiếu thủy thiếu hỏa mà gia giảm thêm thắt : Vương Kim, Vương Hồng, Huỳnh Thủy Lê, Khúc Kim Thổ, v.v...

Một lớp khác không quan trọng h1oa sự đặt tên, và vương ít nhiều mê tín, cho rằng tên xấu sống dai, nên đặt nhiều tên quái ác : Khu, Cu và còn tục hơn nữa cà.

Có một nhà con cả bấy, từ lớn đến nhỏ : Thăng Xá Xiu, thăng Xiu Mai, thăng Lạp Xường, đứa chót hết vốn là gái : con Bánh Mì. Thật là đủ bộ.

Còn thiếu gì tên lễ nghĩa nhưng vẫn thô : Nguyễn Dịch Choái, Đái Văn Đường.

Cái tên Lê Bình Tích, làm sao chọn gái ? (Bình Tích viết số nhiều, phải thêm chữ “s” nơi sau hay không ? Les Binh Tichs ?

Một tên Huỳnh Kim Long thấy trong bộ điển tỉnh Sóc Trăng, nghe rất thanh, thấy lạ đòi cho giáp mặt thì té ra là một đồng bào người Miên, đen như cục than hầm mà vẫn xưng Rồng Vàng chói lọi.

Anh Tống Nhạc Phi học lớp chót, thầy kêu lên đánh ba roi, sửa lại Tống

Cao Phi, chẳng là nghe hay và ít hỗn hơn nhiều.

Bởi kiêng húy lắm, nên không viết trùng chữ và nói trại ra :

Thiêng Đức thay vì Thành Đức, vì cũ tên ông Nguyễn Văn Thành và ông Nguyễn Huỳnh Đức ! Vãng Luông thay vì Vĩnh Long vì húy hiệu vua Gia Long và tước ông Vĩnh lại quốc công.

Chữ Nghĩa trong Nam ít nói, vì khi ngâm nga kéo dài, nghe tặc. Đổi lại Ngãi (như Đại Ngãi), Ngời (như thầy thuốc Ngõi) nghe thanh hơn. Chữ Nghĩa hát lớn lên như điệu hát bội trở nên “nghi...ĩ...a”, kéo dài nữa thì biết !

Duy từ ngày Bắc Nam thông thương, tiểu thuyết bán chạy cùng khắp, thì tên họ cũng văn minh theo, nhứt là phái đẹp,

thích có tên như nhân vật trong truyện kiếm hiệp : Tổ Tâm, Lệ Thủy, Ngọc Ánh, Ngọc Sương. Đen như lọ xua là “Bạch Tuyết”, trắng dễ coi mà gọi “Huyền Trân”.

Anh bạn quá cố Chiêm Hải Yến, tác giả bài “Theo Vân Tiên tìm Đồ Chiểu” trong tập kỷ yếu hội Khuyến Học, cũng có tên tự là Hải Đường.

Anh Trần Hà Thanh, bạn cũ trường Sốc Trăng có tên trùng với tên thầy, là ông Nguyễn Trung Thanh, nên ông đổi là Trần Hà Thành, nhưng lên Sài Gòn anh lấy lại tên cũ và chọn thêm biệt tự “Hải Yến” (Cố chủ nhân sáng lập hãng dầu Cao Thiên).

Một nhà thợ bạc ở tỉnh Sốc Trăng năm xưa, từng nếm cay đắng mùi đời, khi làm ăn tấn phát, sanh con đặt : Phú, Quý, Đa, Nhơn, Hội. Nhưng đến chị Hội

vẫn chưa thôi và còn sanh nữa. Không lý tiếp câu sau : Bần cùng thân thích ly. Vì vậy chị Hợi trở nên chị Hợi. Và cả gia đình ngày nay vừa trai vừa gái là : Phú, Quý, Đa, Nhơn, Hợi, Tý, Sửu, Dần.

Không được như nhà kia có lẽ biết máy hạn chế sanh đẻ, nên ngừng kịp lúc. Người cha tên Công, sanh con đặt : Thành, Danh, Toại, Phỉ, Chí, Nam, Nhi, Bia, Truyền, Tạc, Đề. Thiệt là một nhà hạnh phúc, biết được máy trời.

Một nhà khác đông con không kém nhưng không biết tự lượng.

Đến cô gái thứ mười, hai ông bà thăm mệt, muốn chấm dứt nên khai vào bộ đời : Nguyễn Thị Út. Dè đâu lòng người muốn vậy mà trời nào cho. Cái máy sanh vẫn còn tốt và đến năm đảo chánh 1945, Phụ nữ tiên phong tỉnh nhà vẫn có bốn

chị em cùng một cha một mẹ gia nhập kháng chiến chống giặc Pháp : Út On, Út Đơ, Út Toa ; Út Cát.

Thuở gần đây, chữ quốc ngữ chưa thống nhất, mạnh ai nấy viết theo ý riêng của mình, nên có nhiều tên xốn mắt :

Nguyễn Thị Lon (thay vì Loan).

Hình Thái Thông thay vì Huỳnh tức họ Hoàng ngoài Bắc.

Một nhà nọ, người cha vốn là nhà giáo, nên viết theo lối chánh tả riêng : Siêu viết Sheou ; Dân viết Yann.

Hương chủ làng Tài Sum là người Việt gốc Miên. Ông họ La, vì tổ tiên là người Tàu. Thay vì đặt tên cho con là Cao Thăng, ông ghi vào bộ là La Mông Tê (la monter) ngụ ý chúc con đăng cao mãi mãi, và ông nói : đặt tên theo Tàu

được, tại sao không cho đặt theo Tây, vì mông-tê là monter là lên cỡi, trèo leo, tức đồng nghĩa với Cao Thăng chớ gì ? Đã rành tiếng Pháp thêm được cao vọng tân thời. Thăng lên mãi mãi, còn muốn gì hơn ?

Để kết luận tên tôi vẫn hoàn như cũ “Vương Hồng Sển” không đổi.

Còn Phước Lộc Nhi là gì ? Xin thưa đó là tên tặng cho tôi của thím đồng hồ lối xóm. Lúc tôi được hai ba tuổi, thím thường qua nhà ẵm chơi. Thím không con, vốn là người Quảng Đông, không nói được tiếng Việt, thấy tôi tròn trịa, gọi chơi là thằng “Fóc lóc Chảy” thét rồi trong nhà cũng gọi Fóc Lóc Chảy theo. Lâu lắm tôi mới biết ba chữ Quảng ấy có nghĩa là Phước Lộc Nhi. Thuở đó trong giới người Tàu thường đặt tên con Thằng Heo (à Tư Kía) thằng Chó (à Cảo Kía).

Đây là giọng Tiểu (Triều Châu). Thím đồng hồ, chồng là ông Lục Đăng, nói theo giọng Quảng là Lậu Tằng.



Chàng Vương cầu hôn (1923)

4. NHỚ SONG THÂN

Hứa Thị Hứa – Sinh năm Mậu Dần (1878) ngày 19 tháng 8 giờ dần. (Tự Đức năm thứ 31 – Quang Tự năm thứ 4).

Tử năm Quý Sửu (1913) ngày 17 tháng 2 giờ Dần. (Duy Tân năm thứ 7. Trung Hoa dân quốc năm thứ 2).

Mẹ tôi mất sớm nên tôi nhớ mẹ tôi nhiều. Lúc ấy tôi vừa được mười một tuổi đầu. Mẹ con hủ hỉ quyến luyến không rời. Bỗng mẹ mất. Đồng xu miếng bánh nay phải hỏi Ba tôi, ông vốn có tánh nghiêm bình sanh tôi sợ lắm lét. Thét rồi

cũng quen, nhưng trong thâm tâm hình dáng người mẹ không thay thế càng in sâu vào, không bao giờ quên.

Mẹ tôi gốc gác người làng Tài Sum, tục danh làng Xoài Cả Nả, nay là làng Đại Tâm. Làng nầy nay đã cải tiến, có nhà gạch, sân nóc bê-tông bằng phẳng, văn minh quá, nhưng làm sao đổi được mấy gian nhà lá dưới bóng xoài cổ thụ, từng che chở tuổi xanh vô tư lự, chơi giỡn dưới bóng nầy, lòng chưa bợn chút trần ai.

Khi lấy chồng thì Ba chúng tôi được hai mươi lăm tuổi, mẹ tôi hai mươi hai tuổi năm ấy là năm 1900.

Lễ sính. Ba tôi nói lại gồm :

– Một cây kiềng cổ hắng vàng trôn một lượng năm chỉ ;

– Một đôi vàng chạm bát tiên kỳ thú, kể bên mỗi ông tiên có một hàng chữ ; (nay còn giữ được một chiếc làm dấu tích) ;

– Một bộ cà rá vàng năm chỉ ;

– Một đôi bông dâu, một chỉ vàng ;

và bạc mặt để lo liệu đám cưới và đãi tiệc : “một trăm đồng bạc lớn” (100 đ).

Những đồ nữ trang này đều do Ba tôi tự tay sáng chế.

Mẹ tôi nằm bếp cả thảy bảy lần, có một lần song thai, nếu còn sống đủ là tám mặt con, đều là trai, nhưng chỉ tôi còn sống sót, nên được cưng nhiều.

1. Vương Cẩm, sanh năm Canh Tý (1900) ;

2. Một trai sanh năm Tân Sửu (1901) ;

3. Vương Hồng Sển, sanh năm Nhâm Dần, 27 tháng 9 ta, giờ Dần (bốn giờ rưỡi sáng).

4. Một trai sanh ngày mồng 6 tháng 8 năm Mậu Thân (1908).

5. Vương Tuyên, sanh ngày mồng 7 tháng 11 giờ Thân năm Kỷ Dậu (1909). Không dám nuôi ở nhà nên gởi cho một người Thổ ở Xà Lôn nuôi, người vú đó tên Thock, nên gọi Tuyên là “côn nặc Thock” (con ông Thock). Nuôi mạnh sắn sắn, tôi từng thấy chú này, rất sỗ sũ. Được ba tuổi bỗng đau rồi chết, theo tôi vì lúc đó không biết cách nuôi hài nhi như ngày nay.

6. Một kỳ tiểu sản. Tôi còn nhớ năm

ấy, đương vây quanh mâm cơm buổi sáng, lỗi chín giờ ban mai, mẹ tôi mệt, bỏ đứa vô giường nằm. Chưa kịp kiểm bà mụ hay mụ đến chưa kịp thì sảo, làm mệt, trong nhà lẳng xăng. Không biết làm cách nào cho người mệt dễ thở, chỉ có cách hơi lửa xoa bóp tay chân. Có người bàn kiểm mai rùa đốt xông cho có khói thì mau thấy khỏe. Bởi không có sẵn mai rùa nên trong lúc bối rối Ba tôi lấy cái xe cát của tôi chơi hằng bữa, đập nát cho vào lò, mà cái xe ấy vốn là mai con cần được là giống rùa thật lớn ; nhờ đó mẹ tôi thoát cơn nguy. Tôi không tiếc cái xe do tay Ba tôi chế, có tra bốn bánh cây và chở cát được nhiều, chơi rất thú, duy nhớ mãi tích này, cho đến nay tôi chưa thấy món đồ chơi trẻ con nào ngộ bằng cái xe mai cần được này.

7. Lần sau rồi, năm 1913, hơn sanh rồi mẹ tôi đau kiết. Thuở đó thuốc men lòi thôi, người sanh mà đau bệnh này là rất khó trị.

Thêm trong nhà còn tin nhiều dị đoan. Chỉ rước ông thầy đàn thổ là Cụ Lên⁶ đến đọc kinh làm phép giải tà. Uống thuốc Tầu rồi thuốc ta, không gặp thuốc nên mẹ tôi từ trần.

Mẹ tôi chỉ có một lần lên Sài Gòn đi một chuyến với Ba tôi. Kỳ đó có sắm được một cái quả xách bốn ngăn bằng tre đan, sơn đen chạy chỉ vàng, nay tôi còn giữ kỹ, để trên bàn thờ làm kỷ niệm. Kỳ đi này trước năm sanh tôi, ắt lối năm 1901 gì đó. Thế là cái quả đến nay, đã trên bảy mươi năm.

6 Về Cụ Lên, xem lại bài “Hũ đựng ngải Cao Miên” trong tập 6 Cuốn “Sổ tay của người chơi cổ ngoạn” từ trang 204 đến trang 226.

Mẹ tôi, nước da trắng. Những người bạn gái sau này nói lại với tôi “má cháu lịch sự⁷ người lắm”. Người dáng xinh xinh không cao không thấp, không mập cũng không gầy, tóc đen và dài chỉ gót. Ra chợ kết duyên với Ba tôi không đầy một năm mà nói tiếng Việt rất rành, pha thêm những thành ngữ Miên dịch lại cho nên lời nói có một hình dung lạ tai, các ý, các bà cùng xóm đều thích và mong kết làm chị em bạn. Có lẽ một phần nào tôi giống mẹ tôi về cách ăn nói, chớ Ba tôi ít cười ít nói, có tánh nghiêm và ngạo thâm nên câu chuyện có hơi buồn tẻ. Mẹ tôi rất giỏi về khoa nấu nướng hằng đổi bữa với các điệu Miên Việt và Tàu đi chợ ít tiền, mà món ăn lạ miệng. Có tánh khéo chiều chuộng chồng, còn đối với tôi thì cứng đáo đẽ. Một tỷ dụ nhỏ là mẹ tôi lựa

⁷ Lời nói của ý Năm Dương Thị Kỳ và của mẹ xã Chung Hiếu Quý (ý là dì)

cá lớn miếng cho tôi ăn mà không dạy cách thức ăn cá có xương nhiều, cho nên ngày nay tôi không biết lựa xương cá. Mẹ tôi biết tôi có tánh thích những gì gọi là cổ điển cho nên thường hay ghẹo. Thậm chí món mắm lóc chưng nguyên con với thịt băm nhỏ là món tôi ghét và ít khi mớ đưa vào. Một hôm mẹ tôi dọn trên mâm món đó và nói nhỏ với Ba tôi là mắm lạ của bà Phủ An biếu, mắm cũ để dành đã trên mười năm rồi. Tôi nghe làm vậy ráng nín thở ăn mắm chưng đến quen mùi, tôi biết ăn mắm từ đó ; nhưng cũng từ đó mỗi lần dọn mâm lên mâm là mẹ tôi mỗi lần nhạo tôi tạt ham đồ cổ.

Mẹ tôi về tướng diện không phải là người yếu số, nhưng không biết vì sao thọ chỉ có ba mươi lăm tuổi. Khi mẹ tôi mất, trong nhà cuộc làm ăn đang phấn chấn bỗng bị ngưng trệ, trong nhà vắng bóng

người quán xuyến, buồn bã vô cùng. Tôi vì mê say tiểu thuyết truyện Tàu, lại có ý nghĩ viễn vông muốn tự tử để theo mẹ !

Cái buồn vu vơ nảy sinh từ đây.

Căn bệnh khởi nguyên từ sanh sản, rồi trong lúc nằm bếp, bệnh biến ra chứng kiết. Nếu ngay như bây giờ thì một là không lâm bệnh kiết, vì ăn uống đầy đủ, không nằm lửa nóng nực thì ắt bệnh không sanh ; hai là với khoa y học tối tân, bệnh dữ cách mấy cũng dễ trừ. Hai thay, thời buổi ấy, thuốc Tây không mấy ai tin dùng vì chưa đủ đảm bảo. Ban đầu mẹ tôi đau sơ sài, uống thuốc thầy Tàu không thấy bớt, tai hại nhứt là bên ngoại tôi một hai ép theo phương pháp cổ truyền trong Xoài Cả Nả rước thầy Miên là Cụ Lên, đưa đến nhà mỗi ngày hai bữa cơm thơm tất có món nhậu ngon lành, để thầy trưa và tối làm phép, đọc

thần chú, bắt mẹ tôi ngồi trên bộ ván vạch trần lưng cho thầy vẽ bùa, phun nước phép và cúng bông hoa đèn sáp... Làm như vậy mà muốn con ma bệnh rút lui. Chỉ tốn gà giò, đầu heo luộc, cho sường miệng thầy nhậu. Bệnh một ngày một nặng. Nằm lửa nóng quá đến lở lưng phải lột lá chuối mà nằm. Cụ Lên đã chạy, day qua rước con của lão, lại tốn thêm rượu trắng, cơm ngon.

Gần Tết, mẹ tôi còn rán ngồi dậy may cho Ba tôi một bộ áo quần lục soạn đen, nói pha lửng “è cho chưa kiếm được người mới” dè dặt đó là lời trối trăng để vĩnh biệt. Rồi còn gượng ăn Tết mua cam Tàu hong khô, ra giêng thì nằm liệt. Mẹ tôi gọi tôi đến bên giường, căn dặn đủ điều, phải chăm học, coi trong coi ngoài, nữ trang để lại rán giữ để nữa cưới vợ, nói với tôi rất nhiều, nay mới

biết đó là lời từ giã, lúc ấy tôi chỉ biết khóc. Ngày mười bảy tháng hai năm ấy, Quí Sửu (1913), mẹ tôi từ trần. Ba tôi là người chặt dũa, tôi không bao giờ thấy Ba tôi chảy nước mắt, thế mà tôi còn nhớ Ba tôi đứng bên giường, khóc lớn khi mẹ tôi tắt hơi : “Mình ôi ! Mình bỏ tôi mà đi, sao mình ?” Nhớ đến mà đứt ruột.

Mẹ tôi được tắm liệm trong một cái hòm bằng gỗ sao, giá sáu, chục bạc, một số tiền khá quan trọng vào thời ấy, cho nên ngày nay còn danh từ thường thấy mà không ước lượng giá trị và nghĩa đúng của nó là “đồng bạc lớn”.

Khi liệm tôi cố ý khóc cho rơi nước mắt vào xác mẹ tưởng mong mẹ sẽ về báo mộng cho mình thấy trong giấc chiêm bao, nhưng nào thấy hình dáng mẹ lần nào ? Khi động quan, tôi nằm hòm, tức nằm dài xuống đất cho khiêng

quan tài đi ngang qua thân thể, gọi rằng báo hiếu theo tục xưa. Rồi phò gậy tang, một nhánh vòng nhỏ sườn đuột không có mắt, tượng trưng cho tình mẹ thương con vô bờ bến. Mẹ tôi được an táng trong rẫy nhà, nơi này có người ở, không dám chôn ngoài đồng vì sợ quân phù thủy trộm đào luyện thiên linh cái. Ma chay làm theo tục cổ giữ đúng theo Thọ mai gia lễ, nhưng năm tôi được mười hai tuổi (1914), như dịp bãi trường, bên ngoại tôi đưa tôi lên chùa Xà Lôn, gần Xoài Cả Nả, xuống tóc cạo luôn chơn mày⁸, cho mặc bộ áo vàng của sãi Miên, quỳ trước bàn Phật, có một ông lục Thổ quì kế bên, ông nói tiếng nào tôi nhái lại tiếng ấy, ấy là phép tụng kinh sám hối, cầu cho vong hồn mẹ được sớm siêu thăng. Tục ấy là tục tu tắt, chỉ có hai mươi bốn giờ

8 Phong tục Thổ thầy sãi phải cạo chơn mày, vì nhướng mày lên xuống là một cách ra dấu hiệu chọc gái.

kể một ngo, trai giới tỉnh túc, lễ cầu siêu theo phép Thổ. Báo hại khi nhập trường, lột nón chào thầy, cái vành nón ở lại trên đầu vì tóc mọc chưa kịp cản vành nón lại như có kim gút cài hay đinh đóng chặt. Miễn hồn mẹ được siêu sinh tịnh độ, mấy chị em bạn gái thấy tôi trọc đầu, nhạo cười tôi nào kể sá gì⁹.

Mẹ tôi rất thích truyện Tàu. Tối nào, trong lúc tôi học bài nơi bộ ván, Ba tôi đọc Tam Quốc hay Kim cổ kỳ quan trong nguyên văn chữ Hán, rồi dịch lại cho gia đình nghe, cảnh đêm ấm nầy, khi mẹ tôi chết thì không còn nữa.

Về sau mẹ tôi chặt mọt mua truyện Tàu phiên âm ra quốc ngữ, giá mỗi cuốn bốn cắc bạc, lúc ấy chỉ có bán ở

9 Đoạn nói về phong cảnh chùa Xà Lôn, xin xem trong tập Hậu Giang Ba Thắc nơi chương nói về chim diệc làm ổ chung quanh chùa và nín lặng khi sải lưng kinh sáng, (chương sân chim Rạch Giá)

Sốc Trăng tại nhà thím bang Quảng Sen (Tchoan-seng) mua từ Sài Gòn về. Mẹ tôi tập đọc với thầy là Ba tôi, và rất sáng dạ, không bao lâu đọc được truyện quốc ngữ. Ngày nay những bộ truyện này tôi còn cất giữ trong tủ sách, đóng bìa tử tế nhưng giữ luôn tờ giấy bìa cũ có in năm xuất bản, nhờ vậy biết được truyện Tàu dịch ra quốc ngữ, trong Nam có trước hơn ngoài Bắc.

Tôi nhớ lại mẹ tôi là người có tay đồ bác, đánh bạc ít khi thua, và có linh tánh, bữa nào trong lòng hồi hộp thì ai mời cách mấy cũng không đi và bữa ấy nếu gượng đi thì thua là cái chắc. Nhưng mẹ tôi rất kính nể chồng, khi nào Ba tôi cho phép, mẹ tôi mới dám đi chơi bài, khi thì nhà Bà Phủ An (là bà nội sau này của cô Tư Tuyết, người vợ tôi đã ly dị), khi khác nhà ông Bang Tư (Lưu Liễu). Tôi

còn nhớ một hôm mẹ tôi đi chơi nhà bà Phủ An về, cầm cho tôi năm ba trái bòn bon, khi khác năm ba trái buồn quân (chữ gọi ngô quân), khi khác nữa một thẻ sô-cô-la hiệu Nestlé trong có nhân hạt điều hạt dẻ, toàn là những thức ăn ngon mẹ lén giấu đem về cho con, khác với gương Lục Tích trong Tam Quốc là con đem về cho mẹ.

Mẹ tôi mất, Ba tôi thủ tang kể ba năm (hai mươi bảy tháng) rồi mới tục huyền. Trên cửa cái, lúc tang khó, có dán bốn chữ Hán giấy xanh kẻ chữ phấn “Tam niên thủ lễ”.

Tôi tuy hư nhiều nhưng tốt số. Mẹ tôi chỉ đánh tôi một lần hai roi nhẹ, vì tôi làm biếng ở dơ, không chịu tắm. Tôi có cả thầy ba người dì nối tiếp nâng khăn sửa túi cho Ba tôi, nhưng không có dì, nào nói nặng tôi một tiếng chớ đừng

nói chi là đánh đập. Vậy mà, mẹ tôi lo sợ nhứt lúc lâm chung là để con lại e người sau hành hạ.

Đồ nữ trang của mẹ tôi, trên mười lạng vàng, đều do Ba tôi tự tay chế tạo. Về sau Ba tôi đều có trao lại tôi đủ số. Tôi lấy đó cưới bà Tuyết. Không phải tôi nói xấu, nhưng ông nhạc tôi dạy tôi phong lưu tứ đổ tường.

Nhạc mẫu tôi mất năm 1928, tôi được đổi về tòa bố Sa Đéc. Lạy cha vợ xin lãnh của hồi môn mười lạng vàng về, là cái hộp không. Cờ bạc thua cầm cổ hết. Trao cho tôi ba cái giấy cầm đồ mà tôi làm sao mới ra đời, có tiền để chuộc ? May thời sót lại một chiếc sáu chỉ Tuyết đeo trong tay nay đã trả về tôi. Lúc dựng nhà tại Gia Định, mấy phen đem cầm chiếc vàng nầy nơi tiệm nhưng dầu nghèo túng thiếu hụt đến đâu, cũng

rán chạy tiền chuộc về vì là di tích duy nhứt của mẹ, các món vàng kia đã bị bên vợ trước cầm bán đánh bạc hết rồi.

Ngày nay trời cho được khác. Tiền tài mà chi ? Sang giàu mà chi ? Của cải sắm mới chứa đầy nhà thế mà mấy chiếc vàng của mẹ chúc ngôn để lại không gìn giữ được.

Mãi cho đến ngày nhắm mắt lìa đời, mẹ tôi không biết cây son hộp phấn là gì. Cho đến nhiếp ảnh chụp hình lúc đó cũng kiêng vì sợ máy ảnh hộp hồn. Bởi vậy mẹ tôi không lưu ảnh để lại. Với cái đẹp dung dị tự nhiên của hoa mộc ngoài trời, sanh nơi thôn dã, mẹ tôi không sợ dâm sương dăng nắng. Chết sớm thật là tức tối. Mẹ tôi mất, thọ ba mươi lăm tuổi. Còn trong tuổi Nhan Hồi (ba mươi ba), nên tục lệ cước thêm ba tuổi (một tuổi vua cho, một tuổi làng xã cho, một

tuổi do ông bà cho), trên giá triệu để thọ tam thập bát tực”, không phải có ý đối trời, thật sự cầu chúc con cháu khỏi nạn yếu số.

Tội nghiệp, tiếng mẹ tôi gọi đây là để viết vào sách. Khi sanh tiền, tôi gọi mẹ tôi bằng cô. Vì nhà có nuôi hai anh học trò học nghề thợ bạc với ba tôi, anh Diệp Hui (Huê) và anh Hứa Siêu, vốn là cháu gọi mẹ tôi là cô ruột, tôi bắt chước gọi theo. Gần đây nắp quan, tôi khóc kể, huyền thiên, cũng réo “Cô ơi ! Cô hỡi!” “Con mà không gọi mẹ bằng mẹ, chữ Hiếu để đâu?”. Quả thật tôi là đồ hư.

Vương Kim Hưng – Sanh năm Ất Hợi (1875), ngày 21-11, giờ Sửu (Tự Đức năm thứ 28 – Quang Tự nguyên niên).

Tử : năm Canh Tý (1961), mồng hai tháng chạp (18-1-1961).

An táng trong rẫy nhà, gần mộ mẹ tôi, ngày mồng sáu (22-1 năm 1961).

Dẫn – Tiểu sử của Ba, tôi viết lúc Ba còn sanh tiền, năm Kỷ Hợi 1959 lúc ấy Ba tôi đã tám mươi lăm tuổi, đã ăn bát tuần cách bốn năm trước, và vẫn còn đủ trí nhớ, minh mẫn và sáng suốt, kể chuyện xưa tích cũ có mạch lạc không lẫn quên chút nào.

Chúng con mừng riêng có hạnh phúc lớn của trời dành lại, còn cha già khương kiện, và con xin phép Ba cho con viết cảm tưởng của con để nhờ Ba đọc và xem lại, như có chỗ nào chưa đúng sự thật, sẽ chỉ dạy cho con điều chỉnh lại, trong lúc Ba còn đủ minh mẫn xét đoán.

Con cố ý răn viết đúng như con được nghe thấy Ba từ nhỏ, không tô điểm văn hoa, họa chằng các em các cháu trong gia

đình, khi đọc chương này, sẽ biết thêm lịch sử một người cha, một ông nội, một người trong ế họ Vương đáng tôn đáng kính.

Cẩn Tự

Sến

✱

Nhắc lại :

Khi ông nội chúng tôi còn sanh tiền, ông có mua được một miếng đất thổ trạch tọa lạc đường Đại Ngãi, giá ba trăm đồng bạc lớn. Sở đất này diện tích lối ba trăm thước vuông, hiện có xây hai căn phố một tầng lầu do gia đình em chúng tôi là Vương Minh Quan đang ở. Đất này thuộc quý địa vì ở ngay trung tâm

châu thành trên một con đường thị tứ, thế mà vài năm sau người kế cận nài bán một sớ đất y như vậy ở sát sớ đất ông nội tôi, cũng định giá ba trăm bạc y như sớ nọ, nhưng ông nội tôi không ham mua nhiều viện lẽ rằng chánh phủ có lệ bỏ tù người thiếu thuế, sợ khi mua rủi hột tiền trả thuế vào tù là oan uổng quá. Sớ đất nầy chớ chi mua lúc đó thì nói rộng miếng đất kia ra xấp hai, (và nay đã trở nên hai căn phố lâu, một là quán nước, hai là nhà cho vay bạc chetty nay bán lại cho một Huê kiều).

Lúc mua đất, thì ba tôi chưa trưởng thành, cho nên ông tôi khai cước tuổi Ba tôi lên mười tám để có quyền đứng bộ làm chủ đất.

Việc làm nầy có ba ý nghĩa : một là ông tôi thương Ba tôi là con trai trưởng nam ; hai là ông tôi tránh đứng tên, e

ngày sau có việc tranh tụng lòng dòng giữa hai dòng con chánh và thứ ; ba là ông tôi đã có linh ứng không thọ, nên thà để Ba tôi làm chủ là một cách lo xa.

Ba năm sau, ông tôi mất. Ba tôi xiết bao bối rối, vì tuổi hai mươi mốt còn quá thơ, làm sao hiểu hết việc đời. Thêm tứ cố vô thân, không bà con họ hàng, không người chỉ dẫn. Giữa lúc ấy lại gặp nạn bị chủ đất đuổi nhà đòi đất lại. Đất này của ông Xường Há là thân phụ bà Năm Ky, bạn của mẹ tôi, vị trí ở ngã tư đường trường tòa Xavary, nay là dãy phố cha sở họ đạo. Tang cha còn mang nặng trên đầu, vì không chỗ ở nên Ba tôi phải cương ra xây cất ba căn nhà trệt trên sở đất của ông nội tôi để lại. Ba căn nhà ngói này, tôi từng ở từ lúc ấu thơ cho đến năm đi học trường lớn Sài Gòn, ngót hai mươi năm trường. Nếu không xảy ra nạn làm

đẹp thành phố, dỡ phố trệt xây phố lầu, thì đến nay ba căn nầy vẫn còn tồn tại và trở nên một cổ tích vì rất kiên cố, ít nữa đã từng che chở cho ba anh em chúng tôi, tôi và em Quan em Cảnh, vui sống những năm dài vô tư lự dưới mái ngói tuy thấp nhưng ấm áp và hạnh phúc này.

Năm Ba tôi cất nhà là năm Kỷ Dậu (1897). Năm ấy trong tỉnh Sóc Trăng đang bị nạn thất mùa và đói kém. Buôn bán ế nhẹ khó khăn. Vì tình thế như vậy, cho nên ông bang Sáo, tên thiệt là Nham A Sao, vừa là bang trưởng bang Quảng Đông, vừa chủ một nhà hàng bán cơm Tây và rượu Tây rất đông khách, vừa là chủ một lò gạch, ông bang Sáo ấy ưng bán chịu vật liệu xây cất nhà cho Ba tôi, chi trả trước mớ nhấm còn lại lần hồi chừng nào có thì trả cũng được. Lại may thời lúc ấy có một nhóm thợ Triều Châu từ bên

Tàu sang qua Sốc Trăng cất chùa và hiện đang lâm cảnh không công thất nghiệp, toàn là tay thợ mộc thợ hồ chuyên môn, nhóm này đến lãnh làm ăn công vừa hồ vừa mộc, vừa xây gạch lợp nóc vừa bao đồ mộc cửa nẻo hết thảy mà chỉ có một trăm mười hai đồng bạc lớn, thì đủ biết vào đời đó đồng bạc trắng cân nặng hai mươi bảy cà ram quả lớn và nặng đến bực nào. Ba tôi cắt nghĩa cho tôi nghe, trong lời giao kết với thợ : nếu trả một trăm đồng bạc tiền công (100\$00) thì thợ khỏi phong tô trên nóc ngôi, bằng trả đủ số một trăm mười hai đồng (112\$00) thì ngôi trên nóc phải phong tô lán tròn như ống, y như nóc các chùa Tàu Chợ Lớn luôn cả con lươn trên nóc cũng phải phong tô chạy chỉ khéo léo.

Sở dĩ đoạn này tôi nói dài dòng là muốn cho thấy bạc tiền khoảng 1897

rất có giá trị, công tạo tác 112\$00 lúc đó cũng ví bằng bạc triệu ngày nay chớ chẳng chơi.

Ba căn nhà trệt kiểu Tàu này rất kiên cố và rất đẹp, theo ý tưởng của tôi. Mỗi lòng căn có ba thước ba tấc bề ngang, bề sâu gần hai chực thước. Mặt tiền nhà, gần mười thước Tây, có một hàng song cây bằng gỗ dầu vừa đưa ánh sáng vào nhà vừa tôn vẻ đẹp ; uống cho một vuông nhà xưa như vậy cũng như các nhà cổ, lớp trước, nay không còn cái nào để nhắc lại dĩ vãng chợ Sốc Trăng của đầu thế kỷ 20.

Vừa cất xong, qua trận bão to năm Giáp Thìn (1904), nhà của Ba tôi chịu nổi không hề hấn gì. Đầu hôm mưa rất lớn, rồi gió thổi một ngày một mạnh, càng về khuya gió càng to và chuyển hướng, thổi qua lại, đến nổi gốc me to trồng nơi lề đường trước nhà trốc gốc và

ngã luôn vừa tàn vừa nhánh lá, nằm gọn trên nóc, mưa càng lớn hột, gió thổi vù vù, nhà kêu rảng rắc, Ba tôi và mẹ tôi đều thức, mẹ tôi ôm tôi vào lòng, đèn đuốc tối thui, bà nội tôi ôm cái mền trùm hết mình mẩy mà còn rên lạnh, cả nhà không dám nói đi đâu, ngồi một chỗ mà chịu trận, vì ngoài đường mưa gió càng ghê rợn hơn nữa. Mấy cánh cửa thông như muốn tốc ra khỏi ngạch ; các chốt cây đập qua đập lại, gió chen kẽ khe vách cửa, thổi lòn vào nhà tiếng kêu kèn kẹt nghe như ai rên rĩ và nghiêng rảng. May sao khi trời gần sáng, gió dịu bớt rồi êm luôn. Gần trưa mở cửa ra thì nhà không sao cả, nhưng ngoài đường cây cối nằm la liệt, nóc thiếc, mái hiên hai dãy phố bay tứ tung. Trận bão năm Thìn đến nay còn nhắc. Cả nhà xúm nhau mừng vì tải qua hạn.

Một ngôi nhà chắc chắn như thế, vốn xây cất đồng một kiểu với tòa công sở Quảng Đông và tòa công sở Triều Châu cùng ở một con đường Đại Ngãi, nhưng ở không được suốt một đời người.

Lối năm 1918-1919, có tham biện lang-sa tên Antoine Bon, ông này thanh liêm và tử tế như tên đã đặt, cùng đi với một Ủy ban ra thành phố xem xét từng dãy nhà và ra lệnh trọn phố hai bên con đường Đại Ngãi và đường trở ra chợ thịt, phải triệt hạ tất cả để thay thế bằng phố có lầu, gọi chỉnh trang thành phố. Nay xin nói ra để thấy sự vị thân vị kỷ của thời đại nào cũng có. Nguyên trên đường đi ra chợ có ba căn nhà trệt của một ông huyện về hưu, ông này lại có người con gái đầu lòng gả cho một ông kỹ sư Việt¹⁰, gốc người ở Sa Đéc Lúc ấy ông Trường

10 Ông Lưu Văn Lang kỹ sư công chánh và cha vợ là Trần Quang Thuận.

tiền ở Sóc Trăng, tên Noncet, có ý tấn
ơn quan thầy mình là ông kỹ sư, nên đề
nghị chữa lại khỏi triệt hạ ba căn nhà
ông huyện, lấy cớ ông là cựu công chức,
thanh bạch nên không tiền xây cất nhà
lại mới, và tình cảnh đáng nên cứu giúp.
Nhưng không lý nội thành phố chỉ chữa
có ba căn nhà ấy. Bởi thế, nên tham biện
Antoine Bon, khi xét đến ba căn nhà của
Ba tôi, thấy còn chắc chắn và mới, nên đề
nghị chữa luôn ba căn này khỏi triệt hạ
lập tức và được triển hạn thêm ba năm
nữa, như vậy để tránh lời dị nghị, và đó
cũng là công bình vì nhà Ba tôi còn chắc
chắn và khá đẹp. Kỳ thật Ba tôi không có
vận động và xin xỏ với ông nào cả. Nhưng
mặc dầu được triển hạn, đến lổi năm
1920-1921, trong lúc tôi lên học trường
Chasseloup, Sài Gòn, thì Ba tôi dỡ nhà và
cất lại hai căn phố lầu bằng xi măng cốt
sắt. Hai căn nhà này, mỗi căn bốn thước

hai bề ngang, hai chục thước bề dài, lúc xây dựng, chỉ tốn có tám ngàn đồng bạc (8.000\$00 và nay mang số hiệu 31 và 33 đường Hai Bà Trưng. Với giá hiện thời, hai căn nhà này trị giá phổng dưới hai chục triệu (bạc năm 1974). Nhưng năm 1920-1921, như đã nói, sở phí xây cất chỉ có tám ngàn bạc (8.000\$00) vì lúc ấy sắt chỉ có năm xu một kí và xi măng bán trong thùng cây một trăm kí, hiệu Portland, sản xuất tại Hải Phòng, chỉ có năm đồng bạc ngoài mỗi thùng. Thợ mộc thợ hồ lành nghề, lãnh mỗi ngày công một đồng năm cắc (1\$50) và nhơn công tay ngang tức cu-li thì trả năm cắc bạc một ngày công. Nhưng phải nói một đồng bạc thuở ấy lớn lắm, nên có câu “một đồng bạc xài một ngày không hết”, và có người từ nhỏ đến già, chết xuống lỗ, vẫn chưa thấy mặt tờ giấy một trăm.

Năm Ba tôi cất nhà đây là năm 1895. Lúc đó Ba tôi được hai mươi hai tuổi, kể vào tuổi ấy mà đã có nhà, tự mình bay nhảy với cánh lông của mình, thì cũng là hạnh phúc. Nhưng qua năm hai mươi bốn tuổi thì cô Hai, người chị xốc vác gánh gồng lại qui tiên, bỏ Ba tôi một mình bơ vơ không ai giúp đỡ. Năm hai mươi lăm tuổi thì Ba tôi cưới mẹ tôi.

Nay trở lại, nhà cất xong, khi dọn vào ở, để ăn tân gia, thì Ba tôi chỉ còn vồn vện bốn đồng bạc trắng. Không dám mời ai để đãi đằng. Với bốn đồng bạc này, Ba tôi kể lại, thì Bà nội tôi dặn lấy ra một đồng mua một nan sập trắng Cà Mau để xe cặp đèn lễ Phật ; một đồng mua một mâm gạo trắng cúng Phật ; còn lại hai đồng thì sắm lễ vật rước ba ông Sãi trên chùa Nhâm Lăng đến tụng kinh cầu an theo phong tục Thổ cho trong nhà trong

cửa được mát mẻ êm ấm, gọi là lễ “sott monn”. Gọi là sắm sanh lễ vật, nhưng khỏi tốn vì lấy của nhà đã có. Duy khi lễ cầu an tụng xong, sáng ngày tạ công đức ba ông sư Miên, kiếng ông sãi nhì chủ đám một đồng bạc và kiếng hai ông sãi nhỏ theo phụ sự, mỗi ông năm cắc bạc, thế là sau khi rước thầy về làm phép cầu lễ bình yên trong nhà rồi là hết sạch, không còn đồng bạc nào sót lại trong rương. (Mời được sãi nhì vì sãi cả giữ chùa ít đi làm đám).

Tuy vậy trời sanh trời dưỡng. Nhờ Ba tôi làm nghề thợ bạc được nhiều tin cậy nên đồng ra đồng vào cũng đủ chi tiêu. Ba tôi thuật tiếp rằng dịp Tết năm đó, trong nhà còn hai phong xu đồng mỗi phong đếm được một trăm đồng xu, tức cả thảy là hai đồng bạc. Ba tôi định bụng sẽ xuất ra hai phong để rước một

gánh hát chập Triều Châu vào nhà hát chơi một chầu thì cũng chưa sao, vừa cầu hỷ cho năm mới, vừa mua vui đầu năm, vừa trút hết những khổ cực ưu tư năm cũ trong chầu hát này. Ngờ đâu tang tảng sáng bữa mồng một, cửa nhà vừa hé mở thì đã có một gánh hát chập vào chào chia¹¹. Ba tôi để bọn này vào, chúng vừa leo lên bộ ván gỗ bên tay mặt trong nhà, ngồi đờn chưa dứt một bản, thì bỗng đâu có một gánh khác nghe trong này có tiếng đờn, chúng nó làm như cào cào ăn lúa, chúng xô cửa khếp ra vào và leo lên bộ ván bên tay trái ngồi đối diện với gánh kia không đợi mời và cũng bày đờn bày trống ra vừa ca vừa hát vừa chào chia, vừa chúc mừng năm mới cho chủ

11 Mấy chục năm về trước, tại Sóc Trăng có một gánh phát Tiểu, vì thùng đựng y phục của họ sơn đen nên gọi là gánh thùng đen (ô lảng). Mỗi dịp Tết họ tổ chức nhiều tốp đi hát dạo, gọi hát chập và nói theo tiếng Tiểu là hát chào chia. Hai tiếng này dịch ra là “tẩu thực”, tức hạt chạy gạo, hát cho mau cho lẹ rồi chạy đi chỗ khác hát nữa, đó là chào chia

gia câu tân xuân đa thắng sự...”

Hai gánh hát chập hát xong, Ba tôi thưởng mỗi gánh một phong một trăm đồng xu gói bằng giấy đỏ gọi tiền lì xì (và đây mới đúng nghĩa hai chữ này, tức là tiền thưởng công hát ; ngoài ra đều lợi dụng và lì xì có nghĩa là hối lộ). Hai gánh hát vừa lui ra khỏi cửa, Ba tôi lật đặt gài song đóng kín lại, vì hai đồng bạc (hai phong xu) để dành ăn Tết đã xài hết cả hai rồi. Trong nhà không còn một đồng một chữ nào, nếu cửa không đóng, rủi có một gánh nào đến chào chìa, tiền đâu mà lì xì, chẳng là đầu năm gặp xúi quẩy !

Chuyện tuy ti tiểu, nhưng tôi muốn nhắc lại để cho thấy đời nay hời hợt tiền ngàn bạc vạn chuốc lấy một tiếng cười không tiếc tay, tôi ân hận cho tôi mua đồ cổ quá nhiều tiền, tôi xót thương đời trước cổ nhân và ông bà tôi quá chật vật.

Nhắc việc ba căn nhà cũ, nay tôi thối tiếc vì nếu không có việc kiến thiết canh tân, thì ắt đến nay vẫn còn tồn tại vì xây cất kỹ lưỡng chắc chắn lắm. Một việc vặt nhỏ xin lấy làm gương để chứng tỏ lòng hiếu hòa và cố tránh việc tranh tụng của Ba tôi, là khi dỡ nhà cũ để xây nhà mới, vào năm 1920-1921, khi đào đất nền để đổ bít-ton nơi vách sát căn phố tiệm hớt tóc của Xứng (Tuồng), vì đào sâu hơn bên kia thêm bỏ trống, chưa kịp đổ xà bần bít-ton, giữa lúc ấy bị mưa dai suốt đêm đất thấm ướt, thêm vách phố chà không làm nền đủ sức khiến nên vách phố của Xứng bỗng rạn nứt tuy chưa dè chết ai nhưng sáng ngày chủ phố và người ở phố xin đòi tiền thiệt hại và hăm he đòi kiện Ba tôi ra tòa.

Nhưng Ba tôi chịu điều đình, và không đợi kiện thưa, dạy thợ phá vách

nút xây lại vách mới, sở tốn hết bảy trăm đồng bạc. Ba tôi nói thà chịu tổn cho êm chuyện giữ được niềm hòa khí với láng giềng và khỏi đình trệ việc tạo tác. Tánh Ba tôi giỏi nhịn nhục, “thối nhút bộ tự nhiên an”, không chịu cãi lẽ kéo dài, không trông mong nơi sự thừa kiện lồi thoi có khi xử hòa. Tánh Ba tôi ngay thẳng và không thích sự tranh tụng. Bây giờ tôi xin kể lại đoạn tiểu sử nầy để các em và các con cháu họ Vương biết rõ và thêm kính mến cha chúng tôi là ông Vương Kim Hưng.

NHỚ BA TÔI

Ba tôi tên là Vương Kim Hưng, ngoài ra còn gọi “anh Ba Kim Hên”, vì thuở ấy thích xen tiếng Tàu và xưng hô theo giọng Tàu. Tánh người rất hiền nhưng cọc. Ít ăn ít nói. Rất là cương trực và hễ nghe ai ăn nói phách lối thì ghét ra

mặt. Cũng vì cộc, không dần được tánh nóng thêm mau giận giữ, mau buồn phiền nên Ba tôi có nhiều mối lo không đáng, cũng vì sẵn tánh đa sầu đa cảm. Và có lẽ tôi cũng lay mối ưu tư vô căn cứ nầy cho nên không biết tận hưởng hạnh phúc trời dành. Lo nhiều vui ít, khi có việc thì sầu muộn lấy mình, thêm có tánh quan trọng hóa chuyện vặt, khiến cho tâm hồn ít được thơ thới. Trát đòi ra làm chứng đã mất ăn mất ngủ cả đêm ngày. (Cũng như tôi vừa rồi có giấy tờ cảnh sát miền Đông đòi đến điều tra lý lịch về việc tôi gia nhập hội Đông Dương hiếu cổ (Société des Etudes Indochinoises), khi nhận được giấy mời, tôi tưởng tượng đủ thứ trong óc và lòng chỉ toan muốn trốn hơn là đi trình diện !).

Về hào phu thê Ba tôi có đến bốn đời vợ. Khi mẹ tôi mất thì Ba tôi tục huyền.

Khi mẹ của hai em tôi là Quan và Cảnh qua đời thì Ba tôi cưới mẹ của em Vinh. Hai người kế mẫu này đều biết lo làm ăn và giúp ích cho gia đình chúng tôi rất nhiều. Đến khi mẹ của Vinh đau bệnh mà mất, thì Ba tôi chấp nối với mẹ của Phát (đã từ trần) ; bà này tuy hiền từ và biết nấu ăn khéo léo duy phải một tật là ham bài bạc, đánh nhỏ thôi chỉ cầu vui, nhưng đủ làm cho Ba tôi buồn phiền lúc tuổi già. Sự thật Ba tôi có bốn đời vợ nhưng đều tiếp nối nhau và không ai làm lẽ ai.

Bản tánh của Ba tôi không ưa sự lai vãng bạn bè. Ai đến nhà thì tiếp đãi trò chuyện niềm nở, nhưng Ba tôi ít khi tới lui nơi nhà người khác. Trong hàng anh em đồng nghiệp, duy có chú Ba Vị là người thường đến nhà Ba tôi nhiều nhất. Cứ mỗi lần chú đi đánh bài, có khi

cả tuần lễ mới về nhà. Nhà chú ở trước mặt nhà Ba tôi, vốn một căn phố nhỏ hẹp, nên chú Ba thường qua nhà Ba tôi mượn ghế trường kỷ nơi gian giữa làm chỗ đánh một giấc trừ bì, khi thì chú ngủ trọn cả ngày bỏ cơm nước. Khi khác chú ngủ như vậy cả ngày lẫn đêm, không thấy chú cơm nước hay đi tiêu, đi tiểu.

Ngoài chú Ba Võ Thế Vị thì có bác Tư Chũ và chú Tư Khánh cũng thường đến nhà đàm đạo với Ba tôi, nói tiểu lâm pha lũng pha trò cười nói giòn giã vang nhà, nhưng cũng không thấy tốn trà rượu bánh trái chi cả. Bác Tư Chũ, tên thật là Tự, nhưng vì húy vua Tự Đức nên anh em gọi bác là Chũ. Tuy Miền Nam đã bị Pháp chiếm, mà lòng dân còn tưởng niệm vua và trung với vua không đổi.

Một điểm tôi cho là đặc biệt là bình

sanh Ba tôi thường dặn con dặn cháu đừng dự chức hội tế và riêng Ba tôi thì rất sợ làm hương chức làng. Ba tôi có quan niệm là làm làng làm tổng có hại nhiều hơn có lợi. Không phải Ba tôi có ý khinh khi hương chức làng và thuở đó đâu dám nói là làm làng làm tổng tức làm việc cho Tây ! Ba tôi là người thiết tha, không chịu nói cái giọng chánh trị xu thời đó đâu. Dẫu cho nói như vậy, ngày nay sẽ đề cao rằng biết yêu nước. Sự thật Ba tôi có kinh nghiệm và quan niệm riêng là hương chức làng là người, vì nghề nghiệp và chức vị, phải phí tổn nhiều thì giờ tại nhà làng nhà vuông, nếu mình là người có lương tâm và hiểu biết trách nhiệm, và như vậy thì còn thì giờ đâu lo việc gia đình, tức nhiên phạm cái tội bỏ phế gia cang mà không biết. Thêm nữa làm làng khó tránh tật rượu chè, chén chú chén anh, mà hết rượu thì con đường đàng

điểm đi thỏa không xa, cờ bạc nợ nần, hút xách, chi cho khỏi chầy ngày vướng bịnh kín, lâm nợ, vay bạc chà, thiếu thuế quan, hể ít thì làm khổ cho vợ con, khi quá nhiều thì đi đến tiêu tan thanh danh sự nghiệp. Bao nhiêu ấy cũng vì ham làm quan, ông làng vả chẳng là một ông quan nhỏ trong làng chứ gì ?

Bởi có ý nghĩ như vậy cho nên Ba tôi rất sợ được cử hay gọi ra làm làng. Thảm nỗi thời ấy hương chức làng Khánh Hưng, biết được chỗ yếu của Ba tôi là sợ làm làng, lại càng dọa bợm, thường điểm chỉ với tổng, quận, quyết lời kéo ép ra phụ sự với họ trong việc làng, vì họ thấy toàn những lợi riêng cho họ. Ba tôi có điền sản để giúp họ đi hỏi đi vay bạc, mỗi khi trong làng thiếu hụt thuế má bạc công nho ; Ba tôi lại là người thiệt thà ăn nói ít oi, dễ cảm dỗ, dễ húng hiếp Giá thử

ở vào đời bây giờ thì không để gì ai ép buộc ai. Nhưng vào đầu thế kỷ 20, xã hội ta còn kém mở mang, những người có máu mặt mà không có người che chở rất là khổ tâm với nạn bè đảng trong làng. Ba tôi có một cách làm cho khỏi được bầu cử ra làm làng mà không bao giờ có ai suy nghĩ đến hoặc dẫu suy nghĩ đến cũng khó đem kế ấy ra để thực hành, số là mấy ông mấy thầy có vợ đến làm vàng với Ba tôi chỉ nước lén rằng hễ người nào có hồ sơ cá nhân không dạng tốt, tỉ như có án tù, thì không được làm hương chức làng. Vì Ba tôi nhớ như vậy nên rắp tâm làm cho có án tiết xấu xa để bị loại ra khỏi hội tế làng xã. Bản tánh của Ba tôi là lo làm ăn nuôi vợ nuôi con và rất ghét cờ bạc. Thế mà lối năm 1905, sau trận bão năm Giáp Thìn, người ta thấy Ba tôi ngồi sòng bạc đánh công khai để cho bị bắt bị giam và bị phạt. Nhưng tòa chỉ phạt và

tiểu hình năm ngày tù và mười lăm quan tiền vạ vì mới phạm lần đầu. Khi nghe có người báo án nhẹ như vậy thì chưa đủ điều kiện “được chề không cho vạ tắt việc làng”. Nghe làm vậy Ba tôi lập tâm tìm cách vô ngay nhà bếp quan tham biện chủ tỉnh, để đánh me do một chủ cái người Tàu hốt, để rồi bị bắt và bị giải ra tòa một phen nữa, hai phen cách nhau không đầy mấy tháng. Quan tòa, có lẽ là ông Grimaud, sau thắng chưởng lý tòa thượng thẩm Sài Gòn, lấy làm lạ nên ra lệnh cho thông ngôn hỏi Ba tôi “duyên có nào, vừa bị phạt mới đây cũng vì ham mê cờ bạc, nay lại tạt cù không chừa, dám tái phạm một lần nữa như vậy ?” Ba tôi đành thú thật muốn có án tù để khỏi làm làng. Quan tòa bèn kêu án phen này là mười lăm ngày tù ở vì tái phạm, cộng với phen trước năm ngày án treo, cả thảy là hai mươi ngày tù chẵn.

Xin hỏi mấy ai trên đời nầy lại muốn mắc vòng lao lý do nơi ý muốn của mình như Ba tôi vậy chăng ? (Và câu hỏi tức phải có câu trả lời : chính tôi ngày nay vẫn có ý nghĩ viễn vông thỉnh thoảng muốn làm khác hơn thiên hạ, để giống Ba tôi, và luôn luôn từ công chúc đến đời tử, tôi vẫn làm hư cũng vì thế).

Về Ba tôi, cách đó ba năm thì vẫn chưa thoát khỏi nạn làm làng. Một lần ông hương chủ Trần Hữu Phương, sai mời Ba tôi lại nhà làng khuyên nhủ Ba tôi nên nhận một chức nhỏ trong làng để làm tròn phận sự công dân, vì cái án kia không kể và ai ai cùng biết Ba tôi không phải là người bê tha bài bạc. Một phen nữa là ông cai tổng ông Hưng Kỳ, là hàng anh cả của ông nội tôi, trước kia cũng người trong Thiên Địa Hội, đòi Ba tôi đến công sở làng, phủ uỷ và ép buộc

phải nhận một chức việc với người ta. Phen nầy hết phương chạy chối, nên Ba tôi nhận làm hương tuần (tuy làm hương tuần là bất đắc dĩ và ai muốn Ba tôi giận, cứ gọi “Hương tuần Hên” là Ba tôi đồ quạu liền) là chức làng nhỏ nhất để có tiếng không cãi lệnh trên và để khỏi ba chỗ Ba tôi sợ nhất là làm xã trưởng, hoặc hương hào hay là hương thân là ba chức quan trọng lo về thuế vụ. Thường thường ba vị nầy đi chung nhau, ký chung nhau giấy tờ làng mạc, thu thuế cũng ba ông mà bắt lính bắt làm công sưu (xâu) sanh ra thù oán cũng ba ông, và cũng ba ông, dễ bị cám dỗ, sa ngã, không ngồi tù vì thâm lạm bạc công nho, thì cũng sạt nghiệp, vì bồi thường thuế thân không đủ số, không kể ghiền gập vợ đôi vợ ba, bài bạc, đàn điểm và bịnh tật đủ thứ.

Lúc Ba tôi kẹt trong khám, tôi vừa

được bốn tuổi ta ba tuổi Tây, nhưng tôi còn nhớ rành rành như chuyện vừa xảy ra ngày hôm qua, là tôi có từng theo chân mẹ tôi đến tại chỗ Đá Hàn, đường ngo ngay qua sở vọng toàn, để dâng cơm cho Ba tôi ăn và để chứng kiến Ba nón tôi áo xanh quần cụt, đi chân không, đập đá và đẩy xe rùa, tức loại xe thùng sắt rất nặng, chạy trên đường ray sắt, thứ Pháp gọi matériel Decauville, ngày nay tù khổ sai cũng không làm công việc lao lực và nguy hiểm này. Mà hỏi vì tội tình gì ? Thừa không tội gì khác hơn là tội muốn giữ trọn phận sự làm cha tốt làm chồng ngoan, muốn nuôi con nuôi vợ được ấm no, không muốn bỏ bê gia đình, muốn làm tròn phận sự con dân vì biết phận mình là thấp hèn, nhứt là không muốn làm trò khỉ đội mũ, tưởng mình ở trên đầu trên cổ đồng bào, ngày thường ăn xơi ăn bột của dân, và khi vô cửa quan

thì vâng vâng dạ dạ, khúm núm lạy từ Tây mũi lỗ đến lon-ton (planton) tòa bố ? Biết đâu chừng nhờ Ba chịu khổ nếm mùi tù mà ngày nay con cháu khỏi mắc nợ và có nhà che thân có cơm no dạ.

Thảm nhút là ngày Ba tôi mãn tù ra về là trong nhà đang làm tuần thất thất (bốn mươi chín ngày) cho bà nội tôi và như vậy cũng vì tránh nạn làm làng mà Ba tôi không tròn chữ Hiếu. Ba tôi rất lành nghề thợ bạc, có thể nói trong tỉnh không ai giỏi hơn.

Ngày nay người chủ lò chỉ biết nấu vàng, thổi vàng cho chảy ra cục, rồi cân và giao cho thợ con trở ra món đồ bán lấy tiền, biết bao nhiêu ấy đủ xưng là chủ hiệu kim hoàn. Đối với lớp xưa, nhút là đối với Ba tôi thì khác :

1. Làm đồ ngang, tức là đồ nữ trang

trơn bóng, tỉ như kiềng vàng trơn hay có chạm, hoặc như vòng trơn đeo cổ tay hay cổ cẳng, thì Ba tôi làm thật trơn bết, khéo léo, không sần sượng, và nếu có chạm thì không lủng lỗ nhưng nét chạm phải thật sâu và tinh vi mới gọi là khéo.

2. Về đồ vàng chạm, ngày nay chỉ có thợ Bắc và thợ Huế còn giữ được cổ truyền. Hại thay vì ít người biết thường thức nên nghề chạm ngày càng mai một, thêm ăn tiền công mắc lắm nên ít ai dám đặt làm. Ba tôi thợ giáo với những người thợ có danh lớp trước do ông nội tôi rước về dạy, cho nên nội Sốc Trăng thợ chạm đều chạy mặt Ba tôi, kể về nghề nghiệp. Hiện tôi còn giữ một chiếc vàng sáu chỉ chạm kiểu bát tiên kỳ thú nhứt thi nhứt họa, dưới mỗi ông tiên đều có một hàng năm chữ nho giải thích, thiệt là một kỳ công xảo thủ. Chiếc vàng này là kỷ niệm

duy nhút của mớ nữ trang trên mười lượng của mẹ tôi để lại.

3. Về đồ đậu, tức là vàng đậu bông đậu trái như trâm cài tóc, nĩa cài đầu, móc tai, hoa tai, đồ trang sức này thuộc đồ nhỏ, đậu vàng, kết chỉ vàng thành chim phụng hay bông tai, cài trên đầu mỗi bước mỗi rung rinh, linh động, nhưng nay đàn bà phụ nữ cắt tóc ngắn, không thấy dùng nữa. Xưa Ba tôi học đủ nghề đồ đậu và đồ nghiêng. (Nghiêng là vàng cắt khúc từ sợi ra hình con cuốn chiếu, v.v... Vàng nghiêng nguyên miếng khác với vàng đậu do nhiều miếng ghép và đậu vào).

4. Nghề làm đồ đất, đồ bịt, Ba tôi đều khéo. Ngày nay thợ Huế bịt tô xưa theo kiểu “lá hẹ” “ba lá”, “giảm trống”, “bịt tam khí”.

Những danh từ này thuộc chuyên môn ít ai hiểu. Bịt lá hẹ là giống lá hẹ cọng hẹ ; bịt ba lá thì y như ba lá ghép lại có cạnh vuông vắn sắc sảo ; bị giảm trống thì tròn như vành trống ; (mấy nghề này ở Huế thợ còn giữ được cổ truyền). Bịt tam khí, chuyên môn của thợ Bắc, là bịt món đồ bằng ba kim khí khác nhau, một lớp đồng đỏ, một lớp bạc, một lớp thau. Ngày xưa lối 1900, ở Sa Đéc có thợ Vĩnh bịt khéo, từng gởi nữ trang qua dự đấu xảo bên Pháp. Món chuyên môn là bịt chân voi cắt thành ống để giắt bút, giắt quạt v.v...

5. Nghề vắn neo đặc kiểu chữ ngũ, kiểu đuôi chệch, v.v., lại có thứ neo bông, bên trong có đồ đế cho dùng móp (đế là đá cà ra cát mịn). Nghề vắn neo, Ba tôi làm rất khéo và rất mau. Mỗi cây neo tiền công là năm đồng bạc, làm ròng rã

một ngày là xong, tính ra ăn sương tiền hơn làm nghề thầy thông thầy ký, lương tháng không hơn hai chục đồng (không kể tiền trà nước).

Ba tôi rất sáng, lại có hoa tay, những món đồ gì kiểu lạ, miễn thấy một lần là nhái lại y hệt. Ba tôi rất thận trọng, vàng của ai đem lại đặt làm món khác thì không khi nào tráo đổi, tuổi vàng nào giữ y tuổi đó, còn số cân số lượng thì có chạm khắc vào món đồ không sai chạy ly nào. Thuở đó những lò kia như của chú Sáu Lâu, chú Ba Vị, bác năm Cài. Bác Thọ Đợt, chú Tư Khánh, vẫn thường cho vợ con đi các nhà quen vợ mấy thầy hay y bang (vợ các bang trường), mấy bà chủ tiệm hàng xén, lãnh đồ về làm. Ba tôi rất ghét sự ấy, và một đôi khi mẹ tôi vị bụng chị em bạn tay bài lãnh đồ đặt làm đem về đều bị Ba tôi trách cứ. Kỳ thật Ba tôi

ghét sự quảng cáo, theo ý Ba tôi, hể nghề mình hay khéo thì tự nhiên tiếng lành đồn xa, “hữu xạ lự nhiên hương”, hà tất phải đi lãnh mỗi từng nhà cho chúng khinh.

Nhà cũ của Ba tôi, như đã nói, có ba căn mát mẻ. Căn giữa có lót bộ ghế trường kỷ đặt làm tại Vĩnh Long. Trận tản cư vô Thanh Thới An bị cướp Thổ đoạt đi một thời gian sau chuộc về (nay tôi đem về nhà tôi ở Gia Định). Hai căn hai bên thì bên tả để bộ ván gỗ ba tấm thật dày kể một tủ áo gỗ và sát vách buồng là bàn thờ ông bà, tổ tiên. Căn hữu trước hết có một bàn kê sát vách trên để những ống gỗ đựng đồ nghề thợ bạc (búa, giũa, v.v...) kể đó là bộ ván ba gỗ sùng bóng thấy mặt, bên trong là bàn thờ mẹ tôi, dựa vách buồng day mặt tiền ra trước. Trên đầu bộ ván sùng có để

một máy cán vàng do Ba tôi mua lại của hội đồng Thái Văn Bồn. Bàn cán nầy ông Bồn mua tận Marseille trong một cuộc đấu xảo thủ công nghệ. Bán lại Ba tôi giá một trăm bạc. Bàn cán nầy vừa nhẹ, cán vàng rất khỏe, hai ống thép trụ rất kỹ, sáng ngời ; xài mấy chục năm mà vẫn còn như mới, không hề hấn, những lò khác vẫn mua máy cán tân thời nhưng không sánh bằng, tiếc thay năm tản cư vô Thạnh Thới An bị giặc cướp của Quán Keo chiếm đoạt¹².

Vì nhà Ba tôi rộng rãi và mát mẻ, thêm có hai bộ ván bằng phẳng, nên

12 Cũng mất luôn trong kỳ chạy giặc nầy: một bắp trăm gà trước mua của chà Châu Giang tên Tăng Khạo Keo, một gà ung tối cổ, một nanh heo đặc, một nanh cạp bông, một nanh sấu đặc và một sừng nai ung lâm cán dao ăn trầu, những món nầy nay kể ra nghe buồn cười, nhưng đó là dấu tích kỷ niệm gia bảo trong gia đình chúng tôi riêng quý trọng. Chính tên thổ Keo trước làm hương quản đến năm đảo chánh ra mặt ăn cướp làm khổ cho đồng bào ta một lúc, chính nó chiếm đoạt những vật nầy, xin chuộc lại không được. Sau tên Keo cũng bị thủ tiêu vì tàn ác quá.

nhóm chà chetty cho vay bạc lại làm quen và trưa nào họ cũng kéo nhau lại đây nằm nghênh ngang như trâu nước, sau khi chà lết thì ngồi ăn trâu, mỗi lần ăn một hơi mười mấy lá trâu chó không như ta một miếng là một lá, rồi châm với nhau nghe trăn “hoạch ne nẹ ?” Không một ai hiểu nổi. Buổi ban sơ vì tốt bụng Ba tôi không nói năng gì, nhưng về lâu Ba tôi thấm mệt, nhớ lại bọn nầy là bọn cho vay cắt cổ, mình vốn không thiếu nợ nó, nay hà cớ chúng tụ tập nhà mình chi cho khỏi chòm xóm dị nghị, và từ ấy Ba tôi từ chối không tiếp họ nữa. Có một lần lão tào kê mạp nài nỉ muốn bán chịu cho Ba tôi một sớ đất thổ trạch toạ lạc lại Đầu Voi dọc bờ kinh xáng, lúc đó vừa mới đào xong. Gặp người khác thì đây là một hoa lợi to về tương lai và một cơ hội ít có. Nhưng đối với Ba tôi là người sợ nợ và ăn chắc mặc dày, nên Ba tôi không

khủng mua liều lĩnh như vậy.

Vào khoảng năm 1917–1918, tôi có theo Ba tôi qua tỉnh Rạch Giá dự cuộc bán đấu giá, cũng gọi bán pháai mãi, ruộng làng Phước Long, dọc theo kinh xáng mới đào. Mỗi lô đất thuộc ra giá năm chục đồng bạc, và trung bình bán được từ bốn trăm đến năm trăm, mỗi sở ruộng mười mẫu Tây (10 ha). Ba tôi có mua được một lô sáu trăm bạc, vì là đất tốt, của ông già Mây khai khẩn và chịu nhượng quyền tiên mãi cho Ba tôi. Vài năm sau Ba tôi bán sở đất này, vì mỗi năm đi thuê lúa ruộng xa xôi quá. Ba tôi có xin xăm nơi chùa ông Bốn tại Châu Thành Sóc Trăng, cây xăm có câu rằng :

“Vân hoành Tấn lãnh gia hà tại,

Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền”.

Đây là dẫn tích ông Hàn Dũ vì can vua nên bị đày qua đất Triều Châu, Ba tôi cho là điều không tốt nên bán ruộng không tiếc.

✱

TRỞ LẠI BA TÔI

Ba tôi thôi làm nghề thợ bạc rất sớm, lúc chưa hơn bốn mươi lăm tuổi. Cũng tại chánh phủ bày ra sổ biên chép phiên phức, mỗi ba tháng phải ôm sổ đi trình cò bót duyệt ký, chờ đợi lòi thôi. Lại thêm môn bài tăng hoài chớ không bớt.

Ba tôi tánh không ưa câu thúc, bèn trả quách ba-tăng (patente) và cũng vì năm 1919, khi đưa tôi lên Sài Gòn học trường Chasseluop, Ba tôi đem tiền theo mua năm chục lượng vàng hiệu Đồng

Thanh có đóng dấu nổi con ngựa, là vàng tốt hơn hết thời đó. Sở dĩ mua 50 lượng vàng là vì hăng buôn bán ra vàng mua lẻ thì gói giấy bạch, còn mua 50 lượng thì cho thêm một hộp đựng bằng trắc khéo lắm. Mỗi lượng mua tại Chợ Lớn đường Quảng Tổng Cái (Quảng Đông Nhai nay là Triệu Quang Phục) giá năm chục đồng bạc. Dem về Sốc Trăng bán lại năm mươi mốt đồng, lời mỗi lượng một đồng. Nhưng lời đâu không thấy, từ ngày mua về giá vàng cứ sụt mãi, thét rồi tới năm kinh tế khủng hoảng lối 1933, giá vàng chỉ còn mười chín đồng một lượng, Ba tôi lại không biết phương pháp mua nhồi theo, giữ đúng số năm chục lượng mặc dầu trời sụt, thành thử vốn một ngày một hao mòn, Ba tôi không thối chí và dẹp nghề làm sao được.

Ba tôi có nhờ người sang Trung Hoa

lấy số Tử vi và lá số đoán Ba tôi tuổi không quá năm mươi. Lúc đó Ba tôi được bốn mươi hai, bốn mươi ba tuổi, bởi tin nơi lá số nên dạy tôi nghỉ học và ra làm thợ ký. Ngờ đâu Ba tôi thọ đến năm này là tám mươi lăm tuổi giận sách số trật, lấy ra xem lại, thì trong Tử vi có phê câu hớ :

“Phú quý song toàn, hiểm thọ đoán,

Đa hành thiện sự chuyển thiên cơ”

Giận sách không xong, chỉ nên mừng Ba tôi được thọ, và cái thuyết “an phận tùy duyên” là hay nhất.

✱

Tóm lại, Ba tôi càng cứng tôi nhiều, vì cho đến năm 1915, tôi là trai nhất duy nhất :

1. Lúc tôi nhỏ, làm xe cát có bánh xe chạy được bằng mai con cần được cho tôi chở cát chạy chơi trong nhà ;

2. Khi tôi đã trọng còn nách tôi đi xem hát ;

3. Khi tôi trưởng thành, ra làm việc, tôi có tánh thích chơi đồ cổ Ba tôi không nề hà cực nhọc, ra công bịt vàng bịt bạc và biến chế nhiều món xảo thủ không ai có. Mặc dầu trải qua nhiều cảnh thiếu thốn, tôi không dám bán ra và xin dặn con cháu nên giữ làm kỷ niệm : một thổ lớn thợ Thiệu (xem sự tích nơi trang 177 cuốn “Sổ tay của người chơi cổ ngoạn”), nhiều bình vôi có nắp bằng vàng nạm ngọc, chính người dì của tôi, mẹ của Vương Tấn Phát (đã mất), mặc dầu không tiền cũng rán mua cho tôi nhiều món lạ tôi phải giữ gìn cho xứng ơn người kế mẫu hiền.

4. Một kỷ niệm khác là khi tôi vừa ra trường làm việc nơi trường máy đường Đỗ Hữu Vị, mỗi lần Ba tôi lên thăm, mượn phòng gửi hành lý rồi đến trường trao danh thiếp cho người tùy phái cầm vào cho tôi. Thừa Ba, con đâu phải ông lớn nào đâu mà Ba trịnh trọng thế, ngày nay nhớ lại con cảm động làm sao.

5. Những bức thơ của Ba tôi viết và gửi cho tôi từ khi còn đi học Chasseloup trải qua các tỉnh tôi đã làm thơ ký mượn. (Sa Đéc, Cần Thơ, Sài Gòn) đều đượm nhuần một giọng yêu thương, vì tôi là con trai trưởng, tôi hưởng nhiều tình thương và ân huệ của Ba tôi hơn các em Quan, Cảnh, Hạnh, Vinh và Phát. Những thơ này tôi kết thành một tập, sau này sẽ trao lại cho con tôi, là Bảo.

Tiếc thay tôi là một đứa bất hạnh bất tài. Hai phen trước cưới vợ đều gặp

người chẳng chung tình. Một chị vừa chín tháng đã hồ tan keo rã, không phải lỗi về tôi. Một chị sau, thể thốt đủ điều, ở với nhau mười chín năm trường rồi cũng bước sang thuyền khác. Tôi quả là hư. Phen thứ ba không làm hôn thú, chỉ làm tội cho người tình thật.

Ngày nay Ba tôi đã già, tôi biết thương thì quá muộn. Chiến tranh kéo dài, tôi không ở được tỉnh nhà để thần tỉnh mộ khang, trăm sự đều trông cậy vào Quan, tôi lãnh phần bất hiếu. (Tù Nhớ Ba tôi đến đoạn này, viết trước ngày 14-7-1959 là ngày gởi tập nầy cho Quan cầm tay về cho Ba duyệt lại nhưng sau rõ ra Ba tôi không đọc được vì bản chép tay, mắt già đọc nhức mắt, nên không đọc)

Qua ngày 20-2-1961 (mồng sáu tháng giêng Tân Sửu) viết tiếp :

Ngày 1-1-1961 (rằm tháng chạp Canh Tý), nhân được nghỉ lễ Tết tây, vợ chồng chúng tôi và Bảo, đồng về Sóc Trăng, được thấy mặt Ba lúc còn khỏe mạnh. Đây là vì nhớ thương mà về chớ không có thơ báo trước, ngờ đâu đó là mười bảy ngày trước khi Ba tôi lâm chung, cha con thấy mặt nhau lần này rồi vĩnh biệt. Lúc ở nhà tại Gia Định, tôi thấy trong lòng xốn xang bứt rứt như có linh tánh báo điềm. Về nhà thấy Ba tôi ốm hơn kỳ viếng thăm mấy tháng trước, khi đi đứng lưng thấy khòm hơn ngày thường. Tôi đề nghị rước bác sĩ, nhưng Ba tôi nói: “Thầy thuốc rước cũng vô ích. Họ cũng là người họ cũng chết và không cãi trời được. Chỉ tốn tiền cho con cháu. Ba nay như đèn hết dầu, chùng nào tắt cứ để cho nó tắt, vậy thôi !”.

Tôi hẹn ngày hai mươi ba tháng chạp

sẽ về, hay đâu ngày mồng một tháng chạp, Ba đứng trên cầu thang định bước xuống tầng dưới nhưng không được, chợt có đứa cháu nội đi lên, Ba nhắc bảo “Quan lên Ba biểu”, nhưng nhà đèn tắt, Quan là em tôi sửa được rồi chạy lên mới hay lúc nãy trong mình Ba thấy mệt, định đánh dây thép gọi tôi về, nhưng nay đã khỏe và Ba tôi đổi ý kiến sợ gọi tôi về mà không có việc gì thì tốn hao nên không muốn. Quan thuật lại lúc ấy thấy Ba khòe mắt ướm tròn. Đêm mồng một rạng mồng hai, Ba ho suốt đêm không ngủ. Ba tôi nói với Quan bữa đó là ngày đại hàn, nên trời lạnh hơn mọi khi. Sáng mồng hai đúng bảy giờ rưỡi, ở dưới phố tiếng nhạc chào quốc kỳ trỗi vang, nơi phòng thông tin thì trên lầu Ba tôi thở hơi cuối cùng. Chỉ có mặt Quan bên gối. Mỗi lần Quan đỡ Ba nằm dựa lưng vào gối. Ba đều day mặt ngó về hướng bàn

thờ tổ tiên. Quan hỏi xin giắt mừng, Ba còn gác đầu ứng chịu. Quan hỏi thêm : “Trong mình Ba có khỏe chẳng ?” Ba cũng gác đầu, nhưng rằng đánh bò cạp nhiều. Mắt Ba đỏ ghèn, Quan lấy khăn ẩm lau mặt cho Ba, kể Ba tắt thở.

Lúc gần lâm chung, vợ Quan hỏi Ba có trời lại gì không, thì Ba lắc đầu, kê một lát rần nói : “Các con rần lo mà trả nợ !” Quan tiếp, hỏi thì Ba còn nhấn rõ : “Trong rường Ba còn ba ngàn bảy trăm đồng của Sển cho, hãy lấy lên cất kỹ, lo việc tổng táng, kéo mất”.

Lời nói chí tình tỏ ra cho đến phút chót Ba không lẫn lộn, vẫn minh mẫn sáng suốt cho đến khi tắt hơi. Tiền nầy tôi dâng đã nhiều năm, té ra Ba tôi không dám sử dụng, và vẫn lấy ra có ba trăm xài vật cho chác mấy đứa cháu nội thường nịu áo xin tiền ăn bánh. Ba tôi

có tánh kỹ lưỡng, trong rường những mảnh giấy con để ghim xấp bạc, Ba tôi cũng không đành bỏ ra. Bạc Ba để trong ô thau là vật duy nhứt sót lại của cái gia tài Ba mất trọn trong điển Xã Lớn, anh vợ của Quan, trong làng Thạnh Thới An, năm tản cư 1946, sau tìm lại được mớ nhăm và cái ô thau này.

Tám giờ sáng, Quan đến sở bưu điện đánh dây thép lên tôi, mười một giờ tôi nhận được tin dữ tại Viện bảo tàng. Lật đật viết thư để trên bàn xin phép nghỉ vài ngày tang chế. Về nhà lấy mớ y phục, dắt vợ con chạy ra bến xe, thời may chuyển xe chót về Sóc Trăng, xe Nhơn Hòa vừa sắp chạy. Hai mươi giờ xe tới Sóc Trăng.

Hai mươi giờ bốn mươi lăm về tới nhà, lên lầu quì dỡ khăn đậy mặt thì mắt Ba nhắm hi hí, không khít. Khóc, lạy, lấy tay vuốt mí: “Xin Ba nhắm mắt yên lòng,

và dừng nuôi Cảnh, lúc ấy còn trong lao tù ở Phú Lợi”. Vái rồi quì lạy. Độ hai chục phút sau khi dỡ khăn đắp mặt lần cuối cùng để từ giã giờ phút chót thì mắt Ba nhắm khít rịt, ôi thiêng liêng thay. Mặt Ba tươi như người ngủ, da trở lại hồng hồng, không tái mét như bữa hội ngộ một tháng giêng Tây. Miệng Ba nở một nụ cười, bằng lòng. Mười một giờ khuya tàn liệm. Quàn linh cữu năm ngày. Cái thọ bằng cây trai sấm sắn từ lâu. Ngày mồng sáu tháng giêng tây 1961, đưa linh cữu về an táng trong rẫy nhà gần bên mộ tổ tiên và gần mả của mẹ tôi.

Suốt một đời lêu lổng, chỉ làm khổ tâm cho cha già, xa thì nhớ thương, khi đến gần thì cãi lẽ, xung khắc cha tuổi hội con tuổi dần, Ba nằm yên nơi đây, có tha tội hư của con chăng ?

5. NHỚ TUỔI HỒNG, TUỔI XANH

Fock-lock-cháy, lúc ấu thơ rất được cha mẹ nuông chiều. Muốn gì được nấy vì nó là đứa con sống sót trong một lửa con chết sẩy từ lúc bé không nuôi được đứa nào. Ba tôi cho đến hai mươi tám tuổi mới sanh ra tôi, vào thời đó như vậy đã gọi là cảnh cha già con mọn.

Những tuổi êm đềm thơ mộng khó quên là những tuổi hồng tuổi xanh : tuổi hồng kể từ lên bốn lên năm vừa hiểu biết chút ít cho đến tuổi cắp sách vào trường tam sư học đạo, lên bảy lên tám ;

tuổi xanh là từ lớp nhứt trường tỉnh lên trường trung học ngày trước, mười sáu đến đôi mươi. Đó là những buổi “toàn hường”, vô tư lự sống nhờ cơm cha áo mẹ ; nung đúc bởi nhà trường.

Khi đến tuổi biết muốn vợ – có người xấu máu tóc điểm vài sợi chỉ bạc lúc ấy, tôi đổi lại gọi là tuổi thanh xuân hay là thanh niên Pháp có câu : “il a vingt ans, et c'est le printemps”, phải nói chữ nguyên câu Pháp văn chớ không nôm nữa, và câu này tôi dịch thoát : “Nó tuổi đôi mươi, ngoài kia hơ hớ mùa xuân”.

Tôi có tên Fock-lock-chảy trong buổi tuổi hồng tuổi xanh ; đến khi nạp khai sanh thi tiểu học bước vô đời với mới tuổi thanh xuân, lúc ấy tôi mới có tên thiệt thọ “đi không đổi, ngồi không đổi là Vương Hồng Sển”.

Cũng không ai gọi tôi là Phước Lộc Nhi theo Việt, tôi đích thị là Fock-lock-chảy, vì thuở ấy con xấu háy là “thằng Chó” (à Cáo کیا) hay thằng Heo (à Tư کیا), chó không gọi khác được.

Fock-lock, con trai mà chưng diện như gái. Áo lãnh đen may túi lá liễu thôn đầy vụn ó và hòn bi ; quần lãnh đen lưng vụn chó không có dây rút ; khi nào lễ tết mẹ may cho đồ mới, quần lãnh đi đôi với áo bành tô cùn-xá¹³ màu khói nhang, túi trên lưng lủng lẳng có sợi dây chuyền vàng và cái đồng hồ nho nhỏ. Nhưng nói như vậy chưa đủ, phải để tôi kể lể dài dòng. Fock-lock-chảy được cha mẹ cưng không chỗ nói. Từ lọt lòng cho đến bốn tuổi. Fock-lock ưa nhay cười và rất yêu đời,

13 Hàng cùn-xá cũng như hàng Bắc thảo là hàng lụa xuất xứ ở Thượng Hải, Bắc Kinh, vừa chắc vừa dày vừa đẹp, khi Trung Quốc còn giao thiệp, vẫn bán qua đây, rẻ tiền mà chịu đựng xấp hai lần hàng tân thời vì dệt bằng tơ tằm nguyên chất.

mỗi lần thấy các thím, thím đồng hồ, thím bán á phiện, hoặc các cô ký, cô phủ lối xóm, liền nhoẻn miệng cười, choàng tay xin ẵm xin bông. Nhờ vậy cũng đỡ tay cho mẹ tôi, còn phải vo gạo thổi lửa, làm cà đung tối ngày mới đủ nuôi sống một gia đình, vốn con nhà thợ bạc, tay làm hàm nhai, chật vật. Ngày nay tôi còn nhớ thuở ấy nơi dãy phố ngang nhà có cô Mười Út, sau tôi có gặp lại ở Gia Định thì cô đã trên bảy chục tuổi đầu lúc tôi còn nhỏ bé, cô đã từng bông ẵm đứt cơm dõ ngủ, nay cô đã mất từ lâu, hỏi tôi có làm chi để báo đền cô chưa nghĩ tới thật là ái ngại.

Lớp xưa cỡ tôi và chúng bạn đồng tuế, không văn minh như các trẻ ngày nay. Đã là con nhà thợ bạc, chữ “công” đứng sau chữ “sĩ” cha mẹ tôi cũng con thật nhưng làm gì dám xa xỉ vì con. Mẹ

tôi may cho tôi một quần yếm khoét đáy với lãnh dư của bộ y phục dưỡng già của bà nội thêm che thân trên bằng một áo vải bông có kèm cái dây trước ngực để phòng phểu nhão. Ngày tết, ngày lễ, mẹ tôi mặc cho tôi một cái áo cẩm xá (củn xá) màu khói nhang, đơm năm nút bằng vàng thật, và một cái quần lục soạn mới tinh khôi, mỗi khi đi khi chạy nghe sột sạt quần báo tin trước ba làng cũng biết. Cũng vì lẽ ấy, về sau khi lớn khôn làm ông này thấy kia, tôi vẫn thích mặc đồ cũ lam lũ hơn là mặc y phục mới, đã bực bội thêm mất vẻ tự nhiên. Bận đồ mới đồ tốt, với cái tuổi còn chưa chóp ham chà lết chỉ có nước làm áo quần mau dơ mau rách rước roi đòn không nữa cũng bị rầy rà, nên tôi ghét quá. Cái áo khói nhang ấy lại có may hai cái túi thật lớn, miệng khoét đứng theo hai bên hông, nay không còn thấy nữa. Tôi chịu thứ

túi “lá liễu” nầy lắm vì thồn khăn mũi và bao nhiêu đồ chơi, túi cũng đựng nổi : bông vụ ó, đạn bắn đánh nẻ, ba hột lúc lắc, đồng xu lá bài để chơi, đồng xu ăng-lê thật đầy, túi đều dư sức chứa, thật là, vừa tiện vừa gọn, chỉ phải túi phì ra khó coi, và mỗi khi chạy cho kịp lượm hột điệp hay trái xoài chín vừa bị gió thổi rớt, khi ấy cái túi lá liễu mới thấy nặng nề làm sao.

Một tháng một kỳ, đúng ngày rằm tốt ngày, mẹ tôi sai đi tiệm hớt tóc cho thầy hủ chục cạo đầu một lần, và mỗi lần cạo đầu là mỗi lần nước mắt tuôn rơi. Muốn đỡ tốn kém, hà tiện được hai đồng xu, mẹ tôi không cho vào tiệm lớn mắc tiền, và ép tôi phải cạo nơi tiệm chú Hĩa mập, tiền công chú lấy có ba xu, thay vì tiệm lớn năm xu, hoặc một cắc (mười xu) khi cạo cho người lớn và có vấy tai. Với ba

xu, tôi phải tốn bao nhiêu nước mắt, vì chú Hĩa, với giá ấy, cạo với dao cũ, không bén lắm, tôi phải chịu vừa đau, vừa rát, hít hà lên hít hà xuống không biết mấy lần, tuy vậy cũng phải rán chịu, vì còn hơn cạo ở nhà với con dao lứt nhầy, mỗi lần, mẹ cạo, phạm dao thì có thuốc trị là dầu dừa và khi nào vết phạm khá lớn thì lại cũng vẫn dầu dừa có pha thêm chút lọ nghe chảo để cầm máu như các nhà sư.

Tôi đến tám tuổi mới ôm cặp vào trường, cũng vì Ba tôi sợ nhỏ tuổi đi học bị bạn lớn húng hiếp, té ra vì học trễ cho nên sau này phải sửa khai sanh sụt tuổi để được thâm vào trường Chasseloup Laubat, nhưng đó là việc khác sau này sẽ thuật. Từ năm tám tuổi đến năm lên học lớp nhì, được mười bốn tuổi, đã nhổ giò cao chồng ngồng cái đầu, mà mẹ tôi vẫn bắt đi cho thầy hù cạo đầu.

Nhờ năn nỉ lắm, năn nỉ tháng nầy qua tháng kia mẹ tôi mới cho phép tẩy sạch ba cái vá, trả lại nhà chùa, và được thầy hù cạo sạch. Thầy hù là danh từ xưa, gọi các thợ hớt tóc cạo râu đạo. Có lẽ vì thuở đó, chung quanh những năm lối một ngàn chín trăm mười mấy, mỗi lần cạo đầu hay hớt tóc cho trẻ con, chúng trẻ thường khóc la không ưng cho cạo hớt, khiến cho thợ phải hù phải dọa, lâu ngày thành tục, hể nhớ đến thợ hớt tóc thì nhớ lão hay hù hay dọa dẫm, rồi thành danh luôn : “thầy hù”. Nhưng cho đến bao giờ, trẻ nít vẫn còn khóc la và, thợ hớt tóc cũng ba hoa chích chòe, nói luôn miệng trong khi làm việc, và nói thét càn đề phải xoay qua đặt điều nói dối, thành thử ngày nay còn sót lại thành ngữ “nói dóc như thầy hù”. Thêm nữa, có nhiều thợ dở quá, mỗi lần vấy tai móc cục ráy, người bị móc đau thấu trời xanh,

và muốn phi tang nỗi bất tài của mình, thợ vừa rút móc ra, vừa thổi “hù” một cái vào lỗ lai, “hù ! hù”, thổi hai lần khi nào trời xanh chưa thấu, và như vậy họ mang tên thầy hù cũng đáng. Như đã nói vì ít tiền vì tuổi nhỏ, cho nên thầy hù đời đó vẫn xem thường xem rẻ bọn chúng tôi, hạng cạo đầu ba xu, nhưng nay tôi đã lớn, đã được mười bốn mười lăm tuổi, đã đứng bằng chú Hỉa, vì chú mập ú lùn xùn, thế mà chú vẫn xem tôi không mắc thêm chút nào.

6. NHỚ TRƯỜNG CŨ PRIMAIRE SỐC TRẮNG – NHỚ BẠN HỌC XƯA – NHỚ THẦY CŨ

Đến đây, tôi không viết theo thứ tự, vẫn viết lẫn lộn nhớ thương nhớ thầy và nhớ bạn tùy hồn dao động khi khóc, khi hứng tùy trái tim đập mạnh, xin người đọc thông cảm.

✱

– Nhớ *Nguyễn Văn Sâm*¹⁴ – Những người lớp trước tôi hay đồng chạn với tôi, nếu là dân cố cựu tỉnh Sóc, ắt còn nhớ anh Nguyễn Văn Sâm, người cao lêu khêu nghêu nghêu, sau nầy thân làm chánh trị mà không nhà ở để phải đi ở đậu, mặc áo nhín, xài tiền của anh em trợ giúp mặc dầu bên vợ Sâm là tỷ phú nhưng ông nhứt định không nhờ nhờ, và sau nầy ông bắt đắc kỳ tử, chết bị ám sát oan uổng trên chiếc xe buýt chạy đường giữa Sài Gòn - Chợ Lớn, và phải nhờ anh em chôn cất hộ. Sâm chết vì bụng tốt, mãi tin người như tin mình, và vì có quan niệm hễ trọn đời không nhờ bạn và trọn đời biết chia khổ sốt nghèo với anh em lao động thì đã có anh em làm hậu thuẫn và ắt không ai ghét để giết mình làm chi. Xuất thân ở trường Công

14 Về tiểu sử các nhân vật này tham khảo Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXBKHXH, 1992.

chánh Hà Nội, đồng một lớp với những Châu Quang Phước, Nguyễn Văn Vui, và vài ba ông tiền bối lỗi lạc Tây đặc phong đạo lộ cán sự viên (agent voyer) kể về tài tuy có kém kỹ sư kiều lộ Pháp (ingénieur des ponts et chaussées) nhưng tục ngữ nói : “Ở xứ bọn mù, đánh cô ngạn (độc nhãn) làm vua”. Nguyễn Văn Sâm lia bỏ quan trường trong lúc đường mây đang nhẹ bước, dẫn thân vào chánh trị, viết bài Pháp văn tranh luận cho báo La Tribune Indigène (Diễn đàn bản xứ) của ông Nguyễn Phú Khai, và cho báo Đuốc Nhà Nam của đảng Lập Hiến do ông Bùi Quang Chiêu làm lãnh tụ, Sâm sau ra tranh và đắc cử Hội đồng Quản Hạt để rồi vào ngôi tù vì tội làm thủ lãnh hội báo chí (AJAC) chống chánh phủ đô hộ Pháp, tiếp theo bị bắt lưu trú, tức giam lỏng tại Châu Thành Sóc Trăng. Nơi đây Sâm ăn nhờ ở đậu nhà bạn học

cũ là Lương Cư Cường, trước là cộng sự viên của ông Nguyễn Phan Long, kể đến Sâm làm Khâm sai chánh phủ Trần Trọng Kim quyền coi hết đất Nam Kỳ để rồi nghèo sặc máu, bị ám sát trên xe buýt mà cho đến nay hồ sơ án mạng vẫn nằm êm không tìm ra thủ phạm. Sự nghiệp của Sâm chỉ tồn còn lại một tên cho con đường Sài Gòn và một cây cầu Ba Cẳng gần nhà anh vợ cũ trong Chợ Lớn. Khi người vợ trước của Sâm mất, ông Sâm bị lưu trú ở Sốc Trăng và có một vợ trẻ theo phụng sự. Năm 1967 tôi ra Huế, trong một đám giỗ tôi được trình diện với một mạng phụ xưng quả phụ Nguyễn Văn Sâm. Tôi chỉ nhớ Sâm để lại chiếc cầu bê-tông cốt sắt đường Phùng Hưng, nối liền ba ngã trên con kinh ba nhánh, gọi cầu Ba Cẳng, xe cộ không đi được vì cầu toàn nấc thang dành cho khách bộ hành qua lại, nay con kinh đã lấp đi một phần, cây

cầu còn dùng miễn cưỡng phân nửa thôi, và đây là tượng trưng cuộc đời của Sâm, dở dang nhưng không thay thế được, y như chiếc cầu, khéo vô song nhưng nếu ngày kia mở rộng khúc đường này thì chiếc cầu có còn tồn tại mãi chẳng ? Sâm là người tỉnh Sóc, quê ở Bang Long (Giếng nước) lúc nhỏ học trường tỉnh Sóc Trăng có tiếng là học giỏi. Lối năm 1913, có thợ nhiếp ảnh Pháp tên Crespin, xuống chụp hình chung học trò và thầy giáo cùng ông đốc học què tên Francois Gros.

Nhớ nhà trường cũ. – Lúc tôi học, trường tỉnh là một thành sơn đá sửa lại. Lô cốt này do Tây xây cất để chống cự với binh cữu trào đời trước, khi Tây rút đi hết thì thành trở nên trường học tỉnh.

Trường có một từng lầu. Từng trệt vách dày cả thước Tây, từng trên cửa sổ

hai lớp và vách dày, chúng tôi đứng núp trên bệ cửa còn được, dày độ cũng có ba tấc. Khi biến làm trường học thì xây vách ngăn lại, mỗi lớp học khá rộng có bốn cửa sổ và một cửa cái, bắt đầu từ trong kể ra là hai lớp tư, một lớp năm, kế một căn chùa làm thang lầu xây bằng gạch rất rộng rồi tới hai lớp dành làm trường nữ học tạm. Phía trên thang lầu có treo một cái trống lớn để ra hiệu lệnh cho học trò, khi tựu, vô lớp, hay tan học. Từ trong kể ra thì có lớp ba nhì, ba nhứt kể đến một phòng chứa dụng cụ văn phòng do ông đốc Hồ Văn Đoàn làm quản thủ, rồi đến thang lầu khỏi thang là lớp nhứt và lớp nhì.

Căn chót day mặt ra con lộ Bạc Liêu, hướng mặt trời mọc thì dọn làm phòng ngủ của ông đốc Tây tên Francois Gros. Tuy nhà của ông vẫn có nơi sân trường và giao cho bà coi sóc. Bà nầy dạy trường nữ và lên Odonie. Chúng tôi gọi bà là Bà Chằng¹⁵ vì quả thật bà dữ như chằng tinh. Ván lầu làm bằng gỗ giá tị rất bền. Chung quanh vách thì ván lầu làm rời ra và lấy lên được phòng khi bị binh địch bao vây thì quân lính đứng trên bắn xuống. Chúng tôi lợi dụng vị trí nầy mà mỗi kỳ bãi trường vẫn chia nhau chơi

15 Một buổi sáng, tôi vô học trễ, thời xui vừa đi tới lớp con gái thì đụng đầu bà từ trong lớp đi ra. Bà hô to: “à genoux” (quì gối xuống). Tôi ngó lại thấy ngay cửa lớp nữ, trong lớp có con Bộ, con Hai, con Thu, con Được, mình là học trò lớp nhì mà quì trước mặt gái quen thì còn gì thể diện, cho nên tôi nép bên vách để tránh bớt mấy cặp mắt tọc mạch, nhưng bà chẳng trở lại kéo tôi ra quì ngay giữa cửa thiệt là mất diện hàm tu, Tôi nhớ mãi cái nhục nầy. Sau đó bà chẳng bắt tôi qua vườn rau nhổ cỏ rồi tha. Bà quên vườn có trồng cải củ, và hôm ấy tôi học được một món ăn lạ ngày nay trân tu mỹ vị không bì là nhỏ củ cải của bà chẳng ăn cặp với bánh xây vào giờ ra chơi. Không nên rửa vì rửa mất ngon.

trò đánh giặc bắn nhau bằng đạn giấy và viên. Chung quanh trường là một vuông đất rộng lớn trồng toàn cây bông sứ ma xen kẽ với một cây dầu đại thọ và một cây trôm lưu lại thời đàn ông cưỡi, gốc hai cây này to đến mấy ôm. Một nhà bánh ếch ngó ngay mặt trường là nhà riêng quan đốc học.

Ông này bại xui, đi đâu có chống hai cây gậy, nên chúng tôi lén gọi ông là ông đốc què. Ông tánh nghiêm và nóng, dạy học trò mau giỏi, thêm hai cây gậy của ông là hai ông thầy thiết thực hiệu nghiệm hơn ông nhiều. Không khăn đầu thì đánh sau bàn tọa một cách bất ngờ, chữ Tây dầu khó nhớ cách mấy cũng rán nhớ để khỏi bị đòn. Mỗi lần ông đi viếng lớp thì một đứa học trò phải xách ghế theo sau lưng, khi ông dừng lại thì đút ghế cho ông ngồi, đút trể hay đút

sai không ngay mông ông, ông lấy gậy ngoéo cổ thưởng cho vài cây để dừng lơ đãng nữa. Năm đảo chánh 1945, trường bị đốt chạy rụi nóc, thay vì sửa chữa lại, trường bị phá vỡ nhường chỗ cho một đại lộ ngó ngay mặt tòa hành chánh tỉnh lỵ và nhường chỗ cho một sân rộng để khi biểu tình hay ngày đại lễ có nơi nhóm họp. Trường từ lâu đã là một chướng ngại vật che mắt tòa hành chánh nên khi có dịp, thì mấy ông giỏi san bằng hơn xây dựng, sẵn quyền trong tay, đã phá quách ngôi trường cổ tích, đốn luôn cây dầu cây trôm di tích trào xưa, để các ông ngó mát con mắt. Mấy ông thầy cũ, mấy bạn học đồng lớp năm xưa nay còn lại không mấy người. Mỗi lần có dịp về quê thăm nhà, đi ngang qua nền trường cũ, lòng như se lại, bồi hồi. Một chứng tích độc nhất còn lại là một cái giếng rất to và rất sâu, nước rất ngon

đã từng cung cấp nước ngọt cho khắp châu thành trước khi có đặt nước máy, đó là một thế giới thủy phủ tôi rất kiêng sợ từ lúc ấu thơ và từ lúc say mê truyện Tàu, say chuyện Thủy Liêm động của Tế Thiên đại thánh và chuyện Thủy Hử trại của một trăm lẻ tám vị anh hùng Lương sơn bạc. Không biết vì sao, lúc chín mười tuổi đầu mấy phút trước khi vào lớp học, như có gì quấy rầy, tôi ưa lại gần miệng giếng, móc cây dù vào cổ cẩn thận, kìm cặp sách vào tay thật chắc, ngón chân cái ngoéo vào thêm gạch cho đừng té, rồi thì đầu dòm xuống mặt nước, định ninh chớ chi chậm đánh trống ra lệnh vào lớp, có lẽ giờ phút này ông Tôn Ngộ Không sẽ xuất hiện dưới động Thủy Liêm, hay là lát nữa lão Lý Quỳ sẽ xuống giếng khô ôm ông Sài Tấn lên, hoặc ông Giảo Kim trong Thuyết Đường, sẽ xuống giếng tìm của báu, rồi lạy cây cờ nằm dưới đất cho

cờ đứng dậy, rồi được anh em tôn lên làm vua giữa đám lục lâm, vinh vang nhất thời, sướng quá ! Tuổi giàu thơ mộng ấy nay không còn nữa ; đã ra đi mất dạng bao nhiêu tuổi hồng tuổi xanh. Chỉ cái già vô dụng còn lại !

*

NHỚ VÕ THẾ NGÂN – VÀ THẦY NGUYỄN TRUNG THANH – NHỚ ÂN SƯ TRẦN TẤN CHỨC

Năm 1909, tựu trường, Ba tôi dắt tôi vào trình thầy giáo Trần Văn Vận, xin ghi tên học lớp đồng ấu, thuở ấy gọi lớp năm. Ông vốn quen biết với Ba tôi, và không cần giới thiệu. Ông là người hiền lành và không có tánh đánh đập học trò. Duy lớp quá đông, đến gần năm chục

đứa, ông dạy không xiết nên trường cấp cho ông một phụ tá là ông Nguyễn Trung Thanh, ngoài gọi “ông thầy Huê”, và cũng gọi “Thầy mo-ranh”, vì ông lãnh dạy phong hóa (morale) cho các lớp trên. Ông nầy tinh thông chữ Nho, làm thơ bát cú mau lẹ có bộ Nông cổ mìn đàm năm 1904 còn chứa đựng nhiều bài của ông đáng để đời. Ông Thanh rất hiền nhưng cọc. Ông không biết phương pháp dạy dỗ trẻ em, và thường làm bộ dữ cho học trò thêm sợ. Sắp hàng không ngay thẳng thì ông lấy búa cây gõ đầu đến u cả cục. Vô lớp nói chuyện bắt được, ông cho quỳ gối ; còn tái phạm ông vừa bắt đứng vừa nắm hai chót tai và nhún lên nhún xuống, rã gối mà ông chưa tha. Bữa nào ông thế ông giáo Vận, thì chúng tôi sợ thất thanh. Ông không biết dạy, ông nói khó nghe quá, thầy trò không đồng ngôn ngữ thét rồi ông ngã

lòng chỉ gác lớp cho học trò tập đồ. Khi nào cao hứng ông dạy thì cả thầy lẫn trò đều khổ. Ông không phát âm được chữ “r”, ông dạy con cá rô, ông đọc con cá gô, chúng tôi nhái lại y, ông thường cho một củ roi mây. Cá trê, ông đọc cá tê, đứa nào sồn sác nói y hết thầy, ông cũng cho ăn đòn. Thét rồi, vô lớp ông bảo chúng tôi lấy tập đồ ra tập viết còn ông ông lấy hộp phấn làm gối xuống ghế trống kiểm chỗ nằm. Để đề phòng ông đốc què bắt gập, ông cẩn thận sai một đứa chúng tôi gác cửa xem chừng. Vì thế mà tôi biết được tài tháo vát của một bạn cùng lớp là Võ Thế Ngôn, con chú Ba Vị. Ngôn với tôi không xa lạ vì ở phố đối diện nhau trên con đường Đại Ngãi. Ngôn lanh lợi từ lúc bé, cho đến nay đã hơn nửa thế kỷ, tôi chưa quên anh học trò con khon có cái xoáy trầu nơi trán, là Ngôn. Lúc nhỏ khôn lanh hơn chúng tôi nhiều, tại sao

con người tinh ranh ấy lại không thọ, đã chết yếu lúc lên học trường trung học Mỹ Tho. Và tại sao, cứ để ý xem, đứa nào khôn lanh lúc nhỏ, quá quắt hơn ai, thì lớn lên dần lại, cái khôn kia kém đi, hay là có một luật bù trừ ?

Thầy Huế sai Ngôn giữ cửa. Ngôn thừa dịp ra sân, lấy gạch chọi khế, may thời bà chẳng đi chợ, ông đốc không có mặt ở bu-rô, không vậy còn gì thầy mo-ranh ?

Tôi thường bị Ngôn húng hiếp. Mua bánh xây phải chùa Ngôn con tép, ăn bánh quà phải cho Ngôn cắn một chút xíu mới nghe, nhưng tôi vẫn lết đầu theo chơi với Ngôn vì Ngôn có nhiều thao lược trong đây.

Thầy Nguyễn Trung Thanh ở độc thân trong một căn phố nhỏ nơi đường

Bồ Đề trở ra đường Đại Ngãi là con đường chánh học trò năng lui tới. Chiều nào thầy cũng ra đón học trò giờ tan học, bắt râu, đưa thì sai quét dọn, đưa thì mua dầu châm đèn cho thầy ve vãn chị Phù Dung. Thầy tôi hút thuốc phiện. Một buổi chiều kia tan học, Ngôn và tôi lơn tơn ôm cặp về. Còn một trăm bước nữa thì tới nhà, tôi nôn về gấp vì nhớ lại lúc trưa đi học quên đặt nắp ve, sợ thần lằn thừa dịp câu mất con cá thia thia. Bỗng có thầy mo-ranh chân đường gọi lại :

– Sển, mấy để cái cặp lại đó, qua trại thợ mộc hốt cho tao một mớ dăm bào.

– Còn mây là thằng Ngôn, hai xu và chai dầu đây. Đi mua cho thầy dầu phộng.

Tôi thuở nay chưa từng giao thiệp với người nào khác hơn là với mẹ để

xin xu, với Ba để đi ăn mì và với năm ba đứa bạn học một xóm. Thầy mo-ranh sai như vậy tôi lấy làm ngại ngùng, nhưng vì nể sợ nên hóa ra dạn, thầy sai tôi rắc rắc vâng lời, được lệnh đi hốt dăm bào, tôi lấy thúng chạy một hơi lại nhà chú thợ mộc Quảng Đông hốt lấy hốt để một thúng đầy dăm thứ tốt, ém lại chặt chẽ đội về đem nạp thầy đổi lấy cái cặp sách ôm về. Còn số phận thằng Ngôn ra sao tôi không biết. Nhưng Ngôn vẫn không chịu bị lường công như vậy, Ngôn nó khôn hơn mà không nói ra.

Sáng hôm sau Ngôn không đi học và qua ngày kế đó Ngôn cũng nghỉ học luôn. Báo hại thầy mo-ranh vô lớp chờ không được, phải sai tôi kiểm Ngôn và trực Ngôn vô lớp.

– Sao trò hôm trước thầy sai đi mua

dầu phụng rồi không đem dầu về cho thầy ?

– Bẩm thầy, bữa ấy con mua dầu về nhưng vì lật đặt con chạy và té bể chai. Con sợ thầy đánh nên không dám lại cho thầy hay !

– Mấy nói láo ! Rồi hai xu của thầy đâu ?

– Dạ, con đưa cho các chú bán dầu rồi !

– Còn cái chai của thầy đâu ?

– Dạ, nó bể rồi mà ? Thầy không tin, để mai con đem trả cái cổ chai cho thầy.

Trả lời xuôi rớt, thầy giận ầm ách, nhớ lại vì chờ nó mà ghiền suốt mấy giờ, muốn đánh nó ít roi mà sợ cha mẹ nó mết ông đốc khó lòng. Rồi Ngôn về, xin phép

ngủ học thêm hai bữa vì nhà có chuyện. Hai bữa ấy, Ngôn ân cần hỏi thăm tôi tin tức về ông thầy Huế, thăm chừng muốn biết ông có đau ốm gì chẳng, có ở nhà nghỉ phép gì chẳng ? Nhưng tôi vẫn trả lời ông mạnh giỏi, không thấy đau ốm gì và ông vẫn đi dạy như thường.

Hết hai bữa xin nghỉ, Ngôn ôm cặp vô lớp, cái mặt héo queo không bằng hai ngón tay tréo. Lại gần tôi, Ngôn nói nhỏ :

– Hai bữa rày tao xé tập đồ làm tàu, tao thả hình thầy mo-ranh cho thầy trôi ra sông cái chết chìm nhưng nay thầy chưa chết có lẽ chiếc tàu của tao còn kẹt dưới cống chưa trôi ra sông chẳng ?

Tôi nghe làm vậy sợ quá vì thầy đâu đáng tội chết trôi, mà giác đất làm sao được với Ngôn ? Mẹ tôi cho tôi mọi bữa hai đồng xu để mua bánh ăn, má Ngôn

không cho Ngôn xu nào, vì vậy Ngôn thường ăn khín ăn lót của tôi. Tôi mua một gói xôi một xu thì Ngôn ăn nửa gói ; tôi mua một cái bánh xây, tôi chịu lép ăn bột và đậu còn con tép chiên là ngon nhứt thì phải chừa cho Ngôn mà có khi nó còn chưa vừa lòng, thường làm mặt giận mặt hờn. Biết tôi nhẹ bóng vía, Ngôn càng làm tới, và theo nhát tôi :

– Bữa nào tao ra ngoài đồng móc đất sét tao nặn hình ông thầy Huế đem chôn hình trong học cát, tụi bay nhổ nước miếng vào đó sẽ làm cho thầy Huế chết ngột ? Không thôi tao bong hình giấy để ngoài đường cho xe ngựa cán lên thì thầy Huế thế nào cũng chết.

Sau rớt, tôi nói dối, xin mẹ được năm xu, đưa hết cho Ngôn và năn nỉ nó rằng :

– Thôi tha cho thầy Huế đi. Cho tao

xin tội. Năm xu đây tao cho mày đó. Mà cho tao hỏi mày có thật đã té và làm bể chai dầu hôm nọ không ?

– Đâu có ? Tao đập bể chai, để dành cái cổ chai cho thầy coi và lấy hai xu mua lục tàu chúc (chè đậu xanh) ăn hết rồi. Ai đại gì cho ông lường công sai khía mình mỗi ngày làm vậy.

Té ra chỉ có tôi ngu, dầu cứu được mạng sống của thầy, nhưng không đủ chuộc tội, tôi đứt lót lo hối lộ tử nhỏ, tội đối mẹ gặt lấy năm xu.

Ngôn dạy tôi nhiều mảnh lời : phải tập ăn ớt cay, vì món nào của chú bác nhậu đều có nêm ớt ; phải tập uống nước trà Tàu, vì trưa nào mấy chú thợ đi quảnh xủi [Quảnh xủi : nước sôi] (uống trà giắc trưa) mình tháp tùng ăn bánh bao sượng lăm ; phải biết ăn của đứt, khỏi xin tiền

mẹ (việc này tôi làm không được) ; và khi nào bị thầy đánh, đừng nằm xa trúng ngọn roi rất lắm, cứ lăn xả vô ôm chân thầy, ngọn roi trúng ra ngoài gạch hết và roi phớt chút ít nên ít đau. Nhút là phải khóc la cho lớn để thầy thôi đánh.

Học được gần hết năm, ông giáo Vận dạy bọn tôi thuộc lòng một câu tiếng Tây “Monsieur, permettez-moi d’aller au cabinet” để xin phép đi tiêu, đi tiểu. Chỉ có Ngôn làm phách không học nên không thuộc nhưng Ngôn đã có thùng cây dành cho học trò nhỏ nước miếng và Ngôn bắt chấp vệ sinh chung.

May cho tôi, Ngôn học ít năm rồi được gởi lên nhà bà con ở Mỹ Tho học tiếp ; nhờ vậy tôi chậm hư. Ấy, con người như Ngôn, cũng xuất thân trường tỉnh Sốc Trăng cũng được đào tạo một lò với Nguyễn Văn Sâm, kẻ thì lớn lên gan dạ

hy sinh cho xã hội, kẻ thì lấu cá, giỏi tài ăn của lót, Ngôn chết sớm, không thì chưa biết ra sao.

Ông Nguyễn Trung Thanh là một thi gia có hạng, không biết dùng tài học chữ Hán của ông và bắt ông chần trể nít, ông trở nên người bất đắc chí cũng phải. Sau ông đau bệnh thiên thời, đã đem ông vào nhà xác nhưng ông gượng lại sống thêm mấy chục năm nữa.

Trong cuốn sách Pháp “La Cochinchine” của P. Gastaldy, Sài Gòn 1931, trang 12 có ảnh của ông Nguyễn Trung Thanh chụp chung với ông Lý Ni và Trần Chuông, dưới ảnh chưa câu “Evolution – les trois âges 1890-1920- 1930” (Tiến hóa : ba thế hệ) và đó là ba đời thầy giáo, hai ông kia đều học trò cũ của ông.

NHỚ ÔNG TRẦN TẤN CHỨC – THẦY CŨ DẠY LỚP NHÌ TRONG NHIỀU THẾ HỆ Ở SỐC TRĂNG.

Tôi có tật ưa nói xấu người khác. Hỏi tôi có tật xấu gì nữa không ? Nhiều lắm, nhưng tôi chưa khai ngay ra bây giờ và xin chịu khó đọc hết cuốn này thì biết. Tôi học đến lớp nhì (1914-1915). Sợ lên lớp nhứt học không lại chúng bạn sẽ bị đòn nhiều, nên tuy học khá mà tôi tính ở học thêm lớp nhì một năm nữa.

Năm đó tôi đã thuộc bài, làm bài viết suôn sẻ, premier trong lớp nên được thầy thương, thường sai làm việc vặt ; đem thơ về cho thím giáo, xin thím pha cho thầy một tô trà Huế nóng, bưng tô ấy vô cho thầy. Mỗi lần như vậy tôi đều làm vừa ý thầy nên thầy ghi một điểm “đít bon” rần rần. Một sáng thứ hai nọ, thầy vô lớp cặp mắt đỏ chạch, đưa tôi một cắc bạc dạy ra

quán mua cho thầy một ổ bánh mì bốn xu, còn lại mua một tô cà phê sáu xu cho ngon và cho đặc biệt. Tánh thấy tôi ưa sự tinh khiết và tôi vẫn biết ý thầy hơn ai : bánh mì phải gói giấy thật sạch sẽ, và tô cà phê phải thật sạch nhứt là không có bọt đóng trên miệng trên vành. Từ đầu chí cuối đều làm tròn. Duy cái tánh của tôi kỹ lưỡng cho đến nay vẫn còn nên tôi đã làm như vậy và xin các bạn cứ lấy công tâm mà phê phán : Tôi chạy một mạch ra tiệm chú Xâu bán bánh mì cung cấp cho các quan Tây, lựa một ổ bánh thật ngon, vàng lươm giá bốn xu y như lời thầy dặn, xin thêm một miếng giấy nhứt trình lớn, nhưng thay vì gói cái bánh e lát nữa mồ hôi tay làm ướt giấy thầy chê, tôi bèn xếp và thồn tấm giấy vào túi áo, kẹp nách ổ bánh mì còn nóng hổi, về nhà lấy tô của Ba tôi dùng, lau thật sạch, chạy lại tiệm “Cẩm Đường”

có tiếng là bán và pha cà phê ngon nhứt, mua sáu xu cà phê sữa gần đây tới mé, rồi hai tay bưng tô, nách kẹp ổ bánh, tôi đi chậm chậm đếm bước một, từ quán cà phê đường Đại Ngãi trực chỉ vô trường, không khác Tiết Đình San bưng khay trầu rượu đi cầu Phàn Lê Huê buổi Đại Đường. Mỗi bước đi là cái tô cà phê mỗi chao động, thế là tôi phải dừng lại, đợi hết chao hết lắc tôi mới bước thêm bước khác. Đi như vậy được một khúc đường, kế phải qua cầu bon (pont) ; nhưng đến đây gió sông thổi hiu hiu, hơi cà phê sữa nóng bay vào mũi thơm phưng phức, thiệt là khó chịu ! Vừa đi vừa nghĩ trong bụng : Không nên ! Cửa này là cửa thầy mình ! Tội chết ! Đi được một đôi thì tới nhà dây thép, rồi tới băng-ga-lô (bungalow), còn không đầy một trăm bước nữa thì tới cổng trường. Nhưng chịu không nổi nữa. Trong bụng nó sôi rột rột. Trong

miệng bao nhiêu nước dãi cứ tuôn ra : nước ở kẹt rừng nước ở dưới lưới, nước ở đóc giọng, nước ở đâu không biết, bữa nay nhiều quá, cứ chảy ra hoài. Con mắt cũng thèm, lỗ mũi là thèm nhạt. Ngó quanh ngó quất không có một ai đi trên đường. Thây kệ, làm đại, kê miệng vô tô húp một miếng cà phê ; trời đất ơi, nó ngon làm sao. Nhịn không nổi nữa, tôi húp thêm một miếng khá lớn, rồi một ngụm to to. Tới khúc quanh vô cửa trường sát cổng có một dãy nhà canh lúp xúp che khuất các lớp học bên trong. Tôi ngồi bẹp xuống đó đặt tô cà phê trên bệ gạch đỏ, lật vạt áo chùi miệng chùi mồm liếm môi liếm mép thật sạch, cũng lấy tuôn vạt áo lau miệng tô, kỳ mài thật kỹ không còn một vết hoen đoạn rút tờ giấy trong túi áo ra phong kín ổ bánh, đứng thẳng người lên, rồi tay mặt bưng tô, tay trái cầm gói bánh, chậm chậm đi êm ru

vô lớp. Thầy cho mười điểm, tôi xuống chỗ ngồi, lương tâm chưa nở, cái tuổi mười bốn trinh bạch như gương.

Thưa thầy, ngày nay con đã thú tội rồi, thầy có tha không. Mặc dầu lỗi nặng, thất lễ với thầy, nhưng canh cánh bên lòng đeo đẳng trên năm chục năm dư, thầy cũng nên ân xá.

Bình sanh thầy làm ơn cho nhiều thế hệ trẻ, đào tạo thầy đều nên người. Có đứa nào húp lén cà phê của thầy nữa không ? Học trò cứng của thầy năm xưa ăn ở như vậy đó. Lại còn một tội, có thú thì thú luôn. Một buổi chiều thứ năm, qua nhà thầy để thầy dạy phép làm luận văn, thầy bảo quét nhà. Thằng Ân quét nhà trước, ở trần vận chân đỏ, tôi quét nhà sau ; quét rồi hai đứa chơi cút bắt, tôi bắt được Ân động nó một thoi trên lưng, day lại té ra là thầy vì thầy cũng vận

chăn đở và cũng ở trần. Tội như vậy thầy còn tha thay ! Ôn đức thầy thật rộng. Sau năm đảo chánh 1945 thầy nghe tiếng gọi lòng xuất sĩ ra làm chủ quan Bang Long ; mộng giúp nước không thành, thầy xuất gia về ẩn nơi chùa đường đi Bồ Thảo. Năm ấy đến thăm thầy, cùng đi với Nguyễn Hoài Trang, thấy thầy tuy yếu nhưng quắc thước, thầy nói chuyện hăng say, mừng thầy trường thọ. Dè đâu năm sau thầy đau mà không về thăm được. Rồi thầy mất, cũng không về đưa được một tác đường. Có những lúc về Sốc Trăng còn khó đi hơn sang Pháp !

Sám hối thì đã muộn. Cái kiếp ngày nay phải viết lách mới đủ sống, phải chẳng phát nguyên từ tội bất kính đối với ân sư TRẦN TẤN CHỨC.

NHỚ PHAN MINH THẬP - (TƯỢNG NIỆM ÂN SƯ TRẦN VĂN DIỄN, THẦY DẠY LỚP NHỨT)

Cái gì mình không ưa vẫn lẻo đẹo lẫn bần chung quanh, trước sau gì rồi cũng vương, “làm cho khốc hại chẳng qua vì già”.

Ghét răng giả, gặp răng giả, ghét ba ton, gặp ba ton. Bỗng nhớ những việc năm sáu chục năm xưa tưởng chừng như mới xảy ra hôm qua hôm kia đây, không biết tại thời gian trôi quá mau, hay tại nhớ dai, cái máy ảnh trong trí óc chưa nhòa.

Nhớ lẫn lộn, cái năm Tân Hợi (1911) mình được chín tuổi, các chú cắt bì bi [Bì bi tóc gióc đuôi sam bím bím = tóc đánh treó trả của người Tàu đời Mãn Thanh.] xưng Trung Hoa dân quốc.

Nhớ cây sao chổi mang tên người tìm ra gọi sao chổi Halley, nhớ mà không biết mọc năm nào, duy nhớ sau đó thì có trận giặc Âu châu đệ nhất thế chiến (1914-1918). Nửa đêm đang ngủ ngon, cha mẹ gọi thức dậy, nhường mắt không lên, ra trước nhà thấy một chòm sao dài gần giáp vòng từ Đông sang Bắc, mờ mờ sáng sáng, vô ngủ lại, nay mới nhớ đó là sao chổi !

Nhớ ba căn nhà trệt của tổ phụ, lợp ngói âm dương, thấp la đà nhưng che ấm biết bao tình thương : tình mẹ hiền vắn số, tình ba hy sinh nhiều cho chúng con.

Nhớ con lộ mé kinh chạy ra Bãi Xàu, tuy trải đá đỏ nhưng đi êm chọn, thuở nhỏ qua nhà ông Nhứt Đông để thăm Truyện và Kế, tưởng là xa lắm nay dòm lại non cây số ngàn. Xưa cuốc bộ, nay đi xe nên thấy gần. Máy lần lội qua miếu

Tiên sư sau trại lính ma tà để xem ngắm con lính : Cự. Hai. út, Mười, mấy lúc ấy thật là xa lại thấy gần, chẳng qua vì có hơi gái.

Lúc ấy đi chơi mà không biết mỏi. Nay đi xe lại thấy đau lưng. Cái già đã chiếm bản thân mất rồi.

Dân tình buổi đó quê mùa chất phác, không như nay tranh đấu chụp giựt. Sống tầm thường mãi rồi không biết đó là hạnh phúc để mà tận hưởng. Nay sống quá chật vật cũng đừng than van.

Các anh nào có làm ơn cho tôi, lay đã rất hết rồi biết sao mà trả ?

Nhớ Hồ Văn Lắm, sau gọi Mau, rồi gọi Tiên. Lúc nhỏ là bạn chọi và đánh đáo. Lắm đã mất.

Nhớ *Nguyễn Văn Tiên*, con ông Phủ

Tây. Sang Pháp đậu bác sĩ về không mấy năm, tài chưa thi thố, kể từ trần.

Nhớ anh *Bùi Văn Khá*, lớn tuổi hơn tôi, kể như thầy. Ông chưa đến, anh đau ruột dư, bác sĩ bắt tài để cho chết.

Nhớ bác sĩ *Nguyễn Văn Sang*, đồng hương và đồng song. Khi chạy lên Sài Gòn một mình anh sẵn sóc còn thêm giúp tiền bạc, giúp xe đạp để đi làm xa. Sau anh đi tu theo khất sĩ, anh mất năm biển lửa Mậu Thân (1968) xác hỏa táng mà tôi không hay để khóc tiếc người quân tử.

Rồi nhớ lại *Phan Minh Thân* và nhớ một buổi dự kiến Sơn Đông nhỏ rằng, anh diễn tuồng, tôi là khán giả hồi hộp lo cho anh từ phút. Chuyện ấy như vậy :

Khoảng năm 1914, giặc đánh bên

Tây, Tây thua xiểng liểng trời kệ. Ở bên này, tôi đã đến tuổi nhổ giò, bẻ tiếng, nói tiếng mái, tiếng trống. Tôi lên lớp nhứt, học đà được nửa năm có hơn. Lúc ấy chương trình học gồm nhiều giờ dạy tiếng Pháp. Ông Trần Văn Diển, trước học với ông giáo sư Nguyễn Văn Duyên, dạy có phương pháp, chúng tôi tiến rất mau, công ông dạy tôi trót ba năm ngồi một, lớp nhứt, tôi chưa đáp đền. Nay ông đã về châu Chứa. Tiện đây xin khấn ông một nén hương lòng. Thú thật buổi ấy đọc nhiều hơn nói, viết đúng mẹo luật duy nói chưa thành câu, vì tật mắc cỡ miệng, khiến cho khi lên trung học gặp giáo sư Pháp, đối đáp luống cuống ngượng nghịu, mỗi lần tìm được ý, nghĩ ra câu, dịch lại rồi mới trả lời, thành thử chậm đi mấy lần. Bài vở thầy chọn và cho làm đã cao, tuy học lớp nhứt cuối năm thi tiểu học, nhưng trình độ pháp

vẫn gần như ban trung học ngày nay. Mỗi đêm bóp trán mà học thuộc lòng, dồn chữ cho nhiều thức khuya dậy sớm còn sợ học dở làm buồn lòng cha mẹ.

Nhớ lại mà thương Ba tôi nhịn ăn nhịn mặc, muốn cho con sau này vào bậc trung lưu thôi, làm thầy thông thầy ký “cầm bút cầm viết với người ta”, Ba tôi đã chán nghề làm thủ công thường bị hiếp đáp, làm xấu, đóng thuế chuộc công sưu nặng nề. Muốn cho con bọc nhiều tới Hà Nội lại e không đủ sức.

Một bữa chiều thứ năm, có lệ nghỉ trọn ngày, ở nhà làm bài vở vừa xong, độ bốn giờ chiều, tôi lại rủ bạn học cùng xóm, Phan Minh Thân, thả một vòng chợ cho đỡ tù chèn. Đến sân trống gần chợ thịt, thấy một chú Sơn Đông mãi võ đang bày hàng chiêu khách. Một mình chú vừa đánh trống vừa gõ phèng la nghe

cũng rậm đám. Hai đứa tôi chen vô hàng đầu để xem cho mãn nhãn.

Một bà già trầu má sưng húp, bồng ra giữa sân nhờ lão Sơn Đông xem thử có nhổ được một cái răng cửa, mấy ông thầy kia đều chạy và khuyên để hết nhức sẽ hay. Lão ra giá trước như thuộc lòng : “Nhổ một cái răng phải hai đồng bạc”. Bà vừa ừ chịu, lão biểu há miệng lão xem. Lão rờ mạnh chiếc răng, bà già bùm miệng la “oái” một tiếng lớn và xô tay lão Sơn Đông không cho đụng đến cái răng đau. Nhưng lão nầy, miệng la “Không sao ! Không sao ! Đừng sợ ! Đừng sợ !”, tay trút lọ lấy một chút thuốc cho vào một tờ giấy súc lớn cỡ bàn tay, cuộn tròn giấy lại như điều thuốc và nhét vào chân răng cho bà già ngậm. Đoạn lão xách phèng la biểu diễn hai vòng, phô trương tài nghệ, nào nhổ răng không biết đau, có thuốc

tiên gia truyền v.v., lão đi giáp một vòng tròn đến trước mặt bà lão, đưa phèng la tới trước như để hứng vật gì, rồi lão ra lệnh cho bà già : “Bà tăng hăng đi ! Bà tăng hăng cho mạnh hơn nữa đi !” Qua tiếng thứ hai thì bỗng nhiên cái răng có giấy súc bao lại lúc này đã rớt luôn cả giấy và răng vào phèng la. Một chút nước dãi dính theo đo đỏ, vì máu và cổ trầu pha lộn. Cử tọa và khán giả đứng dậy vỗ tay khen rùm, té ra lúc bà già la ú ớ là lúc lão thấy giả bộ xem răng nhưng đã nhổ rồi mà chẳng ai hay biết. Thật ra từ bà già đau nhức đến khán giả khỏi tốn tiền bao chung quanh sân không một ai tin lão nhổ răng tài tình đến thế. Mà khán giả khâm phục nhiều hơn hết có lẽ là bạn của tôi, anh Phan Minh Thân. Thân đứng dậy vừa vỗ tay cổ võ vừa nhe hai hàm răng xều xáo mọc không đều. Lão thấy Sơn Đông để ý tự này giờ nhưng không

nói, lão xít lại gần, lật ngửa mặt Thân lên, lấy tay chỉ cái răng lồi xỉ vừa nói :

– Răng này xấu lắm, để vậy lâu ngày nó mọc dài đâm lủng môi đấy. Có hai đồng bạc không, tao nhổ cho ?

Thân xụ mặt tỏ vẻ thất vọng, vừa trả lời lễ phép như van lơn :

– Chú ôi ? Tôi không có tiền. Chú làm phúc nhổ răng thí giùm tôi, đi chú.

Lão Sơn Đông nhăn mặt khi nghe nói Thân không có tiền, nhưng lão nghĩ ra một kế, đổi buồn làm vui và nói nửa đùa nửa thật :

– Mày nói đấy không tiền à. Tao chịu nhổ thí nhưng bù lại mày phải giúp tao trọn buổi này, chịu không ? Cũng chẳng khó chi đâu, tao hát mấy đánh phèng la, lấy công thế tiền mà.

Bởi muốn không còn cái răng lồi xỉ xấu xí và bởi không liên, nên Thân ứng chịu. Tức thời Thân lìa chỗ ngồi, ra xách phèng la gõ nhịp theo lời lão Sơn Đông chỉ bảo. Năm phút sau, Thân nghiêm nhiên trở nên một tiểu công thuần thực. Lão Sơn Đông bước vòng quây thì Thân bước vòng quây, lão dừng lại thì Thân cũng dừng theo, lão ngồi Thân ngồi, lão múa Thân múa, hai thầy trò ra bộ giống nhau như hệt, duy lão thủ vai chánh thiết thọ còn Thân là kếp vá nhứt thời. Tồi ôm bụng cười lăn chiêng bỗng nghe lão thầy hét lên một tiếng lớn, một tay bắt ấn, một tay vẽ bùa giữa thỉnh không, và bảo Thân quỳ xuống ngay giữa sân. Lão là một kếp lành nghề, lão chế giễu, nào ở dơ, nào không biết dùng bàn chải răng, miệng nói làm xàm, tay lão mò trong miệng Thân.

Thân la ú ớ y như mù già ban nầy, kế lão cũng lấy giấy súc và thuốc gói một gói cuốn kèn nhét và mồm bảo Thân quỳ một chỗ chờ cho thuốc thấm. Bây giờ tôi thấy lão với lấy cái phèng la, tự tay vừa gõ keng keng vừa rảo chân chào hàng... Đi đúng hai vòng lão dừng lại chỗ Thân quỳ, bảo Thân tăng hắng y như bà già ban nầy. Thiệt là mầu nhiệm ! Cái rằng lỗi xỉ dài nhằng của Thân, giá thử ngày nay đến các bác sĩ nha y cũng phải trần ai mới nhổ được, thế mà lúc ấy vẫn theo gói giấy súc dơ rút tồm vào phèng la như ý muốn của lão Sơn Đông y như có tà thuật yểm trợ.

Thân mừng quá, vừa cảm ơn vừa chạy về chỗ ngồi kế bên tôi, tưởng đã hết chuyện. Nhưng lão thấy há dễ buông tha. Lão kéo tay Thân ra sân hát, cười mà rằng :

– Chạy nợ hả mấy ? Còn hát thí trả tiền nhỏ rằng nữa chứ !

Nói rồi lão bắt Thân nằm dài giữa sân gạch lão trùm đầu và thân thể Thân che kín mít bằng một cái mền đỏ lòm. Đoạn lão lấy trong rương ra một cây dao băng tô¹⁶.

Băng tô : couteau (Pháp thật lớn, thứ các chú bán thịt bò thịt heo chặt và sả thịt). Lão vừa liếc lưỡi dao xuống nền gạch tiếng kêu sột soạt, bóng ngời lạnh mình, miệng không ngớt rao hàng :

– Anh em cô bác hãy xem cho kỹ. Cây dao nầy lát nữa sẽ hành hình thằng nhỏ nầy chặt nó đứt làm hai khúc. Rồi tôi sẽ lấy thuốc dán gia truyền chánh gốc Thiếu Lâm Tự của tôi có sẵn, tôi dán chỗ bị thương, giây lát sẽ liền lạc như cũ, cho

16 Dao bang tô = dao Tàu to bản lớn hơn dao phay dao bầu.

cô bác thấy một môn thuốc thần.

Thân nằm trong mền nghe lão hăm chặt đứt làm hai khúc thì cục cựa, định chừng nó hoảng hồn toan chạy trốn, lúc ấy tôi ngồi ngoài nãy nghe lão nói quả quyết thì tưởng thật, vừa hồi hộp đánh trống bưng lo cho Thân, vừa bối rối không biết phải làm gì để giải vây cho thằng bạn lâm nguy không khéo lúc nãy ra đi có cặp, và lát nữa về không có Thân biết trả lời lành sao cho cô bác nó vì Thân là học trò nghèo ở nhờ nhà ông Quách Sên sau đến ở nhà ông Kinh Lịch Cư, nuôi cho ăn học và không nghe nói Thân có cha mẹ ở châu thành. Giữa lúc lão Sơn Đông cầm dao liếc sột soạt càng căng thẳng nỗi lo sợ của tôi và khách hàng quen, bỗng lão tay trái đè đầu Thân không cho nhúc nhích, tay mặt lão hơi dao chặt phụp ngay hông Thân, máu từ

lưỡi dao phun tóe ướn cái mền đỏ thêm nhiều vết đỏ sạm bầm. Tôi thấy rõ ràng lưỡi dao to lớn cắm lút ngập mất nửa vành ôm sát thân hình bé tí của Thân trong cái mền đỏ, mặt tôi không còn một chút máu, thôi rồi còn gì thẳng bạn mỗi ngày đi học và cùng chơi giỡn với nhau. Tôi ôm mặt khóc lớn, không kể mắc cỡ chạy lại níu áo lão thầy một hai đòi đền mạng. Mà thú thật cả bàng quan khán giả ai ai cũng xanh mặt và đều nín thở với lão thầy, sợ có khi mắc làm chứng một án mạng bất ngờ.

Trong khi ấy lão Sơn Đông vẫn bình thản như thường, gỡ từ miếng thuốc lựa một miếng lớn lòn tay vào mền dán vào mình Thân, rồi đứng dậy đọc một câu thần chú rồi dỡ tốc mền ra, và ô may quá, thẳng Thân của tôi sống nhăn đứng phắt dậy theo cái mền, miệng cười lớn

lên, mất hết một cái răng, mà có vẻ sung sướng. Khi ấy tôi mừng quá, buông áo lão thầy, lật đật nắm tay Thân chạy một mạch về nhà, vừa mừng cho thằng bạn thoát chết vừa nín thinh không dám hó hé nửa lời, một là sợ cha mẹ hay bữa nay mình đi chơi quá lâu, hai là sợ cha mẹ biết mình dám giao thiệp với lão thầy Sơn Đông tà thuật. Trong lòng tôi lúc ấy bị kích thích đến tột độ, đêm nằm mơ không hiểu Thân bị chém thật và nhờ thuốc dán trị lành hoặc nhờ một trò thuật mà con mất thế gian. Sau nhờ cô bác dạy lại cây dao kia vốn bọc ruột trong có lò xo và có chứa huyết heo tươi đầy đầy. Khi chém lưỡi dao biết xếp lại ôm sát thân thể người bị chém và người ấy tức nhiên không hề hấn chút nào. Có chút trò ma giáo như vậy mà hại mình lúc nhỏ hết hồn.

Duy có phương pháp nhổ răng bằng tay không là có thật. Không biết ngày nay còn duy trì hay không, nhưng thuở đó quả chinh mắt tôi ngó thấy. Theo nhiều người luận, Sơn Đông luyện nghề nhổ răng bằng tay một cách tử công phu. Ban đầu họ tập nhổ đinh hai phân đóng trên miếng gỗ mềm. Sau đổi và đóng đinh hai phân trên gỗ cứng hơn. Khi nào cây đinh đóng lút còn chừa một chút đầu ngó thấy mà tay không nhổ được thì khi ấy họ mới hành nghề nhổ răng thiệt thọ. Họ lý luận rằng răng hư răng đau đều mục giòn và dễ nát, dễ vỡ theo kềm bằng thép cứng, cho nên nhổ bằng tay có lẽ “êm” hơn nhiều.

Chỉ tội một điều, các cha Sơn Đông nhổ răng không có học khoa giải phẫu về răng miệng, họ bất chấp vệ sinh, họ không dùng thuốc tê cho người bệnh bớt

đau, họ nhổ càn bừa chẳng qua vì ham tiền, bạ đâu nhổ đó, răng sót chún, răng bể chỉ còn chút chún kẹt trong xương hàm, sau làm độc, ra huyết đến chết người, đều do thầy Sơn Đông nhổ răng dạo.

Về sau, Thân đi học trường Sư phạm Sài Gòn, nửa chừng bỏ, ra thi đậu làm thông ngôn tòa án, đến năm 1945–1946 bị ngộ sát sau cuộc đảo chánh.

Nơi đoạn đầu, tôi có nhắc ông Trần Văn Điền, dạy lớp nhứt trường tỉnh Sóc Trăng trong nhiều năm kế tiếp. Khoảng năm 1912–1919, ông lấy sách nhà làm phần thường phát cho học trò có khả năng, vì lúc ấy sách khan hiếm lắm vì nạn chiến tranh Pháp không gởi qua. Trong những đứa được ân sủng có Nguyễn Văn Công sau làm nơi hăng Denis Frères Sài Gòn và tôi. Khi chúng tôi lên học trường

lớn, ông Điền thôi dạy nơi trường tỉnh để ra kế tiếp ông Nguyễn Tích Thiện, điều khiển một trường tư thực rồi ít năm sau ông làm hội trưởng hội canh nông tương tế (Syndicat Agricole) tại Sóc Trăng ông cũng không ở lâu trong chức vụ này và ông thôi về, an phận tùy duyên với gia đình trong một cảnh không sung túc lắm, nhưng nhờ người nội trợ là bà Nguyễn Thị Võ trước học cùng lớp với chúng tôi, khéo đảm đương và hy sinh, nên con đều thành tài và hiện làm công chức cao cấp.

Ông Điền có một sở học Pháp văn rất vững chắc, ông viết chữ Tây rất “cứng”, đúng mẹo luật, nhưng tiếc thay ông không gặp thời. Sự kết cuộc của ông không xán lạn vinh quang bằng hai thầy cũ của chúng tôi khác là ông Nguyễn Văn

Dương (anh vợ của ông) và ông Trần Tấn Chúc.

NHỚ CÁC THẦY CŨ NGUYỄN VĂN DƯƠNG, CAO ĐẮC LÝ, PHAN THANH VIÊN.

Khóc thầy – Thầy tôi tên Nguyễn Văn Dương, con ông Nhứt Nguyễn Văn Dõng, là thầy cũ lớp xưa đồng liêu với ông Hồ Văn Đoàn sau làm đốc học trường tỉnh, thay cho ông đốc Tây Francois Gros về hưu và là ông đốc Nam trước tiên trong tỉnh. Ông Dõng trước dạy lớp nhứt nên gọi ông Nhứt Dõng và ông Đoàn trước dạy lớp nhì gọi ông Nhì Đoàn. Ông Dương dạy tôi ba năm một lớp, là lớp ba nhì (cours élémentaire B), và lớp ba nhứt (cours élémentaire A) tại trường tỉnh Sóc Trăng vào năm 1912–1913–1914 của một đời đã lui vào

dĩ vãng từ lâu. Sở dĩ tôi học hai năm một lớp tư nhứt, tuy tôi học thuộc hạng ưu, hạng giỏi trong lớp, một là vì thuở ấy không có bôn chôn như ngày nay, cũng không biết tiếc thì giờ cho lắm, và một lẽ khác, xin nói nhỏ cho các bạn trẻ đời nay đừng chê tôi gà ri, là vì tôi có tật nhát đòn, và cũng nói nhỏ, thuở ấy thầy đánh học trò đủ cách và đủ thể. Có lẽ nhờ vậy mà học trò thuở trước nên nhiều nhưng đó là việc khác. Tôi thấy mặt thầy lớp nhì oai qua, đằng đằng sát khí, nên tôi xin ở lại lấy cái ngao đầu “premier” lớp ba mới lên ngồi ghế lớp nhì với ông giáo Chúc mà tôi đã khóc tiếc trong một bài nơi đoạn trước.

Thầy tôi, ông giáo Dương, tôi còn nhớ rõ như mới hôm qua, cũng gọi thầy Hai Dương hay thầy Ba Nhì kể đó gọi thầy Ba Nhứt, khi thầy lên dạy lớp trên

lớp Ba Nhứt của trường tỉnh Sóc Trăng.

Nói cho có vong linh thầy làm chứng, thầy tôi đã từ trần ngọt một năm nay, trong khi đứa học trò của thầy là tôi đã được sáu mươi lăm tuổi đầu và trong khi thầy, vốn lớn hơn tôi từ tám đến mười tuổi, như vậy đã đếm bảy mươi ba hay bảy mươi lăm cái thu sương đông lạnh, cái tiếc hối như vậy cũng không nhiều lắm đâu, phải không thầy ? Bây giờ đời tẻ bạc lắm thầy ôi. Tuổi như con mà có kẻ đã rửa sao không mau chết để tránh chỗ cho họ lên ngôi, lên thay thế. Huống chi những người thất thập dĩ thương như thầy. Họ ác đức lắm thầy ôi ! Bọn già như mình đi phải lắm. Tôi cũng muốn đi như thầy phứt, hiểm vì phận sự chưa rồi, con cái chưa an phận nên đi chưa đành ấy thôi.

Nhớ lại thuở nào thầy là người hiền từ nhút trong các nhà dạy dỗ. Bây giờ các thầy đã yên giấc dưới cỏ xanh. Nói chí riêng, thương thì để bụng, tôi xin chép lại chút ít mối tề, chút ít thôi, gọi đánh dấu một thế hệ đã qua và nói đúng sự thật và theo tôi hiểu, có hai bên vai vác chứng minh.

Ông Trần Văn Vận – Năm 1909 tôi vô học vỡ lòng lớp năm với ông giáo Trần Văn Vận. Ông bận áo bành tô sáu nút bố trắng, hiền hậu. Ít đánh học trò. Giỏi tâm lý và có tính hay dỗ ngọt mà dàn xếp mọi việc đều khoa học trò nhỏ rất mến thầy và đều muốn được chính tay thầy dạy dỗ. Tôi vô lớp thầy, ôm theo tập *Méthode de lecture illustrée* tác giả là ông J. C. Boscq đã bán cho tôi nhiều bộ sách ngày nay vô giá, nay tập sách Boscq đã mất rách nhiều trang vì đã chuyển

tay qua các em tôi học thêm một thể hệ nữa rồi mới trở về tủ sách nhà. Tuy hư rách nhưng tôi giữ kỹ lưỡng như vật kỷ niệm buổi ấu thơ. Thừa thầy, bây giờ có cái nạn khinh rẻ những gì đã xưa. Nghe đâu bên Tàu, họ đang đập phá miếu ông Khổng Tử. Tin ấy có đúng chẳng, dầu sao khi nghe tôi tiếc quá vì uổng công miếu được gìn giữ đã nhiều đời tôi có hình ảnh trước mặt đây, nếu vì một chủ nghĩa mới rồi hạ bệ cái cũ đến ngày nào đổi ý, kiếm cái cũ muốn o bế lại thì cái cũ đã tiêu mất đi đời nhà ma, đâu còn nữa mà o với bố, phải vậy hay không, thưa thầy ?

Ngày xưa ở bên Pháp, có một lời cổ ngôn dặn khéo : “Hãy đốt những gì người tôn thờ và hãy tôn thờ những gì người đã đốt”. (*Brûle ce que tu as adoré et adore ce que tu as brûlé.*)

Đời bây giờ tiếng Tây bị bỏ rơi, tôi cũng quên lẩn và nay nhớ thấy, muốn nhắc y nguyên văn mà không tài nào nhớ nổi, tự thấy thèn thẹn bên lòng. Chớ chi tôi còn đi học, chắc phải lục hết bốn năm tủ sách tại nhà để tìm cho ra một câu Pháp văn ; nhưng thầy đã mệt, đầu tìm được, đọc lên thầy đâu còn nữa mà nghe ?

Ông Cao Đắc Lý (Lợi) – Năm 1910 tôi chỉ thuộc cửu chương được có một bảng “nhân cho 5” thế mà thấy tôi ông Vặn, cũng cho lên lớp tư nhì (cours préparatoire), đời xưa học trò đã ít thêm được thầy thương, nghĩ lại may quá !

Tôi còn nhớ lên học lớp tư, thầy giáo là ông Cao Đắc Lý, sau lên huyện hàm, rồi được cử làm hương chủ làng Khánh Hưng là làng sở tại tỉnh Sóc Trăng kể từ khi Tây trở lại sau năm 1945, ông được

chọn làm nghị viên cố vấn, để rồi một đêm tối trời, vô trật tự, những ai đâu dậy lên kéo về đốt phá thành phố Sóc Trăng và giết thầy Nhứt Lý của chúng tôi, nghĩ thật ngậm ngùi thay cho con người sanh đời ly loạn.

Ông theo đạo Phật, tu tại gia hơn hai mươi năm về trước. Ông không có lòng a dua nịnh bợ ai, ông đốt mỗi tháng không biết bao nhiêu giấy tiền vàng bạc gửi về âm ty cho vào âm khố. Tôi nghĩ đốt uống phí tiền mà không dám nói ra lời nào bàn bạc khuyên thầy lúc còn sanh tiền.

Nhưng khi nghe thầy nhận chức nghị viên của Tây đề cử, tôi có nói rõ :

– Thầy nhận e có việc không lành. Tôi biết tánh thầy hiền lương, nhưng thầy cứng cỏi ít che giấu sự thật và thầy

hay rầy la kẻ dưới tay, e có đứa nó thù vật.

Thầy ra làm hương chủ, cái chức không danh vọng gì, tôi có nói với thầy xa xôi :

– Đời bây giờ, phải du côn ra làm làng thì đám du côn mới sợ. Coi chừng thầy hiền, bị bọn bộ hạ nó bán đứng, nguy lắm !

Tôi bạo gan lấy gương một sư cụ ở Mỹ Tho làm tỷ dụ cho thầy cười chơi. Số là ba mươi ngoài năm về trước, ở Mỹ Tho vào những năm kinh tế khủng hoảng nhứt, có một anh xe kéo rất là ương ngạnh. Đường chạy từ chợ Mỹ Tho vô xóm Xoài Hột, lối mười ngoài cây số ngàn. Theo tà líp (treo giá hồi đó mỗi cuốc là hai cắc bạc (0\$20), nhưng vì thiên hạ hết tiền nên ít ai đi. Thét rồi anh kéo xe bày ra

một kế và vẫn thành công là anh rao mời nài nỉ từng người bộ hành quen biết, hạ giá mười lăm xu mỗi cuốc, người nào sớn sác ham rẻ, leo lên xe ngồi cho anh kéo, đến nửa độ đường, anh hạ hai gọng xe xuống, đòi tiếp một cắc rưỡi không đi nữa, báo hại bộ hành cuốc buộc mỗi chân chơi, bằng ai sợ mỗi, mượn cha phải trả đủ hai cắc bạc anh mới chịu kéo đến chợ Xoài Hột như lời giao kết. Đến lượt một bữa nọ, vỏ quít dày gập móng tay nhọn, anh xe kéo gian hùng đựng đầu sứ cụ chùa Xoài Hột. Sứ cụ ra chợ Mỹ Tho có việc cần, rồi sứ cụ gặp anh xe kéo đang kiếm mối, y mừng cũ mời ai đi Xoài Hột một cắc rưỡi bạc thì đi. Mời sứ, sứ đáp : “Nói thiệt, tôi chỉ còn đủ một cắc rưỡi thôi, nhưng tôi không lòng nào lợi dụng một người lao động như chú em. Thôi thà đi bộ mà khỏi mịch lòng ai cả”.

Nhưng anh xe tường gặp mỗi bỏ, cứ kéo xe rề rề ép nài sử cụ, đình ninh đi xe mau lẹ hơn và quả quyết bằng lòng chạy đến nơi đến chốn với giá mười lăm xu như giao kết. Sử cụ thấy anh gấn bó quá nên đành lên xe ngồi cho anh kéo. Nhưng chạy được nửa phần đường, anh xe ăn quen mấy kỳ trước nên kiểm chuyện quyết đòi tiền mười lăm xu là chạy tới đó chớ không chạy nữa, sử cụ xuống xe, xắn tay áo bên mặt, lòi ra một cánh tay gân guốc trên da có xăm một con hổ giống với rồng và một hàng chữ Nho li ti, đoạn vén tay áo trái, bày ra một cái sẹo to gần giáp cánh tay. Sử cụ cười gằn :

– Mô Phật ! Trước khi vào chùa ăn cơm của Phật, tôi đã từng ăn cơm Khám Lớn Sài Gòn và từng ăn mắm mực Côn Nôn, vì tội sát nhơn, em à ! Vậy em hỏi

thử hai cánh tay này xem có chịu đi nữa hay không ?

Anh kéo xe ríu ríu trả lời :

– Thôi ! Tôi biết rồi. Mời thầy lên !

Nhưng khi đến chùa sư cụ vô lấy thêm năm chiêm nhập vô một cắc rưởi cho đủ hai cắc, trả cho anh xe vừa cười, vừa khuyên :

– Lấy hai cắc đây cho thấy nhà chùa không lường công ai cả, nhưng tự hậu đừng vậy nữa.

Tôi nói tới đây, thầy tôi, ông họ Cao, cười và quả tôi sao dám bịa đặt, trong khi thầy bị ám sát, mới thấy hiền không không đủ, tu không cũng chưa đủ, phải già kinh nghiệm, từng đập lửa lãn chai, nếu ham làm chức nọ chức kia, rủi thiếu kinh nghiệm bị kẻ tiểu nơn bộ hạ xỏ

mũi làm bậy thì cũng bị hại lây đó thầy ôi. Làm làng hay làm bộ trưởng, tổng trưởng cũng cùng một thể ấy.

Ông Phan Thanh Viên – Năm 1911, tôi lên lớp tư nhứt, gặp một ông giáo. Ông gốc người Bến Tre, họ Phan. Mượn tiền Ba tôi không được, quất tôi mấy roi có lần, chiều mẹ tắm kỳ lưng thấy vết phải năn nỉ Ba tôi bằng lòng xa-nhe (signer) ký tên cho thầy vay bạc Chetty năm chục đồng (mà sau thầy đổi về xứ không trả và Ba tôi phải gánh chịu nên chuộc giấy nợ về nay tôi còn giữ).

Có ký tên bảo lãnh nợ, thầy mới chịu tha đòn. Không phải hôm nay tôi khai tộ, ơn thầy một ngày dạy dỗ cũng là ơn, nhưng nếu thầy còn sống nghĩ lại coi, ngày nay học trò phản thầy không tưởng niệm cung kính như xưa không phải là không duyên cớ.

Ông bị hỏa hoạn cháy nhà. Tôi đội một thau gạo xách một xâu khô cá lóc tại nhà không dám ăn, đến biểu thầy thầy không nhận, tôi phải đội gạo về, nặng chớ phải chơi. Cẩn nhằn với mẹ sáng không dám đi học, mẹ tôi dỗ, lén nhét một tờ giấy “năm đồng bạc lớn của thuở ấy”, nhét vào túi áo lá liễu của tôi, dặn đừng làm rớt và nhớ vô lớp đưa cho thầy. Thầy cười nói gọn lỏn “về nói cảm ơn anh Ba và chị Ba”. Té ra xâu cá lóc và thau gạo kia là để kiếng các cụ đồ chữ Nho đời xưa, chớ từ khi có chữ quốc ngữ, sức bực “con gà của Tú Xương còn biết ăn bạc” huống hồ thầy là người tuy dạy rất giỏi nhưng tánh ham bài bạc. Tôi nói hơi nặng lời, xin thầy tha lỗi, không phải một mình thầy. Đời nay, gà và gái, ai ai lại không thèm thuồng đô xanh, đô đỏ, ô tô đẹp, máy truyền hình, tủ ướp lạnh mới được, chớ lẽ mề ít ỏi, bọn nó làm cao bắt tôi ra

tòa để chứng minh trong sạch.

Tôi nói đến đây cũng vừa không nói nữa. Tại tôi già chuyện, chớ hôm nay tôi chỉ muốn thành thật khóc thầy cũ của tôi là ông giáo Nguyễn Văn Dương.

Về nét xấu ai lại không có, như vô thập toàn. Thầy Dương có cái tật như đàn bà, ưa ngắt véo. Thầy sắm một roi mây nhỏ xiu rất dài, khi viết đít-tê (ám tả), thầy đứng sau lưng thấy lỗi, thầy quất nhẹ thôi nhưng đau điếng, đau một cách khó chịu vì thầy chỉ quất trên lưng, giữa xương sống, gãi trên vai gãi xuống thì gãi không tới, còn lòn tay xuống từ nách gãi lên, cũng vẫn không vò tới chỗ bị đòn, thầy đánh thiện nghệ, lằn roi cắn ngay xương sống, chỉ có nước la “úi cha!” và hít hà cho đỡ rát. Nhưng chúng tôi không giận và nghĩ lại rất thương thầy. Thầy tánh vốn hiền, nghe la thì thôi quất,

ngưng lại cắt nghĩa và nhờ có ăn roi nên lâu quên.

Thầy cũng ưa ngắt con chuột, thầy lấy hai móng tay bấm vào da non đau điếng hay thầy véo lỗ tai. Nay thầy đã không còn, muốn được hưởng cái lạc thú “bị ngắt con chuột” kia nào được ? Ngoài ra thầy có nhiều nét tốt : không thọ của hối, không mượn hỏi tiền bạc cha mẹ học trò. Thầy dạy rất cần, chẳng kém ai, lại được thầy ít đánh nhừ tử như các thầy lớp khác. Học trò thầy đào tạo nay thành danh rất nhiều hạng như tôi không kể.

Thầy đã xe hạc về trời. Lướt bác sĩ Nguyễn Văn Sang, anh Ph., anh Tr., và cũng gần sắp đến lướt tôi. Mai nầy tôi bay ra Huế dạy học. Muốn viết “lên đường” thì trật lất, thêm cái một “lên đường xuống đường” ngày nay ngán quá. Ngày

mai tôi đi vắng vài ngày, thế mà hôm nay còn có dịp tiếp ba học trò cũ Văn Khoa đến báo tin chẳng lành thầy đã qui tiên, tôi vội viết gấp mấy hàng này vĩnh biệt. Thầy đào tạo tôi, tôi may mắn gặp nơi Đại học Văn Khoa năm trước, một sinh viên gốc Sóc Trăng, té ra đó là Nguyễn Danh Sĩ, con của thầy.

Thầy mất mà danh tồn tại, tôi muốn được như thầy. Huy lụy kính điệu.

✱

(Sau đây một tờ vay bạc năm 1911 để thấy một chứng tích vay bạc chà).

Soctrang le 3 octobre 1911
B.P.\$60.00

Bên hông có dán một con niêm 5

xu đề : “timbre proportionnel” Effets de commerce 100\$ ét au dessous.

Nous soussignés, paierons solidairement à l'ordre de Monsieur Sina–Ana–Sina–Sinnachetty, banquier indien, la somme de SOIXANTE PIASTRES, valeur reçue comptant, en CINQ termes mensuels et égaux, à compter de ce jour. Faute de paiement d'un terme échu, ou bien en cas de départ de la colonie, la créance entière deviendra exigible avec un intérêt de. p.% par mois ; mais elle ne pourra être remoursée, par anticipation avant l'expiration des termes ci-dessus fixes, et sans le consentement dudit créancier.

Pour l'exécution des présentes, les parties déclarent élire domicile à Soc-trang.

Ký tên : Ph. th. V, instituteur.

Ký tên : V. K. H

Dịch :

Sốc Trăng ngày 3 tháng 10 năm 1911

Tờ vay bạc : 60\$00

Chúng tôi ký tên như dưới đây, liên đới ứng hoàn cho ông Sina–Ana–Sina–Sinnachetty, người cho vay bạc quốc tịch Ấn Độ, một số đã nhận đủ số, lời giao trả làm năm tháng bằng nhau, là bắt đầu kể từ ngày nay là ngày ký giấy này. Nếu quá hạn một kỳ đã qua mà chưa trả, hoặc giả vì (chủ ra bạc) phải rồi thuộc địa này, thì trọn số nợ có thể đòi làm một lần một với bạc lãi cuối tháng là... %.

Số bạc vay này không được bồi hoàn

trước kỳ hẹn, nếu không có sự ưng thuận của người chủ nợ. Cá hai đảng, chủ ra bạc và người vay bạc đều khai chọn Sốc Trăng làm nơi cư trú chánh thức

Ký tên : P. th. V., Giáo chức.

Ký tên : V.K.H (Vương Kim Hưng)

7. 1923–1927. VÀI KỶ NIỆM RIÊNG ĐỐI VỚI CÁC NHÂN VẬT ĐÃ GHI THANH DANH VÀO SỬ: NGUYỄN AN NINH, PHAN VĂN HÙM, HỒ VĂN NGÀ, TRẦN VĂN THẠCH...

Nhắc lại năm 1923, nay mới thấy đó là một năm định mạng về số phận của mình. Chúng tôi là học sinh trường Chasseloup–Laubat, những năm 1919 đến 1923. Hai anh Hồ Văn Ngà và Trần Văn Thạch đều cùng học với chúng tôi trong ba năm đầu từ 1919 đến 1922,

nhưng hai anh này có năng khiếu hơn nhiều, cuối năm 1922, đều thi đậu Brevet Elémentaire, nên năm 1923 được nhảy lớp học năm Nhứt ban tú tài bản xứ (classe d'enseignement secondaire local), tuy vẫn còn ăn chung một phòng, ngủ chung một lầu và cùng chơi một sân trường như nhau.

Cứ đáo lệ cuối mỗi năm, trường này có tổ chức hai kỳ thi ra trường để phát cấp bằng mãn học thành tài và lúc ấy chỉ có học sinh trường Taberd dự thi gọi candidat libre, tôi dịch cho dễ hiểu là học sinh trường tư, còn Cần Thơ và các tỉnh lớn khác chưa có trường trung học. Hai khóa thi là :

1) Khóa thi dành cho học sinh quốc tịch Pháp và Nam cùng thi, lấy bằng Brevet Elémentaire (văn bằng cấp sơ đẳng) nữa ra làm thầy giáo dạy tiểu học nhưng

đặc biệt là cho đến năm 1922, Có bằng này ăn lương cao hơn giáo viên đậu diplôme (giáo diplôme lãnh sáu chục bạc, giáo có brevet tám chục). Tuy cả hai cùng học một chương trình, nhưng để thi brevet có phần gắt hơn và thiên về Pháp văn nhiều hơn. Từ năm 1923 về sau, sửa đổi lại và có hai văn bằng một lượt cũng vẫn lãnh lương lổi sáu chục bạc mà thôi, vì kể từ năm 1923, học sinh đã đông hơn trước, và nhà nhà đua nhau cho con đi học chữ Tây chớ không tránh né gượng gạo như thuở trước đệ nhứt thế chiến Âu châu 1914-1918.

Năm 1922, mãn năm đệ tam, tôi thi thử Brevet élémentaire khóa ngày 6-1-1922. Thấy bói danh tiếng Vi Kinh Trang ăn năm các bạc tiền quẻ, đoán tôi năm ấy thi hai khoa thì đậu một. Nhưng tôi đã có đầu óc “cãi thầy”, nên tôi bỏ thi diplôme

cho thầy bói Chợ Lớn này nói trật chơi, việc ấy nên hay hư, tôi xin miễn trả lời.

Đến khóa 18-6-1923, thi thi đậu Brevet élémentaire cùng một lượt với các anh và chị khác, ngày nay nếu chưa xuống lỗ thì cũng đã làm ông nội ông ngoại, con cháu đùm đê.

Về Trần Văn Giàu, có tên trong bản danh sách sĩ tử thi đậu diplôme năm 1923. (Không phải tác giả “Giai cấp công nhân Việt Nam” hiện nay). – Anh này, lúc học chung với tôi nơi trường tỉnh ở Sóc Trăng vẫn tên là Châu Văn Đặng. Anh nhỏ tuổi hơn hết và học sáng hơn ai, gia đình anh thật đáng thương, vì cha anh vẫn nấu bếp cho một ông trạng sư Việt có vợ Pháp là ông Đoàn Vĩnh Thuận. Chính ông Thuận xuất tiền cho Đặng ăn học, vì Đặng có danh học giỏi. Không may là Đặng không có khai sanh, khiến

cho đến ngày nộp đơn xin thi tiểu học, trong khi gấp rút, túng quá Đặng tìm ra một khai sanh nộp cho đốc học trường, rồi thi đậu, được tuyển học nơi trường trung học Chasseloup, nhưng không hiểu vì sao năm học ấy học sinh trường này đều bị đưa qua học trường Sở Cọp (Ecole Normale) gần Sở Thú, học đủ bốn năm, khi thi ra trường, Đặng thi đỗ đủ hai bằng Brevet élémentaire và Diplôme, nhưng chờ mãi không được bổ nhiệm làm giáo viên.

Đặng tức khí đi thi khóa tuyển thư ký Sở Ngân khố, Đặng thi đậu nữa, và các bạn hữu tốt số đều được gọi tên cho sở làm, duy Đặng vẫn không được gọi. Tức lòng, Đặng kêu nài, khi ấy mới biết vì trùng tên với ông khét tiếng, tác giả bộ sách “Giai cấp công nhân Việt Nam”, là ông Trần Văn Giàu.

Con nhà hàn vi, trông mong thi đậu có chỗ làm, giúp đỡ cha mẹ, không ngờ vì chánh phủ thời đó ngu tối, khiến cho một người học trò tốt là anh Châu Văn Đặng, ức lòng, đi theo Lâm Hiệp Châu, làm cách mạng, rồi từ ấy mất tích luôn, có lẽ nỗi oan ấy anh Đặng đã mang xuống chốn Diêm đài rồi. Nhưng đòi ai xuống đối nại với anh bây giờ ?

Những anh em đã đậu kỳ thi viết nhưng qua hạch miệng bị đánh rớt thiệt là rủi ro vì thời buổi ấy không có lệ cho đậu vớt mà cũng không ai dám kêu nài, thiệt là Tây nó oai quá. Nhưng không cần bằng cấp, nhiều người đã thành danh còn rõ ràng hơn người thi đỗ như bạn cũ Bùi Hữu Tung, (ông Đốc Mai thấy tên lạ, hỏi Tung nghĩa là gì ?” đáp “Tung veut dire tung tung” bị ông đốc Mai quở và cắt nghĩa “tung là tung hoành”. Quả thiệt

Tung nhớ mãi về sau sanh con đặt tên Bùi Hữu Hoành để nhớ thầy ; nhưng Tung là con người quá quắt, vì vốn dân Vĩnh Hội (Sài Gòn) nên dám trêu ông đốc M., một hôm anh ta lên lấy tấm danh thiếp của ông đề sẵn :

NGUYỄN VĂN MAI

Professeur de langue annamite au
collège de jeunes filles indigènes et au
collège Chasseloup-Laubat,

Officier d'Académie, Chevalier
de la Légion d'Honneur

Nº... Quai de la Marne / Khánh Hội

Anh ta viết tay thêm mấy hàng nầy
dưới hàng chữ in “Marchand de dây

luộc, dây chạc et de nước mắt hòn, maison Quỳnh Mỹ, rue Amiral Courbet à Chợ Mới (Sài Gòn)”. Ông M, bắt được tấm thiệp, giận đòi đuổi, Tung năn nỉ, ông run lên rồi cũng bỏ qua vì đó là sự thật. Tung biết rõ vì là người hàng xóm, con một ông quản sở thuế thương chánh xóm Nhà Rong (Messageries Maritimes). Tình thầy trò lớp xưa, nghiêm thì có, mà ác thì không, và học trò buổi nào cũng ưa phá thầy để xứng danh đứng hàng thứ ba chỉ thua ma và quỷ.

Mảng cà kê mà suýt lạc đề. Từ khi thi đậu, anh em chia tay về nhà kỳ bãi trường năm chót 1923, những anh tương đắc và giỏi về môn toán như Trương Đăng Khoa, Trần Quan Viên, Trần Văn Cửa, đều lựa và xin học trường tạo tác Hà Nội để trở nên sau này kỹ sư có thực tài,

người làm thầu khoán như Khoa, người lên tới tổng trưởng công chánh như Cửa, nhưng khí phách nhứt có lẽ là Viên, về già không làm gì hết, đi đâu chỉ xách cây dù vải đen xê dịch đó đây ròng xe lam xe buýt, an phận thủ thường và cứng cỏi như lúc còn học trong trường không khác. Đến như anh Nguyễn Văn Thơ và Đinh Căng Nguyên, vốn sở trường Pháp văn, nên chọn trường Cao đẳng sư phạm, về sau đều là nhà mô phạm đủ chân tài. Riêng anh Nguyễn Văn Chi, người tỉnh Tân An đáng được ghi một điểm son lớn. Anh lựa trường Canh nông, sau về làm đến Giám đốc sở thủy lâm, và vẻ đặc sắc của anh là anh khéo dạy con.

Tay xách va-li chia tay nơi cổng trường, các anh hỏi tôi đã lựa trường nào chưa, tôi lắc đầu nói chỉ ham học trường đời, đã muốn vợ quá, ra học ngoài ấy,

không khéo cứng đầu bị đuổi chẳng là thêm lỗ làng công danh. “Cũng không muộn đầu tôi nói, các anh cứ đi đi, sau này chúng mình sẽ gặp”.

Bãi trường về nhà ở Sóc Trăng, nghỉ chưa thấy khỏe kể hay tin ngày 1 tháng 8 năm ấy 1923, có mở khoa thi tuyển mười lăm thơ ký chánh phủ. Tôi xin dự và đến ngày, may thời đậu vào số 3, hai anh đậu trên là các anh Lê Văn Quý (số 1) và Nguyễn Ngọc Thạch (số 2), vốn học lớp tú tài bản xứ, nên tôi làm không lại.

Anh Lê Văn Quý được bổ vào tòa bố Gia Định, sướng một cửa vì vừa gần Sài Gòn vừa là ở tỉnh, mặc sức học thêm nơi thơ viện đô thành và nơi sở làm. Anh Nguyễn Ngọc Thạch được sai xuống lãnh việc nơi tòa bố tỉnh Trà Vinh là xứ giàu lúa gạo, nên mặc sức tắm bố. Nhưng không hiểu vì duyên cớ nào hoặc có điều gì bất

đắc chí, ít năm sau anh Thạch xin nghỉ việc và tôi đã gặp anh mấy năm gần đây, nghiêm nhiên là một đại doanh thương tự chủ lấy mình, một chủ hiệu buôn máy ảnh và phim ảnh, xuất phát bạc muôn bạc triệu, sướng gấp mấy lần thân làm tôi mọi, thơ ký thí sai. Riêng tôi, trong ý mừng thầm, nay đậu số 3, ắt sẽ được chỗ tốt, tôi ước ao nhất là được làm nơi dinh phó soái (Cabinet du Gouverneur) được gần mặt trời, mau thăng chức, thứ nhì là muốn làm ở dinh thượng thư (Direction des bureaux du Gouvernement), chỗ bộ kinh tế ngày nay, là nơi tự thuở nào vẫn có phụ nữ trẻ đẹp lai vãng, chạy ép phe hoặc khoe mình giỡn bóng, lúc ấy mặc cho tôi tập hút thuốc phì phà, chưng diện bánh bao, ăn chơi phỉ chí. Cái mộng thứ ba là được đổi đi “lục tỉnh”, làm việc nơi tòa bố, nay gọi tòa hành chánh, vừa dễ kiếm vợ giàu vợ đẹp, vừa dễ kiếm chác,

tiền lì xì, nói huých tẹt là tiền hối lộ, vì thú thật lúc nhỏ sơ lâm tôi chỉ muốn hư, muốn được y như các đàn anh đã vạch đường đi trước : “Tối rượu sâm banh, sáng sữa bò” “sớm vác ô đi chiều vác về”, “ăn chơi cho sướng, miễn có tiền trong túi, xài hoài còn hoài”, mặc cho đời vì nước đã lọt vào tay thằng Tây đâu còn gì là hy vọng đoạt lại, thân làm công chức như hột cát sông Hằng, thôi thì cứ hiểu như quan niệm từ xưa từ xưa để lại, “chữ bổng đi kèm chữ lộc”, lộc là lộc trời cho, ai giỏi lượm thì no lòng, dân nó cho thì cứ lấy : Vả lại ăn của hối một đồng mà làm xong việc đỡ cho anh nhà quê biết mấy : Giấy tờ ký tên xong, xách dù đi về nhà, còn hơn công chức làm mặt thanh khiết mà bắt dân chờ đợi ba bữa, nào tiền phòng ngủ, tiền ăn xài, biết đâu chừng sa vào ổ nhện bị điểm lây bệnh đem về báo hại vợ con, cái hại bằng mười bằng trăm.

Miễn đừng như cá xà cá mập ăn bám thật nhiều mới đúng là tham nhũng, chớ mấy đời lòng tong cá chốt, rút tĩa thứ dư thừa của thiên hạ nào thấy chết ai ! Nhưng số tôi, như nay cho thấy, lòng muốn hư mà trời chẳng cho hư. Bởi còn trong sạch nên mới mạnh miệng nói đùa, chớ thú thật hơn nửa đời người, “ý muốn làm đi, ngật nổi xấu mà đòi quá mắc nên không ai thèm kêu đi khách”, còn trình gì bởi Dạ xoa ! Tôi lúc ra trường không khác chi chị Bê Rết trong bài ngụ ngôn, đầu đội hũ sữa mà lòng xây mộng Đảng vương, thi đậu trông mau bổ nhiệm chỗ khá khá mà kiếm chác... Té ra mấy anh kia hoặc nhờ thời vận đỏ hoặc nhờ khôn khéo có cha chú chỉ đường và giỏi nghề chạy chọt nên đều được chỗ xứng ý vừa lòng. Đến phiên tôi, còn sót lại hai chỗ đúng là cục xương khô bỏ xuống đất chớ không thềm gặm ! Chỗ thú nhút là thơ

ký Khám Lớn Sài Gòn. Lúc ấy lẽ đáng chỗ này về tôi, vì trên phòng nhân ty (Bureau de Personnel) thúc tôi kíp nạp khai sanh để tiện bổ nhiệm, tôi có chút linh tánh giục hướn cầu mưu, trên kia đợi không được nên làm giấy bổ anh đậu số 4 trám chỗ đó và vì vậy anh Nguyễn Văn Lạc thế tôi vào làm thư ký cho lão Agostini, chúa ngục xếp ở Khám Lớn. Tưởng đã thoát nạn ngờ đâu còn cái bẫy số hai. Ai biết đâu mà tránh. Cũng cứng ngắt chai khô không kém, tuy danh gọi ít ghê tởm hơn, đó là thư ký Trường máy đường Đỗ Hữu Vị, nay là trường trung học cơ khí đường Huỳnh Thúc Kháng. Tôi hờ cơ hay là tới số, xin sao lục được tờ khai sanh đem nạp. Về nhà chờ cho cá ăn câu té ra cá ngon đâu không thấy, đến chừng giấy bổ nhiệm đến tay, mở ra đọc, tá hỏa tam tinh.

[11 Nguyễn văn chỉ dụ bổ nhiệm:

N° 2334 Le Gouverneur de la Cochinchine

Commandeur de la Légion d Honneur

Vu le décret du 20 octobre 1911 Fixant les pouvoirs du Gouverneur de la Chochinchine et des Résidents Supérieurs en Indochine,

Vu l'arrêté du 17 août 1923 portant nomination de quatre secrétaires stagiaires des bureaux du Gouvernement et des Provinces de la Cochinchine; Vu les besoins du service,

ARRETE

Article premier. - Sont désignés pour servir :

3) sous les ordres du Directeur de l'Ecole des Mécaniciens Asiatiques, en remplacement du secétaire Pham Công Nghiep en congé

Le secrétaire VƯƠNG HÔNG SÊN, nouvellement nommé.

Article 2. - Les Administrateurs chefs de province intéressés, l'Administrateur Chef de Cabinet et le Directeur de l'Ecole pratique des mécaniciens asiatiques et le Directeur de la Prison Centrale de Saigon sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent arrêté.

Saigon le 17 août 1923.

Signé: COGNACQ

Pour copie conforme.

Le Chef du Bureau du Personnel

Signé: MERLE

PCC

Le Directeur de l'Ecole des Mécaniciens,

Signé : EMMANUEL ROSEL]

Trời đất ôi, còn gì là cái mộng đẹp được làm sở tốt để học khôn học khéo, nữa thông thạo nghề hành chánh, về sau thi đậu lên ngạch cao cấp ông huyện ông phủ, ăn trên ngồi trốc ! Thôi rồi cái mơ ước ăn vận bánh tễn, mặc áo u-oe cổ thắt dây cà-ra-oách, hình mũi lên mặt với chị em ? Trước khi vào nhận việc ngày 27-8-1923, tôi cẩn thận chạy hỏi thăm các thầy làm việc nơi sở thì các ông căn dặn muốn vô làm được lâu dài thì phải nhập gia tùy tục, phải làm gương cho học trò

bắt chước, tức nhiên phải bỏ hết côm-lê cà vạt, phải ăn mặc khiêm tốn như dân thợ, áo bành-tô (paletot) bằng bố trắng cổ cao che kín ngực và không bao giờ nên mặc áo thả ngực thắt nơ đen đỏ hay cà-vạt nhiều màu. Như vậy có chán chưa ? Nhưng biết làm sao chạy chối vì đã quá trễ, mùa xuống tàu đi học Hà Nội đã qua từ lâu, uống tiệc đã muộn cái công ăn học bốn năm, đồ được ba bằng trong mấy tháng ?

Khi vô lãnh việc lại càng thêm buồn bã chân ướt chân ráo chưa chi ông chủ trường là quan năm kỹ sư Rosel lại chê tôi mười chín tuổi là quá bé thơ chưa biết gì e không kham trọng trách. Sau nhờ trên phòng nhơn ty trả lời rằng tôi đậu số cao và hiện không có nhân viên trọng tuổi, ông mới bằng lòng thấu nhận. Vì buổi đầu tiên vừa bắt tay vào việc là có cái

nhập cái chóp đó, nên tôi sanh ngã lòng và cái tật bất mãn ưa cự nự lại càng có cơ để bộc phát thêm. Nói chí miệng và có người đồng thời còn sống làm chứng, tôi ngã lòng thối chí cũng phải, vì ai đời có bao nhiêu sở học thâm thập bấy lâu, khi vào là ai nơi Trường Máy nầy đều không dùng đến. Hằng ngày phận sự của tôi là làm còm-măng mua vật liệu, do anh Năm Vĩ, nay còn mạnh và hiện nghe đầu ở miệt Châu Thới (Biên Hòa), anh ở dưới xưởng thấy thiếu thốn món gì thì lên bu-rô nói cho là viết mua. Mà cơ khổ chó chi anh đọc cho viết toàn những danh từ tao nhã êm tai từng nghe từng học ở trường thì cũng còn khuây lảng làm vui, đàng nầy từ đầu năm đến cuối năm đều gặp những tiếng nào bù-lon, lông-đen, nào cu-lát (culasse), ma-ni-huênh (manivelle), nhứt là những danh từ hóc búa không có dạy trong trường

xách-lu (Chasseloup), và nay ra đời, tôi dám chắc, trừ Trường Máy này, chỗ khác chưa bao giờ thấy mặt chữ, tỷ dụ như :

– Làm còm mắng mua gấp mười lăm cái sơ-mi bằng đồng (commande urgente de quinze chemises de bronze), hỏi ra không phải để phát cho học trò mặc lót mồ hôi nhưng đích thị đó là một bộ phận trong máy tàu, và phải viết thơ gửi kiểu đặt làm riêng nơi xưởng Ba-son (arsenal) mới thạo chế tác. Một hôm đến phiên tôi trực, gác bu-rô ngày chúa nhật, cố nhiên không có ai rành nghề phụ giúp, bỗng có một anh sếp-phơ dinh thống đốc, hót hơ hót hải chạy đâm sầm lên yêu cầu tôi nói với ông chủ trường rằng phải mua tức tốc để thay cho kịp đưa quan soái ra Vũng Tàu cho đúng buổi ăn trưa vì xe của anh đã hư, “cái đầu thầy chùa đã gãy” ! Tôi bối rối không biết dịch ra tiếng gì

cho đúng, tôi nói giằng quay tiếng Pháp có tiếng “tête de bonze”, thế mà ông Rosel cười và hiểu ngay đó là “tête de bielle”, tức là đầu cây chuyển sức vận động cho bộ máy. Tôi vừa mắc cỡ vừa tức tối vì học chưa tới nơi tới chốn, dốt ngay đuôi ! – một kỳ nữa, bồi rồi không nhỏ, lại cũng nhằm một ngày trực, những người có kinh nghiệm và thành thạo đều nghỉ xả hơi, riêng tôi vô ngôi bu-rô canh tê-lê-phôn và ngủ gục. Có anh cai chụm lửa tàu đánh lộn thua nên lên mét : “Tôi ở dưới túi đùm, nó ăn hiếp với đánh tôi sặc máu mũi”. Tôi chưa hiểu túi đùm là gì, dịch tỉnh bơ : “Il dit tui đum ?” Thế mà ông chủ Tây lại giỏi tiếng Việt hơn tôi, tùm tùm cười và cắt nghĩa đó là “trou d’ombre”, cái ống thông hơi dẫn gió làm cho mát dưới hầm tàu.

Nếu cứ cái đà này mãi thì chữ Tây

tôi sẽ quên hết và nổi cơn điên được quá ? Nhưng cũng từ đó tôi thấy bớt tánh tự kiêu, ỷ giỏi. Mình nghĩ một mình, lại tức cười thầm, không biết ai khéo đặt chữ “thơ ký thí sai” để dịch chữ Pháp “secrétaire stagiaire”, thật là thí sai : sai thí. Ngày nay dịch “thư ký tập sự” tuy sát nghĩa nhưng không khôi hài bằng. Khi giận tự cho mình là “thằng cạo giấy”, nhưng thấm mật về lâu là hai chữ “thí sai”, đúng là ăn cơm nhà mặc áo mẹ, sanh ra để cho người đời sai thí !

Tuy làm thơ ký ở Khám Lớn và ở Trường Máy là hai chỗ bạc béo, nhưng được an ủi là mau thăng chức. Chúng tôi ở trong cảnh thơ ký tập sự đúng một năm thì có giấy chạy cho hay được lên thơ ký thiết thọ hạng 6 (sáu) cùng một lúc với các bạn sau đây và cùng một chỉ dụ, ghi lại dưới đây làm kỷ niệm.

[Nguyên văn chỉ dụ bằng Pháp văn:

Số 3263 Le Gouverneur p.i.de la Cochinchine, Chevalier de la Légion d Honneur,

Vu le décret du 20 octobre 1911 fixant les pouvoirs du Gouverneur de la Cochinchine et des Résidents Supérieurs en Indochine;

Vu 1 arrêté du 16 septembre 1920 portant réorganisation du personnel indigène des Bureaux Gouvernement et des provinces de la Cochinchine;

Vu les arrêtés des 17, 24, 29 aot et 12 septembre 1923 portant nomination des secrétaires stagiaires Le Van Qui, Nguyễn Ngọc Thach, Vu ong Hong Sen, Nguyễn Van Lac, Nguyễn Van Moi, Trần Chi Lâu, Trần Van Chi, et Lâm Van Tho;

ARRETE:

Article 1er. Sont titularisés à l emploi de secrétaires de 6^e classe des bureaux du Gouvernement et des provinces de la Cochinchine, pour compter du:

20 aot 1924, le secrétaire stagiaire Nguyễn Van Lac, N. Mle 434 (Maison Centrale).

22 aot 1924, Le Van Qui, N. Mie 435 (Gia Dmh)

27 aot 1924, Mécaniciens). Vương Hong Sển, N.Mle 436 (Ecole des

28 aot 1924, Nguyễn Van Moi, N.MIe 437 (Bien Hoa)
ler septembre 1924 Nguyễn Ngọc Thạch, N.MIe (Bà Rịa) 13
septembre 1924 - Lâm Van Tho, N.MIe 440 (3è bureau) 15
septembre 1924 - Trần Van Chi, N.MIe 441 (ler bureau)

Article 2. L Administrateur, Chef de Cabinet, est chargé de l exécution du présent arrêté.

Saigon le 19 septembre 1924

Signé: Tholance Visé au Contrôle Financier le 18 septembre 1924 N.2598

Pour copie conforme le Chef du Bureau du Personnel
du Gouvernement de la Cochinchine

Signé: Merle P.C.C

Le Chef du Service de l Enseignement Signé: Grand
jean

Pour copie conforme Le Directeur de l Ecole des Méca-
niciens Signé: Rosel]

Tương lai về sau cho biết trong số tám
thơ ký kể trên, riêng anh Lê Văn Quý, tôi
mất dấu không rõ anh đi về đâu, duy về
anh Nguyễn Ngọc Thạch, anh sớm rút lui
trong hàng công chức và trở nên một nhà

kinh doanh có hạng, thành công trong giới thương trường. Về anh Nguyễn Văn Mới, bạn học bốn năm trường Xách-Lu, anh vốn người vạm vỡ mập tròn, nhưng không hiểu vì sao lại sớm mất trước năm đảo chánh 1945, làm chúng tôi mất một anh bạn hay cười hay giễu, trong lớp thường gọi Mới Củ Nắng, đến nay cũng chưa biết danh từ này nghĩa là gì. Cái anh Trần Chí Lâu mới là cẩn thận nhứt. Đi thi thơ ký anh tạm trọ chung phòng với tôi tại nhà ngủ Lục Tỉnh khách lâu, có một cô ăn sương cựu học sinh Trường áo tím ghẹo anh mà anh không dám trả lời, nay có giấy làm thiệp thọ thơ ký rồi, anh bèn xin đi học thêm nơi trường cao đẳng thú y ngoài Hà Nội, thành tài rồi trở về làm công chức suốt ba chục năm vô sự, và nay tiếp tục mở phòng thú y tư, an nhàn không tai tiếng, trong trần gian ai dễ biết ai. Anh Lâm Văn Thọ (đã từ

trần) và anh Trần Văn Chi về sau cả hai đậu huyện rồi lên đến đốc phủ sứ, con đường công danh đi đến đó đã là mãn nguyện.

Trong hạng anh em từng nhai gạo lúc, ăn mỗi sáng một hột vịt giằm nước mắm ngang của tên Xí-Cu-Lại (Nicolai) ở Xách Lu và cùng đậu một khóa thơ ký, có anh Nguyễn Văn Lạc và tôi, khác đôi chút với các bạn đồng song, vừa lặn lội vừa tầm thường để xứng danh là những tên công bộc tầm thường vô thưởng vô phạt, nếu không nói là vô danh tiểu tốt.

Anh Lạc về Gò Công tiếp tục làm thơ ký hay nói chí đáng về già lên lão làm thông phán (secrétaire principal) và mất âm thầm với chức khiêm tốn “ông Phán Lạc già tòa bố”. Tôi nghe nói lại lúc làm ở Khám Lớn, anh với ông Phủ Hiệu, là hai người trong sạch thường giúp đỡ những

người vô phúc mắc vào lòng lao lý. Khi lui về xứ sở, anh Lạc làm bạn với ve chai và chết vì bệnh rượu, tôi kết luận là khi một ai giữ được tinh khiết không ăn của hối, thì người đi lo dọ dõ qua đường xôi thịt tiệc tùng ăn uống, và anh Lạc chết vì sạch với tiền mà nhiễm độc vì Martel, Whisky tức là vì tánh ham nhậu nhẹt.

Sở dĩ tôi mỉa mai anh Lạc là vì thương tiếc một bạn từng chia ngọt xẻ bùi, một bạn đồng bệnh, anh đã chết và tôi bị phạt suốt đời cử mặn, còn gặp mấy lần cay nghiệt hơn lúc cùng nhau la-ve củ kiệu quán Draguy chợ Mới năm xưa, muốn uống nữa mà trong túi đã cạn tiền.

Tôi cười anh Lạc mà có hơn gì Lạc ? Tôi đậu rất sớm khoa kiến thức phổ thông (examen de culture générale) (đậu năm 1927 vừa được bốn năm thơ ký) là khoa thi mở đường khi lấy chức huyện

sau khi đỗ kỳ thi chuyên nghiệp bảy lần đều rớt đủ bảy lần (sẽ nói sau), và năm 1943 tôi xin về hưu tỷ lệ, qua năm 1947 lại trở ra trông cổ cái gông công chức trưng dụng công nhật, năm 1963 được công du hai tháng ở Pháp và mười lăm ngày ở Hồng Kông, Đài Bắc và Nhật Bản, thiết cũng học hỏi thêm nhiều và phần nước vẽ mày đôi chút. Nhưng học nhiều làm chi khi năm 1964 bị lão râu xệ Khánh¹⁷ và râu thép Kỳ cho về hưu thiệt thọ và bắt giao việc cho người mới, ngày 11-9-1964. Mười bảy năm làm tại Viện bảo tàng không cho truy lãnh vào phần hưu bổng, cái chức Giám đốc hay Quản thủ Viện bảo tàng vốn là chức lậu, cái danh giảng viên trường Đại Học vốn là danh hảo, chung qui cái chức không ai tranh giành của tôi đúng là một phán già,

17 Túc tướng Nguyễn Khánh lúc ấy cầm đầu chính quyền Sài Gòn, sau bị đảo chánh và lưu vong ở Pháp.

khác gì anh Lạc ? Nay xin khai thiết, cái câu hăm rượu trong một tiệc năm 1930 nói trong tập Hoa trái mùa, của ông Trần Văn Tấn, xuất bản năm 1940, trang 21 :

“Lầu cao leo mới một từng,

Ông Huyện nửa chừng xem thấy mà thương...”

Đích thị là ám chỉ hai tôi, ông Mai Thọ Truyền¹⁸ và kẻ này, lúc ấy đều có nửa miếng giết lưng, ông Mai tốt phước sau làm đủ bộ và lên đến tột bậc la-phông, tôi mãi lé đề trèo lên tuột xuống và thơ ký vẫn hoàn thơ ký. Hư hay không một mình tôi biết.

Nhưng mãi than van rên xiết chỉ làm chúng ghét, xin trở lại những gì thiết thực hơn. Năm 1924, khi được bổ nhiệm thực

¹⁸ Ông Mai Thọ Truyền có lúc làm Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa thời VNCH.

thụ thơ ký hạng 6, thế là tôi khỏi sợ bị sa thải vô lý do, và tôi càng buông lung thả rong chơi dạo phố hơn là cặm cùi ngồi bu-rô làm việc đúng giờ, và cái việc đến trễ về sớm của tôi đã quá hiển nhiên đến các chủ Tây đều nhắm mắt giả đồ không hay biết. Duy công việc và phận sự của tôi đều sòng phẳng, không khi nào bê trễ, thêm tánh tôi ngay thẳng, không ăn hối lộ nên ông Rosel mến chuộng như con cái nhà ông để mặc tôi tự tung tự tác, các đầu phòng và xếp xưởng thấy vậy cũng làm ngơ luôn. Ông Rosel sợ nếu rầy quở tôi, tôi sẽ xin đổi đi chỗ khác, mất đi một thơ ký có vẻ thiệt thà mà cơ khổ ông có biết đâu tại Trường Máy mà làm gì ăn hối lộ được với còm-măng đồ sắt hàng Tây và ga-ra cũng Tây, còn về củi chum tàu, mua mỗi tháng cả mấy chục ngàn và xăng nhớt thì đã có anh cặp rằng ăn hót trước tôi rồi, đến như những việc khác

mua nầy mua nợ, đều giao thiệp với bọn Tây mà tham nhũng sao vô ? Lúc ấy xăng chỉ có hai cắc ngoài một lít, và ông Phó chức là giám thị chánh, tên là Favier, mỗi tháng bỏ túi mấy trăm bạc, tiền bán thùng thiếc không xài, và biên vào sổ dưới chương mục đồ phế thải bán lấy tiền chi tiêu vật vãnh. Anh cai lính thủy tên Laot, lên trường dạy thể dục cho học trò, tiền xe dịch lộ phí mỗi ngày từ trại lính thủy nơi mé sông lên trường, định là hai cắc bạc, anh làm mặng-đa lãnh rần rần sáu đồng, cho tháng ba mươi ngày và sáu đồng hai cho các tháng ba mươi mốt ngày, đến ba năm sau bộ thanh tra tài chánh bên Pháp mới gởi hồ sơ và thơ khiển trách đòi anh cai phải trả bốn cắc bạc tiền lãnh dư, và những việc ấy cũng không thấy bị khép vào tội hà lạm. Trong khi ấy, tôi lìa sở xách một tập hồ sơ nhỏ theo ra đường rong chơi cả buổi, lại có

công là đi hỏi thăm giá cả để làm còm-măng khỏi bị sở kiểm duyệt ngân quỹ làm khó dễ, ai dám nói tôi lấy cớ rong chơi, để vào nằm với chị em ! Có một năm kia trên Biên Hòa bị lụt lớn, xe lửa chạy không được, tôi theo thầy Tư Xuân cùng làm một sở lên trên ở chơi hai ngày đã đời rồi về cũng không nghe ai trách bỏ nhiệm sở trong giờ thừa hành phận sự. Ông Rosel ra lệnh biểu tôi thâu vét các sổ tiền ứng trước cho các tỉnh về việc sửa tàu sửa xe, đã quá niên quá hạn nay phải ghi vào ngân sách mới để rộng đường chi dụng, danh từ chuyên môn gọi “recettes d'exercice clos”, tôi ngán quá không biết đó là gì, tôi bèn chôn luôn hồ sơ vào ổ mỗi, một mặt lên thượng thư tòa nhì (2è Bureau) o bế xin đừng đòi hỏi về vụ này, làm việc bê tha như vậy thế mà cuối năm được thăng chức cũng như ai. Cũng năm 1924, ông thống đốc

Cognacq có tiếng là hách một cây, mua gà Mỹ về nuôi, chỉ thị cho trường làm chuồng, tôi lãnh việc mua sắt chữ V và thiếc Cao Bằng làm và lợp chuồng, năm ấy tôi được đặc biệt vinh thăng thơ ký hạng 5, vừa đúng mười tám tháng công nghiệp, mà xin đừng nói lớn vì công nghiệp làm chuồng gà cho dinh Phó Soái !

Từ năm 1924, tôi cưới vợ rồi ly dị với người nầy ăn ở với nhau chưa nát chiếc chiếu tân hôn, vừa đúng chín tháng đưa nhau ra tòa xin ly dị, lỗi về người đàn bà theo mặt luật mà đúng ra lỗi về người đàn ông ham mua sách và mê đọc sách đến quên người vợ trẻ nằm kế bên ! Tiền hồ đám cưới được sáu trăm bạc là một số tiền ketch xù, tiền ông nhạc cung cấp mỗi tháng không phải nhỏ, cộng với sáu bảy chục bạc lương, chỉ vèo trong mấy tháng, kết quả tủ sách không còn

chỗ để, mà ái tình đã nhẹ gót ra đi. Ai chịu nổi với thằng chồng hư như vậy, nàng có độc cũng xin tha thứ ! Thôi vợ rồi, tôi thấy căn phố quá rộng nên bán quách hết đồ đạc, một mình chở sách ra xin ở ăn cơm tháng nơi nhà anh Chí là bạn học bên Nột-manh ; mười lăm đồng mỗi tháng mà có khi đóng khi hụt tiền trả lần hồi, nay nhắc lại mà thảm. Từ đó tôi càng hoang đàng hơn trước, Ba tôi ở Sốc Trăng không buồn gởi thư cho tôi nữa. Tôi tập hút thuốc lá, tập uống la-ve, tập đánh bài cắt-tê, càng đàn đúm và tiêu hoang hơn trước, vì tôi làm rất ra tiền và làm ra tiền rất lương thiện, anh em cùng sở cùng nhà trọ đều lé mắt với tôi. Ngày nay tôi cân nặng trên sáu chục ký, thế mà thuở ấy cân nào tốt chỉ lên đến số 42 kilos là cùng, ấy là cân tại nhà thuốc để luôn y phục, bút-tất và đôi giày vía sơ-men da cứng. Nhưng kể về tiền bỏ

túi thì tôi xài hơi hợt vẫn còn dư, vì tôi ở độc thân, lãnh lương mỗi tháng trên sáu mươi đồng, thêm có tiền xúp, là tôi lãnh dạy ba ông Tây đầu sở, một ông thương tín cuộc tên Rigaud, một ông kỹ sư tên Aton và một ông nha y sĩ tên Brodard, mỗi ông trả tôi hai chục bạc, dạy mỗi tuần hai giờ, có thêm la-ve hoặc Whisky thỉnh thoảng, vị chi mỗi tháng tôi có một trăm hai chục bạc, tương đương lương tri phủ hạng ba chớ không chơi ? Lúc ấy tôi học cũng đủ và mua sách cũng nhiều, duy về ngón ăn chơi thì khét tiếng. Mà thâm ý của tôi, buông lung làm vậy là để cho ông Rosel chán chê mà cho tôi đổi đi chỗ khác, mặc tình ăn diện hư hỏng, ngờ đâu ông cha già này, gắt gao với người khác mà vẫn nhắm mắt để giữ chân tôi ở lại với ông nơi Trường Máy.

Tôi đem tờ la Cloche fêlée (Cái

Chuông rè) của Nguyễn An Ninh, trải chè bè trên bàn và đọc tại sở, các anh em bạn đều tránh tôi như tránh bình hủi, thế mà ông Rosel, có người học lại, vẫn không nói gì. Ngày nay tôi nhớ lại càng thương ông thì đã muộn. Thét rồi tôi trở chứng càng làm già và trở nên khó thương không chỗ nói.

Buổi ấy mấy ông mấy thầy làm việc trong chánh phủ đều rất sợ bị tình nghi mình làm chánh trị, nói theo đời đó là làm cách mạng, vì sợ bể nồi cơm, vợ nheo con đói. Trừ phi những người tương lai đã hồng, hậu vận dầu tốt nét cũng không ra gì, thì vẫn làm liều, để chuộc tiếng gõ gạc. Tôi không đứng trong hạng đó nhưng tôi ít tuổi chưa biết sợ, cứ tưởng mình ăn hối lộ là được, và tôi có chủ tâm làm nư để được thuyền chuyển đi chỗ khác, một tay một xách, chỗ nào cũng sướng

hơn ở miết nơi Trường Máy lu mòn hết sở học bấy lâu. Nói cho đúng, tôi chỉ vì bất mãn nhỏ vật có tật đánh liều bởi con cứng và cũng vì xét suy nông cạn, cứ tưởng rằng hễ mình không làm đi thì sợ gì thứ lính kiểm tục cóc nhái ! Trong khi ấy, phần đông những người hưởng ứng hoặc tham gia những cuộc ủng hộ hội kín, lạc quyền lén, hay là nhúng tay thật sự vào việc bạo động nầy nọ dính dấp với vụ Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn An Ninh, những người ấy đều là chủ điền có máu mặt, nhà giàu có đầu óc tư chức, công chức, tuy ăn cơm Tào mà chẳng phục Tào, bởi tức một điều gì khó nói ra cũng có, hoặc vì nhiệt tâm và thành thực yêu nước cũng có, mà vì háo danh tung vĩ tiền ra cho chúng làm coi chơi cũng có.

✱

TÔI BIẾT GÌ VỀ NHỮNG NGƯỜI NÀY

Tôi chơi với Hồ Văn Ngà và Trần Văn Thạch¹⁹ vì tình bạn đồng song cùng thầy tuy khác lớp, suốt ba năm đầu trường Xách-lu (1919-1922). Tôi mến Ngà vì học giỏi hơn tôi và có tánh ngay thẳng. Sau khi ra trường, có một lần tôi gặp Ngà ngay quán sách Albert Portail (nay là nhà sách Xuân Thu). Ngà cho tôi hay sắp sang Pháp học thêm. Tôi khen Ngà tốt số. Ngà đáp gọn băng : “Tao đi với tiền bên vợ cho, mà sướng gì mấy !”

Còn Trần Văn Thạch, sau khi ra làm Hội đồng thành phố, gặp tôi trên xe buýt, tôi bắt tay chào, Thạch cười : “Ê, bộ mày không sợ mất chức sao ?” Tôi trả lời : “Có

19 Về tiểu sử nhân vật này xem trong Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam NXB KHXH, 1992 Hà Nội.

cái mây sợ bắt tay tao rồi nhơ tay mây ? Chớ tao không sợ giống gì hết. Mây có gan làm chánh trị thây kệ mây ! Tao có gan của tao là vẫn bắt tay một thằng bạn cũ. Nếu mây không cho là đảng khác, chớ tình tao như cũ, biết chưa ?” Hai đứa cùng cười.

Cũng như Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm, Nguyễn Văn Sâm²⁰ tôi đều có biết và từng tiếp xúc. Những ông nầy để tiếng nhắc đời, tôi chỉ hơn ở cái sống thừa, già mà chưa chết. Hôm nay ôn lại dĩ vãng vạt vạnh viết lại những gì thuộc dật sử của mấy ông ấy góp chút tài liệu nhỏ cho những ai sau nầy muốn viết lại chánh sử hoặc muốn hiểu thêm một vài chi tiết thật mà chưa ải nói thuộc về tiểu sử của mấy người gan lì dạ sắt đã đấu tranh không tiếc thân cho “độc lập” nước

20 Về tiểu sử nhân vật nầy xem trong Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam NXB KHXH, 1992 Hà Nội.

nhà, tường không đến nỗi là vô ích.

NHỚ LẠI QUY CHẾ HỌC NỘI TRÚ TRƯỜNG CHASSELOUP NHỮNG NĂM 1919-1923.

Những năm nầy, giá học nội trú trường nầy thật là rất rẻ. So sánh với giá thuê ngày nay nơi các trường tư Sài Gòn thật là một trời một vực.

Trường chia ra hai khu phân biệt :

a) Khu dành cho nhóm học sinh dân Tây và ngoại tịch (chà và khách trú), gọi quartter européen, học trò khi học phải mặc đồ Tây đi giày, đồng phục khi ra khỏi trường là quần trắng, áo nỉ màu tím có hai hàng nút mạ vàng, chạm chữ nổi “C.C.L” (Collège Chasseloup Loubat) nhưng học trò trường Taberd chằm

biếm đọc là “Con C... lỗ” ? Trong khi ấy, học sinh trường thầy dòng này mặc sắc phục có thêu hai chữ “I.T” (Institution Taberd) chúng tôi nhạo lại gọi học trò trường “ĩa trịn”, “ĩa trịn” tuy không chua cay bằng nhưng cũng với vát bột nhục, và đây không phải nói tục, kỳ thật là muốn ghi lại tâm lý nhóm học sinh bao giờ cũng liên thoảng và chỉ trích nhau một cách vô hại.

Tiền học bổng hằng niên là 180 đồng trọn năm nội trú hay là 90 đồng nếu ăn chỉ một buổi cơm trưa và tối được về nhà ở xa gọi demi-pension. Học nội trú, phải sắm đủ y phục thay đổi và dụng cụ cần thiết (trousseau) đều có khắc chữ chạm tên và khi vô trường, giám thị xét thấy chưa đủ thì không cho nhập nội.

– Năm đệ nhứt (1919-1920) gặp ông Ourgaud làm giám đốc. Ông người cao

lớn, ưa găm gù như dĩ tợn lắm, kỳ trung ông dùng phương pháp bàn tay sắt bọc bao nhung : trò nào phạm quy luật, ông đòi lên văn phòng, quạt máy chạy vù vù, một cây gậy to tướng để trên bàn, nhưng đúng giờ thì cho xuống và học trò phạm lỗi ít khi thấy mặt ông, vì ông cố tình dọa cho khiếp mà không đánh đập. Chỉ một lần nọ ông đuổi vài anh vì phạm lỗi nặng lén rình cửa sổ ngắm xem dung nhan bà đốc !

Năm đệ nhứt này, ông tổng giám thị Nicolai, dốt không có một bằng xét-ty-phi-ca, nhưng nói tiếng Tây giòn như bắp rang và chửi nghe rất sướng tai, ông kiêm chức économe (quản lý xuất nạp), nhưng chúng tôi đặt tên riêng là thằng nấu cơm tháng biệt danh là Xích Cu Lại. Ông ta hà tiện đủ cách, cho ăn rất cực : mỗi sáng điểm tâm bốn hột vịt giấm

nước nắm ngang ăn chung bốn đĩa làm một ca-rê, ngày nào cũng vậy, trừ ngày chúa nhật và ngày lễ được mỗi đĩa nửa chén cà phê đen và một khúc bánh mì độ nửa gang tay. Cơm trưa và tối ba món : canh đục ngừ quơ đĩa mò không thấy cá tôm ; một đĩa thịt bò dai nhách như cao su, một tô thịt kho mỡ lền, nhút là ít ngày tái diễn món gan bò nấu ra-gu, Xích Cu Lại dạy rằng ăn gan tấm bổ, nhưng nó ngán và chỉ được cái rẻ tiền. Cơm nấu bằng chảo đun, gạo lúc vo ngay phong-tên trong giỏ tre cần xé và đập bằng chân, khi anh cu-li rút chơn ra, tôi thấy những mụn ghẻ cổ chân đỏ au và sạch mất những mảy ghẻ (tôi thể không nói gian vì bữa ấy mãi giờ ra chơi, tôi đá banh rồi khát nước, xách lon thiếc xuống nhà bếp kiếm trà, bỗng bắt tại trận anh cặp rằng cộc-cạch-lửa làm công việc ác ôn này, giận hỏi, anh tỉnh bơ : “Gạo cả

cần xé vo tay làm sao sạch, và cứ tin đi ăn có chết ai đâu ?” Mà quả thật, suốt bốn năm ăn uống thế này chúng tôi trở nên mập mạnh hơn lúc ăn cơm trắng cá tươi của cha mẹ ở nhà, và tuy dơ dáy, nhắm mắt mà ăn vẫn không thấy truyền nhiễm. Xích Cu Lại làm tổng giám thị lãnh nấu cơm tháng nuôi học trò, nên mấy đứa học trò lười và thường bị phạt vẫn cảm ơn và bình vực cho lão gian tham ấy, vì mỗi lần lão xách sổ điểm danh học trò bị phạt ở lại ngày chúa nhật, lão sợ tốn cơm nên thường cho ra trường khỏi bị cấm túc công-xinh (consigne).

Các giáo sư năm đệ nhứt gồm có :

– Pháp văn : Motaïs de Narbonne, sau xuống dạy Mỹ Tho. Tú tài dạy không hay. Có biệt danh là “Thằng Cối”, vì ông ưa nhắc Nhĩ Hà mà ông gọi là Song Cối.

– Sừ địa : Eaton, gốc ăng-lê nhập Pháp tịch. Ông nói tiếng nhỏ, thuở ấy chưa có ông loa phóng thanh, nên chúng tôi hưởng thụ lời ông dạy rất ít. Thay cho ông là giáo sư Bénard lại còn tồi hơn, vô lớp chỉ bắt học trò mua sẵn đường thẻ, ông gọi chocolat annamite và ông uống trà Huế nhai hết cục đường rồi nói chuyện kháo chớ không dạy. Tới tháng lãnh lương !

– Việt văn : Ông Nguyễn Văn Mai, lúc ấy đã già, mặc áo dài khăn đóng, đi giày mỏ vịt, đeo kính pince-nez, ông ưa nói câu nửa Pháp nửa Việt “Si je trouve quelqu’un qui nói đót, je lui colle tout de suite un zéro”. Suốt bốn năm chúng tôi không lĩnh hội nhiều nhưng rất kính ông về phần đạo đức.

– Khoa học : Mille Merle, cử nhân khoa học, xấu mà ham diện. Thân gọi

Chị Mệt. Trước chị Merle có ông Solse, người Chà nhưng nói tiếng Tây rất cù. (Về hai ông Bénard và Solse, tôi không ắt dạy năm đệ nhứt hay đệ nhị, các bạn cũ nếu đọc bài này xin đính chánh giùm).

– Toán và Kỹ hà học (Hình học) : Venturini, người Corse, biệt danh “Ổng Điều”, vì ông hút điều cỏi và phù dung. Chuyên ép học cửu chương đến 20x20. Miệng rất hôi !

– Vẽ : Ông Nguyễn Văn Cứng được cung kính vì ông là người Việt.

– Khoa viết chữ khéo (écriture) : Ông Nam, họ Cao Đình, luôn luôn áo dài đen, đầu chít khăn đầu rìu. Trò nào thiếu điểm lên nói với ông, ông cho tọt điểm vớt vát lại khỏi bị cấm túc (consigne). Đội ơn thầy.

Năm đệ nhị (1920–1912), thay vì A, B nay đổi lại gọi 2è année X và Y do ý ông đốc học vốn là đại tá chuyên khoa toán pháp là ông Colonel Limandoux. Vì có cuộc xuống đường của chúng tôi nên ông bị thay thế, và ông Sentenac từ Mỹ Tho lên làm đốc trường. Ông này người lùn xùn, khi đứng gần ông giáo sư Bourotte cao 1 thước 90, thì ông đứng chưa tới vú. Ông Sentenac có một tật, nay nhắc lại còn rùng mình nổi ốc là mỗi lần ông ho, thấy miệng ông nhai nhai mà không thấy ông khạc đờm nhớt ra, có lẽ ông đã phi tang vào bao tử.

Tổng giám thị trào Limandoux là Thomas, cử nhân toán, vì hối lộ bị đổi.

Các giáo sư lớp đệ nhị này còn ảnh hưởng tai nạn trận giặc 1914-1918, nên thiếu người có thực tài, tuyển chọn không đồng đều gồm có :

– Pháp văn : Ông Lallemend, người bòn bon (Bourbonnais), nhờ có chiến công nên được bổ làm giáo sư, khi giảng về bài “con ruồi và anh đánh xe” (la mouche el le coche của La Fontaine), ông nhắm híp mắt lại và nói : “La mouche fait com me cà : Zi ! Zi ! Zit !” (con ruồi làm như vậy : zi zì zít), đến chừng ông hỏi bài, không đứa nào cắt nghĩa cho xuôi, bằng đứa nào theo y ông nhái lại hết là “La mouche fait zi ! zi ! zit !” tường đảng điểm lớn, té ra ông cho ăn trứng vịt zéro bắt lỗi sao dám nhạo thầy ! Ông Laue-mand đổi đi, ông Louis lại thế, ông này chuyên môn thấm nước miếng vuốt râu ngạch trê cho thật giống củ ấu, đến phiên ông Doumaud vô thế, dạy cũng không hơn gì, cả ba đã hại chúng tôi mất một năm học Pháp văn như ý muốn. Thầy không đủ khả năng hại học trò không tiến bộ là một tội.

– Sù địa : Ông Bernard Bourotte, cử nhân văn chương. Khởi nói ông này dạy về môn này thì không ai giỏi hơn. Học trò rất mến nhưng sợ ông như sợ cọp. Tánh ông nóng như lửa, trả lời hay ông cho tốt điểm 9/10, nói thêm một câu thất lạc ông sửa liền thành một hột vịt to tướng ? Học sinh Taberd vô thi, ông hỏi đứa nào không đáp được, ông dạy qua hỏi ông thầy dòng ngồi nghe, báo hại các sư huynh mặc áo dài đen bỏ phòng khảo thí chạy có cờ !

– Khoa học : Cũng chị Merle như cũ, sau lấy chồng trở nên bà Saint-Marty.

– Toán pháp : Ông Bulliard, brevet supérieur, nhưng dư sức dạy. Ông tánh nóng, mỗi lần học trò không trả lời được, ông ôm đầu bứt óc. Có một lần giờ dạy kỹ hà, ông đưa lớp tôi ra sân banh vườn ông Thượng làm thực tập, lần ấy ông rượt tôi

chạy gần giáp nửa sân. Ông thì chạy tay không, còn tôi lại không dám buông cây hoa tiêu sợ gãy mắc đèn, rốt cuộc đua trăm thước bất ngờ, phần thắng về trẻ dưới hai mươi, ông ngưng lại cười xoa bỏ cuộc. Nay nhớ lại thầy đà trăm tuổi, đứa dưới hai mươi nay cũng bạc đầu.

– Việt văn : Ông Nguyễn Văn Mai như cũ. Ông bắt tôi đọc Kiều và tổng hát bội cho đến mãn giờ mà không giảng nghĩa.

– Dạy vẽ : Giáo sư Maire, người tốt bụng và dạy đúng phương pháp, mau phát.

– Tập viết chữ cho đẹp (écriture) : Ông Cao Đình Nam như mấy năm trước.

Năm đệ tam đổi lại làm 3ème année X dành cho payants và 3ème année Y

cho boursiers, đổi đi đổi lại hoài không hiểu vì sao. Đốc học là ông Mathieu, thêm dấu thành ra Mã Thiệu. Tổng giám thị là ông Victori, ông kiêm luôn chức quản lý xuất nạp économe, nhưng ông liêm chính và thường bữa chăm nom thức ăn nước uống cho học trò. Đến đời ông có trà nóng chứa nguyên thùng cho học sinh tha hồ giải khát. Ông được cử giữ hai chức vụ trên cho đến năm sau, và khi ông về hưu, nhà triệu phú, nay là tỷ phú Hủi Bon Hoa (Chú Hoả), vốn có con cháu học với ông bên khu vực Pháp nhớ đến tiền ân, bèn rước ông về nhà giao cho làm tổng quản lý., coi sóc về phố xá thâu góp tiền phố, một đời sung mãn an nhàn, rất xứng công thưởng người có lương tâm, tận tụy về nghề giáo, cương trực thanh liêm và mẫn cán. Một dật sử vặt để cho thấy tôi hư đến bậc nào và nói để bỏ qua cho. Những năm 1922-

1923, ông làm tổng giám thị Xách Lu và ông dọn chỗ ở trên lầu thượng ngay góc Công Lý và Trần Quý Cáp ngày nay. Một bữa nọ vào chiều trời nhá nhem, tôi lảng vảng một mình lại góc đó nơi dưới lầu để kiểm chút trà đỡ khát. Chỗ này có một cầu thang có lưới sắt ngăn lại ăn thông với nhà trù. Tôi đi tới đó bỗng nghe tiếng guốc gỗ nện ùng ùng trên nấc thang cây tôi đứng lại ngó ngoáy lên thang. Trời đất ôi, tôi chết điếng chân bước không được ! Một cái mông tròn trắng phếu đang từ từ xê dịch lên lầu, lộ lộ một đồng thịt có chẻ một đường giữa nồn nà nồn nuột. Lúc ấy tôi sững sờ đứng chết trân quên khát. Thoạt cái mông trắng đi tới khúc quanh, huý bà Victori, ủa quên cái mông trắng phếu, dừng lại, xỏ một tràng tiếng Tây. Tôi nghe thật lớn : “ce n est pas assez comme cà ?” (bao nhiêu ấy chưa vừa sao ?), tôi hoàn hồn, quên việc đi

uống nước, ba chân bốn cẳng, vắt giò lên cổ, chạy một hơi về phòng tự tập, thấy thầy Chín trọc đang nhổ râu, tôi bước vào chỗ ngồi tĩnh tuồng như không có sự gì, nhưng lúc ấy ai biết sờ tôi sẽ thấy trống chiến đánh gần bể ngực. Suốt một tuần rồi nửa tháng, rồi một tháng tròn tôi mới dám thở mạnh. Tôi tự lấy làm xấu hổ, sợ bị đuổi như trào ông Ourgaud lây như đến cha mẹ, nhưng thú thật trai dậy mẩy, đêm nào tôi cũng nằm mơ thấy cái mặt sau của gái Tây phương, nó trắng làm sao là trắng ? Khởi nói từ đó tôi bỏ tạt khát trà không phải lúc, và mãi về lâu tôi không dám bén mảng tới góc lầu này. Cũng may bà Victori không học lại với chồng. Quên nói bữa ấy máy hư bà xuống tắm lầu dưới, báo hại tôi du Thiên Thai cưỡng bách suýt bị đuổi.

Các giáo sư năm đệ tam 3è année X,

niên khoá 1921–1922, gồm có :

– Pháp văn : Ông Nguyễn Văn Duyên có brevet supérieur, nhưng học lực rất cao. Ngày nay chúng lối sống sót còn nhớ công ơn dạy dỗ. Lúc đó không đứa nào dám hỗn đối với ông (trừ anh Nguyễn Văn Hoá, Tây Ninh, sau làm giáo sư ở Mỹ Tho, dám tutoyer với ông, nhưng chúng tôi gọi Hoá khùng cũng không lạ). Ông Duyên có biệt tài, chỉ dạy cho chúng tôi những lỗi mà người Việt thường hay lầm vấp khi nói và viết tiếng và chữ Tây. Học với ông năm nầy kéo lại thì giờ đã mất với kiểu giáo sư nhắm mắt ra bộ mà không cho trò nhái lại.

– Sử địa : Lão Salmon, xưa có tú tài, nhưng khi trường hỏi xin bản sao lục góp vào hồ sơ, lão đồ thừa đã chìm mất dưới biển trong cuộc đắm tàu buổi chiến tranh đã qua. Suốt một năm ròng

rã chúng tôi không học được một chữ nào với ông già chuyên môn ngâm kẹo Valda này, duy thường nghe ông khen nịnh phao tay dân Việt trắng hơn phao tay dân chà, dân bòn bon, tức xứng đáng đứng gần ông hơn những bọn kia !

– Khoa học : Ông Trương Văn Tuấn, tú tài khoa học ở Hà Nội về ông nói tiếng Pháp trôi chảy, thuộc gần trọn cuốn sciences của tác giả Bazin, nhưng ông không dạy khoa thực hành nên ngày nay chữ nghĩa trả lại thầy, tôi không biết chút gì về môn khoa học. Thỉnh thoảng tôi còn gặp và tình sử nghĩa đệ chưa quên, và há dám quên. Lúc dạy ông thường mặc trọn bộ com lê bằng hàng tussor sang trọng, tay đeo chiếc nhẫn xoàn gần mười ly chớp nhoáng.

– Toán pháp và Kỹ hà học : Vẫn ông Bulliard, giáo sư lão thành tận tụy với

nghề nghiệp. Việt văn : Ông Nguyễn Văn Mai, không thay đổi.

– Vẽ vời : Chị Gioan, rất đẹp, có chồng dạy toán lớp.trên, đứa nào chị thấy chăm chỉ học, chỉ thường khòm lưng trên đầu để dạy chấm phá, rủi đầu học trò đụng chạm vào ngực chị, chị không nói gì, bởi thế chúng thường làm cho đụng để rồi giả bộ xin lỗi. Thân mật chúng tôi gọi chị là chị Giãn. Hiện nhà tôi còn giữ một bức chân dung của chị để làm kỷ niệm một bà thầy dì chủng nghĩa nặng khó quên.

– Dạy viết chữ cho khéo : Cao Đình Nam (Tôi chưa biết dịch écriture ra danh từ nào cho gọn).

Năm đệ tứ, gọi 4è année X, niên khoá 1922–1923.

Đốc học : Bouault, thạc sĩ sử học.

Tổng giám thị, cũng ông Victori, y như năm rồi, rất được trọng dụng vì học trò mến phục và nhân viên kính vì. Không ăn xới ăn bột cơm học trò.

Các giáo sư dạy năm chót của chúng tôi năm 1922–1923, gồm ;

– Pháp văn : ban đầu Tullier, rồi Robin, văn chương cử nhân, thầy đều có chân tài, rất hết lòng và dạy rất dễ hiểu và mau lĩnh hội.

– Sử địa : Ông Bernard Bourotte, vẫn gọi bằng ông để tỏ lòng kính trọng. Ông vừa là thầy dạy học vừa là bạn, mãi đến năm 1968 trước khi ông mất, chúng tôi thường thơ từ qua lại và năm 1963 tôi có ghé nhà nghỉ một đêm tại Lisieux, đốt đèn khuấy chị Phù dung thuốc rất ngon gout indien.

– Khoa học : Ông Franchini, vốn là anh của chủ nhà hàng Đại Lục đường Tự Do, nghe như hiện dưỡng nhàn tại Nice bên Pháp quốc.

– Toán pháp và kỹ hà học : Ông Lê Văn Kiêm, giáo sư cử nhân, gốc người Bến Tre, hiền và rất tốt với học trò, đứa nào cũng mến. Nhưng tôi không hiểu hết những gì ông dạy, lỗi tại tôi dở toán.

– Việt văn : Nguyễn Văn Mai.

– Vẽ vời : Bà Gioan, cũng là chị Giãn.

– Dạy viết chữ cho khéo (écriture) : Cao Đình Nam. Đến giờ ông chúng tôi tự do được làm theo ý muốn, vì ông nói chúng tôi nào phải trẻ con mà dạy tập đồ.

Các thầy gác phòng tự tập, coi ăn coi ngủ. Mai Diệu Chính, Đoàn Hưng

Tường, Đào Văn Lân, Trần Văn Phận, Nguyễn Bá Tả, Sersot, Dumoulin, Đỗ Văn Ngô, quên tên vài ông... Thỉnh thoảng có ông Trần Văn Chiêu xuống dạy khoa đã tự (đánh máy chữ), cũng có khi ông gác lớp vài giờ, ông Lê Đình Dực (lé) coi về phát mandat đại diện lãnh tiền thế cho học trò, và ông Mạnh (quên họ) gọi lén là Trương Tác Lâm, danh từ này do các anh lớn để lại và tôi không hiểu gốc tích.

Bà đầm coi sóc y phục tên Mong, có mấy chị phụ giúp, thứ năm nào tới giờ phát áo quần mới, chúng tôi đều chen nhau gọi réo : “Chị lấy tôi, chị”, tiếng gọi tắt đã quen thay vì nói “xin chị lấy giùm y phục cho tôi”, quá dài. Và chị vẫn tươi cười không thấy chê rầy đứa nào vì đứa nào cũng trai tơ nheo nhéo.

Tùy phái chạy giấy đem thơ là

Thường. Cu-li dọn dẹp khá nhiều, đều là gốc gác miền Trung, nhứt là Thanh Nghệ, nên gọi chung là cộc cạch lửa, phải chăng là vì họ lo về tắt đèn tắt quạt, sửa điện và vắn nước cho học trò tắm. Ghét lớp nào các ông chờ cho xát xà phòng thì khóa nước, nên không dám chọc cho ghét.

Anh cặp rằng có râu dài, tánh tình khó thương, được tặng là Đề Thám ! Người chịu khó, sai gì cũng được từ lấy đồ đi bỏ giặt đến mua một cặp lạp xường, đem nước trà lên lầu, cạy cơm cháy để học khuya, về trễ anh mở cửa cho lên ngủ không thưa hỏi với thầy gác, đó là anh Hai Tân, nhớ lại thì ắt đã ra người thiên cổ. Vạn tuế Hai Tân !

Cho đến năm 1918, bãi trường lớn hai tháng vào tháng chạp Tây từ lễ No-en. Từ năm 1919 về sau, bãi trường lớn

vào tháng bảy, lễ chánh chung (14 juillet). Cũng vì vậy mà các anh Nguyễn Văn Cánh (Đại Ngãi), Phương (Cần Thơ), Châu (Bạc Liêu) vô trường Xách Lu năm 1918 học tắt có sáu tháng rồi khi nhập trường cho lên lớp đệ nhị (deuxième année). Năm 1919, khi chúng tôi vào trường, học năm đệ nhứt thì tên lớp đặt là première année, chia ra A dành cho nhóm có học bổng (boursiers) và lớp B dành cho bọn có đóng liên (payants). Nhưng năm 1920, ông đốc Ourgaud nhường chỗ cho ông quan năm nhà binh là Colonel Limandoux, ông này là nhà toán học nên đổi lại gọi deuxième année X và Y.

Ông ít tánh kỳ thị, chính ông đưa sinh viên Nguyễn Văn Kiều (nha y sĩ Dr. Kiều) vào hội thể thao Pháp (Cercle Sportif Saigonnais) là hội dành riêng cho

Tây chơi, ông đóng tiền cho Kiều vượt tư-nít chung với bọn Pháp, vì Kiều có khiếu về môn này. Ông ở ăn tử tế như vậy nhưng ông bị lão tổng giám thị Thomas xỏ mũi rồi Thomas làm bậy, học trò phản đối bỏ trường không học xuống đường lần nhứt ở Nam kỳ vào năm 1920, ông cùng bị đổi, để ông sen-tenac ở Mỹ Tho lên thay, chừng ông này về hưu thì có ông Mathieu (Mã Thiệu) lên làm giám đốc. Nhưng giám đốc lỗi lạc nhứt là ông Bouault, thạc sĩ sử học thế cho Mã Thiệu, năm 1923, khi chúng tôi học lớp đệ tứ. Ông này say mê về sử và thuộc hàng Tây tốt. Một hôm, giáo sư dạy sử lớp tôi mắc việc riêng không đến dạy. Đốc học Bouault xuống thay thế, hỏi chúng tôi học đến đoạn nào. Trả lời đoạn nói về cuộc cách mạng bên Pháp từ năm 1789. Ông cười, xoa tay dạy cắt hết giấy nết, căn dặn không cho ghi chép những

gì ông nói ra, đoạn suốt một giờ rờng rã, ông thao thao bất tuyệt diễn giảng còn rành rọt hơn trong sách, những chi tiết vặt vạnh luôn về năm tháng xảy ra, nghe mê như mật rói vào tai đoạn ông xách nón bước ra cửa, chào và kết luận : “Chúng em còn nhỏ, sau này nếu muốn độc lập, thì phải tranh đấu cho đến kỳ cùng. Mặc cho chúng nó là bọn cai trị sẽ không bằng lòng, chớ nhà giáo có lương tâm như chúng tôi, vả lại tôi thuộc đảng xã hội (socialistes), chúng tôi không có quyền che giấu sự thật và chỉ muốn có sự công bằng”. Thật là một lời nói vàng ngọc và chí tình, đáng ghi vào phế phủ.

Nhớ HỒ VĂN NGÀ – Hồ Văn Ngà có da ngăm đen, mặt xương mắt sáng, miệng rộng, có cái cười rất cởi mở. Nhà nghèo, Ngà rất chăm học, giờ chơi luôn luôn ở lại trong lớp, tay cầm cục phấn,

học riêng không cần thầy. Ngà có hoa tay, viết được cả tay trái, và khi vẽ vòng tròn trên bảng, Ngà cầm phấn quay một vòng tròn còn hơn vẽ có công-pa tức cái qui. Tuy nghèo mà rất gan dạ, chuyện gì dầu trái, như bỏ trường, cắt nghĩa Ngà nghe phải tai thì hường ứng ra theo, bất chấp hậu quả. Thấy ông giáo sư Duyên chữ viết thật đẹp, Ngà tập theo và chẳng bao lâu Ngà có tuồng chữ y như chữ của ông Duyên không khác. Cho đến năm đệ tam, Ngà học ngang lớp với tôi. Tôi hơn Ngà môn thể dục và môn tập đọc nhạc phổ (solfège), nhưng chỉ hơn trong hai năm đầu, đến năm thứ ba, Ngà giựt luôn quán quân hai giải này, bỏ tôi xa lắc. Ngà thấy tôi yếu về khoa học và toán, Ngà cố tình chỉ bảo mọi cách nhưng tôi vẫn hoàn tôi. Nhớ lại năm 1921, vô học năm đệ nhị mà không sao học yên thân. Lão Thomas cho ăn cực quá, nuốt không vô.

Thêm nữa lão thâu nạp học trò trường Nguyễn Xích Hồng dâng hối lộ cho lão rồi lão nhận bừa cho vô học cùng chúng tôi, Phát, Thiệt, Cung, mấy anh nầy rất tốt nhưng sức kém quá không theo kịp, thầy phải mất nhiều thì giờ mà chúng tôi lại thiệt thòi hơn thầy nhiều, thêm có nhiều lý do khác, khiến cho chúng tôi, nhóm học trò khu bản xứ, từ đệ tứ đến đệ nhứt, đồng lòng thừa dịp chiều thứ năm thầy dắt ra dạo chơi ngoài phố (promenade) rồi bỏ luôn không trở về trường, phản đối tổng giám thị Thomas bất công nhiều nỗi. Ngày sau là ngày thứ sáu, định kéo lên thống đốc nạp đơn kêu nài, nhưng lính đến giải tán. Một nhóm không hưởng ứng ở lại học, chúng tôi gọi “mấy thằng lác” (lâche), mãi về sau ra đời rồi cũng còn giận và ít giao thiệp. Nhưng cuộc làm reo (grève) bãi học nầy, lần hồi đưa vào thất bại. Chúng tôi không

dự bị, vấn đề ăn và cho ở làm cho luống cuống. Đêm đầu có tiền đi xem ciné rồi ăn mì thế cơm. Ngủ thì chen nhau nằm sấp nằm chồng sấp lớp trong một phòng trọ tối tăm. Mấy hôm sau, cặn tiền phải sống bằng viện trợ, đúng hơn là bố thí của mấy thầy hăng tư, kẻ mười đồng, người hảo tâm hơn cả là năm mươi đồng, làm sao đủ cho hơn hai trăm đứa neho nhóc phần đỏi phần được thơ cha mẹ tuân lời đốc học khuyên răn làm mất hết tinh thần. Chưa được một tuần lễ, tôi tiếp được một thư bảo đảm của Ba tôi từ Sóc Trăng gửi lên trong ấy có kèm một bưu phiếu mười đồng bạc, phải vô trường nhờ thầy Dục trên văn phòng lãnh hộ mới xong.

Lúc ấy tôi chỉ ăn một ổ bánh mì bốn xu trừ cơm mỗi ngày và đã hai hôm như vậy nên xót ruột quá. Về chỗ trọ, thì nhờ

anh Trần Quan Viện, đưa về ở trên đường Barbet (nay là Lý Trần Quán), ngủ bừa dưới gạch, vừa rồi có dịp đi ngang qua đây, thấy cái tháp hòa thượng ngay sát bên lộ đã bị san bằng, lòng khiến bồi hồi nhớ lại năm chục năm trôi qua mau quá. Hôm vô trình diện để lãnh tiền, tôi mục kích một cảnh đáng thương tâm và cũng đáng kể lại đây. Hôm đó tại văn phòng, tôi thấy Ngà bị lĩnh nghiêm thân từ Tân An bắt trói hai tay dẫn trở vô trường ra mắt đốc học Limandoux. Giữa ông Tây quan năm nhà binh và một ông già cổ học Đông phương, có ông giáo Dục đứng làm thông ngôn. Ngà hai tay bị trói bằng dây lược đứng sát vách. Tôi, với một bộ đồ bà ba nhục nhục cả tuần chưa thay, đứng bên Ngà, vô tình trở nên một nhân chứng bất đắc dĩ.

– Con của ông – Limandoux nói –

đã không nghe lời chỉ bảo và ngỗ nghịch bỏ trường ra theo bọn mất dạy, ông là cha, lỗi ấy về ông.

– Thừa quan đốc học – thân phụ của Ngà nói – quan đốc nói như vậy tôi là dân quê dốt nát, xin đỡ lời. Ngà, lúc còn ở nhà tôi, rất ngoan, tôi nói gì, Ngà nghe nấy. Lúc ấy, “tử bất giáo, phụ chi quá” quan đốc trách tôi là phải. Nhưng lúc đó Ngà biết nghe lời cha mẹ. Chỉ từ khi lên đây ăn học ở trong trường và được quan đốc dạy dỗ, từ ấy Ngà trở nên ngỗ nghịch. Hể “giáo bất nghiêm, sư chi đọa”, thừa quan đốc, vậy lỗi ấy về ai ?

Ông Limandoux nghe ông giáo Dục dịch xong, lật đật đứng dậy xin lỗi, bắt tay ông già nhà quê, mà rằng :

– Con ông học rất giỏi, đứng đầu trong lớp. Tôi không nỡ đuổi mấy đứa

như vậy. Lời ông nói rất chí lý. Nay ông hãy bảo Ngà vô học lại.

Nhưng Ngà khoanh tay cung kính đáp bằng tiếng Pháp :

– Thưa ông Đốc, tôi không thể vô học một mình. Nếu ông ép tôi cũng nhảy rào trở ra. Chùng nào ông tha tội tất cả anh em chúng tôi, thì tôi mới chịu vâng lời.

Ngà mất học bổng, các anh kia tôi nhớ Tự (lớp đệ tam cầm đầu) và Sử (Cần Thơ) bị đuổi. Chúng tôi trở vô tiếp tục học, cuộc xuống đường tan như bọt xà bông. Ông Limandoux, ông Dục, hai cha con Ngà đều ra người thiên cổ, chỉ còn tôi ghi lại lời này, cũng không còn nhân chứng nào khác, vài năm sau khi từ già Xách Lu, có một lần tôi gặp Ngà trước quán sách Albert Portail (nhà Xuân Thu đường Tự Do ngày nay), Ngà cho tôi hay

sắp sang Pháp học thêm. Tôi khen Ngà tốt số, Ngà đáp : “Đi với tiền bên vợ mà sướng cái gì, mây !” (Câu này nói trước tôi có kể rồi).

Sang Pháp học trường cao học về kỹ nghệ và mỹ thuật, một dịp Tết Ngà gửi cho tôi một danh thiếp vồn vẹn có mấy hàng này : “Hồ Văn Ngà S.M.N.X”. Tôi gặp Hồ Hữu Tường lấy ra hỏi, Tường cũng không hiểu bốn chữ kín ấy nghĩa gì.

Khi hay tin Ngà bị đuổi, kỹ sư Lưu Văn Lang nói : “Uổng quá, tôi có học trường ấy, nhưng tôi không làm major (đứng đầu trong lớp) suốt ba năm như Ngà. Làm major, khi ra trường tương lai lớn lắm. Uổng quá ! Uổng quá”.

Tôi gặp lại Ngà lần chót tại Sóc Trăng, Ngà làm chánh văn phòng cho

ông Nguyễn Văn Sâm chức là Khâm sai của đức Bảo Đại. Kế nghe đảo chánh, rồi nghe Ngà bị bắt, dẫn đi xuống miệt Cà Mau, dọc đường bị thủ tiêu, sau năm 1945, lối 1946 gì đó.

Nhớ TRẦN VĂN THẠCH : – Anh Trần Văn Thạch là học sinh ngoại trú (externe) nên chỗ giao thiệp không mặn mòi với chúng tôi là học sinh nội trú, từng nuốt mấy trăm hội vẹt giấm nước mắt năm 1ère année và nhai bít-tết giẻ rách của lão Xích Cu Lại ròn rã những tháng dài. Trần Văn Thạch là học trò xuất sắc trường Phú Lâm, khi vào năm đệ nhứt Xách Lu thì vóc nhỏ người nhỏ con hơn hết bên ban A (boursiers), cũng như chú Từ Văn Thiết sau này tốt nghiệp hăng Renault kỹ sư đào tạo bên Pháp chính cống mà qua bên này vô hăng Renault Sài Gòn, Tây nó xếp dưới hàng giám đốc

vẫn không có bằng kỹ sư nhưng là Tây thứ thiệt nên giành làm chủ, thiệt khi vô trường từ Cái Bè lần học chung một lớp với anh là Từ Văn Chấn, vẫn chiếm giải thứ nhứt bé con nhứt bên ban B (payants) vậy.

Trần Văn Thạch cận thị từ nhỏ, vô lớp với hai gò má no tròn, mặt rất trẻ trung bé choắt nhưng đã lên bộ nghiêm trang đạo mạo với nhõn kính gọng sắt xi kền y một kiểu với đức giám quốc Pháp có hình vẽ trong tiểu tự điển Petit Larousse là ông Adolphe Thiers. Thạch bề ngoài có vẻ phách, khinh người, nhưng bề trong là một bạn tốt như bánh mì Tây không có pha bột gạo. Duy Thạch kén người để giao thiệp và suốt mấy năm học chung trường Xách Lu, Thạch chỉ thích cặp kè với ông giáo sư dạy Pháp văn của

lớp Thạch là ông Paul Baudet²¹ có tiếng là dạy giỏi nhưng rất nghiêm nên chúng tôi rất sợ. Ông Baudet cũng khác hơn người, làm giáo sư mà ít giao thiệp với các giáo sư khác, dưới mắt tôi lúc ấy hai người đeo như sam là Paul Baudet và Trần Văn Thạch, cứ mỗi sáng đến giờ vô lớp là thấy hai người lù lù từ cổng vô sân, từ sân vô hành lang chờ giờ vô lớp học là hai người cặp kè, một giáo sư già Tây, một sinh viên trẻ ta, khăng khít không rời và trầm cùng nhau tiếng Tây không ngắt. Ông Baudet thấy Thạch có khiếu nên thương, còn Thạch lợi dụng tình thầy trò để học tiếng Pháp. Chúng tôi không hiểu ắt giáp gì, đứng ngoài xét cặn đã ban cho

21 Về ông P.Baudet. Ông dạy kỹ như ông Duyên nên học trò rất mến. Ông có làm tổng giám thị một thời gian thay cho ông Victori về nghỉ bên Pháp. Anh bạn quá cố Nguyễn Thành Phát (hội đồng Phát) có biệt tài nhái chữ ký của ông y hệt, anh gác cửa nhìn lầm hoài, vì vậy bọn bị phạt lợi dụng, phát làm giấy cho ra rồi tối chúa nhật Phát thâu lại, đến nay tôi nói mới biết.

Thạch là “con lão Bồ Đề”, mấy lần thân thiện chúng tôi trách Thạch quá ham nói tiếng Tây, Thạch cự lại rằng : “Chúng bây ngu lắm ! Vô đây học chữ Tây, tiếng Tây thì phải năng viết nhứt là năng nói thì mới giỏi được chớ ? Còn nói rằng ham nói tiếng Tây sẽ bớt thương nước, thì sau này sẽ biết”.

Có đứa ác ý thấy Thạch giống ông giáo Dục trên văn phòng, vì cũng lé và mập tròn chắc da chắc thịt như nhau thì đặt tên bừa là “Con lão Dục” nhưng chỉ nói lên chớ Thạch hay được ắt đánh bể đầu. Thạch có biếu tôi một cuốn mỏng “Manon Lescaut” của Abbé Prévost và tủ sách tôi có chứa một cuốn mỏng khác “Le francais correct” của Thạch soạn khi làm giáo sư trường tư tại Sài Gòn, chứa đựng bao nhiêu sở đắc về văn phạm Pháp mà Thạch đã thâm nhập được từ nhỏ. Tuy

mỏng mà đáng lượng vàng.

Từ ngày ra trường, tôi không gặp Thạch. Vắng tin nhau mấy năm dài, Thạch sang Pháp du học ngày nào tôi không hay, Thạch nhiễm tư tưởng mới hồi nào tôi không rõ, một hôm tôi gặp Thạch trên xe buýt đường đi Bà Chiểu, lúc này Thạch là hội viên Hội đồng thành phố, còn tôi thì giúp việc trên dinh phó soái Nam Kỳ, tôi xê lại gần và bắt tay chào Thạch. Thạch cười lé xệ : “Bộ mấy không sợ mất chức hay sao mà dám bắt tay tao ?” Tôi thản nhiên đáp lại : “Có cái mấy làm nghị viên, mấy làm chánh trị rồi mấy sợ bắt tay một thằng thơ ký mà nhor tay mây ; chớ tao thì không sợ giống gì hết. Đứa nào làm chánh trị thì làm, đứa nào kiếm cơm thì cứ việc kiếm cơm, bạn học năm xưa gặp nhau bắt tay chào mà cũng sợ nữa sao ?” Hai đứa cùng cười náo ngơ

hôm ấy rồi không bao giờ gặp nhau lại nữa.

Trong hàng anh em, Ngà giỏi đủ môn, Tân Hàm Phục và tôi giỏi Pháp văn duy có Thạch thấu đáo được văn phạm Pháp và có tánh cang chánh xây dựng, dám nói dám làm, tiếc thay trời không cho sống để thi thố tài nghệ, nhưng bao nhiêu kia cũng đủ, mạng ấy yếu mà danh ấy thọ.

Nhớ PHAN VĂN HÙM – Phan Văn Hùm [Về tiểu sử nhân vật này xem trong Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam NXB KHXH, 1992 Hà Nội.] đã được nói nhiều do nhiều cây viết có uy tín ghi lại. Ở đây tôi chỉ muốn nêu ra vài cử chỉ đầy nghĩa khí của anh. Tôi biết Hùm lỗi năm 1920–1921, khi anh học trường cao đẳng tạo tác Hà Nội về. Tôi gặp Hùm lần đầu tiên tại nhà bà Phán Mẫn là mẹ nuôi của anh Nguyễn Tích Thiện, cô của bác

sĩ Nguyễn Văn Sang. Nhắc đến hai vị ân nhân nay mà bồi ngùi vô cùng cảm xúc. Nếu nội nhà tôi đều nhờ anh Sang mát tay trị đủ thứ bệnh và bất luận giờ giấc nào, thì riêng tôi, lại thọ ơn dày bác Phán từ thuở còn mài đống quần tại trường tỉnh cho mãi đến sau mỗi khi bãi trường ở Xách Lu về vẫn ăn chục thường thường tại nhà bác Phán, nhắc mà không thẹn lỗ miệng ngày nay. Bác trai mất từ lâu, nhưng bác gái một lòng thủ tiết và mỗi ngày đều cúng bác trai hai bữa cơm y như lúc sanh tiền.

Anh Hùm năm đó theo anh Tích Thiện về Sóc Trăng tuy quê anh ở Búng (Bình Dương) dừng lăm với chợ Búng ở Mỹ Tho là chỗ ngày nay hai bên đánh nhau rầm rầm, ông trời can cũng không nổi. Nguyễn Tích Thiện học trường Cao đẳng sư phạm, năm ấy thi ra trường bị

Tây ghét cứng đầu nên cho rớt. Hùm nghĩa hiệp chịu bỏ dở nửa chừng việc học, theo Thiện về tổ chức với nhiều tay hùn vốn dựng nên một dãy trường khá đồ sộ lấy tên là “Tích Thiện học đường” dưới bảng hiệu chưa thêm một hàng chữ “Ký túc học xá” mà lúc ấy tôi chưa hiểu nghĩa là gì. Công việc làm ăn đang phát, Thiện đâm ra chơi bời, mê một cô me Tây mà quên hết sự nghiệp, nhút là không nghe lời trực gián của Hùm, uất quá Hùm xin trở ra Hà Nội năm sau học lại rồi qua Pháp học lại Đại học Sorbonne thành tài, và đó là việc khác. Nhơn lại nhà bác Phán, tôi gặp Hùm và trò chuyện đôi ba lần đâm ra thích và kết làm bạn tâm đầu. Hùm hơn tôi rất xa vì đã biết sẵn chữ Hán, Hùm có chỉ cho tôi học thêm, nhưng mãi kỳ bãi trường, hai tôi chia tay và không thấy nhau luôn cho đến ngày Hùm bị chết oan sau này.

Dưới mắt tôi, Hùm là một người học nhiều, viết nhiều nhưng tiết kiệm từ lời nói. Đúng là một học giả có chân tài học ngoài có vẻ cục mịch như anh lái gỗ đất Thủ (Thủ Dầu Một), bề trong thật là một viên ngọc đáng giá, nhưng không ba hoa lẻo mép như thằng nầy. Chớ chỉ lúc đó tôi biết được như hôm nay xin thọ giáo với Hùm thì đã khỏi “thiên bất đảo, địa bất chỉ” như tôi bây giờ. Những gì tôi nói nôm na, như trường ăn cơm trong đề dịch chữ Internat, thì Hùm đổi lại là “ký túc xá”, chính chữ Surveillant général, tôi dịch “thầy gác chánh”, Hùm cười, sửa lại “Tổng giám thị” nội bao nhiêu ấy đủ thấy “chơn” và “giả” khác nhau thế nào. Sống làm chi như kẻ hèn nầy ; bởi vậy, bây giờ tôi nghe ai gọi tôi là học giả, tôi nhớ đến Hùm và xin cải chánh, chữ giả nầy là “không thiết” xin đừng hiểu “học

giả” là người có học, quả tôi không xứng đáng.

Hùm da ngăm ngăm đen, mặt thịt, mình mẩy rắn chắc, tôi hỏi anh Trần Quan Viên, trước học cùng trường ngoài Hà Nội, Viên cười nói “Nó có nghề !” Bộ tịch vạm vỡ đúng là bê tông armé, dè dặt lại chết yếu. Như vậy mà còn có kẻ không tin con người có số mạng.

Nhớ *NGUYỄN AN NINH*. Tôi làm quen với ông Ninh nhờ mua báo bằng Pháp văn đối lập chống chánh phủ đương thời, gọi La Cloche Fêlée (Cái chuông rè) do ông một mình vừa chủ trương, vừa viết báo, và vừa bốn thân đứng bán khắp Sài Gòn, mình mặc áo dài trắng, đi xe đạp, tay ôm mớ nhứt trình, miệng rao lanh lẹ và chạy bán từ số, từ tờ cho mấy ông mấy thầy, bất chấp cách lườm ngó

đầy ác ý và tiếng nặng nhẹ của nhóm thực dân, từ thẳng biện chà gác đường đến thẳng Cột (Corse) ngồi nhà hàng uống rượu khai vị xưng mình là người cai trị da trắng mà sức học chưa có tới mảnh xẹt-ti-phi-ca.

Lúc ấy Sài Gòn hãnh diện với những nhà hàng sau đây địch thể với các nhà hàng bán rượu và cơm Pháp : như Continental (Đại Lục) gần nhà hát Tây, Rotonde (Viên Đình) vì góc tròn, ở chỗ nhà Denis Frères đường Tự Do góc mé sông và nhà hàng Pancrazi nơi góc Nguyễn Huệ, Nguyễn Thiếp. Ba nhà hàng đối thủ với các nhà Pháp thuở đó là : Quảng Thạp (góc Chợ Mới đường Lê Thánh Tôn), chỗ ngân hàng Pháp ngày nay, đầu bếp là tay ngự thiện cũ của lão thống soái hách nhút thời Cô Nhắc (Cognacq), nhà nầy chuyên môn bán chim mổ nhất rô ti

và mỗi sáng bán điểm lâm với giá hai cắc bạc một tô cà phê đen lớn xộn một khúc bánh mì to tướng còn bơ lạt ướp lạnh tha hồ muốn quệt bao nhiêu thì quệt. Nhà thứ hai là nhà hàng Hiệu Hiệu ở Chợ Cũ đường Công Lý, chỗ lai vãng của các mại thương mái chính, nấu ăn được được nhưng không ngon và sạch bằng nhà thứ ba danh gọi Yeng Yeng, ở đường Pasleur, Chợ Cũ, bán cơm Tây rẻ tiền mà ngon lạ ngon lòng : bít tết Chateaubriand tám cắc đĩa nguyên, bốn cắc nửa đĩa, cục thịt mềm và thơm, khoai chiên bơ phồng lớn và tròn, bùi không chỗ nói, ngày nay vô Chợ Lớn kêu một đĩa bít tết như vậy tốn bạc ngàn mà ngon không bằng phân nửa châu xưa. Nguyễn An Ninh ưa đứng bán báo nơi góc Tự Do và Gia Long và đón giờ ra sở năm giờ thì thế nào mấy thầy trẻ dinh Thượng Thơ cũng mua ủng hộ vài ba chục số. Nhưng mỗi luận vào khoảng

tháng hai tháng ba Tây năm 1926 cứ mỗi thứ hai và thứ năm lối bảy tám giờ tối không sót ngày nào, ai muốn gặp Ninh cứ lại trước nhà hàng Yeng Yeng thì gặp, không trật bữa nào. Tôi thường lại đây dùng bữa vì đây là nơi hội ngộ của đám gái nửa sặc Lucie Bandeau vì đầu có theo nơi trán, con Mười Tóc Đỏ, Tư Dái, Sáu Ngọc Anh, bọn này khi hết tiền thì đeo theo bọn cờ bạc, khi có xu sọc sạch trong túi thì nhả bọn cờ bạc bám chúng tôi rút rĩa đồng lương đầu tháng, và xương tủy trai tơ. Trước khi giáp mặt chị em, tôi thường mua một tờ Chuông Rè để lấy le. Nhưng ông Ninh sau khi bán cho tôi đều đều, lại lắm tưởng, cho tôi đúng là nhà ái quốc có gan, không nữa cũng một tay cừ nào đó có sạn trên đầu. Một đôi khi, sau khi nhận của tôi một cắc bạc tiền mua báo, ông sang chống báo qua tay trái và chìa tay mặt bắt tay tôi niềm nở như

hai bạn tương tri cách mặt lâu ngày. Có mấy lần tôi thẳng thắn kéo tay mời ông vô dùng cơm Yeng Yeng dụng ý là mình dám đồng tịch đồng sàng cùng nhà cách mạng, nhưng ông lắc đầu lia lịa xỏ một dọc tiếng Tây cảm ơn không ngớt, và tỏ vẻ cảm động thật tình. Nói cho đúng lúc ấy ai ai đều ngán ông Ninh và không dám giao thiệp công khai, vì sợ liên lụy không nhỏ. Riêng tôi, tôi lại nghĩ lại. Lúc bấy giờ ông Ninh chưa ai biết là nhà ái quốc dám hy sinh tánh mạng như ngày nay đã rõ, lúc đó ông là người ai cũng e dè không dám lại gần, trừ những người cùng một chủ nghĩa với ông, Việt Tha, Le Jean de la Bâtie, Paul Marchet, vân vân. Còn tôi tôi vẫn phục ông thật tình, lại nữa tôi còn nhỏ dại, thâm ý ngông cuồng là muốn ngồi cùng bàn, bắt quá lính kín xen, ông Rosel hay được sẽ buông tôi ra đổi tôi đi chỗ khác thì khỏi làm việc nơi

Trường Máy, cho nên tôi mới dạn làm vậy. Có ngờ đâu kể tôi bất thành, và cho đến năm 1928. nhờ mấy ông Tây tôi dạy tiếng Việt vận động lắm, tôi mới tách rời ông Rosel, thẳng cánh bay về tòa bố Sa Đéc được.

Theo tôi nhớ. ông Ninh người chắc da, chắc thịt, năm thấp đều đặn nhưng không đáng gọi lùn, ông có bề ngang, mặt đỏ hồng vì có dư sức khỏe. tóc đen nháy và thật nhiều, ông lẳng xê một để tóc dài xù xụ khỏi ót và thanh niên đời đó đứa nào có ít nhiều tâm sự như tôi đều bắt chước gọi kiểu phi lô xốp à la mode de Nguyễn An Ninh, cái kiểu hip-py như bây giờ đâu phải là mới mẻ. Cặp mắt của ông sáng có sao, đôi lông mày thật rậm. Khi ông nhíu lại, trông người oai phong đầy nghị lực. Thế mà ông hiền như cục bột, miệng luôn luôn tươi cười

tha thứ, và ăn nói rất có duyên. Một con nhà nề nếp nho phong mà tập ăn uống kham khổ không nề hà, trong khám Ninh thường nhín lại miếng khoai lang mò trong tô canh để rồi cũng la sấm la sét (dessert) như ai ở ngoài tù, vài khi còn tự do viết báo, món ăn thích nhất của Ninh vì rẻ tiền no bụng là món hột vịt lộn úp mề cặp với rau răm chấm muối tiêu, chêm la-ve cho thêm ấm bụng. Ninh ban đầu là một người yêu chân lý, ý toan đội đá vá trời, thành thật muốn cho Tây thực dân nghe theo lời ông mà nới tay biết đối xử với người bị trị làm sao cho phải đạo, cho đúng Rousseau, Voltaire đã viết và ông đã đọc. Ninh là người hết sức thiệt thà tin nơi lẽ phải và tin cho ai ai cũng đều tốt bụng như ông. Chớ chi Tây biết nghe lời và thấy chú không tàn ác thì Ninh đâu trở nên người bạo động. Xứ Sốc Trăng tuy quê mùa nhưng rất có

duyên nợ với khách anh hùng cỡ Hùm, Sâm, Ninh...

Có một lần Ninh đi thăm vợ ở tỉnh Sóc. Chị này đang học trường bà phước sở tại, có tiếng là nơi kín cổng cao tường. Ninh vào trường để thăm vị hôn thê, mà bà phước không có lệ cho trai tơ thâm nhập chỗ dạy dỗ gái. Thế là Ninh phải giả làm phụ nữ, mặc áo dài choàng khăn écharpe là cái mốt thịnh hành thời ấy, bà phước thấy làm sao được mớ tóc phi lô xộp nên cho vào. Nếu cái tin này không phải chuyện hoang đường và nếu tôi đây là trạng sư tôi sẽ cãi cho Ninh con người ham vui cột đời đường ấy, đâu phải a con người làm cách mạng ? Chuyện không hoang đường và tôi dám cam đoan đúng trăm phần trăm là Ninh cười hỏi chị nữ sinh trường bà này thực sự. Chị này nay còn sống, ban sơ hai người ăn ở với nhau

rất đắm thắm, duyên thật bén duyên. Nhưng khi ông bắt tay làm chánh trị, ông lạm và si mê đến tơ duyên đổ vỡ. CƠM không lành canh không ngọt, Ninh có lời nói nầy đủ thấy chí tình. “Em giao việc ly dị cho luật sư. Bao nhiêu lỗi anh xin gánh hết. Để em làm lại cuộc đời. Và để cho anh rảnh tay lo việc nầy cái đã !” CƠ khổ tại sao quá hà tiện lời nói và không nói rõ việc nầy, ấy là việc quốc gia đại sự, nếu nói rảnh muốn đuổi Tây về xứ thì người đàn bà trẻ non lòng, chị TƯ E.P, đâu có chia tay ? Ấu cũng là số kiếp hay là hết duyên hết nợ. Khi dừng chơn tại tỉnh SỐC TRĂNG. Ninh là người hết sức yêu đời, cười nói huyền thuyên, ưa giễu ưa chọc cười. Ninh lúc đó đâu phải là dành cho nệm đá xi măng lạnh lẽo, CƠM tù hết KHÁM LỚN đến CÔN SƠN, kết cuộc chết trong ngục tối. Nhưng chết trên nệm êm để sau giòi đục xương, đâu

có bằng chết bó chiếu mà danh lưu thiên cổ.

Mỗi duyên bất thành kia, dường như khởi đầu tại Chiêu Nam Lầu, Chợ Cũ, nơi mà mẹ của chị nữ sinh trường bà phước ghé chọn để gặp người cô của Ninh là chủ của khách sạn này.

Nay ông Ninh đã nằm yên ngoài Côn Đảo, tiếng nghe dữ, nhưng êm tịnh hơn đất Sài Gòn. Cái mố lý tưởng của nhà cách mạng này, theo tôi, là nên nằm nơi sân cỏ góc Gia Long–Công Lý, cạnh Khám Lớn Sài Gòn hồi xưa. Cái Thư viện quốc gia, theo tôi, nên đặt tên “Thư viện Nguyễn An Ninh”, mới là chí lý [Bây giờ là thư viện Tổng hợp thành phố.].

Lúc chánh phủ trước sai phá Khám Lớn, tôi có xin ông Bộ trưởng bộ giáo dục can thiệp xin chữa lại cái hồ nước,

chỗ Ninh, Hùm đến uống và tắm giặt, phải chi nghe tôi thì Thư viện có một di tích quý kế bên. Nay chỗ đó bỏ không, mà lúc ấy tôi bị quở tại sao ham gánh bàn độc mượn. Bên Pháp cũng không sáng suốt gì hơn. Có cái cổ thành “Ngục Bastille” đem phá quách thành bình địa trong cơn nóng giận, chỉ thấy đó là một ngục tối chớ không phải là một cổ tích, để lại cho người sau biết và xem cảnh áp bức của chế độ quân chủ phong kiến, chẳng là hữu ích hơn. Lại thêm có món tiền thuê vô của cũng bộn ? Biết khôn thì sự đã rồi.

Ngày nay Ninh, Hùm, Ngà, Thạch, Sâm, Thâu, Tạo v.v., đều có tên ghi vào lịch sử. Xưa tạc tượng đồng bia đá nay lấy tên đặt cho đường cho công viên. Thiếu chi người lúc sống đứng trên đầu trên cổ người ta, nhưng mãi lo làm giàu

vơ vét của công hoặc cầm được quyền rồi quá lộnh hành, khi mất địa vị mất thanh danh, chết làm phân bón còn chưa xứng đáng. Đã sanh làm người phải biết chọn đường đi, ở vào địa vị nào cũng nên biết phân biệt cái thơm cái thúi.

NHỚ NGÀY 21 THÁNG 3 NĂM
1926

Nhớ NGUYỄN HÁO ĐÀNG – Tôi quen với Nguyễn Háo Đảng từ trong trường Chasseloup, Đảng học trên tôi một lớp nhưng ăn chung một bàn ngủ chung một lầu. Quê anh ở Cần Thơ, quê tôi ở Sóc Trăng, lúc đó mỗi lần bãi trường hay nhập trường hai tôi thường gặp đi chung một tàu và ngồi chung một xe lửa trên con đường Sài Gòn đi Mỹ Tho bằng xe hỏa và về xứ bằng tàu thủy.

Ngoài ra Đảng với tôi thêm có mối tình liên lạc thâm kín và kính mộ vì cả hai đều có nhúng tay hay nói văn chương từng tham gia cuộc bỏ trường làm reo (grève) lần thứ nhất ở Nam Kỳ khi còn học trường Xách Lu năm 1921.

Đảng rất đẹp trai. Tuy cận thị, anh khéo kiếm một cặp nhỡn kính kẹp pince-nez rất ăn với bộ mặt anh. Môi son, tóc dợn sóng, cặp kính làm tôn vẻ đạo mạo học giả non, Đảng rất ăn khách, tôi muốn nói các cô áo tím đều mê mết với anh chàng khao khao giọng thổ nầy. Đây là một nhà dẫn đường dẫn đạo, một chỉ huy tiếc thay hồng bét (un meneur manqué), vì Đảng nói học trò nhiều đứa nghe, lúc bãi học Đảng dẫn đầu, nhưng rủi ro vì chút ăn ở kỹ không dám hy sinh, nên Đảng kết cuộc đứng bán cho nhà thuốc Bùi Văn Sách ở Cần Thơ để chết

kết năm 1945 lúc trong nước xáo trộn, xác vùi ở đâu không rõ.

Anh em chia tay biệt tích lúc ra trường, bỗng sáng bữa thứ năm 18-3-1926, tôi đi ngang nhà in Nguyễn Háo Vĩnh, là anh của Đảng, trên con đường Bonard (Lê Lợi), khoảng nhà sách Khai Trí ngày nay, bỗng một người từ trong nhà in chạy ra giúi vào túi tôi một mảnh giấy màu máu đỏ lòm rồi thoát chạy trở vô, đó là Đảng, anh em chưa kịp một lời hàn huyên hỏi thăm.

Tôi đi luôn một mạch về nhà trọ là tiệm vàng bác Cao Văn Hy, 108 Bonard, ở cùng một dãy gần Chợ Mới, bước thẳng lên lầu, móc tờ giấy ra xem. Đây là một loại truyền đơn quốc cấm, rộng khổ 14 x 25, nay còn giữ và còn như mới tuy xưa trên bốn mươi tám năm. Chữ nhỏ đẹp, in một mặt, nguyên văn như sau :

“Đồng bào ! Đồng bào !

Đã bảy mươi năm mắc vòng nô lệ. Nay lại được nghe cái chánh phủ ép chế ta từ bảy chục năm nay nói yêu thương ta, đem văn minh qua cho ta, giúp cho dân ta mau tấn hóa, bảo kẻ thắng trận với kẻ thất trận nay phải hòa hợp nhau làm một nhà.

Chánh phủ ép chế nay lại nói ra mấy câu ấy thì là rộng rãi, cao thượng vô cùng. Dầu ông cha ta trước vì ái quốc và bỏ mình nơi chiến trường, dầu trong bảy mươi năm ta bị sự ép chế là như hằng hà sa số, ta cũng phải quên chuyện cũ mà điều hoà với chánh phủ, yêu thương chánh phủ.

Nhưng mà muốn có điều hòa tương ái, ít nữa chánh phủ phải không được muốn bỏ tù ai thì bỏ, phải để cho ta làm

báo quốc ngữ tự do. Đã lập ra có luật có quan tòa, thì sao lại còn phải làm ngang ? Đã bảo điều hòa tương ái sao lại không cho ta cãi đối lại ? Còn muốn bỏ tù ai thì bỏ, thì là còn ép chế. Không được ngôn luận tự do thì không thể điều hòa tấn hóa được.

Nay Trương Cao Động bị chánh phủ bắt ngang, một lần nữa ta phải thừa dịp này mà gỡ cái mặt nạ của kẻ nói láo. Kẻ này biết rằng nay dùng cường lực mà ép chết, rút rĩa của non sông dân sự trong xứ ta, thì khó mà làm chủ ta lâu dài nữa. An Nam ta làm trâu ngựa cho người hơn bảy mươi năm, nay đã có ý chán rồi.

Ta đã thấy rõ ràng rằng ta không thể làm cho cảm tình được kẻ mạnh quyền. Ta đã thấy rõ ràng nếu ta không lo cho ta thì không có ai lo cho ta. Ta sống nhằm trong một đời không thể dùng giọng cảm

tình, lời nhơn nghĩa mà đối với người được, vả lại ông Tagore có nói : “Ấ Đông ta không phải người ăn mày theo xin Âu Tây”.

Nay dân ta còn yếu nhất, làm chi không nói chánh phủ, thì ta hội nhau lại mà cho chánh phủ biết rằng dân ta không chịu chánh phủ ép thêm ta nữa, không bằng lòng cho chánh phủ muốn bắt ai thì bắt. Bao nhiêu người chí khí nhiệt thành của dân ta phải bị chánh phủ giết trói tinh thần hết ; như vậy thì còn gì dân Nam Việt ? Đã bảy mươi năm nay nào là giết, nào là đầy, nào là cấm cố, nào là phá khuấy biết bao nhiêu anh hùng của nòi giống ta. Bao nhiêu đấng không đủ hay sao ?

Ồ đồng bào !Ồ đồng bào ! Gục đầu mãi mà làm trâu ngựa hay sao ? Ai đâu là người biết thương, biết giận, biết tức,

còn giữ một chút đứng đắn làm người.

Xin ngày chúa nhật 21 Mars này đây, tám giờ sớm mai, đến tại miếng đất của bà đốc phủ Nguyễn Tấn Tài, đường Lanzarotte (xóm Lách), chỗ đãi tiệc tiễn chân ông Monin hôm trước.

E. Lejean de la Bâtie.

Nguyễn An Ninh etc, etc, etc.

“Ông Phan Văn Trường, Nguyễn Phan Long, Trương Văn Bền, Nguyễn Tấn Văn, có hứa sẽ đến mà đồng sức với ta”.

Imp. XUA NAY, Nguyễn Háo Đàng,
62-64 Boulevard Bonnard, Saigon.

✱

Ấy đó là một tờ truyền đơn với giọng văn, cách đặt đề và chánh tả thuở đó, cách nay gần đúng nửa thế kỷ. Rõ là khẩu khí của một người miền Nam, quen tánh ăn sao nói vậy, không cầu kỳ cũng không cần giỏi mài gọt giữa, miễn hiểu được thì thôi, nhứt là rất ít dùng chữ nho. Có lẽ theo tôi định, tờ này do Nguyễn Háo Vĩnh [Xem Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam (Sách đã dẫn).] hoặc em là Nguyễn Háo Đảng thảo ra. Chính ông Nguyễn Háo Vĩnh trước đây có gởi đăng báo Nam Phong một bài nói nặng vua Khải Định, và Phạm Quỳnh lúc ấy bình vua, không tiếc lời xài xể ông Vĩnh, rằng giọng nói du côn dám phạm thượng khi quân tội đáng chém đầu. Nguyễn Háo Đảng cũng thế vốn bất mãn từ ghế nhà trường, đứng trong hàng ngũ cầm đầu bãi học để phản đối một vụ bất công, nay trông nom nhà in cho anh, nên viết giọng này được lắm.

Tôi đọc tờ truyền đơn rồi, hôm sau tôi vội xách lên dinh thượng thư (nay là trụ sở bộ kinh tế), tìm anh em bạn học cũ, tụ tập bãi học năm xưa, để rủ đi nghe diễn thuyết. Các anh L.M. Thọ (sau làm đốc phủ chết vì bệnh). T.H. Phục, Nguyễn Chỉ, cả hai lên tới đốc phủ rồi bị ám sát những năm 1945-1946, nhưng anh nào cũng kiếm có thói thác, người mắc đi khỏi, người mắc việc nhà, miệng thì hưởng ứng nhưng lòng vẫn mê say đường công danh, muốn trung thành để được điểm son và rất sợ có tên trong sổ bìa đen mặt thám mà chậm đường gia quan tấn tước. Không rủ họ được, tôi về rủ anh em cùng chỗ trọ. Tôi chưa ra chú nhỏ Nguyễn Văn Lữ, tôi gọi Lữ tiên sinh, vì chú còn đi học mình rủ đi nghe việc quốc sự không nên. Một bạn nay đã từ trần là Công, hãng Denis Frères, thì chúa nhựt nào cũng phải đi xem lễ,

nên tôi không ép. Lão Dân làm cho báo Trung lập và báo Impartial, thì khỏi mời nó cũng dự vì phận sự là đi lấy tin tức. Còn lại anh Hai Cự thì thứ bảy nào anh cũng trông măn giờ, trưa về Cây Cui thăm nhà. Anh Cự hứa chắc chắn sẽ trở ra sáng chúa nhật 21-3-1926 thật sớm để kịp đi với tôi và căn dặn đôi ba lần tôi đừng đi một mình thất vui. Có biết đâu vì giữ lời hứa mà xôi chè đều hỏng. Nói có vong linh bác Năm Hy, chủ nhà trọ, khi nghe chúng tôi bàn soạn, thì thầm hắc hởi :

– Vườn bà đốc phủ Tài ở chỗ nào, tụi bây chỉ cho tao đi với”. Tôi thưa.

– Dạ, bác cứ gọi xe kéo trả nó năm cắc hạc, biểu nó chạy lên đường Lanza-rotte, chỗ nào có người ta tụ tập đông là chỗ đó đó.

Và như đã nói, xôi chè hồngбет tôi không dự được buổi diễn thuyết ngày 21-3-1926 này. Sáng chúa nhật ấy, tôi thức thật sớm, xuống ăn điểm tâm nhà hàng Vĩnh Lợi ở gần bên, rồi về nhà ngồi chờ anh Hai Cự. Vả chẳng vườn bà đốc phủ Tài ở tới Lanzarotte (đường Đoàn Công Bửu), xóm Lách, còn nhà chúng tôi ở là Chợ Mới Sài Gòn, cái ga xe lửa diễn thì ở mé nhà thương đô thành, chỗ bót Lê Văn Ken ngày nay. Đồng hồ đã gõ tám tiếng, rồi tám tiếng rưỡi, tôi sốt ruột ra vô ngóng chờ mà trông hoài không thấy bóng anh Hai Cự. Gần chín giờ sáng, anh Cự lù lù từ ga xe điện bước qua, tôi không đợi anh vô nhà, lật đật kéo anh chạy kiếm hai xe kéo nhờ kéo lẹ lẹ lên đường Lanzarotte. Xe chạy đến đầu đường d'Arfeuilles (Nguyễn Đình Chiểu) thì bị chặn lại. Thiên hạ rần rần tuôn về như nước chảy vì cuộc diễn

thuyết đã bị giải tán. Ngoài đường người ta đông nghẹt, lớp thì lính phú lít, lớp lính ma tà xúm nhau hối thúc bộ hành đi cho mau, không được tưng tam tụ ngũ, giùm năm giùm ba, ác nhứt là biện Tây, biện Chà, đứa cầm roi gân bò, đứa thổi tu-hít, roi nghe vùn vụt, tiếng síp-lê hoát hoát nghe muốn sồn đái. Tôi lấy mắt lờm anh Cự mà không nói lời nào, kéo tay anh cố chen đám đông bước tới. Bỗng gặp anh Nguyễn Văn Lạc Khám Lớn, thấy tôi, anh lòi ngoắc lại mà rằng :

– Đùng vô nữa thất công. Đã bị cò bót giải tán tự nãy giờ. Người ta đông quá xá đông, diễn giả nói nhỏ quá không nghe gì được (lúc ấy chưa có máy phóng thanh, cũng chưa biết dùng loa để nói). Đ.M, Tây phách quá, mấy thằng Chà đáng ghét cứ rượt theo dân nào ăn mặc lù xì mà đánh chửi hoài.

Lạc, Cự và tôi dắt tay nhau trở về đường Catinat, ghé vào quán uống mỗi đứa một cái bốc (la-ve) hai cốc bạc rồi chia tay, tôi và Cự cùng về nhà trọ.

Như đã nói tôi có thần hộ mạng. Đang tiệc buổi diễn thuyết, bỗng vài hôm sau gặp anh Đảng, anh trao một tờ truyền đơn màu lá cây dợt, khổ 14x21, bản in một mặt, chữ rất dễ đọc, nay còn để dành, và nguyên văn như vậy :

CHO CHÁNH PHỦ BIẾT

Ngày 21 Mars 1926, chúng tôi là ba ngàn người An Nam hội tại đất của bà đốc phủ Nguyễn Tấn Tài đường Lanza-rotte Sài Gòn, mà đồng ý quyết định sau này :

Nếu Chánh phủ thật muốn Pháp Việt đề huề, thật muốn cho dân An Nam

tấn hóa, thì ít nữa phải ra luật vững vàng mà :

1) Bỏ các luật định về tội riêng của người bản thổ (indigénat), bỏ cái luật cho phép người muốn công được xin bỏ tù người làm công ; bỏ cái luật cho phép người phép người bản thổ và người ngoại quốc được xin giam thâu những người bản thổ thiếu nợ ; buộc chánh phủ, ngoài các tội mà luật đã định, không được động đến sự tự do của người dân An Nam và định tội phạt thật nặng những kẻ làm trái phép. Chánh phủ phải trả ngay Trương Cao Động cho đất Nam Kỳ, đặng Trương Cao Động chống án về việc bị bắt ngang và đặng làm bằng rằng Chánh phủ không còn ép chế như thế nữa.

2) Cho dân An Nam làm báo tự do như làm báo Tây ;

3) Cho dân An Nam hội hiệp tự do như bên Pháp ;

4) Cho dân An Nam lập trường dạy học tự do như khi trước ;

5) Cho dân An Nam đi du học và đi làm ăn tự do ở ngoại quốc ;

Bằng Chánh phủ cứ không chịu cho dân An Nam các điều cần nhứt này thì chúng tôi xin không tin lòng tốt của Chánh phủ cùng nhau thể nguyện đồng tâm hiệp lực mà giải thoát cho dân Nam Việt.

Ba ngàn người An Nam.

Imp. Xưa NAY, Nguyễn Háo Đàng,
62-64, bd Bonard, Saigon.

✱

Cái năm 1926 coi vậy mà rất quan trọng. Dân ta mở mắt và biết chống đối đòi hỏi quyền lợi cũng từ đây.

Qua ngày 24 tháng 3 năm 1926 này, vào 9 giờ rưỡi đêm, có tin cụ Phan Châu Trinh nhắm mắt từ trần, xác đem về quán tại dãy phố đường Pellerin (nay là Pasteur) số nhà 54 nơi nhà ông Huỳnh Đình Diễm, đối diện khu Trường Tiền và gần bên hông Trường Máy. Đến ngày mồng 4 tháng 4 dương lịch, lại một dịp xuống đường êm tịch, thiên hạ rần rần hàng muôn hàng vạn sắp hàng tư hàng năm theo đưa đám tang, đông nghẹt các ngã đường. Cò bớt lại một phen rộn rịp theo giữ trật tự, tôi cũng lén theo, nhưng đó là việc khác sẽ nói nơi đoạn sau.

Như đã thấy, nếu tôi là người xem giấy má và báo hằng ngày xem rồi vứt bỏ, hoặc cất giấu không kỹ, nhất là những

truyền đơn dưới thời Pháp thuộc, sợ xét nhà, sợ bị bắt bớ rồi vì vậy không có gan để dành, thì hôm nay bà con cô bác không còn đọc hai tài liệu gần như duy nhất kể trên. Sở nạp bản (dépôt légal) nay thuộc Thư viện quốc gia cũng không có, vì đó là tài liệu chống Pháp nên sở Pháp có cất làm chi để hòng giao lại cho mình ? Cái nghề sưu tập đồ bá láp như những giấy tờ lụn vụn mà tôi quen làm gần suốt một đời người, ai cũng cười tôi hử, coi vậy mà ngày nay có chỗ dùng rồi đó. Tôi nói làm vậy là có ý chỉ cho các bạn nhỏ, xin nối nghiệp tôi, rán sưu tập và giữ gìn lấy mình mà làm đồ nghề riêng, muốn được lạ và không ai có thì tự mình biết khéo giữ khéo khai thác, đừng trông cậy vào văn khố chung, vì của chung thì ai ai cũng xem được còn gì mà nói.

8. HỐI LỘ

(Viết tặng người bạn tri kỷ Long An để nhớ hai ông Lê Hồng Huân và Huỳnh Tấn Sum).

Hối lộ là một độc dược thâm căn cố đế, mọc gốc mọc rễ từ nhiều đời, không biết Đông có trước hay Tây có trước, duy biết nay đã tràn đồng, nước nào cũng có, đời nào cũng có, đây dựa thời bình như thời loạn, lúc thanh như lúc suy.

Trước đây, lúc Nam Kỳ còn hội đồng Quản hạt, trong một phiên nhóm đại hội,

lão De la Chevrotière là thực dân hạng nặng, công kích hàng phủ huyện và mấy ông thông phán tòa án, rằng họ không ăn lương bao nhiêu mà ông nào cũng ruộng tốt nhà lầu cùng khắp, trong khi các quan tòa, quan chánh án Pháp về hưu nghèo khổ. Lão đờ Xa cu chê đang ngon nhón, ông Nguyễn Phan Long đứng dậy nói có một tiếng mà lão tự nhiên ngồi xuống trơ cả mặt :

– Xin lỗi, danh từ “pot-de-vin” phải chăng người gô-loa có sẵn ? Chớ phải nào của ông cha chúng tôi bày đặt !

Danh từ “pot-de-vin” (hũ rượu), tức là hối lộ theo Pháp, ý chừng xưa đã có tục dâng rượu nguyên vò, nguyên hũ, nguyên chai, để mua chuộc lòng người.

Sang qua nước Thổ Nhĩ Kỳ là xứ sản xuất á phiện chế ra ma túy, danh từ

haschich để ra bakchick, cũng dùng ám chỉ thứ mê hoặc lòng người. Không mê bằng rượu thì mê bằng thuốc hút, hít hay nuốt hoặc thâu đều cùng một thể.

Trong cuốn dạy Pháp văn Cours Gradué của ông Trương Minh Ký, in năm 1893 đọc lúc nhỏ, dưới nhan là “Thanh dạ văn chung”, có thuật một chuyện ông quan thanh liêm viếng một ông bạn có tật ăn của đút, khuyên ông nầy nay có con, không hay kềm thúc, e có ngày đăng sản khuynh gia. Ông quan giàu mà tham, trả lời một câu tôi còn nhớ mãi : “Nếu mình làm quan thanh liêm, dầu làm cho tới bậc đại thần, cũng không hậu súc. Nay tôi làm ra sự nghiệp nầy, thì làm sao cũng không khỏi bác tước của dân, tích lũy của phi ngãi. Bởi vậy ông trời giả thủ nơi con tôi, khiến cho nó phá bằng phẳng vậy thì là “Thiên phú bất đạo chi gia”, để

cho cha con tôi tọa hưởng của phi ngã hay sao” (Ấu học khái mông của ông Trương Minh Ký soạn (Cours Gradué), nhà Imprimerie Nouvelle Sài Gòn xuất bản năm 1893, trang 303, dưới bài ký tên ông Paulus Cửa).

Có người trọn đời không nhận của hối, khi trở về già túng bấn, thấy bạn đồng liêu từng nhận tiền lì xì nay vợ con đều ầm no, bất giác than “nếu dè mình cũng làm như họ !” Một lời nói khiến bao nhiêu tiếng thơm trong sạch đều trôi sông trôi biển, vì xã hội có thể tha thứ một con đỉm ăn năn, nhưng vẫn không dung một ông quan ưa ăn vụng.

Tích cũ nói ông huyện tuổi Sửu, trách vợ sao lại nói mình tuổi Tý, khiến nên con chuột dân cúng nhỏ xiu sao bì nói tuổi sủu, con trâu to kênh, tích này cho thấy đời trước không dốt khoa

châm biếm và luôn luôn túi tham không đáy. Một tích cay chua không kém và tân thời hơn kể rằng có một ông tỷ phú chuyên sản xuất xe tăng thiết giáp đến thương lượng với một ông bộ trưởng coi về quốc phòng, ông tỷ phú đề nghị bán món hàng giết người ấy cho chánh phủ, ông bộ trưởng còn dụ dợ sẵn đang thèm thuốc hút, ông tỷ phú rút ví dâng thuốc trong có một điều không phải thuốc vắn mà là một ngân phiếu một triệu cuộn tròn. Ông bộ trưởng xem rồi lắc đầu nói bình sanh không hút thuốc lá ông tỷ phú hiểu ý, hện dâng xì-gà ; ông bộ trưởng chịu liền và cả hai đồng ký tên mua bán thứ binh khí sát sanh, sống bây nhờ chết bây chịu, miễn tiền tao bỏ túi, một triệu chề ít, mười triệu, hai chục triệu ừ liền. Tích nầy thâm, vì qua mặt sự dòm hành tả hữu, vì dâng thuốc hút không ai dè đó là dâng ngân phiếu.

Nhưng hãy khoan mừng vội. Đừng nói “dâm bôn khỏi lỗ vỡ vỡ”, đừng tưởng ăn hối lộ “qua khỏi truông trở bồi cho khải”, ăn hối lộ không luôn dễ như vậy đâu. Một đời chắt mót ăn từ các từ xu bòn tro đãi trấu, kèo nài từ đồng, có một ông ở Vĩnh Long - Phán Hối, ngày xưa dân cho hai chục đồng xin sang bộ đất, ông đòi thêm cho được năm chục đồng và lật mặt chiếc cà-rá xoàn đeo nơi tay để đánh giá hạng mình là hạng bự, sau lại sanh con, con phá sản, sanh gái, gái theo trai, của Tào đổ âm ty, chúng nó phá hết sạch khi ông ta nằm xuống. Quả là thiên đạo chí công. Không nữa, gởi của gian vào nhà băng, không dám ghi tên thật, sau bị lật gọng, ú ớ không nói được thì cũng trời kia có mắt ?

Người công chức, nếu làm đúng vai tuồng, đều trải thân giúp nước, nước đó

mà cũng là xã hội đó. Người vai lớn làm việc lớn, ích quốc lợi dân ; ăn trên ngồi trốc đủ sướng hơn người. Người vai nhỏ gánh vác việc nhỏ, anh phu quét đường, anh lính ngăn giặc cả thầy đều góp công bào chữa việc quốc gia, việc làng xóm, không một bộ phận nào thừa, cả thầy chung nhau như chiếc máy đồng hồ, lấy ra một con ốc thì máy kia tê liệt.

Trong Chuyện đời xưa, Trương Vĩnh Ký có kể chuyện đút sáp cho cọp ăn khỏi chết là thâm thúy nhứt. Chuyện kể lại thằng hát bội kia nó giấu cái nầy xâm những quan hay ăn hối lộ. Nó ra sân khấu nói với thằng bạn của nó : “Ý cha chả ! Hôm trước tôi đi ăn ong về, gặp ông cọp, tưởng đã xong đời đi rồi”.

Thằng kia đáp : “Huỷ ! Vậy thì còn gì mấy”. Nó trả lời : “Mà may, tao có vác một bó sáp trên vai, tao mới chàng hảng

ra, tao đút sấp ra đằng sau, ổng chạy theo ổng táp, mắc nhai sấp, tao chạy trượt đi khỏi ! Xí hựt !”

Câu chuyện vẫn xùn mà ác lắm. Ăn đằng sau tức ăn dưới trôn. Đi làm một chuyện gì, tở như nay ta đi làm áp-phe, giả cố gọi đi ăn ong. Quan thì gọi ổng nầy ổng kia và muốn cho ổng ăn cứ chàng hảng ra, đút cái ấy dưới háng ổng vẫn táp như thường. Bây giờ thành ngữ “đút sấp” đã quá xưa, vì ong rừng sấp bánh trẻ em ít biết và chỉ bọn già cỡ tôi họa may hiểu được.

Cái tích ông Tam Tạng đi thỉnh kinh, đến Lô Âm Tự, Phật tổ đã dạy phát, nhưng vì không có lễ mễ nên hai ông Ác Nan Ca Diếp phát kinh trắng (bạch tự) té ra trên côi Phật cũng biết đòi.

✱

Sau đây là hai vụ ăn hối lộ mà tôi đây là chánh phạm. Tôi lấy công tâm mà nói. Người đọc xin cũng lấy công tâm xét giùm :

Một đời tôi là ai công chức, trước sau ba mươi bảy năm cực trần ai, ngày nay sức tỉnh thấy mình không khác một con đĩ già tuy quá tuổi nhưng còn chút trinh bạch. Nghĩ ra hay giỏi, còn trinh làm sao được khi đã trải thân đi khách đủ mặt : Tây, Hữu, Diệm, Kỳ ! Còn tệ thì nhắm cũng chưa tệ mấy, vì ngót hai mươi năm (1923-1943) ăn lương của Pháp và mười bảy năm (1947-1964) làm công nhật nơi Viện bảo tàng, tôi dám khoe chưa nhận một đồng xu hối lộ.

Nay về già, tay cầm cuốn sổ hưu bổng tử lệ, nhớ lại cái kiếp làm trâu ngựa

đã mòn vai chai cổ, hồi tưởng lại âu cũng là tiền căn hậu kiếp. Mà cũng vì hoàn cảnh bắt buộc, chạy giặc hết tiền mượn cha trở lại đút đầu vào tròng công chức để sống. Nhưng đèn nhà ai nấy sáng, chuyện chén cơm nồi gạo, nói nhiều làm chi cho tốn thêm bột oáp.

Ăn hối lộ, không bị bắt tại trận, gọi là may mắn. Nhưng sự ô nhục tự làm hèn phẩm giá, từ trong lương tâm ẩn tàng đời đời kiếp kiếp, sống để bụng chết đem theo, làm sao gột rửa cho ra ?

Không ăn hối lộ thì nhờ. Ai tra ai khảo mà hòng phanh phui, tự đắc ? Chưa chắc gì khỏi ăn, vì người dân có nhiều hình thức :

– Khi nhận một bao gạo thơm đầu mùa của đứa trẻ con nhà giàu đem biếu thì thầy giáo đã nhận của lễ trá hình ;

khi không thể từ chối – từ chối sợ mịch lòng – một chục hột gà so của gia quyến người bệnh dâng ông bác sĩ, có nên gọi ông bác sĩ nhận của đút hay chẳng ? Một đứa trẻ khác ôm một giỏ ổi chín và chuối rục đến tặng thầy mà rằng : “Má tôi sai tôi đem cho thầy mớ này, vì ở nhà heo nó cũng không thèm ăn²² !” Theo tôi tưởng một khi heo nó không thèm ăn, thì của ấy, thầy giáo, nếu là tôi, tôi không chê vậy.

Một ông quan văn hay võ, nhận một vỏ đạn chung trong phòng làm chiến lợi phẩm tịch thu của địch, hoặc một chục buổi dịp Tết hay một chục xoài đầu mùa, một gói trà thơm của Hương Cảng, của Đài Bắc, nhận một toa thuốc gia truyền trị bệnh no hơi, đều là nhận hối lộ cả.

22 Lời cha mẹ ở nhà bàn riêng, rủi đứa trẻ nghe được, nay học y với thầy.

Và chẳng chữ “bổng” thường đeo chữ “lộc”. Bổng lộc, hai chữ đi đôi. “Bổng” là tiền lương chính thức của quan lại, “lộc” là lộc trời cho, ai được nấy hưởng. Xanh xanh trên kia là trời, mà thằng dân cũng là trời. ý dân là ý trời, lòng dân là lòng trời và của dân là của trời. Dân cho được phép hưởng, duy chẳng nên đòi. Chỉ khó phân biệt thế nào là cho và thế nào là ép buộc. Cả hai cách nhau có một tấm màn trinh.

Chị thơ ký con đùm đẽ, chồng đi lính xa, nhận một chục hộp sữa nuôi con của ông cai thầu muốn gấp lãnh tiền phát cho cu-li, nhẹ tội hơn một ông trường trai nuốt sâm yến của mấy mụ góa chồng chuyên nghề cho vay cắt cổ.

Bây giờ chuyện gì đem ra nói cũng đều sợ đụng chạm. Chi bằng đem chuyện của mình, dẫu nói không ai tin, nhưng

nói để hả hơi cũng tốt.

Sự thật tôi tự xét lấy tôi, cũng không hay gì hơn ai và có phần cũng giống như ai : bụng vẫn ghét hối lộ, ai mà không ghét ? Nhưng nếu có cách dâng nhũ, gói ghém, không đến lộ liễu, ai chớ tôi ắt khó chối từ. Ghét bởi đó là việc xấu, người đang đào thải ; còn ưa là vì ai cũng đều có tánh háms tiền. Đừng làm như ông kia (ông đốc phủ Tùng), bình sanh không lấy một cây kim gút hay một cây viết chì trong sở, nhưng khi gần chết, Thống đốc Nam Kỳ đến viếng hứa cung cấp cho ba chục mẫu lương điền trong Chợ Lớn ông cười nhắm mắt đi xuôi.

Trước khi chê bai việc người làm. hãy tự xét mình có thật quả trong sạch không trước đã, nếu thật sạch muốn phỉ nhổ vào người thì mặc. Bằng như vẫn cũng là bợn ăn của dân, miễn đừng đục

khoét là được rồi. Đứa rủi bị bắt thì ngồi tù bị chế giễu. Đứa may chưa bị thì ngồi nhà nghỉ ngơi, cười ruồi, thế thôi !

Phần tôi, đến tuổi hưu mà chưa tấp được, tôi không cho là hay. Tôi hư trong bụng tôi biết. Có lẽ tại kiếp tôi là con đi làm cao, đòi quá mắc nên không ai thèm kêu đi khách. Bộ mặt của tôi buổi đó, tôi nhớ lại, không khác mặt gái giang hồ làm dáng, kịp đến già, chữ trình còn đây là vì xấu xí không ai thèm. Cho ít sợ tôi la, cho nhiều thì người ta tiếc.

*

CHUYỆN THỨ NHỨT – ĐÂY CÓ
NÊN GỌI LÀ HỐI LỘ CHĂNG ?

Nãy giờ nói nghe mạnh miệng, chớ nếu có thật ăn hối lộ thì làm sao chạy án

? Nhắc lại năm 1923 tôi ra làm thư ký thí sai nơi Trường Máy. Năm 1924, tôi và Lạc thư ký nơi Khám đường tục danh là Khám Lớn Sài Gòn, cả hai được bổ nhiệm thư ký thiết thọ hạng sáu, lòng mừng từ đây khỏi bị thí sai sai thí, nên tôi đi tìm Lạc để chia vui. Cuối tháng chín, tôi lãnh lương gần trăm bạc trong túi đếm từ đồng, xọc xạch sáu mươi chín đồng lẻ mấy cắc, vì họ trừ mấy xu con niêm. Cộng với một trăm ngoài tiền Ba tôi cho làm tiền tùy thân, thì cả thấy được gần hai trăm đồng, giàu hóm. Mừng mừng tủi tủi. Mừng vì đây là bổng lộc của chánh phủ cấp cho. Tuổi ấy, thời buổi ấy, cũng chưa biết phân biệt chánh phủ nào với chánh phủ nào, duy biết theo lối văn chương chập chững, thì đây cũng tạm cho là “phần nước ơn vua” (?). Mừng rồi lại tủi vì bình sanh muốn lựa nghề thanh cao, làm lương y cứu nhân độ thế, làm

giáo sư dạy dỗ kẻ đến sau, té ra trở nên một thơ ký quèn cho Tây. Cái số đứng đường, để cho người sai, đón đưa tiếp khách, không làm sao tránh được. Mặc cho số kiếp.

Có sẵn tiền trong túi, nhớ anh đậu số 4 lọt Khám Lớn là Lạc, bạn đồng song năm trước ở Chasseloup, nên tôi đi ngay lại đường Lagrandière (Gia Long, chỗ Thư viện quốc gia ngày nay). Đến cửa khám, thấy người ta bu đông nghẹt nơi bên cạnh, vì ngày ấy là ngày cho viếng thăm tội nhơn. Một cô thiếu nữ Tàu ăn mặc sang trọng, xinh đẹp như hoa, đứng gần một chiếc ô-tô Delage bóng lộn, nhưng có sao mặt mày ủ dột, vừa thấy tôi bỗng sụt sè như muốn bày tỏ chuyện gì. Tôi bước lại gần, cô cầm một gói đồ có bao tờ nhứt trình, tuy chưa biết tôi là ai, nhưng đã nói tiếng Pháp cắt nghĩa

muốn gói gỏi ấy vô cho cha chồng, ngặt cô chưa xin được giấy phép. Lúc ấy tôi vừa háo thắng vừa có tật ưa nịnh đàn bà, cô lại xinh đẹp quá, nên tôi lãnh mạng đại, vì chuyện chi chớ chuyện gánh bàn độc mướn, ai không biết, chớ tôi là số một. Bữa ấy tôi mặc một bộ đồ tussor mới may và diện thật keng. Thấy bộ gió của tôi và nghe tôi trâm một câu tiếng Tây trong trẻo, muốn vào thăm thơ ký Lạc làm việc nơi văn phòng ông chánh chúa ngục Agostini, viên đội Tây gác cửa lật đật mở cửa cho tôi vào không xét không tra, nhưng đến chừng tôi bước qua khỏi ngạch, viên đội khóa cửa lại nghe cái rầm, khóa hai tua, tôi thấy cửa quá dày và cái chìa khóa to lớn khác thường, trong lòng thấy nao nao, định thối bộ lui gót thì viên đội dường như biết ý nhoẻn miệng cười và nói một câu pha lửng : “Không sao đâu. Anh vô đi rồi lát nữa tôi mở cửa

cho mà về”. Yên tâm rồi, việc làm đầu tiên khi gặp Lạc là tôi xin Lạc trao gói đồ tận tay người thừa lãnh. Để cho Lạc ân cần hơn, tôi nói dối đó là người thân bên vợ tương lai. Lạc niềm nở bao nhiêu thì tôi lật đật lủi đúi bấy nhiêu vì lòng đi thăm bạn của tôi đã mất. Tôi chỉ nóng báo tin cho người đẹp rằng sứ mạng đã xong và tôi chỉ sợ người đẹp bỏ về. Cô gái đi xe Delage cảm ơn lú lo bằng một câu tiếng Tàu, nhưng tôi nhớ mãi sau đó cô hỏi tôi địa chỉ bằng tiếng Pháp giọng học sinh trường nữ Marie Curie. Khởi nói tôi đã đưa danh thiếp của tôi trong ấy có ghi rõ địa chỉ và số đường sở tôi làm.

Vài ngày sau, đang giờ làm việc một buổi chiều, có người mời tôi ra phòng khách trường máy. Đó là một bác tài xế vận âu phục chỉnh tề, trao tôi một bức thư chữ Pháp có ký tên là chủ nhân một

đại được phòng danh tiếng trong Chợ Lớn. Trong thư cảm ơn tôi đã giúp tận tình thân như y trong khám đường hôm trước và ân cần mời tôi thứ bảy tuần sau thế nào cũng đến dùng cùng y một bữa cơm Tàu thân mật tại đại tửu lầu Đức lợi (Teck-Lý) đường Quảng Đông nay là đường Triệu Quang Phục, trong thư nhấn mạnh và gạch một hàng chữ “mời tất cả quý quyến cùng đến dự” nguyên văn chữ Pháp “avec toute votre famille”.

Đã nói tôi có tánh bép xép và mau mắn trong mọi chuyện, cho nên việc làm đầu tiên khi nhận tẩm thiệp là đi rêu rao khoe khoang khắp anh em trong sở, lại còn làm tài khôn chạy lên phòng nhì (2è Bureau) dinh Thượng thư, mời mọc bao nhiêu bạn bè mới quen cũng mời, vì thân quyến tôi trên này không có : “Mấy anh muốn ăn cơm Tàu không tốn tiền, hãy

nhớ ra đón tôi tại ga xe lửa điện đầu chợ Bến Thành, thứ bảy tuần sau, đúng bảy giờ tối, bao nhiêu người tôi cũng đài thọ nổi”. Cố nhiên tôi có mời Lạc và ông Phủ Hiệu của Khám Lớn.

Đúng ngày hẹn, bảy giờ kém mười lăm, tôi ra ga Chợ Mới lúc ấy đặt tại chỗ bót Lê Văn Ken [Trước chợ Bến Thành bây giờ, gần bệnh viện Đô Thành.], tôi thấy một nhóm “chết đói” mười một người, với tôi là đủ chục mười hai, vừa trẻ vừa sồn sồn, bạn cũ năm xưa cũng có mà bạn mới quen trên dinh Thượng thư vài trự, tôi biết tôi đã mời lỡ thì đã muộn. Xe chạy, kéo nhau cuốc bộ đến đường Quảng Tổng Cái (nay là Triệu Quang Phục) chưa chi tôi đánh lô tô trong bụng vì nghe tiếng kèn song hỷ và tiếng trống Bắc cầu từ trong khách lầu xô giòn điết tai. Ngó lên cửa sổ lầu đại khách đường từng nhứt thấy treo một

cây cờ chữ lớn rõ là liệu kỳ của nhà đại được phòng N.T.Đ. Tôi rờ bóp biết chục hai trăm bạc của tôi còn gần đủ, nay nếu vì danh dự, vì thể diện dăng hết cho bọn ma đói này thì cũng đành. Tôi mạnh dạn kéo rốc lên thang. Đến từng lầu nhút, thấy cách dọn dẹp sang trọng quá, bàn ghế trải ngăn nắp trắng phếu, tôi đếm sơ có trên mười cỗ bàn dọn kiểu bát tiên, tôi đâm ra sợ khan, vừa nghi đó là chỗ dành đại quan viên tiệc cưới hay tiệc tân quan khách bạ nào đó vừa sợ trong bụng nếu ăn nơi đây, sang trọng làm vậy, ắt tốn phí tính nhiều, chi bằng kéo cả lũ lên từng lầu ba là hạng bình dân, may ra hai trăm đồng của mình cũng còn lại chút ít lây lất đến cuối tháng.

Chúng tôi rần rộ kéo lên lầu như nhóm lính bạt ti xăng đi xét nhà. Vừa tới đầu thang thì có một chú Ba Tàu ăn

vận theo thầu xáng [Thầu xáng = đầu sanh, trưởng bọn dọn bàn.] tữu lầu chận lại lễ phép hỏi đi đâu mà đông dườg vậy. Tôi cẩn thận rút thiệp mời chìa ra và đáp đi ăn tiệc do thơ mời của ông mỗ.

Chú Ba Tàu nhoén miệng cười bày ra hai hàm răng giả bít vàng vàng khè, rồi chỉ tay mời xuống từng lầu lầu chỗ có treo cây đại kỳ, mới ngán.

Tám giờ gõ, kiến cắn bụng từ lâu, anh em đòi ăn như giặc, vì mấy đĩa đậu phộng rang và hột dưa đỏ đã hết sạch. Tôi giả lơ làm tỉnh kêu “mì” cho đỡ tốn. Nghe có tiếng dạ rân, giây lát thầu xáng bùng lên mười hai tô mì, mỗi tô đều có đồn đột gân nai vi cá và giò heo Bắc thảo. Tôi húp mì mà sợ cho hai trăm đồng bạc của tôi sẽ bay theo mười hai tô nầy, nên nuốt không vô. Tôi thầm trách thầu xáng muốn trách mình, hể kêu mì thì đem thứ

mì đoàn thể công cộng, một tô xộn xộn tiết kiệm cho người ta nhờ, ai cầu vẽ viên cách vật, mỗi người mỗi tô cho thêm báo.

Đến chín giờ cũng chưa thấy ông chủ đại được phòng đến. Mẹ ôi ! Nếu ông không đến, tức ông khinh rẻ mình. Có nên giận chằng ? Giận lấy sẩy cùi ! Đừng giận mà hư việc. Thầm vái giây lát ông đến thì mọi việc êm xuôi, chuyện gì mà khổ tâm vô ích.

Đồng hồ gõ chín giờ mười lăm. Anh em thúc : “Ăn bậy cái gì rồi về, khuya rồi”. Chuyển nầy tôi kêu rành rẽ hai đĩa cơm rang Dương châu hay Cantonnais gì đó, thứ nầy ăn mau no và chắc không quá số tiền hai trăm đồng mình có. Cơm đem lên ăn vừa được nửa chừng, bỗng ông chủ cao lâu đi chơi về, ghé chào khách quý ăn tiệc phòng sang ông thấy chỉ có mười hai Ở Nam Dành, tuy vậy ông niềm

nở bắt tay từng người và hỏi sao bữa tiệc kém hào hứng, có phải vì thức ăn kém ngon chăng ?

Tôi tỏ thật và phiền vì người chủ mời mà không có mặt khiến khách mất vui.

Ông chủ tiệm nghe tôi nói chưa dứt câu vụt cười xoà, sai thầu xáng mau mau dọn hai đĩa cơm rang và cắt nghĩa :

– Theo phong tục Tàu, nó (tức chủ nhân đại diện phòng, người đứng ra mời khách), nó không đến đâu, đừng chờ nó thất công Nếu nó đến, sợ có mặt nó, mấy ông ăn uống không tận tình. Nó không đến là nó có ý kính trọng khách đó ? Ăn nhiều thêm nữa đi ! Ăn chết cha nó đi ! Kêu dôi thêm đồ ăn ngon, ăn nhiều nhiều đi ! Ăn ít như vậy, tôi lỗ vốn, hể hể, chết cha đi còn gì. Ăn nữa đi mà. Ăn hết gia tài của N.T.Đ, nó cũng không nói, sợ

cái gì. Các chú đãi khách là vậy đó mà !

Tuy lời nói không thanh bai nhưng giải được nỗi lòng, và mười hai cái mặt khách nở lớn như mười hai cái đĩa bàn cỗ hai tấc.

Lạc Khám Lớn có rượu đã ngà ngà, trách tôi đại đội :

– Bày đặt kêu mì, kêu cơm rang, nay đã canh hông, còn nuốt sao vô ?

Tôi mượn anh Phán Thành và Năm Xuân Trường Máy chạy xuống lầu, thối kèn lập binh (sonner le rappel), chạy gõ cửa từng nhà, gọi các bạn cũ còn thức, đứa nào có cơ ngơi trong phố gần khách lầu, thằng Trần Xã Tây nhà ở đường Trần Hoàng Quân, kỹ sư Hiệp, hội đồng Phát, anh Tư Phước, ông giáo Đồng, dặn súc miệng sơ lên đây ăn tiếp tay một bữa cho

người Tàu kiên oai và cũng cho lại gan ông chủ nhà thuốc lớn có ý khinh đời. Nhưng trời đã khuya, lúc ấy hơn mười giờ, nhà nhà đều ngủ, đã làm một giấc, và gọi người nào cũng đều ngái ngủ say ke, không ai khứng đóng vai đạo binh hậu tập !

Ông chủ cao lâu gọi thầu xáng sai lấy nước nóng có ướp dầu eau de Cologne cho chúng tôi rửa mặt, sai gọi gấp hai tên tằm quách đấm lưng và bóp vai vuốt ngực o bế mười hai con gà đá chồng độ khác ! Thiếu một điều nói xin lỗi. Ông muốn chúng tôi chọc ọe trả hết mì cơm, để cho bao tử mệt làm việc lại như lúc chưa ăn !

Ông bày biện đủ phương pháp của ông biết, nhưng chúng tôi ăn uống uể oải, mười hai đĩa chia ra ngồi hai bàn dọn hai mâm vì vèo mà thức ăn còn ê

hề không sút mẻ phần nào. Chủ tiệm lắc đầu than lỗ như bọng. Rồi ông sai bưng lên hai mâm đèn đặt trên hai bộ ván thứ gọi là sập ba thành dành cho tiên ông đi mây về gió, ông gọi hai á múi đến làm thuốc và mời mọc : “Hút chơi ít điếu cho mau tiêu”.

Mười hai giờ, chúng tôi kéo nhau xuống lầu. Chủ tiệm còn thức cầm nán lại, lấy bàn toán ra gõ lắc các tính tiền rồi lắc đầu, đưa tay mời chúng tôi trở lên phòng như cũ. Chuyển nầy ông sai dọn lại nắp bàn mới, triệt hết ly chén, lấy trà thơm chén sứ ra dâng khăn nóng lau mặt lại nữa, rồi dạy lấy hai ống sành ra mỗi ống có để sẵn một mớ thẻ tre giẹp giẹp mỏng mỏng y như thẻ xin xăm các chùa Tàu. Tôi không hiểu chuyện chi còn mắng chần chờ ông cắt nghĩa đây là cách mời “hoa khôi biết nói” vì á múi

quá đông nên phải bày ra cách này để tránh tiếng vị tư vị kỷ, các á múi cũng vui mà các phì phà chảy (con hát) cũng không cự nự.

Tôi nghe lời rút thăm trúng bốn cô mại mại như có tên rất đẹp : Cúi Ên (Quế Anh), Dục Nụi (Ngọc Nữ), Á Ngò (Cô Nga) và Hồng Hứ (Hồng Ngự). Giây lát có bốn cô gái lên phòng, toàn dưới tuổi hai mươi, hai cô tay ôm mỗi người một cây hồ điệp cầm, hai cô nhỏ tuổi tay cầm quạt tay cầm khăn nhỏ che miệng làm duyên. Ngặt nổi đôi bên ngôn ngữ bất đồng nên chẳng có thú vị chi cả.

Các cô chào chúng tôi rồi ngồi một bàn riêng, rồi lên dây đàn như để trả nợ quỷ thần. Hai cô ca eo éo, chúng tôi như vẹt nghe sấm. như trâu nghe đàn. Hết tốp này kế tốp khác, cả bốn cô cũng muốn thi thố tài năng, nhưng phong tục Tàu

đứa nào đi lại Ở Nàm thì kể như bị ô nhiễm, bọn họ tẩy chay luôn sau này vô phương làm ăn, nên gái Tàu ít dám nhảy dù với con trai Việt. Lạc Khám Lớn lim dim ngủ gà ngủ gục. Th. Trường Máy kéo ống vố rồi lấy á phiện nướng đặng bỏ túi đem về nhà, Tôi bị ma men hành, lại gần một á múi vừa đụng nhẹ vào má. Nhưng như bị điện giật tôi nghĩ “ái” một tiếng y như con búp bê có lò xo kêu, cô hết hồn, và tôi cũng cụt hứng.

Nhưng bữa tiệc dầu vui đến đâu cũng không thể kéo dài được mãi. Đến hai giờ khuya, mòn mỏi quá chúng tôi xin về. Ông chủ quán phen này lắc bàn toán, cười cười cho hay bữa tiệc giá bảy trăm sáu chục đồng, nên chi ông tặng mỗi đứa chúng tôi một chai eau de Cologne hay ai thích thì một hộp xì gà Corona, để tính chẵn tám trăm với ông chủ đại được

phòng. Hai trăm bạc của tôi vẫn còn.

Một tuần sau tôi mới được biết mặt ông chủ nhà thuốc. Xe ghé trước cửa Trường Máy. Ông người còn trẻ, có vẻ rất sang, và tánh tình nhã nhặn. Tôi trách ông bữa tiệc làm quen hóa bữa tiệc khinh thường, ông tạ lỗi nói y lời chủ hiệu cao lâu đã nói hôm trước.

Ông thú thật trong gói tôi đưa vô khám có chứa một bức thơ quan trọng, ơn tôi giá đáng ngàn vàng. Tôi nghe mà hết hồn cho việc làm tắc trách hôm trước, giống với lửa mà không ngờ. Ông mời tôi đến nhà nhưng từ ấy tôi không gặp ông nữa, bóng hồng thì đã vắng bật từ lâu.

Bây giờ mới biết vì chuyện vô khám thăm bạn học cũ, tôi đã phạm hai tội : một tội đem thơ kín còn tội kia xin cho tôi tự bào chữa. Tôi không có nhận tiền

và việc không có sắp đặt trước. Theo tôi, đây là lộc trời dành một cảnh du nhập Thiên Thai tân thời tiếc thay tôi và các bạn tôi không có số để tận hưởng. Nàng tiểu thư trước học Marie Curie quá nhã nhặn đã trả ơn tôi một cách quá hậu, nhưng thừa tiểu thư, một cái liếc của cô còn hơn gấp mấy số bạc ngàn do cha cô đã phí.

CHUYỆN THỨ NHÌ – MỘT VỤ HỐI LỘ HỐI CÁI KỊP THỜI.

Năm 1929, tôi nghèo túng lắm. Trong nhà thiếu trước hụt sau, mắc nợ ba trăm đồng bạc thôi, mà quanh đi quẩn lại tháng này qua tháng kia, vẫn vá víu mãi không trả nổi. Hỏi mượn một trăm chỗ này, của Khôn, Khanh, anh em bạn tốt trong sở, đem đắp chỗ kia, cứ quây quẩn

như vậy không khác đắp bờ đê, chung qui nước vỡ bờ vẫn tiếp tục.

Ác nghiệt nhất là trong tay có sẵn tiền mới là nguy hiểm, vì tiền ấy là của công, tiền trong kết bạc tòa bố, chánh phủ giao tôi giữ với chức vụ ký lục phát bạc (comptable, agent de paiement). Chức này trước kia giao phó cho quan lại lang-sa đứng hàng thứ ba trong tỉnh sau vị tỉnh trưởng Pháp gọi Chánh Tham biện (ông Chánh) và sau vị Phó Tham biện (ông Phó). Qua đến thời bình, nhiệm vụ bớt gay cấn, chức này mới phó thác cho người Nam coi, vì vậy còn lại danh từ nôm na gọi ký lục phát bạc là ông công táp.

Thỉnh thoảng trong cơn gấp rút, tôi có ký bông khi mượn mười đồng làm vốn đi đánh bài, khi khác mượn hai chục để mua đồ xửa, nhưng tôi cần làm sao số

tiền mượn không quá lương tôi lãnh, có bề gì, rủi thanh tra xét tử, mất mát đôi ba chục, đổ thừa làm mất, bất quá thường tiền chớ không đến nỗi bắt tội hà lạm thụt két.

Cái năm 1929 ấy tuy vậy mà tôi hạnh phúc nhứt đời duy không biết để mà tận hưởng : ngoài sở chúng bạn yêu vì, quan trên trọng dụng, trong nhà có vợ đẹp, gia đình tuy thiếu hụt nhưng đầm ấm, cái họa ngoại tâm vẫn chưa nảy mầm.

Nhưng cũng bởi nghèo túng, cho nên tinh thần thường dao động. Mặt khác bản tánh vốn ngay thẳng nhờ cha mẹ khéo dạy từ nhỏ, rốt lại thẳng được sự dao động xưa. Tôi xin thuật lại như sau một vụ toan ăn hối lộ may thời đến phút chót ngưng lại kịp.

Nguyên từ lâu, ông cai tổng cao niên

trên Cái Tàu thượng, L.H.H., làm mất lòng tin nhiệm của ông chánh phủ tỉnh tên là F.Bartoli. Trước khi về nghỉ bên Pháp, ông nầy để mật thư lại cho ông chánh kế nhiệm là ông L. Pech đề nghị nên giải nhiệm ông cai tổng, viện cớ là tuổi già, khả năng chống cộng kém. Tôi quên nói lúc ấy là lúc bắt đầu có nạn cộng sản tại Sa Đéc, nhứt là ở Cao Lãnh và Cái Tàu thượng, nhưng nhẹ thôi, như bày cho dân không đóng thuế, xin bớt thuế, vân vân. Tụ tập la ó ban đêm bởi ban ngày lặn mất, để chờ tối hôm sau tuyên truyền thuyết mới nơi một làng khác. Họ dùng ớt chín kết làm tràng hoa cờ đỏ búa liềm thả trôi sông trên bè chuối hoặc treo băng-đơ-rôn phản đối nơi chỗ hẻo lánh chớ chưa hề có bạo động lớn đến xảy ra án mạng. Sở dĩ có mật thư cũng vì chút tư thù, ông cai không dưng lẽ mề nào trong khi ông chánh B. có tiếng là người ham

ăn của đút. Thậm chí mấy thầy ở tòa bố, trừ những người có khả năng không sợ bị hớp hồn, chớ thầy nào yếu bóng vía đều phải cúng kiếng lễ vật mới được bình an. Ông chánh cũ có mượn của một thầy cai tổng một con bò sữa để mỗi sáng có sữa tươi cho ông pha cà phê ; khi ông về xứ mời thầy cai đến lãnh bò về, ông cũng tìm cách khen thầy cai hào hiệp bằng cách ép thầy cai mua giùm hai cái xe đạp của con ông thôi dùng ; bao nhiêu ấy đủ thấy thủ đoạn cao cường của một ông chẵn dân có nhiều mảnh khoe. Cũng vì thầy cai L.H.H. không chịu dùng kế “cho mượn bò lấy sữa” mà biến ra cái họa tâm thư đề nghị sa thải ông.

Trong hồ sơ để lại, ông Cai H. đã 54 tuổi, cũng đáng tuổi về hưu, nhưng tôi không tin nơi hồ sơ và có ý muốn biết mặt ông cũng như muốn biết thêm về

ông dễ dễ bề định đoạt ; nghiệt nỗi ông ít đến tòa bố, mỗi tháng lãnh lương do tay tôi phát, ông cũng ít năng đến lãnh hoặc nhờ người khác lãnh thế thành thử giữa ông và tôi cuộc tiếp xúc dường như không có.

Cái họa sau lưng ông cai và càng cấp bách nguy hiểm hơn là ông có một phụ tá cộng sự viên là bang biện phó tổng H.T.S. rắp ranh giành chỗ ông mà ông chẳng hay biết.

Nay nói về nguyên tắc, muốn cho về hưu một vị cai tổng thì ít nữa phải viện khá nhiều lý lẽ vững vàng, tỉ như tuổi già, sức yếu, khả năng làm việc thiếu kém v.v... Trong hồ sơ tôi cầm trên tay, các lý lẽ ấy đã hội gần đủ : tuổi về hưu theo nguyên tắc là 55 mà ông đã tuổi 54 ; ông thường xin nghỉ việc để đi chơi khi Đà Lạt, khi Vũng Tàu, nay mấy giấy

phép sao lục ngờ ngờ còn trong hồ sơ lại là những chứng cứ hùng hồn rằng ông thường bịnh hoạn, tuy mấy lần làm quan chánh đến tổng giản dân ông đều có mặt ứng hầu, nhưng những lần có tụ tập hay bạo động chỗ nào, thường thấy bang H.T.S. lãnh đi thế, ngờ đâu mấy việc vặt ấy nay trở thành cáo trạng tố cáo ông cai ít hoạt động, không bằng thấy phó xốc vác hơn. Ông phố không lánh nặng, ông cai ưa tìm nhẹ. Còn một phần thắng điểm của ông cai già là ông có uy thế, dân trong tổng kính vì.

Trong khi ấy, ông bang biện phó tổng tuy trẻ hơn một chút nhưng gia thế sự nghiệp cũng tương đương chẳng kém sút gì ông cai. Cái thua điểm của ông nhỏ này là uy tín không bằng ông lớn, kể về hành chánh và kinh nghiệm thì ông trẻ vẫn thua ông già.

Trong những buổi tôi tiếp xúc với anh em trong sở, tôi hỏi thăm kín thì phần đông cho là ông cai có tánh kiêu, hơi khó chịu, thua ông bang biện biết đãi bôi chiều chuộng dễ chịu hơn ; dễ chịu với khó chịu đây tượng trưng, sau tôi rõ lại, là một ông ưa cho trái cây trong vườn làm quà (thầy bang S.) còn một ông tánh sẵn rít lại có nho phong, không muốn nhờ lễ mễ bắc cầu giao thiệp gây cảm tình. (ông cai H.) ; Cái sẩy nẩy cái ung là vậy.

Một chi tiết nhỏ làm tôi giựt mình là cả hai đều : một ông S. là cha vợ của giáo sư cử nhân khoa học, anh Cang vốn cùng tôi người đồng xứ, và cũng đồng song, còn ông H., vốn thân phụ của anh Lê Hồng Đô, một bạn đồng trường (Đô học ban lang-sa (quartier européen), tôi học ban bản xứ (quartier indigène) nhưng cả

hai cùng học đàn vĩ cầm cùng một thầy là Sersot ; về điểm cảm anh đồng song, tôi cho cả hai đều cùng một điểm không ai hơn kém.

Cân đi xét lại, tôi thấy thầy bang chạy chọt quyết làm cho ông cai về vườn để thầy lên thay thế làm cai tổng thực thụ. Ông cai vô tình, không biết mình suýt mất chức, việc giải nhiệm còn giữ kín, tuy ông không tìm giáp mặt tôi nhưng có lẽ sao chiếu mạng của ông còn tốt khiến nên gặp tôi sẵn tánh quân tử Tàu muốn học đòi tế khốn phò nguy hơn là trợ Trụ trợ Kiệt, để mà vi bạo, vi ngược.

Cho hay kẻ cố tình rình người vô ý, trong khi thầy cai thụ động, thì trái lại thầy bang tinh khôn hơn, nên cậy người thân tín là anh Tám Hoài dọn đường trước bằng cách đưa thầy đến nhà tôi, ban đầu nhắc lại việc thầy là nhạc gia của

Cang để “nhìn bà con” xưng hô bác cháu ; kể đó thầy đi ngay vô đề hứa xong việc sẽ dâng tôi ba trăm bạc mặt xài chơi, và sau rồi đánh một đòn tâm lý thật nặng là đình ninh việc rồi tôi sẽ có một cặp chóc sơn thủy không ai có. Đó rồi thầy tả sự tích cặp chóc làm cho tôi thêm mê mẩn tâm thần, nào là nét vẽ tinh vi đúng là cổ vật đời Kiến Long, nào là trước kia cặp chóc vốn của ông huyện Đức là một danh sĩ cựu trào đảng ta, sau ông Đức thiếu nợ nên gặt nó qua tay ông bang Sển tức ông Thái Viêm Thành, một hào trường trong vùng.

– Nếu thầy, ủa cháu, muốn chơi chóc thì chỉ có cặp này là tối nhất hạng trong xứ không ai hơn. Để thủng thỉnh bác rảnh, bác sẽ nói với ông Sển nhường cặp chóc lại cho bác thì thế nào nó cũng về tay cháu. Cháu chưa biết ông bang Sển,

để rồi bữa nào bác sẽ rước cháu lên nhà ông ấy chơi một chuyến để làm quen. Ông Sến có cái duyên lạ lùng về đồ cổ là ông thừa hưởng, vì gặt nợ, bao nhiêu của sưu tập của ông huyện Đức, mà mỗi món đều có chạm nơi đáy hai chữ tử âm “H.Đ” (Huyện Đức).

Ông S., và anh Tám Hoài ra về, tôi không hứa điều gì với ông duy với anh Tám tôi đã nói hai tiếng thông đầy ý nghĩa là “để coi”. Đại phạm lòng dục vọng của mỗi người có giới hạn. Nếu bao nhiêu chưa đủ xiêu, thêm cú thêm nữa thì có ngày cũng đến.

Với người thường, một tô mì đã đủ no, nhưng gặp đĩa khỏe, năm ba tô cũng chưa vừa, cái dạ dày, cái bao tử của thằng nầy nó thun giãn không chừng ; khéo tâm lý là người có mắt để đo lường cho đúng. Cái tham của ông bộ trưởng

chê hút thuốc lá thì hãy biếu ông xì-gà nguyên hộp. Đứa nào tham gái thì hãy lấy sắc giục lòng.

Với kẻ không hám tiền, một cặp chóc đã gieo vào đầu óc tôi một món thuốc độc còn lợi hại dữ tợn bằng mười thuốc phiện. Ai có qua cầu mới hay, và người chưa hút xin hãy khoan cười người ghiền gập. Đối với tôi, tiền bạc tôi không ham nhưng chỗ yếu của tôi là ham đồ cổ. Một con đĩ không khác, thập thò muốn đi khách mà chỉ đợi giá cao.

Bù qua chế lại, vụ này nếu tôi làm xong tức cho về hưu một ông cai mà hồ sơ đã chín mùi, và cất nhắc ông Sum này, thì tôi vừa có tiền ba trăm bạc trả nợ, thêm có hai món vật ao ước bấy lâu, vì tiếng đồn về ông huyện Đức vang dội trong trí óc tôi từ thuở nhỏ. Nói chi đáng lương tâm tôi lúc đó đã đi vắng, nói

đúng hơn tôi chưa thấy gì là cần rút, dĩ nhiên làm theo hồ sơ có sẵn mà tội vạ gì. Tôi vừa là phạm nhơn vừa là quan tòa, tôi xử lấy tôi, thảo nào tôi không cho tôi trắng án.

Khi ông chánh Bartoli rời tỉnh Sa Đéc thì giấy ở Sài Gòn gởi ông chánh mới là ông Louis Pech đến thay. Ông Pech trước có làm chủ tỉnh ở Sóc Trăng, ông có một trai út đến học riêng với ông đốc Gros. Phòng cậu học ăn thông với lớp nhì của ông giáo Chúc mà tôi đang từng học, và hai đứa tôi từng quen biết nhau vì cậu thường qua mượn tôi cục tẩy mực. Một hôm thay vì trả, cậu rần mắt bỏ vào mồm nhai luôn cục tẩy, và cho đến nay tôi còn nhớ mãi anh Tây con ăn gôm tẩy mực. Bữa bàn giao công việc giữa hai ông đầu tỉnh cũ và mới, thừa dịp tôi hỏi thăm tin tức cậu ấm bấy

giờ ra sao. Ông Pech có thiện cảm nhiều với tôi từ đó, ông tuổi chưa đến lục tuần, người có phong độ quân tử, tôi chưa gặp người chủ nào ăn nói hiền lành nhã nhặn như ông này. Ông có cách làm việc cũng mới. Thường lệ công văn mỗi thầy phải đem lên tận văn phòng quan chủ tỉnh đãi lĩnh và hầu chữ ký ; đằng này ông bốn thân sớm và chiều hai buổi đi đến bàn làm việc từng người, ôn tồn hỏi han rồi ký tên tại chỗ, việc nào cấp bách mấy thầy được lên trình bày và ông giải quyết tức thì, nhờ vậy người dân không chờ đợi và cả thầy đều bằng lòng. Từ ngày ông đến trấn nhậm, cứ đúng mười lăm giờ là có ông đến phòng bút toán, tôi nhường chỗ tôi cho ông ngồi, ông đàm đạo với tôi ngót nửa giờ rồi mới lên văn phòng ở trên lầu tòa bố. Cử chỉ thân mật ấy làm cho các bạn tôi đều lé mắt nể tôi, vì thuở nay muốn được thân thiện thì

phải đút sấp, chỉ có ca tôi như nầy, chính tôi cũng lấy làm lạ, sau tôi hỏi, ông cười đáp : “Thầy đồng chạn²³ với con tôi nên tôi nhớ con mà thương thầy !” Một bữa nọ, ông gọi tôi lên văn phòng nói chuyện tâm tình và ướm lời mời tôi vô ở chung trong dinh. Ông lấy cố dinh quá rộng, ông sống độc thân, có bệnh đau tim, vì vậy mỗi lần từ dinh ra tòa bố ông phải ghé văn phòng tôi để nghỉ mệt, gia đình ông đều ở lại bên Pháp, phu nhân đã từ trần, tiểu thơ còn đang học và cậu ấm mà tôi quen thì đang tuổi thi hành quân dịch. Gặp người khác, tôi dám chắc, nếu được mời như vậy ắt đã lập tức nhận lời ngay, để mặc tình tác oai tác phúc, vì có mấy thuở tôm dựa cửa rồng, thơ ký quèn mũi tẹt ở chung một dinh với quan tham biện chủ tỉnh. Nhưng tôi điềm nhiên xin để vài ngày suy nghĩ. Trong thâm tâm

23 Chạn : vóc giặc gà đá độ. Đồng chạn như đồng một lúa.

mặc dầu tôi là thằng hư, nhưng lúc ấy tôi sáng suốt và lý luận thâm, cái chỗ ấy bất quá là vai tuồng đầy tớ ruột gấm không sang trọng gì. Thêm là ai sao được tự do vì lúc đó tôi mê lâm bài thín cầu và đêm nào không chà bài đêm ấy tôi ngủ không ngon giấc. Vài ngày sau tôi lên thú thật, một lẽ quan trọng tôi xin nói và ông Pech cũng nhìn nhận tôi có lý là tôi còn trẻ quá, vợ tôi còn nhỏ hơn tôi nữa, nay hai đứa ở chung với ông, đỡ tốn đã đành rồi, nhưng sợ thiên hạ đàm tiếu dị nghị. Chớ chi tôi độc thân thì khỏi nói. Việc ông sống cô thân, sau đó tôi giải quyết bằng cách chọn hai người bồi trung tín vào phụng sự sớm tối và rất may hai người này không phụ lòng tôi tiến dẫn.

Từ ngày tôi biết ông chủ tỉnh có lòng ái đời, tôi dạn dĩ thêm và đã trực ngôn nhiều lần và tôi nói gì ông nghe nấy. Một

việc như sau, tôi chắc không ai dám làm và nay nhắc lại tôi còn ghê rợn cho cái liều lĩnh của tuổi trẻ : Tôi chờ ông chủ quận châu thành Sa Đéc gửi công văn nhắc lại vụ cho về hưu cai tổng Cái Tàu thượng vì kém khả năng và già yếu khi ấy tôi lấy hồ sơ ông cai H., ra dọn lại tử tế sắp xếp giấy tờ có thứ tự phân minh, xong rồi tôi để hết tâm tư thảo nạo thơ đề nghị cho ông về hưu y như lời quan chủ quận yêu cầu với lý lẽ ôn hòa nhưng bố trí đánh thép. Tôi đọc đi đọc lại nạo thơ nhiều lần, chép lại sạch sẽ rồi ôm hết lên trình quan chánh chủ tỉnh. Ông Pech đọc chăm chỉ, phê y không sửa đổi chữ nào. Tôi mừng và hãnh diện về lối hành văn đặc thể của mình, lật đật đem xuống qua phòng khác bốn thân đánh máy chớ không giáo cho đả tự viên vì đây là công văn mật phải giữ nhẹm. Chiều nội ngày ấy tôi dâng lên lần chót cho ông chánh ký

tên, xong rồi tôi ôm xuống lầu thì đã bốn giờ chiều, chỉ còn vô số đánh số thứ tự và cho tùy phái đem qua sở bưu điện gửi lên cho quan thống đốc chấp thuận, ra chỉ thị ban hành quyết định giải nhiệm theo thủ tục hành chánh là dứt khoát vụ này. Nếu xong tôi sẽ có ba trăm bạc trả nợ và có một cặp chóc, sướng quá.

Nhưng thay vì gửi đi, tôi lại đổi ý, cắt hết hồ sơ luôn bức thư có mang chữ ký của ông Pech ký rồi vào tử sắt, nói dối với thầy Giỏi nơi văn phòng là công văn “ông chánh chưa ký tên” rồi bỏ đó về nhà.

Đêm ấy tôi không nhắm mắt. Cờ đã về tay không chịu phất lại đâm ra suy nghĩ nát óc, trong lòng muốn đổi cuộc thế lại khác, bản tánh tôi thuở nay là vậy. Tôi trần trọc trần xa, lẩn lộn không yên mà cũng không dám cho vợ biết. Trí óc rối loạn : một đàng lương tri bừng dậy,

bây giờ việc đã gần xong, mới thấy việc mình làm là lếu ; một đàng thì lòng dục vọng xui quấy, ba trăm bạc và cặp chóe tuy chưa thấy nó ra sao, nhưng cứ nháy lung tung trong mắt như tôm tươi đứng trong rổ, lẫn quẩn tôi cứ nhớ : có tiền trả dứt nợ thêm có vật lạ để chơi cũng thích, nhưng làm sao quên cha mẹ mình thuở nay chưa làm điều gì quấy, nay sanh ra mình, có nên vì chút hối lộ đành chôn vùi danh giá dòng họ hay chẳng ? Dầu người ngoài không biết, nhưng còn lương tâm nữa chi ? Cái lẩm cẩm tách quân tử Tàu tôi chưa dứt khoát.

Khổ tâm nhứt là việc đã rồi, giấy tờ đã ký xong, mới làm sao đây ? Phải làm cách nào, phải trình bày lập luận làm sao cho thuận tai ông chánh, xin huỷ bức công văn đã ký, đổi lại bức phúc trình khác đề nghị phản ngược lại vừa khác

ý kiến quan chủ quận vừa trái mặt thư quan chánh cũ Bartoli, nay đổi lại xin cho ông cai tổng H., được tiếp tục làm việc y như cũ. Bạc và chóc, tiền và đồ xưa, chúng mi là giống gì hại ta thế này ?

Qua bữa đó, vô sở tôi định cầm hồ sơ lên ông chánh nhưng ông không ra khách trọn buổi sáng. Trưa về tôi nuốt cơm không vô.

Lúc đó tôi còn đủ thì giờ gởi bức thư kia đi, mặc cho sự việc trôi theo định mạng, nhưng tôi cũng không làm như vậy. Chiều mười sáu giờ, ông Pech có mặt, tôi đánh liều xách hồ sơ lên và bình tĩnh trình bày tự sự với ông như vậy :

– Thưa ông, đây là hồ sơ ông cai tổng H, mà ông đã xem xét rồi. Sở dĩ tôi trình lại là vì trọn đêm tôi không ngủ, nghĩ lại tôi còn quá ngây thơ e không đủ tư cách

để quyết đoán về khả năng ông cai H., trong khi tôi chưa tường tận về sức khỏe và cách làm việc của ông này. Thú thật tôi chưa biết mặt ông H, mà chỉ vội xin cho ông về hưu chiếu theo giấy tờ trong hồ sơ. Nay tôi đến yêu cầu ông như một dịp mai đi giãn dân sẽ đến tận Cái Tàu thường lấy theo kinh nghiệm của ông sẵn có mà coi mặt ông cai tổng và tự ông quyết đoán lấy việc này.

Tôi định chắc ông Pech sau khi nghe tôi nói như vậy, sẽ nổi lên một trận lôi đình và bắt tội tôi vi lệnh của người, ngờ đâu ông để tôi nói dứt lời rồi ông đứng dậy bắt tay tôi, vỗ vai tôi mà rằng :

– Tôi khen thầy đó. Xin thầy giữ y tánh nết tốt ấy mà ăn ở đời. Thầy là một công chức trẻ tuổi mà đã có một quyết đoán nhưt là một can đảm khác thường. Tôi đây là một công chức già đã từng bị

người ta vì phe đảng cho tôi về hưu một cách oan ức. Tôi đã bỏ ra hai năm tranh tụng và nay thắng kiện mới được trở vô làm sau mấy năm bị treo giò vô cớ. Nhờ thầy gan dạ giúp tôi ngày nay khỏi lấm lạc và có dịp giải oan cho một công chức có lẽ ở trong tình trạng bị hàm oan, bị hiểu lầm như tôi thuở nọ. Thầy hãy để hồ sơ đó lại cho tôi.

Cố nhiên ông H. khỏi bị cách chức, nhưng tôi mất cặp chóa và ba trăm bạc. Nhưng đổi lại trong lòng tôi thấy sáng khoái, dường như cởi nhẹ một sức nặng ngàn cân đè trên tim. Về sau ông S., vẫn được lên làm cai tổng, ông H., rồi cũng đúng lệ về hưu thâm niên vô sự và cả hai không người nào biết việc tôi đã làm. Việc này tôi chỉ tâm tình nói lại với một bạn quá cố là anh Lâm Văn Khôn quê ở

Bình Thủy (Cần Thơ). Khôn dạy tôi như vậy :

– Mấy lớn gan lắm, dám nói đi rồi nói lại với ông chủ tỉnh. Rủi ông bắt tội mới làm sao gỡ ? Mấy chưa biết để tao nói lại cho nghe. Tại tòa bố Sa Đéc như hiện nay thì :

Sở thuế thân là ngon nhứt và no đủ nhứt. Cứ tính mỗi bài chỉ (lá thuế) thầy Quì xin năm cắc thôi, trong tỉnh mỗi năm tỷ dụ có hai chục ngàn dân đình đến tuổi chịu thuế, trong số kể sơ mười ngàn đứa biết điều thì Quì sơ sơ cũng có năm chục ngàn đồng là tề nhứt, còn sướng hơn làm chủ quận ;

Sở sanh ý, mỗi tiệm dầu năm đi xét ba tăng, không kể phần ông phó tham biện làm chủ tỉnh ông ta ăn bao nhiêu, bắm hay nhẹ, không cần biết tao đây tao

làm thơ ký Ủy ban, tao kiếm cũng có từ mười lăm đến hai chục ghim ;

Sở xuất khẩu, thuế thân chức, với bảy bang các chú và chà-và anh Quới rồi anh Lễ. Anh Quới ốm vì ít ăn, anh Lễ mập vì tấp dũ, cũng đều có mỗi năm một số huê lợi sướng hơn chủ điền, vì mấy chú Ba Tàu có tiếng là ngọt nhứt ;

Sở đo lường, mỗi chiếc xe hơi thôi không kể, chỉ kể mấy ngàn chiếc ghe trong tỉnh, mỗi chiếc muốn nhập bộ đều có lệ sẵn, chú Năng rồi chú Nam mập thây, nhưng họ xách thước đi đo rồi tính thuế mà không được bao nhiêu khó bì tụi tao làm bài chỉ thuế thân và làm sanh ý ba tăng ;

Sở giữ bộ trâu bò, cũng thế. Thầy ký Có coi về bộ nầy có tiếng là ke re cắc rắc nên thiên hạ gán cho thầy danh từ “thầy

ký bộ trâu”, thì đủ hiểu ; tiếng tuy nghe xấu nhưng được nhiều tiền ; quanh năm có mấy trăm ngàn, đổ đồng mỗi con một đồng bạc.

Sở công nho làng thì ai cũng biết làng muốn khỏi bị làm khó dễ vì làng có cách ăn của làng thì cũng phải chia lại với ông phán Kinh, tuy ông là người có đạo đức, mỗi sáng mỗi đọc kinh mỗi chiều mỗi đạp xe đi nhà thờ ;

Sở hành chánh về ông huyện Học, là oai nhứt vì tay mặt của ông chánh tức gần mặt trời tuy nắng tấp có khi có chùng nhưng lâu ra lâu vô cũng do ông huyện. Xin giấy sấm sủng xin vô bộ dân Tây thì chai vì đều người biết chuyện, nhưng mấy ông hương chức muốn được vinh thăng huyện hàm, phủ hàm, hoặc muốn tiến cử làm hội đồng tỉnh hay cử làm sung biện, ban biện, phó tổng đều phải

đội mâm có sắp nhiều bộ lư hoặc cõ voi đến nói chuyện, lư và voi là giấy bạc một trăm buổi ấy, không dám dùng tiếng lì xì sợ nhẹ thể quan, và dùng danh từ “dâng bánh sắp”, nghe như lễ cúng thần ;

Sở điền thổ gọi là sở địa bộ, ông huyện Đánh có tiếng là thanh liêm, nhưng cũng không tránh được nhà giàu họ tự dâng quà cáp khi gạo thơm đầu mùa, khi khác cam bưởi, xa-cu-chê hoặc cho mượn xe hơi hay khi ông lên chức đi lễ thăng quan thật hậu ; ông không đòi nhưng tại dân muốn, từ chối là thất sách vì e nổi mịch lòng.

Nay mấy làm nghề phát tiền cho lính và thầy giáo trong tỉnh, mất tiền thì có, mấy lấy dư tụi nó la làng. Lâu lâu có một dịp thì hưởng, mấy lại làm cao không chịu táp, mấy thăng làm mặt thanh liêm là mấy thăng đại. Mấy tưởng mấy ở sạch,

sẽ có người khen, mấy không biết ông Bartoli tấp có danh, ông đã úp bộ cho rằng từ chủ quận đến lon-ton tòa bố đều ăn hối lộ. Chính ông chánh Bernard trước kia có vợ Việt còn ăn công khai hơn nữa, ông có sắm một chiếc tam bản cho lính chèo để dành rước từ bên sông mé chợ những ai muốn sang sông qua “nói chuyện” với ngài thì khỏi tốn tiền đò, và ngài nhận lễ tại trong dinh cho thêm phần kín đáo, ngài mập cho đến mặt bàn phải khoét lỗ chứa cái bụng nước lèo ngài mới với ký tên tới mặt giấy tờ, khi đi tiêu phải dùng khăn bàn lông kéo như kéo đờn cò chớ tay ngài với không tới tròn, và khi lên thang lầu phải có hai tên tùy phái đỡ cái bụng phệ nâng lên thì ngài mới bước lên nấc thang được, y như trên sân khấu lúc Đồng Trác bước lên xe loan hay lên ngai rồng. Riêng ông chánh Le Strat vẫn ngạo mạn, gọi mấy

thầy tòa bố là lòng tong cá chốt và gọi mấy ông chủ quận là cá xà cá mập toàn loại hoặc ăn dơ hoặc ăn hám. Một mình mấy muốn sạch quả là ngu hết chỗ nói. Muốn sạch muốn tu thì lên núi Tà Lơn hay núi Cô Tô. Ở chợ phải theo chợ và ở đâu cũng vậy luôn luôn phải biết tùy thời. Mấy muốn sạch trong đám dơ thì hoặc mấy sẽ bị chúng ám hại cho á khẩu, hoặc thét rồi mấy phải dơ theo chúng thì mới được yên thân.

Khôn dứt lời cười xòa rồi bỏ qua. Nghe vậy tôi nhớ lại mới đó có một hôm, tôi làm thơ ký thị sự đấu giá cung cấp xăng nhớt cho địa hạt, có ông bang Lý Ứng thay vì đóng vào ngân khố tiền ký quỹ hai chục đồng, bởi gấp quá nên ông ghìm một tờ giấy bạc trong bao thơ như vậy là thập lệ, khi mãn cuộc đấu, ông Lý Ứng không thầu được nên xuống

phòng bút toán đòi tờ giấy bạc lại ; tôi trả lời rằng tôi không thấy, ông và tôi nói chuyện dang ca rồi đưa lên ông chánh đối nại, tôi ỷ ỷ không nhận số tiền này, nhưng ông Bartoli đưa chúng tôi trở lại phòng đấu giá, chỉ giở rác, tôi cúi xuống lượm phong bì Lý ứng thì quả trong bao thơ đã xé còn tờ giấy 20\$ rành rành. Ông Bartoli cười bước trở về phòng, vừa nói : “Je croyais que c'était pour vous ?” (Tưởng đây là tiền dành cho thầy !) Cha mẹ ôi ! Té ra ông lại hiểu tiền ấy không phải là tiền ký quỹ mà vốn là tiền lo lót cho thầy thơ ký Ủy ban và vì ông có cảm tình với tôi nên cố làm như không thấy để tôi có thì giờ thâu lượm lại, nếu ông ghét tôi thì đã dựng chứng và làm khó dễ tôi lúc khai mở bao thơ kia rồi.

Bức công văn xin sa thải, ông Pech ký ngày 23 tháng mười một, đến cuối năm

ông còn mở tiệc tiếp tân đãi sâm banh nhưn viên tòa bố và chủ quận. Nhưng sau tết tây ông ngã bệnh rồi đột ngột từ trần trên đường Grall ngày 11-2-1930, vì bệnh đau tim bộc phát.

Từ đó tôi dừng dưng. Tôi vẫn hủ, nhưng chỉ muốn hủ một mình và không muốn kéo ông bà cha mẹ hủ theo. Năm 1931 tôi được ăn một phần gia tài của bà Phủ An để lại. Tôi trở nên khá đến dư giả thì còn ăn lúc nhúc làm chi ? Tôi muốn ăn cho đáng ăn ngật nổi không ai cho. Sau này muộn rồi nên từ chối luôn chớ cái hủ vẫn còn chất chứa trong bụng.

Những trang trên tôi viết về vài cách thức nhận hối lộ của cuộc đời công chức trào Pháp thuộc. Tại tôi sống dai chưa chết, nay nghe tiếng bắc tiếng chì cũng đáng, nhưng cũng phải để cho mình oan, không phải cả thảy đều hỏng hết.

Ngày nay tôi đã về hưu, không khác một thằng chết đuối được cứu sống, cho mặc quần áo ấm ngồi dựa mé sông xem kẻ khác còn chơi với trong cuộc ba đào.

Đọc lại bài “Lão kỹ qui y” của ông Tôn Thọ Trường, tôi lấy làm cảm xúc với hai câu kết thúc : “Ngoảnh lại lâu xanh thương những kẻ, Trầm luân chưa thoát nợ hồng nhan”, bất giác tôi xót thương cho thân phận các cán bộ quốc gia bây giờ, quả là cười đau khóc hận. Ngày xưa công chức đủ đởn mập thầy, bơ sữa tràn trề, lương tuy ít nhưng nhờ đồng bạc lớn, sống còn hơn điền chủ bạc trung. Ngày nay tội nghiệp cho ai, lương mấy chục ngàn nghe lớn mà bao gạo đã hơn hai chục. Xáp ve như rệp đói mà khi cần, nắm đầu bắt gác phòng bầu cử, cơm nước tự túc lấy, đông quá ai nuôi cho hết ; đến khi tức giận, nắm đầu ra

chửi. Cũng may chửi đồng vì còn phòng sau này xin mây một lá thăm. Ai ăn bám ở đâu no béo thì nhờ, công chúc thấp bé giả như không biết và chỉ biết nghe chung. Cũng may khi chửi, nói động đến con Lạc cháu Hồng, thì đứa chửi với đứa nghe cũng cùng một dòng giống. Tôi nay xót xa muốn hiểu được nỗi lòng của suốt hơn hai trăm ngàn công chúc nhỏ, sống tạm tối tạm bợ khổ cực khắp nơi trong xứ, từ anh phu quét đường, ăn sáng một gói xôi NĂM CHỤC ĐỒNG BẠC không đủ nhét kẽ răng, trưa uống nước lã chiều về thôn ba hột cơm nguội, đến anh khá hơn một chút, làm việc nơi tòa hành chánh hoặc đó là đả tự viên, hoặc đó là thơ ký biên chép, dầu là tổng trưởng bộ trưởng phương diện quốc gia, dầu là phu quét sân rút nước hầm cầu, cũng đều là công bộc của xã hội, nhưng tôi có cảm tình nhiều với kẻ thấp vì cốt tử tôi là một

tên phán già với cuốn sổ hồi hưu tỷ lệ, những chức tôi kiêm nhiệm như giáo sư đại học, quản thủ Viện bảo tàng, tôi đã trả hoặc cho ngủ êm trong hồ sơ không nhắc tới nữa. Các anh nếu có bị chửi, có tôi nghe với, không chết chóc ai đâu mà sợ, chỉ thương hại giùm chúng càng lớn hòng càng tồn đức. Tôi đã thấy gần hết rồi. Đứa giựt một ổ bánh mì chó chê thì bị gởi vào trại cải huấn, ông bắt tham những mà quà tết đầy nhà, dưa hấu để thúi, bưởi ngon chất đến tháng hai vẫn còn, gà vịt đầy sân toàn là lễ mễ của môn sanh dâng thầy lấy thảo. Theo tôi, mỗi thuốc rồi giữ luôn quét máy đất tiền, mượn sách rồi quên trả, đều là cách thức hối lộ mà không cho nói trúng tên.

Đời nay không thiếu chi người cán bộ trong sạch vì bẩm sinh ghét ăn dơ cũng có, hoặc vì tánh nhút nhát “sợ ông

cò” cũng có, hoặc vì tánh “rét-lô” cũng có, nhưng thấy đều kể chung một giỏ cá mè, vì dễ gì phân biệt nhớ và sạch.

Người nào hết tham lam được ngồi chung với Phật một bàn. Nhưng Phật gõ trên bàn vẫn không tránh được bọn gian tham lại gần cúng vái. Chúng tưởng dâng hoa huệ trắng, hoa lai-dơn đắt tiền rồi che đậy được lương tâm. Đời nay tà ngụy đầy đầy, Phật Chúa đâu thêm ngó. Tu hành mà ăn yến ăn sâm phải đợi bàn tay xinh xinh của mấy bà góa phụ trẻ đứt tới miệng, tu mà thích tôm chua. Có ông trước đây tốt phẩm trong hàng lại còn đòi phẩm cao hơn, mặc áo tía chưa chịu muốn đòi mặc hồng y. Mồm ngậm xì-gà, ông ngồi xe tốt từ xứ Vãng lên đây thăm em ở trong phủ nội, ông quở vang sao có trang trí vuông phòng dành cho ông tốn trên mười triệu bạc, chúng bay hãy

đem ghế bố lại đây cho ta ngồi”. Đều là giả dối cả. Cũng cá mè được thể lại dám chê cá chốt ăn dơ. Hãy đi học lại thuyết nhân vị. Khi muốn xây dựng quốc gia, biết thương tiếc của công, ông tướng võ có phận sự giữ gìn bờ cõi, ông quan văn có trách nhiệm đem cơm no áo ấm cho dân, nhưng chớ quên bớt xa xỉ xuất dương, bớt tiếp tân lãng phí, một tên cu-li biết khóa nước chảy dư và tắt đèn phải lúc cũng đủ được cảm ơn. Nhưng người làm lớn rồi ca tụng gièm pha mà cả vú lấp miệng em, quên mình trước khi hóa bướm vẫn là con sâu bò lúc ngúc. Nhưng phần tử tốt còn lại : mặc dầu bị lời nặng nhẹ, xin chớ ngã lòng ; hãy nuốt tủi quên buồn, trách nhiệm với thê nhi còn đó. Thương hại thay cho kẻ nào nay ăn trên ngồi trốc, quáng mắt ăn tham để gây tiếng xấu mang chung trong giới quan trường.

Lại đành khinh miệt đám nhỏ đàn cai, giẻ rách đỡ nóng tay, lại quên rằng trong một xã hội không khác trong một cái máy đồng hồ, thiếu một con chốt nhỏ hay là khi bánh xe con không ăn khớp với bánh xe lớn, cả bộ máy tinh vi đều tê liệt, đừng tưởng mình là kim vàng trên mặt đồng hồ chạy được mình ên.

Sức chịu đựng là một đức tánh tốt của người công chức thấp hèn, quen bị hiếp, nhưng xin đừng thối chí. Vui với gia đình, một ngày kia trời lại sáng.

Tôi bình sanh ghét đạo đức giả mà đành hôm nay nói chuyện triết lý suông. Nhưng mấy ai nghe lời một công chức già đã vào tuổi phế thải.

9. NẾP SỐNG DÂN TA

ĂN THỊT BÒ GIÁ TRÉO Ở ĐẤT
SÉT – NHỚ THÁI VIÊM LỢI (HỘI
ĐỒNG LÝ).

Tôi nhớ cố nhân thì nay ông đã không còn. Tôi không muôn viết tên các cố nhân từng quen biết và thích nhau, vì có người nói e đụng chạm tới người sống. Duy tôi muốn nhắc nhở ân nhân của tôi, và con người như sau bây giờ dầu đốt đuốc vẫn kiếm không ra.

Năm 1928, tôi đổi về làm phát ngân viên tỉnh Sa Đức. Cổ nhân lúc ấy làm nghị viên địa hạt, Pháp gọi conseiller provincial hoặc conseiller de province, không có lương, duy mỗi năm có hội hai kỳ bàn cải sổ công nho hay việc gì trọng hệ, thì có cấp tiền hiện hữu, mỗi ngày có mặt là mấy chục đồng bạc, có ông chờ để lãnh, ông khác “tùà kha” (đại ca) cho lại nhân viên tòa bố. Nhà ông ở làng Mỹ An Hưng, nôm na gọi Đất Sét ông là người Minh Hương nhưng nói tiếng Việt rất sành, họ Thái, cao lớn dênh dàng, đầu hớt tóc ngắn chải dựng đứng kiểu bàn chải tắm ngựa, làm cho vóc người thấy thêm cao. Luôn luôn có một nụ cười trên môi. Khi nào xuống chợ Sa Đức, ông ngồi xe Hotchkiss mui trần, xe lên cầu sắt ván dội rầm rầm tiếng kèn xe quen làm cho

anh em cừu cá²⁴ trong tòa bố mừng như trúng số nhỏ.

Tánh ông khí khái cang cường ưa tế khốn phò nguy, điều tôi phục nhứt là ông giúp ai ít cho người ấy biết. Tánh ông lại rất ngọt, em út ăn sương mển ông và hằng đeo theo ông, đứa nào cũng giành gọi “Ba, ba” ngọt xớt. Ông vuốt đầu mỗi đứa, miễn cười với ông là có tiền lì xì, nếu ông vuốt má thì lì xì càng hậu, nếu ông vỗ, khêu hay đập tay nhẹ nhẹ vào chỗ bàn tọa tròn tròn của đứa nào thì miệng ông vừa cười vừa xin lỗi vừa móc bóp lấy ra một tờ giấy con công (năm đồng bạc thuở đó) dán vào môi và cấm không cho cảm ơn một tiếng nào.

✱

24 Anh em cừu cá là tiếng nói chơi : cả thầy chín an hem (cừu ca), bắt chước trong truyện Tàu “Tiết Nhơn Quý chinh đông” gọi nhóm chín người Tiết Nhơn Quý, Châu Thanh, v.v... là bọn cửa cá.

Tỉnh Sa Đéc tuy chu vi nhỏ bé hơn các tỉnh khác của miền Nam nhưng đặc sắc xinh tươi rất xứng với mỹ danh người Pháp buổi trước đã tặng “le jardin de la Cochinchine” (vườn cây ăn trái của đất Nam kỳ). Ngày nay vị trí quân sự và hành chánh đã biến Sa Đéc trở nên một quận lỵ phụ thuộc hay sáp nhập với tỉnh Vĩnh Long²⁵, hay là đã phục hồi nguyên vị như trước, việc này cũng như việc tỉnh Bạc Liêu ra sao tôi xin miễn nghị nơi đây vì tôi đã về hưu và không theo dõi được. Bài này tôi chỉ muốn xoay về “nếp sống dân ta và nếp phong lưu lối xưa của miền Nam mấy chục năm về trước.”

Với một xứ vén khéo bao bọc bởi con sông Tiền Giang nơi hướng đông và sông Hậu Giang nơi hướng tây, bây

²⁵ Bây giờ là một phần của tỉnh Đồng Tháp.

giờ bị xén bớt quận Cao Lãnh cũ để biến thành tỉnh mới Mộc Hóa, thì chu vi Sa Đéc càng được thu gọn làm một vùng rông rạc máu Việt và dân cư càng ít lại máu Tàu máu Miên hơn các tỉnh Hậu Giang khác.

Lối năm 1927-1935, Sa Đéc nức tiếng là một tỉnh cứng cỏi dám ăn dám nói dạn dĩ nhứt ở Nam kỳ. Nhơn vật đời đó trong tỉnh gồm những người độc đáo, sức học Pháp văn rất cao, tỉ dụ ông Đốc Tràng, ông Đốc phủ Lê Quang Hiến, nho học có ông Cử Võ Hoành, ông Đặng Thúc Liêng, khí khái xã giao rộng có bác sĩ Phạm Văn Ngời, ăn chơi tài tử thì có hội đồng Hồ Quang Cảnh, và ông nghị viên Thái cố nhân mà tôi mến tiếc nhắc lại bằng bài này. Tôi miễn kể những nhân vật khác như ông Huỳnh Thuận sanh ra cậu Huỳnh Thủy Lê, như Nguyễn Văn

Thắng làm xã trưởng được phong huyện hàm, dám ăn chơi và vì có một bốp phổi lớn hơn của bất cứ ai nên chúng tôi tặng riêng là ông huyện “Nóp”, cũng người xứ Đất Sét. Đặc biệt là các nhà nầy đều nấu ăn khéo léo ; mỗi nhà ngon hay mỗi cách. Như muốn thưởng thức món heo con đút lò thì chỉ cụng nước đá rồi ghé lò gạch hội đồng Cảnh ở mé sông cái, đường lộ Sa Đéc xuống bến đò Mỹ Thuận. Tính coi heo cúi thuở ấy giá con rẻ hơn con gà con vịt đời nay. Một con heo sữa (cochon de lait), nhắc đến bát thềm chảy nước miếng, một con vừa sức ăn của ba bốn người mạnh ăn mà giá chưa đến ba đồng bạc (3\$00) đời ấy, con nào ngon lành và đã trọng giá bốn đồng ngoài là cùng. Cũng thời ấy, một đĩa lớn tại nhà hàng danh tiếng Sài Gòn là nhà Yeng Yeng, một miếng thịt heo con bằng ba ngón tay dọn với rau cách xon (cres-

son) và quay theo điệu ma ní, Phi Luật Tân gọi là “la Manille”, ngon hết cỡ mà giá chỉ có bốn cắc bạc (0\$40) ! Nhưng ông hội đồng Cảnh Sa Đéc còn có cách cho mình ăn một món heo quay còn ngon hơn nữa. Số là mỗi lần hầm ruột lò gạch, khi đến kỳ dứt chụm lửa vì gạch đã chín gần lấy ra khỏi lò được, khi ấy ông ngồi xe nhà Hotchkiss chạy lại tòa bố rủ anh em cữu cá bọn tôi đến tận lò gạch thưởng thức món heo quay đặc biệt này. Mỗi lần như vậy tôi biết chắc sẽ cúng lót đường, sẽ thua thín cầu ít nữa là đôi ba chục bạc nhưng tôi không bao giờ tiếc tiền để phải nhịn một thú ăn chơi không còn nữa. Tùy theo số quan khách, ông sẽ sai gia đình làm heo sữa đúc lò (xin nhớ đây là lò gạch). Trước tiên ông bày tiệc rượu khai vị, luôn luôn sang trọng và đúng mốt thuở ấy là rượu cognac Martell pha với nước có hơi bọt hiệu Perrier,

ly thật đúng độ một công-xio-ma-xiông (consommation), cục nước đá cho thật trong và thật lớn lâu tan, nên nhớ lúc ấy máy lạnh frigidaire chưa có nhiều và cũng chưa có điện để mà xài cho đủ. Mỗi bàn có bốn thực khách thì ông phòng hồ nguyên một con heo sữa, heo cạo gọt sạch lông rồi, mổ bụng lấy đồ lòng để riêng khuya nấu cháo, sắp heo lên đĩa bàn hột xoài (hình bầu dục) đặt lên mâm cây kiểu Tàu hình chữ Nhựt, xong rồi sai trẻ lập thể thần dùng ván để mâm heo lên, cho mâm chun tót vào giữa lò gạch còn nóng rồi để ván và mâm lại đó, xong xuôi rồi bít cửa lò lại thật kín, để như vậy day qua trò tiêu khiển khác. Trong khi hơi nóng còn lại của lò chờ lấy gạch ra, “luyện” mấy con heo sữa, biến lớp da non thành món ăn giòn khừu, và biến các giò cẳng móng thành những món nhăm nhi giòn rum và biến thịt heo tơ thành thức

ăn ngọt lịm thơm phưng phức thơm mùi ngũ vị hương pha với mùi tàu hủ đỏ và chao đỏ của các chú Ba Tàu sành đời. Tôm đã tươi đang nhảy soi soi, con nào con nấy xách nặng tay, gạch đầy đầu, cắn vào miệng béo vô song, thêm được gió đồng thổi lai rai, lại nữa giá rẻ ôi là rẻ, ngày nay nhắc lại y như là nói dóc.

Thái cổ nhân mời ăn tôm trên ruộng nổi nước thì phải biết : Bữa lên Đất Sét chúng tôi đi hai xe : chất chồng gần hai chục lạng, toàn là bọm²⁶ “phá cửa” tức bọm mạnh ăn, giỏi tài nuốt sạch đĩa mà không biết nhậu, rất thú nghịch với “bọm ve chai” ăn thì ít mà nốc như hũ chìm, mắng ham nói mà quên đĩa và tô đã bị bọn kia vét ráo. Như đã nói, vì chưa ăn bò giá treo, nên Thái huynh không đưa chúng tôi về nhà, và dành buổi viếng

26 đúng theo tiếng lóng là “phá mồi”.

Thái gia trang vào một dịp khác.

Hôm ấy, Thái viên ngoại cho kết ba bè ghe tam bản, cứ hai chiếc kết làm một bè, trên có thả ván dày rút trong lăm lúa hay dùng làm mặt bè thật bằng phẳng ước sức khiêu vũ trên ấy còn được, ba đoàn ghe đậu làm ba điểm hình tam giác, đoàn thứ nhất có trái chiếu dành cho các tài tử hoà nhạc và ca các bài cải lương trữ tình, thật du dương ; đoàn thứ nhì gần đoàn trước trên mặt ván gỗ có để hai bàn vuông có đèn khí đá treo sáng rực và đây là đại bản doanh của tám tay thiên cữu mặc tình “tung thiên²⁷” hay “tiêu con sám cấy”.

Một đoàn thứ ba đóng đô một nơi khuất tịch tuy vẫn tham gia cuộc chơi nhau đây là tiểu địa ngục dành cho khách

27 Hai danh từ này là tiếng chuyên môn trong điệu chơi thính cầu. Tung thiên là đi cây bài lớn nhất và tiêu sám cấy như các tên tiêu cây nhỏ nhất.

muốn “bắt cặp” tách rời ra bằng xuống để thám hiểm Thiên thai, vì trên hai xe chúng tôi vẫn có nữ tiên Chợ Cồn tháp tùng, và đoàn tam bản thứ ba này chúng tôi đặt là nơi dành làm thi phú và chỗ đi tìm vần khó. Ngoài xa và chung quanh ba đoàn này, dăng dăng theo bờ mầu ruộng, thấy làm đốm những sao, xem kỹ lại đó là đoàn thuyền con của điền phu biến làm ngư phủ, đua nhau câu tôm để hiến cho chúng tôi thưởng thức. Thuyền nào câu được khá nhiều thì đánh một hồi chuông “thùng thiếc” ra hiệu. Chúng thủy thủ của ba bè tam bản đoàn nào lẹ tay thì chống ghe bè lại đó lấy tôm về, đoàn nào chậm lụt thì rán chờ dịp khác. Trên mỗi thuyền kết bè đều có sắp đặt sẵn, nào lò lửa để nướng tôm, nào rau sống cả mấy rổ lớn, nào bánh tráng, bánh đa cả mấy chồng, có thứ để khô có thứ nhúng nước sẵn để quan khách

dùng tùy sở thích. Về nước chấm có đủ mấy thứ : thứ nước mắm nhĩ Phú Quốc gọi nước mắm hòn, thứ tương Tàu, thứ tương ta, cái thứ tương đặc biệt chuyên môn của nhà anh Tám Hoài trình bày ra đây, làm bằng tương Tàu pha chế với cháo nấu bằng khoai môn để dành chấm chạo tôm và nem nướng, có thứ thật cay và thứ không giảm ớt, cho tới ngày nay tôi chưa gặp một bữa tiệc vui và chu đáo đến bậc này. Mặc khách mặc chủ đua nhau giành giựt tôm còn nháy soi soi rồi tự mình nướng lấy mà ăn, người nào xấu chúng đói thì tự chống thuyền đi tranh đấu tôm tươi của những xuống vừa câu được, kẻ nào làm mặt quân tử đợi chúng dâng tới miệng thì hãy chịu khó ngồi cười gượng nuốt nước bọt ngó người khác ăn, nhưng đói quá họ cũng làm càn, thét rồi cũng ra tay giành giựt như ai mới đủ no, quên mình ban nãy còn là dân chi phụ

mẫu mà nay trong cảnh đông vắng đêm thanh đã lộ nguyên hình là Trư Bát Giới trong Tây Du đang đùa giỡn, xa bà xã, với mấy con nhện què ở Chợ Cồn và ở ngã ba đường Vĩnh Long nơi quán mỗ cô Ba Chỉ ! Thiệt là một bữa cơm tập thể bình dân răn đời : “Làm cách sạch ruột làm chuột no lòng !”

Tôi đã nói ngày nay tôi còn mến Sa Đéc vì chẳng biết sao từ ấy đến nay tôi ăn tôm nướng đã nhiều nơi nhưng chưa gặp nơi nào chế nước mắm chấm ngon như ở Sa Đéc.

Tôi đã nói tôi còn nhớ mãi tỉnh nhỏ Sa Đéc thân yêu, vì tôi có cảm tình nhiều với xứ này là nơi tôi đầu quân sau khi làm sáu năm nơi Trường Máy Sài Gòn, và một lẽ là vì tánh tham ăn thức ngon mà Sa Đéc có nhiều :

a) Món lạ miệng là nem nướng chay làm bằng chuối chát thế cho thịt heo nhưng khi tương chấm thật ngon thì món nem nướng chay này có thua gì nem nướng Huế ? Tôi từng nếm món này tại nhà thầy cai cổ đại như Lê Văn Kinh cựu cai tổng (Cả bè cạn) An Thạnh hạ, và mỗi lần nhớ gia quyến này là nhớ các bạn cũ : Lê Văn Chiếu, Trương Tấn Ngân.

b) Món ăn dễ làm, chỉ cần có tép thật tươi thì đủ ngon là gói cuốn bánh tráng, nhưng gói cuốn nhà anh Hồ Văn Thông, ngoài gọi anh Năm Chuột, làm xếp quán đốc phu lục lộ Trường tiến nên cũng gọi đốc công Chuột, gói cuốn này thì tuyệt. Anh Năm cố nhân là người tốt, tánh tình vui vẻ, miệng ăn trầu tít toét khi nói tiểu lâm phun nước miếng phèo phèo ; nhà anh Năm ở ngay sân chợ Tân Quy Đông,

ba căn trệt là nơi lụ hội ngày đêm của bọn này, khi thín cầu khi nhậu nhẹt. Anh Năm cố nhân cho tôi mượn tiền, giúp đỡ ngặt nhưng tôi nhớ như chén cơm Phiếu mẩu,

c) Món ăn đặc biệt làm bằng tôm quết thành chạo bó mía nướng và một món gỏi tôm gọi tôm bóp thấu²⁸, thì tôi dám chắc, không đâu ngon bằng nhà anh Hồ Văn Hoài, nay còn mạnh khỏe nhưng đã già lắm, trên tám mươi²⁹, ngoài gọi Phán Hoài, Tám Hoài thuộc vọng tộc họ Hồ ở Sa Đéc cố cựu.

Ba nhà này có một bí quyết sở trường là món nước mắm chấm và tương. Khi ăn tôm làm chạo, gỏi cuốn hay bóp thấu, trộn gỏi với sữa gòn, cần thiết nhứt là

28 Thấu : gỏi bóp giấm ; bóp thấu = bóp gỏi, làm gỏi ; làm nham làm thấu ; làm nem làm gỏi. (Đ.N.Q.A.T.V. Huỳnh Tịnh Của)

29 Năm 1978 tôi hay tin Tám Hoài đã mất.

phải có tương thật ngon. Các bà các cô ở Sa Đéc học được nghề gia truyền chế tương chấm rất khéo làm bằng chè đậu nành hay bằng khoai môn nấu chín quết cho nhuyễn trộn với tương Tàu dãi còn nguyên hột đậu tương, nhưng làm sao biết được bí quyết của thứ tương “ăn một miếng dẫu sa địa ngục” cũng đành ấy ?

Con tôm càng xứ Sa Đéc nay vẫn còn nhiều, nhưng câu đêm câu khuya không được vì thiết quân luật, cái thú ăn tôm nướng trên ruộng mùa nước nổi không làm sao cho tái diễn được trong khi trong nước chưa bãi bỏ lệnh cấm xê dịch và làm việc ngoài đồng ban đêm.

Muốn ăn tôm, theo tôi, phải xuống miền Hậu Giang ăn tôm tươi bắt sống, chớ tôm ướp lạnh trong nước đá, ăn không thấy thú.

✱

Chúng tôi vô nhà ngồi vừa yên chỗ, nước đá vừa đưa ra nhà sau chia nhỏ là đã thấy rượu Tây đủ hiệu sang sắp bày la liệt đầy bàn và cốc pha lê thứ chánh hiệu crystal mua ở hãng Grands Magasins Charner lóng lánh chớp nhoáng chứa đúng một phần công-xom-ma-xiong Martell-Perrier đậm màu vàng vui mắt. Chủ dọn hột gà lộn trái vãi ra thết khách. Đây là trứng ấp tại trại, tư mùa sẵn có, không phải của mua mà sợ phá bụng. Ông bày bàn vuông nơi hàng ba, mời khách ra chơi ba sòng thín cẩu, mười hai tay, các quan chủ quận và ông huyện trẻ vì giữ thể thống nên ngồi bàn, tán gẫu chuyện nắng mưa, không đánh bài. Nhưng già chuyện đến đâu, nói thết cũng phải chán, và tửu lượng cao đến

bực nào, làm hai ly cối rượu ngon, sẵn bụng đói, cũng phải mắt đỏ hào quang. Vừa lúc ấy nghe tiếng xì xào, đó là tám vị tiên cô từ mé sông giáng trần, vì chủ gia có sáng kiến dùng ghe bản lồng sai đi rước từ sáng sớm, mỗi tiên nữ ở một động riêng và đến sáng mai sẽ lãnh mỗi vị năm tỷ (5\$00) bạc giấy của nhà băng Đông Pháp. Tiên vốn có tánh huân đãi khác tục, nên không vội chỉ đi phó hội, còn son phấn ăn quà dọc đường, nếu rước bằng xe thì hao xăng lắm. Chào hỏi nhau xong, tục nhiều hơn tiên, có ông đã ngà ngà say, hỏi chủ gia phải chăng đây là bữa tiệc Cống Quỳnh, vì nhậu mãi mà chưa thấy dọn ăn. Chủ nhà không trả lời, duy mời khách tạm xên bài, tiên và khách chịu khó bước theo ông ra sau hoa viên, nơi tiểu giang san họ Thái. Và đây là một cảnh du nguyệt điện kim thời có thật, do tôi mục kích chứ không phải

thấy trong buổi chiêm bao :

Trong một vườn cam rộng lớn đang trở bông, hương cam nức mũi, và sáng như ban ngày vì trên đầu con trăng rằm đang giỡn với lá xanh, lập lòe lát bạc như tấm tranh của thợ trời già phá bút, dưới này giăng giăng trên cành cây treo dài theo những con lộ đất là những đèn giấy Nhựt Bản thi đua ánh sáng với những ngọn đèn Tito-Landi thắp măng sông chói sáng rực nơi các ngã thập tự, gần bên mỗi cây cầu nhỏ. Nãy giờ tám vị tiên cô đã chia nhau theo lời viên ngoài chủ xưởng, đứng thủ bốn cửa ải tức bốn cây cầu ván bắc nối liền nhau trên bốn mương cau, mỗi cầu có hai cô và do chúa tiên là Mười Cự cầm đầu. Trên mỗi con lộ đất, giữa là đường đi hai bên trồng cam vừa cao khỏi đầu và đã có trái dọc dài theo, hai bên liếp này là mương cau

đầy nước lé đé tới mặt liếp, mương này độ hai thước bề ngang vẫn nuôi cá tôm thả súng thả sen, chỗ bông trắng, chỗ bông hồng bông tím đua nhau đua tới đưa lui như cúi đầu chào khách. Cầu vững chắc, bề dài độ hai thước có hơn, nhưng bề ngang cầu chỉ ba tấc mặt, làm bằng gỗ sao dày đến năm phân gồm ba tấm ván gác đầu nhau theo kiểu tam sơn tam cấp: hai tấm lót hai đầu cầu thì thấp, tấm giữa bắc cao hơn một bậc để cho xuống hái muống và gương sen qua lại dễ dàng. Giá thử ngày nào bình thường tỉnh táo thì cầu bản nhỏ hơn nữa chúng tôi cũng đi qua cái một, chấp như ăn cơm bữa. Nhưng hôm nay vì rượu quá ngon, mỗi người chúng tôi đã có một hay hai ly cối Martell-Perrier lót bụng trống, cho nên sức chở mỗi người đã khảm, ai sao tôi không rõ, riêng phần tôi, hai về nặng dường “đá đeo”. Con cầu tuy vững

tuy ngay, nhưng mỗi lần bước lên, cặp giò chân nai đá chân cheo mới chướng ! Khách và chủ bụng reo trống chiến, ngà ngà nửa say nửa tỉnh, nối tiếp nhau đi trên con lộ đất. Ông viên ngoại vừa cười vừa lễ phép, xin được “tiên vị chủ” giành đi trước để dẫn lộ, để rồi “hậu vị khách” chúng tôi coi theo ông mà nối gót theo sau. Từ đây bắt đầu cuộc thưởng thức bò giá treo theo kiểu Hội đồng Lý ở Mỹ An Hưng, Đất Sét : đi tiên phuông dẫn lộ là Thái Viêm Lợi ; và kiếng lão đặc tràng, tuần tự theo sau nối đuôi như bầy kiến là : ông đốc phủ Lai Vung, ông mặc áo dài sa tanh thêu bông bạc, mang kiếng gọng vàng càng làm tăng vẻ học giả ra phết. Kế đến là ông chủ quận châu thành là người sành sỏi đã từng nếm món thịt bò nướng nguyên con này rồi, thêm ông có tánh cẩn thận uống rượu ít, nên luôn luôn ông giữ vững địa bàn. Tiếp theo

là ông Đặng Thúc Liêng và ông Trường Văn Hanh, đều bình an vô sự. Kể đến là ông Phủ Cao Lãnh nhờ sức mạnh nên tinh thần không đổi, kể nữa là ông huyện đầu phòng ông Chánh, mới ngày nào bị trét nước hoa trên đầu, nay may thời vô sự, và bộ đồ vía may từ Hà Nội, từ đầu chí cuối, không một chút dơ, quả ông là người có bản lĩnh, tương lai còn nhiều, Cái đuôi con trường xà này là chúng tôi gồm theo trí nhớ : Hồ Văn Thông tự Năm Chuột, Hồ Văn Hoài, Lễ, Khôn, Sển, Tốt, Năng, Nam, Đặng, Tốt, Chiêu, Quới, Ân, Giỏi, Quản Tiên, Quản Tập, Đội Hường và Cai Như. Theo cách nối đuôi đi một dọc dài như con rắn làm vậy, chúng tôi là bọn trẻ lấy làm bực, rượu càng thấm giò càng mềm chúng tôi có đứa đã thầm trách đại ca viên ngoại hôm nay sao trở chúng, chơi cái kiểu gì không bình dân chút nào... Nhưng sau này khi tan cuộc

về nhà, thăm mặt mới nghĩ ra cái ngón sâu sắc của Thái viên ngoại Đất Sét. Hôm ấy ông thí ra mấy chục chai rượu, và một con bê tơ giá hai chục bạc, mà ông mua tiếng khen nhắc đời. Như đã nói vườn cam vừa rộng vừa chứa một con đường bao ngạn ven biển như hình chữ Nhựt, có liếp trồng cây ăn trái và có mương cau để xổ nước phèn thay nước phù sa Sông Cái, lấy phân bón cho cây mau phát. Khoảng giữa vườn này là một miếng đất khá rộng, theo lời viên ngoại, chờ năm sau đất dễ đặt vì ông sẽ đem trâu về cày nơi đây, cho đất mau cứng, năm sau ông sẽ cất lên đây một lăm dựng lú, mùa để không, ông sẽ dùng làm lớp học tạm cho con trẻ trong xóm, vào mùa nước lụt và một khi lú đã bán rồi. Nhưng đó là việc hậu lai, hiện thời ông đặt ở trung tâm một cái lều bằng vải thật lớn, lát nữa đây chúng ta sẽ vào đây ăn tiệc cháo lòng bò

và thưởng trăng cho đến sáng, thín cầu và xì phé gì tự ý. Tiệc bò giá treo chính thức, ông không bày nơi trại mát này, và ông nghĩ ra cách thức đi vòng quanh theo con đê có địa tiên giữ ả nơi các đầu cầu và đuôi cầu cho thêm vui. Theo lời ông nói, chỉ có cách này là ăn được ngon miệng, nhiều và hứng khởi, vì tự mình phục sự cho mình, áp dụng câu "tay làm hàm nhai" và muốn nói "tự lực cánh sinh" cũng được.

Con bê tơ được thui vàng lườm và hiện đang được lăn tròn trên một ống trục sắt quay vòng vòng trên lửa than cháy riu riu, hai đầu cây trục đặt trên bốn cây tre đòn đặt giá treo hai cây mỗi đầu, nên gọi "bò giá treo". Chất mỡ béo của con bê rơi xèo xèo xuống than hồng làm chúng tôi tỉnh hồn lại. Mùi ngũ vị hương và mỡ khét phất vào mũi từng luồng gió

làm cho quan khách tỉnh mình thêm, ai sao mình vậy, tuy bước không mấy vững, nhưng thấy con bò thui đang nóng, kế bên có để sẵn dao thớt, thì làm thế nào, cũng phải lết cho tới đó làm một mách cho được mới nghe ? Ai thích ăn sống cho thêm bổ, sống vừa vừa hay ăn thật chín thì tùy ý cứ lựa chỗ nào mình thích, lấy dao theo cắt thịt tại chỗ. Nhưng chưa ăn được. Khổ một điều là nước mắm chấm lại để nơi góc xa đằng kia, ai gấp muốn ngón thịt lạt lẽo thì cứ việc ; bằng muốn ăn mặn mời thú vị thì lại phải cất bước đi theo đường do viên ngoại qua cầu khập khiễng và rón đi tới chỗ có nước mắm nêm tỏi ớt hay nước mắm hòn có cả cuống chanh thơm, hoặc nước xì dầu, muối tiêu, maggi đủ thứ. Chúng tôi khách dự tiệc, kẻ mặc âu phục, kẻ vận quốc phục, mấy ông quản và cai đội lon ton tòa bố thì mặc quân phục ka ki vàng,

đều được dặn trước phải giữ làm sao đi cho ngay ngắn, nhứt là giữ đừng té xuống nước, rủi sa chân lọt xuống mương cau, không được bỏ cuộc và phải leo lên lộ đi trở lại trên con cầu thủ thách nầy, người nào bỏ cuộc sẽ được tặng là đàn bà mặc yếm, còn thua các cô đứng gác đầu cầu, và mặc ý đã thua cuộc thì hãy làm Tư Mã Ý, nhục nhã lại ngồi chờ nơi chòi bố. Nhưng đại phạm đã có rượu làm nư, thì có ai mà chẳng lên mặt anh hùng ? Ông Lai Vung mở đường dẫn đạo, theo sát chân viên ngoại là hướng lộ viên. Viên ngoại tửu lượng có thừa, lại nữa biểu diễn tại sân nhà, nên mấy đời lăm kế của ông đã sắp đặt.

Ông Lai Vung khoan thai bước đến cây cầu thú nhất thấy có bản nhỏ đề một chữ “Đông”. Kế bên cầu một cô trẻ nhứt trong hàng bá tiên, đầu để tóc ngắn như

sinh viên mới ra trường, nhoẻn miệng cười duyên và lấy kẹp sắt gấp khăn nóng hấp trong nước hoa thơm cung kính dâng lên trước mặt. Ô ! Hay quá ! Mặt đang hồng vì rượu, có sẵn khăn nóng rút hơi men ra bớt thì có gì sướng bằng ! Ông Lai Vung miệng nở nụ cười tươi lại như buổi thanh xuân, chỉ tiếc bị mấy cái răng bịt vàng làm giảm bớt cái nho phong đạo cốt. Ông vớ lấy khăn lau mặt lau tay rồi bệ vệ trả khăn lại cho gái, chậm rãi bước qua cầu trót lọt. Qua tới đầu cầu bên kia hiện ra một nàng tiên đẹp không thua nàng trước, tay cầm trống nhỏ gióng lên ba tiếng thanh thanh, báo tin cho hai vị tiên nơi cầu kể đó dự bị đón tiếp những chàng Lưu Nguyễn. Cầu này thấy đề chữ “Bắc”, tức đi vòng tròn từ đông sang bắc. Một nàng hoa khôi duyên dáng chực sẵn trao cho khách một ly nhỏ Cognac sec thưởng công đi ngay ngắn, hé miệng cười

duyên mời quân tử cạn bôi. Không uống sợ mất lòng, rán uống mà thuyền tình đã chở đầy rượu mạnh. Khách uống rồi tiên bên kia thâu ly lại trả về bên nầy như cũ : miệng chúc câu “Quý nhơn thượng lộ bình an”. Thấy cách tiếp đãi thanh nhã như thế chúng tôi đi đằng sau càng nôn trong bụng, trông mau đến phiên mình khêu một cái, thưởng thức chung rượu cô gái đẹp dâng đến tận môi. Ông Lai Vung bước đến đầu cầu thứ ba chữ “tây” để trước mặt. Nơi đây có một cô tuổi độ đôi mươi, cổ tay tròn như ngọc chỉ, với lựa trên bàn một miếng bánh trắng, một mớ rau thơm, lễ phép dâng trước mặt, liếc mắt đưa tình như mời mọc : “Xin quan hãy đi lại gần con bê ! Xin quan tự lựa lấy miếng nào quan thích, cắt lấy và tự mình thưởng thức, chúc quan ngon miệng !” Nhưng ăn thưởng sao được vì chưa có nước mắm chấm kia mà ! Ông

Lai Vung sẵn bước đến ải chốt là cầu hướng “Nam” nơi trấn thủ của cô Mười Cự, nữ tiên chúa đông. Cự tiên cô vì cầm đầu nên giữ phần chủ chốt, quốc túy là nước mắm, không có để chấm thì miếng thịt lạt lẽo nuốt sao vô ? Nhưng khỏi lo, ở đây như đã nói, có đủ thứ nước chấm từ mắm nêm thơm ngọt đến nước mắm hòn đặc biệt. Rồi trở lại Đông kiều số một, có nước hoa rửa tay, có khăn thơm lau miệng, rồi qua Bắc kiều lấy rượu, qua tây kiều nhận thịt, qua Nam kiều chấm vào nước mắm, thưởng thức món thịt bò giá treo ! Như con rắn cắn đuôi, khách và chủ đánh trận đàng xà được ba vòng vô sự, người nào người nấy đều hân hoan, cao hứng đến tột độ, cười nói như bập rang, cả thầy đều khen ông viên ngoại có một sáng kiến mới mẻ, và đãi ăn cách này, dầu có té xuống nước dầu bị tiên cô lấy nhánh huệ thưởng đòn cũng sướng !

Vừa nghĩ thầm đến đó, bỗng nghe một tiếng bồm, day lại xem, té ra đội hầu cận ông Chánh tên gọi Quản Tiên, đã thao xái (khởi đầu), trượt chân xuống ao sen. Cả đoàn đều dừng lại cười rộ, chờ bác quản leo lên, thối bộ lại đầu cầu, cô gái, quên tiên cô nhỏ, quỳ xuống lấy khăn sạch lau giày, vuốt y phục lại ngay ngắn, ông quản không lộ vẻ giận, bước lên cầu đi thẳng qua bên kia, một cô khác giả bộ trách yêu, lấy nhánh huệ tươi gạt nhẹ bàn tọa ông như tuồng tiên quở sơ người vụng về. Cả bọn đều cười lăn chiêng, ông cũng cười theo, vui vẻ cả đám. Nhưng qua khỏi cầu rồi, ông quản không được thưởng ba tiếng trống chúc “thượng lộ bình an”, lại nghe ba tiếng gõ tang (gõ vào thành trống) quả nhiên báo tin có người bị phạt y như tử lệnh sẵn có. Trong lúc ấy chủ và khách đều hừng chí hăng say vì rượu không khác con gà đá độ, mê trận

đá quên thôi. Nhưng đến đây ông viên ngoại là người giàu kinh nghiệm, không kéo nhây cuộc vui và để tránh tiếng lẩn khân sàm sỡ. Ông mời quan khách bước vào nhập tiệc nơi nhà mát. Con bê thui được triệt xuống, xẻo thái ra nhiều đĩa lớn và dọn chung lên bàn với món cháo lòng bò đặc biệt ăn với gừng cay, lòng non lá lách, khăn bàn xương sụn gân giòn. Tiệc kéo dài với những sòng thín cầu và xì phè đến gà gáy sáng chưa thôi.

Khách ra về còn tiếc, quên hết chuyện ông quản bị đòn, nhưng về nhà rồi ai nấy đều giấu nhem việc cùng tiên sống phó hội, duy vẫn, khi gặp nhau khen mãi buổi cháo giải lao và con bò giá treo Thái Viêm Lợi có tiên chuốc rượu.

Tái bút – Mãi về sau, gặp lại Thái cố

nhân, ông nói hôm ấy, chúng tôi là cá chốt lòng tong, nếu có té xuống nước không xấu, vì là ngư thủy tương phù ! Ông chỉ mong bực dân chi phụ mẫu, hạng cầm cân nảy mực rơi xuống mới là khoái. Tuy vậy dần mặt chơi một chút cũng đủ, không nên chọc họ giận mịch lòng. Ông nói trong Nam, không thiếu gì thú ăn chơi kỳ thú, như miệt Sóc Trăng, Hòa Tú, cá lóc nướng trui, bó đất sét nguyên con luôn và vảy, chim se sẻ, chàng nghich, ốc cau, để nguyên và lông, lấy đất sét bó lại, thả vô đồng rơm đang cháy để canh lúa ban đêm, khi rơm lụn tàn, lấy ra đập vỏ đất, lấy thịt kẹp bánh tráng chấm nước mắm ăn ngọt xớt không gì thú và ngon bằng.

Cũng như thịt bò, thịt trâu, khi ngã ăn không hết, để nguyên đui vùi vào đất bùn sạch, chỗ có nước chảy mạnh, tỉ

như mé sông Cái, dầu để mấy ngày thịt vẫn tươi, khi lấy ra ăn vẫn mềm và ngon không thua thịt ướp trong tủ lạnh.

Ở miệt Bình Dương (Thủ Dầu Một cũ), nơi vườn măng cụt, sầu riêng, còn một thú lạ là treo thịt bò nguyên đùi hay nguyên xúc thịt phi lê lớn lên cây có kiến vàng nhiều, kiến này đánh hơi thịt ráp lại bu đeo, trong chốc lát kiến vàng chích nọc có chất acide formique vào thịt, đừng thấy vậy mà gớm, độ nửa tiếng đồng hồ cục thịt trở nên mềm và đã chín tái, cứ để vậy, theo từ miếng nhỏ ăn với rau sống bánh tráng mắm nêm, đã thơm ngọt thiên nhiên lại không có mùi mỡ dầu lâu tiêu như cục bít-tết xe nhăn (bifteck saignant) hay thịt chiên Chateaubriand, vừa cầu kỳ, vừa khó chiên cho đúng, khéo và ngon.

Nhơn vật Sa Đéc phần đông đều nhà và thảo ăn. Thái cố nhân là một. Khi tôi xin về làm việc tại tỉnh nhà, ở Sóc Trăng, tuy được gần cha mẹ, vui bề thân tình mộ khan, nhưng lòng hằng gởi về tỉnh nhỏ thân yêu Sa Đéc.

Khi tôi đổi về Sài Gòn lối năm 1938-1943, tôi có gặp lại Thái cố nhân lên trị bệnh nước tiểu có đường. Chúng nầy lúc đó vô phương trị. Tôi khóc ngày nay vẫn khóc, tiếc người anh cả phong lưu hiếm có.

10. MỘT CÔNG CHỨC ĐỜI TÂY

Mỗi thế hệ đều sanh ra lớp người của thế hệ ấy, xấu có tốt có không nên quơ đũa cả nắm. Công chức đời Tây, không phải là hoàn toàn hư tệ, lại tôi là người chi mà dám phê bình người đồng một thế hệ với tôi ?

Duy kể về bê bối, tôi thấy ông này có lẽ làm điển hình được :

Ông là người duy nhút ở tòa bố Sa Đéc nói trọ trẹ khó nghe, người ta thấy

ông hút thuốc lao nặng, nên nói ông ở Huế vào đây, nhưng tôi không rõ cho lắm, duy biết trước kia ông có đi lính cho Pháp, có sang Pháp làm thông dịch viên cho đạo binh lính thợ không chuyên môn, Pháp gọi *ouvriers non spécialisés*, viết tắt O.N.S, là vì lính này đội cát-két giống mồng chim chào mào, nên được tặng là lính chào mào nổi danh là vô kỷ luật, giỏi tài ăn quịt nói phét, mỗi mỗi bắt chước lính Tây : giựt tiền của gái làng chơi, mà không có cái gì xấu mà họ chừa, vì ý mình có sự ủng hộ ngầm của quan thầy Tây mà họ là tôi trung thành từng giúp một tay làm việc nặng nề như khiêng vác trong trận giặc đê nhưt thế chiến bên Âu châu (1914-1918), khi đám giặc này tàn, họ vỗ ngực xưng đã từng chống giặc Đức giúp Pháp giữ an bờ cõi.

Để thưởng công, ông này được cho nhập ngạch thư ký soái phủ Nam Kỳ (secrétaires du gouvernement de la Cochinchine) và bổ nhiệm ông về tòa bố Sa Đéc, lối năm 1932. Ông người cao ốm, trạc tứ tuần, có vợ là người trong Nam, bà này nhan sắc tầm thường nhưng có vốn liếng khá, chuyên nghề cho vay đặt nợ, khi đến Sa Đéc vợ chồng muốn phổ ông thầy thuốc Ngõi, nơi đường Vĩnh Phước, gần chợ Tân Phú Đông.

Ông ưa hoang hoác khoe từng nếm cơm đủ ba xứ Nam Trung Bắc, gặm bánh mì sơn-đá, và có công trả thù mẫu quốc ngủ với đầm, làm cha Tây ! Mấy bữa tiệc đám rượu vào, ông khoe gái đầm không khó, có tiền cho là được, chúng cả gan mạo hiểm, mấy ngày lính nghỉ lễ, chúng đi xe đạp ôm chân nệm ra hành nghề rước khách đủ màu da, bụi cây xó hóc

nhà sụp đổ gì cũng trối kệ miễn thù lao sòng phẳng, một bao thuốc lá hay một khúc bánh mì nguội cũng xong ! Và có lệ, hằng đôi ba tháng để giữ vệ sinh cho quân lính, thầy đội Tây đưa lính từng ê-kíp vài chục đứa, cho phép đi thám hiểm gái bọt đèn (bordel), nơi đây tồi tàn lắm, xem người như súc vật hay như cái máy, bắt ngồi xếp hàng hai ngoài cửa, tới phiên có súp-lê (sifflet) là kéo vào, nhảy lên bàn có gái nằm chờ, một tiếng súp-lê khác là nhảy xuống, như chưa xỏ nục kíp và nếu sẵn tiền, thì ra ngoài lo lót mua phiên của thằng túng tiền để vào nhảy kỳ nhì, nhưng việc ti tiện ấy ông cũng đã trải và kể ra không ngượng miệng.

Ngày thường ông ít giao thiệp với anh em trong sở, nên chúng tôi cũng ít biết hành tung của ông ta. Thân chủ của ông là các tay bắt mối, mấy hương chức

xấu nét, chuyên đục khoét giữa đám dân trôi nổi cần có một bài thuế thân hợp lệ để khỏi bị lính tráng làm khó, số tiền lo lót họ không kể là hối lộ và xem là tiền mua bốn mạng như tiền cúng tà ma quỷ sứ.

Đổi về Sa Đéc được năm sáu tháng, một buổi chiều ông ta mới tôi về nhà lấy cơ bà phán vốn người đồng hương quê ở Sóc Trăng như tôi. Tôi vị bụng theo ông về nhà, trà nước tử tế, bà phán ra nói năm ba câu chuyện bâng quơ, việc nhìn bà con xem như bất thành, tôi từ giã ra về. Dè đâu cách ba tháng sau, một bữa đầu tháng tôi đang ngồi gần kết bạc phát lương cho các giáo chức tự hội rất đông, bỗng thấy bà phán tay xách dù, xâm xâm bước vào phòng bút toán, không chào không hỏi, nói xán xả : “Thầy hỏi tiền tôi mà đã hai tháng không trả xu nào. Bữa

nay nếu thầy không trả tôi sẽ đi thưa ông chánh !”

Trời đất ôi ! Tôi mượn tiền hồi nào ? Tôi chưa biết ắt giáp gì, bỗng ông phán Q., từ văn phòng phó tham biện chạy ra, lôi tay bà phán ra ngoài, nói gì với nhau nho nhỏ, bà ta ra về. Ông trở vô năn nỉ tôi rằng “việc không có gì quan trọng, xin tôi bỏ qua cho. Việc gia đạo của ông, để cho ông xử !”

Trong lúc tức giận vì mất mặt tôi lớn tiếng phân bua, nhưng ông chịu tội hết, phần tôi mấy lo phát lương nên cũng tạm gác chuyện đó qua một bên. Sau rõ lại, bữa đưa tôi về nhà là ông lập kế đối vợ rằng tôi là người đi hỏi bạc góp, cần vay hai trăm sẽ trả làm mười tháng mỗi tháng hai mươi bốn đồng, chỗ này chắc ăn vì thầy làm thư ký phát lương, có chạy đi đâu mà sợ, mà thầy là người hay mắc

cỗ, nên không nói ; như mình có tiền hãy đưa tôi trao lại cho thầy, rồi mỗi tháng tôi chịu khó nhận tiền nơi thầy đem về cho mình, trong mười tháng là thu đủ vốn và lời rần rắt hai trăm bốn chục đồng, sướng quá ?

Bà phán nghe bùi tai lời tiền, ông phán ta đem đồ sông đồ biển đâu không biết, tháng đầu ông trao bà hai mươi bốn đồng y hẹn, qua hai tháng sau không thấy nữa nên bà xách dù đi tìm tôi là vì vậy.

Mánh lới ấy không biết ngày nay các cán bộ tân thời có biết dùng chằng, chớ trước đây công chức đời Pháp thuộc thỉnh thoảng vẫn mượn để qua cơn túng ngặt, bất chấp đã phạm hai lỗi nặng ; gạt vợ để có tiền, gạt bạn và bán đứng bạn, không kể gì chữ tín.

Chuyện ông mượn tôi kê nế để có

tiền xài rồi cũng bỏ qua. Duy cái cách ông bắt vợ lớn cưới vợ bé cho ông mới là xuất quỷ nhập thần :

Ông có quen với một cô nhỏ học trò lớp nhứt trường tỉnh, hai người đã khăng khít nhau lắm. Ông muốn đem về cho thêm gần gũi và đỡ tốn, nhưng còn sợ oai bà xã. Một hôm chúa nhựt, ăn cơm rồi ông ngồi ghế xích đu đọc nhựt trình, bà ngồi ván ngựa đang soạn áo quần để vá. Bỗng ông nói tỉnh bơ : “Ở Chợ Cồn mới có một ông thầy bói ở đâu lại, thiên hạ đua nhau tranh tới nhờ ông coi quẻ, tiếng nổi như cồn. Như mình muốn biết tài, tôi đưa mình đi xem, nhưng riêng tôi, tôi cho mình biết trước là tôi không bao giờ tin lời thầy bói”.

Bà phán nghe nửa úp nửa mở, sẵn tánh mê tín, giục ông đưa bà đến nhà.

Mấy người chờ xem đều nhường cho hai ông bà coi trước.

Lão ta nói cái gì đều trúng cái nấy, nhà bà có gì kín ông đều biết, vách nứt trong buồng, cột nhà bếp có mấy cái mắt gỗ, ông nói trúng phong phục, bà phục lẫn, không biết đó là do một sự cò máy, đức phu quân đã mách trước lão bốc sư. Hết việc bói rồi day qua việc coi chỉ tay. Ông phán đòi về, vì hiện còn nhiều người chờ tới phiên, nhưng bà đã mê trận và xin nán lại coi giùm chỉ tay và gia đạo. Bốc sư chụp tay ông coi trước, khen ông có người vợ nhu thuận và riêng ông có số đào hoa nhưng sự nghiệp của ông đều do bà xây dựng, tuy vậy không có ông thì sự nghiệp ấy cũng khó cầm vì ông có tay giữ của ? Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn, nhưng dầu ông làm phật ý bà phải rán nhịn nhục thì tai qua

nạn khỏi không sao. Xem cho ông xong rồi day qua xem cho bà. Bốc sứ khen bà tướng tốt phúc đức song toàn, bỗng ông chắt lưỡi nói chỉ tiếc lần sanh đạo của bà đức đoạn, thêm lần hào phu thê của ông cũng đứt, hai chỗ này phù hợp, năm nay tháng bảy là hung nhiều kiết ít, e bà qua không khỏi. Và tháng này là tháng năm, bà khá đề phòng. Nói đến đó rồi bốc sứ xếp tay bà lại chắt lưỡi than dài. Bà nghe sợ hỏi phải bốc sứ có cách nào giải nguy. Bốc sứ bàn hay là số bà như vậy, nên dùng cách thế tử, cho ông phán cưới vợ bé, lựa tuổi mười bảy tuổi thân ở hướng đông nam, con ấy vô tới tháng đó sẽ chết thay cho bà và bà sẽ bình yên vô sự vui hưởng đến già.

Bà day qua dò ý kiến chồng, nhưng ông phán giấy nầy, rầy sơ bốc sứ rằng không biết ý bà phán hay ghen, ép ông

có vợ bé chi cho khỏi hư hại gia cang, một vợ ông còn chịu không nổi, bà chi vợ bé vợ mọn, sống chết có mạng, hơi đâu lo xa, bóí ra ma quét nhà ra rác ?

Ra về bà phải năn nỉ ông suốt mấy hôm, thúc giục ông lắm ông mới siêu lòng sau khi đưa điều kiện bắt buộc bà không được ghen và ông để mặc bà trầu cau cây mai mỗi cưới con nhỏ tuổi thân mà ông đã quen từ trước.

Hết tháng bảy qua tháng tám, rồi tết đến, rồi sang xuân, con nhỏ có bụng, không thấy ai chết cả, bà kêu trời mà không dám kêu lớn, lúc ấy tôi đã đổi về Sốc Trăng, nơi quê cha mẹ, mục kích một ông phán khác cũng đi Tây về, chấp nối với bà quan năm Tây mà ông từng làm thông ngôn nhà ông có treo một cây roi mây, mỗi lần bà đánh, ông vẫn la “chết mấy chưa” và lối xóm đều khen

ông phán H, rất dữ dám đánh bà trị bà, mỗi khi bà có lỗi.

Công chức lớp xưa không phải đều như hai ông này nhưng điển hình tôi biết hai ông đó, ông ở SỞc Trăng họ Lê tên Huê, ông ở Sa Đéc họ lót chữ Thúc, và ông ông có cái tên của hướng dương, gọi nôm là hoa quì.

11. NĂM 1930

Nhớ ông Cai tổng Lê Đình Quảng – Mò ốc gạo sông Tiền Giang và bữa rượu cô-nhắc Robin tại nhà ông Cai Quảng.

Với chức công táp tòa bố, tôi coi về phát lương bổng cho công chức trong tỉnh, nếu tôi có tiền sẵn, nghề này cho vay đặt nợ là tuyệt vì mỗi đầu tháng chận lương khi phát, không ai khát hay giựt của mình được xu nào. Nhưng lúc ấy có bao nhiêu tiền tôi mua đồ cổ hết, và tuy

tôi không ưa giữ bạc sợ thất thoát, sợ bị ám ảnh lấy tiền tử là có ngày vào tù, nhưng cũng nhờ nghề này tôi biết nhiều về nhân vật và địa dư tỉnh Sa Đéc đáng yêu này. Tôi kiêm nhiệm luôn chức đi thu thuế và đóng dấu cân lường trong tỉnh, mỗi năm mỗi thay con dấu, tỉ dụ năm 1929 con dấu khắc chữ L thì năm 1939 là chữ M, cứ thế chuyển đến hết chữ thì trở lại chữ A v.v... ; sau khi đóng dấu rồi thì giao cho cò bót đi xét và phạt những nhà buôn mà cân hay lít chưa có đóng dấu chịu thuế.

Trước khi thừa hành phận sự, theo luật tôi phải xuống tòa án Vĩnh Long tuyên thệ vì Sa Đéc lúc đó chưa có tòa, nhưng tòa đã giản dị hóa cho phép tôi gọi lời thề viết, thay vì hiện diện đi hầu, và sau khi nhận giấy tòa án nhìn nhận tôi trở nên chánh thức thay mặt luật đi

xét cân lường và được tịch thu những lít non, cân thiếu, giúp đỡ cho người dân quê khỏi bị gian thương bóc lột lường thặng, tráo đấu, đóng giả nhỏ dùng cân non.

Kể ra mỗi khi đi như vậy, tốn công linh và mất nhiều thì giờ, công việc trong sở bị bê trễ ; nhưng bù lại mấy khi được ngao du làng nầy qua làng nọ, lục lạo tìm món đồ xưa trong giờ làm việc khỏi bị quở trách ?

Đường gần, như tổng Châu Thành thì gọi trát cho cai tổng chỉ thị các nhà buôn trong tổng nạp cân, giả, lít tự tại công sở sở tại cho chúng tôi đến đó kiểm xét, đóng dấu chứng nhận và thu thuế. Mấy lúc ấy chúng tôi làm việc không hở tay vì sợ con mắt tọc mạch của cò bót dòm ngó và tâu lại chủ tỉnh. Gặp đường xa như lên Cao Lãnh hay qua Lai Vung

thì phải dùng xe hơi hoặc tàu máy, khi lấy xe sở công chánh chạy cà rịch cà tang khi nào ông chánh vui lòng cho mượn xe tàu của chủ tỉnh thì đi mau về lẹ và khỏi sợ ăn banh³⁰ dọc đường.

Thuế cân lường thâu vô không có là bao, mỗi lít thâu một cắc mốt (0\$11) mỗi cây cân tạ cân lúa gọi cân bàn³¹ còn miễn cưỡng thâu hai đồng ngoài bạc, vị chi mỗi làng thâu độ hai chục đến hai trăm bạc thuế, nhưng có lẽ phải ép nhà buôn đóng dấu cân lường để tránh nạn cân thiếu lít non và tệ đoan làm giả nhỏ không đủ ni tắc để gạt dân quê trong việc mua bán lúa, kỳ thật tiền thâu vô trừ ra tiền xăng nhớt và tiền vãng phản của chúng tôi, gọi tiền xúp (supplément) thì

30 ăn banh = en panne = hư máy.

31 Cân bàn : danh từ mượn tiếng Triều Châu để gọi cân dùng cân lúa gạo kể số tạ sắp lên, người Anh có pound, cũng một loại cân.

không còn lại bao nhiêu. Về cơm nước dọc đường, khi thì chúng tôi bốn người : một anh cai phu thuyền, anh đội Lê Kim Đơn trước học trường máy, tài công tàu, thầy ký Lê Văn Tốt và tôi, hùn nhau lại mua thức ăn, khi gà rô-ti khi vịt quay, xá xiu, rượu chát trà ngon, đánh chén dưới tàu trên sông cái dưới bóng mát cây bần, cây gừa, những lúc ấy mới thấy đời công chức lớp đó có nhiều thú vị, nên nay bị chỉ trích cũng vừa, và cũng đáng. Nhưng phần nhiều, dọc đường vẫn có tay nghĩa hiệp, thầy cai tổng hay thầy bang biện đưa chúng tôi về nhà thết đãi, tôi riêng không chú trọng việc ăn nhưng có ý đi tìm đồ cổ và tìm hiểu phong tục mỗi nơi nên ít chối từ. Lúc ấy ông chánh Esquivillon vừa bị công táp ở Cần Thơ thụt két rồi tự vận, khiến ông bị vạ lây nay đổi về Sa Đéc thấy tôi có bộ ngay thẳng nên có cảm tình, ông duyệt sổ xăng nhót thấy

tốn kém quá vì đường gần mà trưa nào chúng tôi cũng đều về nhà ăn cơm nước rồi mới ra đi nữa, bởi thế muốn cho đỡ tốn và đỡ nhọc, ông ra chỉ thị dạy tôi khi đi xa đường cứ neo xe hay tàu lại đó chờ chiều xong việc hãy về cho đỡ tốn xăng, được lệnh ấy không khác nào ông cho phép chúng tôi cùng hủ và bắt đầu cho chúng tôi lợi dụng dùng tàu đi chơi tùy thích lại được tiếng là biết tiết kiệm của công nho !

Năm 1930 chúng tôi dùng trọn tháng năm đi xét cân lường, mỗi ngày đi vài ba làng, như hôm 22-5-1930 chúng tôi xét làng Mỹ An Bình, đến trưa ở lại dùng cơm nhà ông xã trưởng vì ông mời mọc quá, nay quên mất tên ông để mà tưởng niệm, âu cũng là một phần sơ sót.

Chiều xét cân làng Mỹ Trà cho đến năm giờ xuống tàu ra về, tới giữa sông

lấy cơm nguội và mắm sống ra tự tay xé mắm và bốc cơm ăn, bất giác tự hỏi cái kiểu ăn cơm “xi đay³²” này của ông bà ta truyền lại hay hễ ăn mắm sống thì phải dùng cơm nguội mới thấy ngon và phải bốc tay mới thấy thú, và cái mốt này thịnh hành nhất là ở Cao Miên, Thái Lan và Ấn Độ, tức một văn minh “ăn bốc” khác hẳn với văn minh Trung Hoa, Việt Nam và Nhật Bản là văn minh “ăn đũa”.

Bữa sau là 23-5-1930, tiếp tục dùng canot quan chánh cho mượn đi xét cân lường ở Mỹ Xương. Chúng tôi khởi hành thật sớm, mua theo bánh mì nóng và xá xíu mới ra lò, tàu vừa chạy chúng tôi lấy ra dùng điểm tâm, uống cà phê phin, cười giỡn dưới làn gió mát sông

32 Người Miên có thói ăn bốc, xi là ăn, đay là tay. Xi đay là ăn bằng tay. Ngày xưa sang tết bực là vua Miên cổ, mỗi lần ngự thiện, vẫn làm rót cơm đầy đất, gọi rằng ăn hời hợt như vậy thì thần dân Miên mới có mà ăn, vua ăn vén khéo thì dân đói.

cái quên hết nỗi cực nhọc hằng ngày, rồi lại cái hạnh phúc thường theo bên mình chỉ tại mình không đủ thông minh để mà tận hưởng. Ở Mỹ Xương chợ búa lèo tèo, nên xét rất mau, có một mục xấp xỉ một cây cân và mười mấy trái cân, có một cái không đúng cân lượng, tôi đã có ý định tịch thu, nhưng mục nói một câu ngây thơ với cô gái xinh xinh đi theo : “Tại thằng cha mày, động chút cũng lấy “trứng dái cân” làm búa, đóng đinh cũng nó, đóng guốc cũng nó, báo hại cục chì vắng mặt, kiếm không ra nay ông nầy đòi xiết cái trứng dái nầy đi, về nhà tao làm sao có mà dùng ?” Tôi không nhin cười được và không đành tịch thu “của quý” của bà, nên nhờ anh em thay cục chì, cân xét lại kỹ càng đóng dấu chứng nhận và trả trái cân lại cho mục, xem mục bằng lòng lắm, chỉ nhìn cặp mắt long lanh của cô gái tùy tùng cũng đủ biết hai mẹ con

mừng rỡ đến bực nào, và cái làm phúc làm doan không phải duy cho tiền nhiều là được. Vừa chín giờ sáng, công việc đã xong xuôi, chúng tôi xuống tàu trực chỉ ra sông cái, mười giờ chúng tôi đậu tàu lại giữa sông nơi đuôi cồn, chỉ giữ mỗi người một y phục ngắn gọn để tắm và mò ốc gạo. Đây là một cuộc vui khó tả, biết bao giờ trở lại ?

Trong đời tôi đã mục kích mấy lần “cồn hóa vực, vực hóa cồn”. Tại chợ Cồn, năm 1930 còn lộ đá và cầu tàu, năm 1974 cầu tàu đã rơi xuống sông và nước đã khoét con lộ lở mất không dùng được nữa, cũng như mới đây (1974) báo chí đăng tin chợ Kế Sách trợn một dãy phố rớt tồm xuống sông không còn thấy vết tích viên gạch nào. Hôm ấy (23-5-1930) tại nơi này, tôi lại thấy cảnh “cồn nổi”, tức là cảnh “thương hải biến vi tang điền”

như đã đọc trong sách truyện diễn tả. Năm ấy (1930) thuộc địa phận tỉnh Sa Đéc, vừa mọc thêm ngoài sông cái Tiền Giang, hai hòn cù lao nhỏ đứng ra là hai đuôi cồn có tên nhìn nhận là Cồn Cát³³ và Cồn Chà. Mỗi lần có cù lao nổi như vậy, khi nước vừa lấp xấp lội với bụng tới rún (độ sáu bảy tấc bề sâu), đến khi nước ròng giụt uống còn lội tới nửa ống chân, có chỗ tới mắt cá (độ hai, ba tấc sâu) có chỗ khác thấy được đất lé đế lên mặt nước, tuy cù lao vừa nổi làm vậy thế mà đã có người đến xin khẩn nơi tòa bố rồi, họ là những người có thể lực, hoặc là hội đồng quản hạt hay là tay giàu gộc trong xứ, nghe gia nhơn đi làm ruộng về hay đi thuyền đánh lưới nơi sông cái về đồn có cồn nổi, tức thì họ làm đơn vô quan chánh xin khẩn trước tiên. Cũng có khi

33 Cồn có cát nhiều và cồn có gác chà để bắt cá. Chà : nhánh tre, nhánh nhỏ cắm xuống bãi cho cá đến làm ổ, tụ lại đông, dễ bắt.

chính những người sở tại biết chuyện, giới lo lót cùng làng tổng xin được giấy chứng nhận đem lên trình quận và quan đầu tỉnh rằng họ là người khai thác từ nhiều năm những cuộc đất mới này. Khi ấy tỉnh bộ trát về quận hỏi lại cho có lệ rồi cấp phát một biên lai tạm thế vì bằng khoán để tránh sự tranh giành của kẻ khác. Sau này hoặc vài chục năm hoặc lâu hơn nữa cù lao nổi cao thành ruộng tốt, khi ấy sẽ có cuộc phát mãi mà chủ tạm được quyền ưu tiên mua với giá đấu cao nhất và làm chủ vĩnh viễn. Trong khi lo chạy giấy tờ hợp lệ, thì người chủ tạm lo bồi bổ cuộc đất và giúp một tay với thợ trời bằng cách ẵm cho phân biệt “đất cũ đất mới” và trồng cây dừa nước cho đất phù sa có chỗ mau kết tụ thành đất bồi. Những dừa nước này họ mua thật rẻ của các thợ làm rừng, bọn này ra công đi vớt trái dừa đã mọc mộng trong rừng

lá rồi đem về bán lại cho chủ đất, lúc ấy mỗi cây dừa còn nhỏ chỉ độ một xu hai xu một cây là cùng.

Với những trái dừa nước mọc được đôi ba lá ấy, người khần đất cù lao mua đem về cấy lúa thừa nơi đất cồn, và độ chừng vài ba năm những cây ấy đã bắt rễ trở đọt, mọc khỏi mặt nước cao nghêu. Những chỗ đất còn trống, sau đó họ cấy thêm lác và khi lác bén rễ mọc nhiều thì họ cắt lá phơi khô dệt chiếu, tức đã có một hoa lợi nho nhỏ ăn cầm canh chờ vài chục năm sau đất có chùn đứng rồi trở nên ruộng tốt, thêm ít chục năm nữa là trồng cây ăn trái lập vườn dựng nhà trở nên khá giả giàu có được rồi. Tính ra từ cồn nổi đến thành điền, cũng phải một đời người hoặc hai ba đời chớ không chơi. Nhưng người dân lấy củi lục làm ăn, theo luật “trời sanh trời dưỡng” đâu

có sợ chuyện thời gian lâu dài, chỉ biết sống vui vui niềm hy vọng có đất tự tay mình đào tạo. Tôi đã nói trong bài về “bò giá tréo”, về bến tàu Chợ Cồn bị nước ăn dưới chún lở đứt một khúc lộ quan dài hơn ba cây số ngàn, ngày nay con lộ còn lại bị nước khoét dưới chún trống bộng, xe cộ đều không dám qua lại trên lộ nầy vì sợ rủi ro, còn nhà cửa phố xá hai bên lộ nầy đều không còn cái nào, lớp bị sụp xuống nước, lớp tự chủ nhà dỡ dọn đi xây dựng nơi khác, Chợ Cồn nay cảnh tiêu sơ coi buồn không chỗ nói, trong khi ấy nơi đối diện cù lao ngang Chợ Cồn lại đất bồi ngày càng thêm lớn rộng và dân ta cứ theo câu tục ngữ xưa “đất bồi thì ở, đất lở thì đi”, và câu khác “lúa tới đâu bồ câu tới đó” dân ta nay qua cù lao ở ngày càng đông là vậy.

Nhắc lại ngày 23-5-1930, sau khi

làm phận sự xét cân lường tại làng Mỹ Xương xong cả, khi ấy trời còn sớm quá, độ mười giờ sáng, nên chưa tính chuyện cơm nước dần bụng gì được, vả lại ông cai sở tại có lời dặn trước, nên hôm nay đã cho người thân quyến đón chúng tôi và lên canot của tỉnh dẫn đường đưa chúng tôi chạy trở ra sông cái, đến một nơi gọi là Đuôi Cồn, nhưng đến nay khi thuật lại đây, việc lâu đời quá nên không biết rõ đây là cồn nào ; người nầy phát cho mỗi người chúng tôi một cái thùng thiếc cũ và dạy cách vừa tắm sông vừa mò ốc gạo. Y phục chúng tôi cởi trụi và gởi hết lên chiếc tàu neo kể bên, vì người đầu của đó xin chớ quên chúng tôi còn số bạc trót ngàn tiền xét cân Mỹ Xương buổi sớm. Chúng tôi mỗi đứa chỉ còn một mảnh vải che thân, đều nhảy xuống sông cái lặn hụp và tắm mát ngày ấy trên dòng nước Cửu Long giang. Ngày nay

ốc gạo ta mua về luộc hay ăn ngoài phố do các người mang trong rổ đi bán dạo, phần nhiều đều là loại ốc gạo nuôi trong hồ đầm, không được mập béo và không ngon bằng ốc gạo thiên nhiên sanh và lớn tại sông cái, nhứt là ở vùng Sa Đéc, Vĩnh Long này. Ngày xưa đó là một món ăn lạ, được dâng lên vua ngự thiện và được các quan hộ tống chở ra tận Huế dưới danh từ “cống phẩm của Nam kỳ lục tỉnh”. Năm tôi còn học tại trường Chasseloup tôi còn giữ được một bài thi xưa về ốc gạo, xin sao lục ra đây, nhưng không biết rõ tác giả là ai, vì bài thi này do anh em cho mượn tập thi lục, sao đi chép lại vắn công, mà không đề rõ danh tánh người trước tác :

Bãi hạc cồn nhàn thấy rạng danh,

Cháu con gò đồng nhóm nên thành ;

*Xa cừ đồng tánh tôn như chú,
Thô mẽ trùng danh cứng bằng anh ;
Tây chẳng phải thời nam phải tiết,
Xuân sang vừa ghé hạ vừa sanh ;
Hàm rồng ngon ngọt bao là đáng,
Tuy cũng đồng loài khí chẳng tanh.*

Khuyết Danh (trước năm 1919)

Năm nay 1930, chính mình là một tên học trò không quen lặn lội thể mà được dự một cuộc bắt ốc giữa sông cái thiện là một chuyện bất ngờ. Tôi chỉ biết vui đùa vô tư lự. Gió thổi vù vù bên tai, mình trần trụi dầm nước mà không thấy lạnh, ngày thường vẫn tắm nước nóng và động động là ho hen sổ mũi nhức đầu. Trời nắng chang chang không thấy nóng, nước xăm xấp tới rún, và cần thận

không biết lội nên không dại gì ra sâu để chết chìm, chúng tôi chum nhum một chỗ, đẩy thùng thiếc tới trước, dùng chân rà rà dưới bùn, khi nào đụng vật gì lạ lạ dưới chân thì cúi xuống thò tay mò và thế nào cũng lượm lên nhưng con ốc no tròn nhưng mình mẩy dính đầy bùn vì chúng sinh sống trong chất ấy. Tuy vậy, ốc này không nhiễm vi trùng vì sống giữa sông sâu nước chảy, và sợ nhút là loại ốc nuôi trong chỗ thiếu vệ sinh, ăn vào thường lây bệnh hiểm nghèo như bệnh thương hàn, trong Nam gọi bệnh ban của lưỡi trắng. Theo thủ tục, ốc mồng năm tháng năm là đúng lứa, vừa mập và không có con trong bụng, tức khi ăn không nhai gặp vỏ ốc nhỏ mất ngon. Ăn sái mùa hoặc gặp ốc còn ồm hoặc gặp ốc có con, mất thú, nhút là gặp ốc chết thì bữa cơm ấy kể như bị phạt.

Vỏ ốc gạo khi được nhiều, ngày xưa đốt lấy vôi dùng tằm trâu thì là tuyệt, vừa sang và miếng trâu thêm ngon. Ngày nay tục ăn trâu đã bớt nhiều, vỏ ốc chỉ còn dùng lót đường hoặc để mục làm phân bón cho gốc kiếng. Chúng tôi hôm ấy là tay ngang thế mà mò được khá nhiều, đến trưa gom góp lại cũng được trót nửa thùng thiếc, và người gia nhân ông cai tổng cắt nghĩa là vì sở đất đuôi cồn nầy có chủ, người mò ốc lén không dám lại đây bắt nên ốc có nhiều. Chúng tôi mừng rỡ đem về nhưng ông cai tổng nào cho ăn ốc mới mò được nầy, dạy rằng ốc mới còn ngậm bùn trong miệng, phải ngâm nó một ngày một đêm trong nước sạch cho nó nhả hết chất bùn ra thì ăn mới thú vị. Nói như vậy rồi ông cai lấy ốc cũ ra luộc và bày một tiệc vĩ vèo đãi khách. Ăn uống được nửa chừng, day qua bày cuộc thi uống rượu gọi là đánh

tửu. Chủ gia đứng dậy thủ lễ phân trần cùng cử tọa, yêu cầu chúng tôi là người yếu rượu nên bước qua bàn kế, tiếp tục dùng bữa và nhìn xem các tay tửu lượng cao thi nhau đánh tửu. Nói đến đây, dòm lại tiệc giữa, tôi thấy chỉ còn ngồi sáu ông hương chức có tuổi, kể luôn ông chủ nhà là bảy người. Nhưng trong nhóm chúng tôi đại diện cho tòa bố, có anh Ký Tốt, vỗ ngực xưng mình biết uống rượu “cũng như ai”, và không chịu lách rời bàn giữa. Chủ gia ân cần nhắc lại một lần nữa rằng bảy người này là tay thiện chiến đã quen biết nhau từ lâu nên hôm nay muốn biểu diễn một trận đánh tửu chơi, và thấy ký là khách mời, tốt hơn nên chứng kiến như giám khảo hơn là nhập trận rủi sơ thất thì e “tửu luật bất vị thân”. Nhưng một hai thầy ký không chịu rời chỗ ngồi và quả quyết “các ông đi tới đâu, tôi theo tới đó !” Sau hai lần khuyên và giác đát

không nghe, bảy người kia nhập tiệc với thầy ký là tám, đủ bát tiên quần tũ. Thế là sau khi an tọa xong, chủ gia đứng dậy giao kết một lần nữa rằng cuộc vui chơi không ai ép buộc ai, nhưng nay tám người này đã nhận là mình biết thưởng thức rượu ngon, thế thì phải giữ lời, thứ nhất là mỗi người phải dĩ hà nhứt thể, uống bằng nhau cạn bôi, thứ nhì là không đặng nửa chừng bỏ cuộc, nếu vi lệnh sẽ chiếu tũ luật trừng phạt không tha. Nói đến đây, chủ gia tươi cười nhắc lại rằng lúc này còn dư thì giờ để suy liệu, nếu người nào biết mình bất kham theo dõi thì nên sớm tách ra khỏi bàn này để các tiên tử đánh chén. Nhưng sáu vị kia luôn anh ký nhà ta là bảy, không ai chịu mình là yếu rượu. Và cuộc đấu tũ bắt đầu. Trước tiên chủ gia sai triệt hết những ly rượu thừa, chỉ giữ lại một ly độc chiến, loại có chũn, nhưng ông đã cẩn thận bẻ gãy cái chũn

bỏ đi, làm cho chỉ còn một cách cầm ly trên tay rót rượu uống và chuyển cho người khác làm y theo mình mà không thể nào đặt cái ly uống bàn được, vì chún nó đã không còn nữa, đoạn ông mở tủ lấy ra tám chai rượu mới toàn nhãn hiệu “cognac Robin” là thứ đương thời được trọng dụng và thấy đều công nhận rằng ngon. Ông khui chai rượu thứ nhứt, một tay cầm chai một tay cầm ly, tự rót cho mình một ly đầy, kê miệng đánh tróc một cái, hà hơi nghe một tiếng khà sành điệu, gắp một con ốc chấm nước mắm bỏ vào mồm nhai ngon lành, rồi trao chai rượu và ly cho người kế tiếp cũng diễn hành lễ nhấm tửu y như ông ban nãy. Rồi đến lượt người thứ ba, thứ tư, khi đến người thứ tám thì đến phiên ông bắt đầu làm lại luân phiên nữa, và khi chai nầy hết thì khui chai khác tuần tự không cho thiếu rượu cũng không bỏ sót phiên của một

người nào. Cuộc thi đua uống rượu tiếp tục vui vẻ và cứ thứ chuyển đề vừa nói vừa cười, tám người nầy uống rượu cô-nhác cho chúng tôi xem không khác ta uống nước trà. Nhưng đến chai thứ sáu, tức mỗi người đã có hơn nửa phần chai lít rượu mạnh trong dạ dày, tôi ngồi ngoài nhìn kỹ thì người nào như người nầy thấy đều biến sắc, có kẻ mặt xanh như tàu lá, kẻ khác mặt đỏ phừng phừng, duy một ông chủ nhà cười nói hiên ngang đúng là một người tửu lượng phi thường. Bỗng anh ký tòa bố nhà ta tuyên bố anh không uống nữa và mặc kệ ai, bỏ đó đi nằm dài trên một bộ ván. Còn lại bảy người kia, họ nào có chịu nghĩ cho. Họ vẫn để Tốt nằm yên trên ván ngựa, nhưng hễ họ uống đủ bảy người và tới lượt của Tốt thì họ kéo nhau lại cạy răng chú chàng và đổ trút ly rượu đầy vào mồm. Tốt không nuốt cũng không được vì nếu Tốt ngậm

miệng khít lại đã có cái phễu thiếc lấy từ nhà bếp, thứ dùng đồn lạp xưởng, họ cạy răng nhét phễu và rót rượu như ta sang nước mắm từ tĩn này qua tĩn khác.

Uống được năm sáu tuần như vậy, bỗng Tốt vùng ngồi dậy, đỏ mặt như lên đồng, vì đã say quá độ và hết biết nhân sự, Tốt vịn ghế vịn bàn lết lại chỗ ngồi, và nói lớn : “Mấy người chơi không sướng ! Tốt đã chịu thua, mà mấy người không dung tha. Nay Tốt làm như vậy đây, xem mấy người có bắt chước được không ?”

Vừa nói tới đó, Tốt giựt cái ly không chun, cắn nghe cái rộp, cái ly bể ra một miếng lớn, Tốt nhai miếng ly như ta nhai bánh trắng nướng, rồi Tốt chụp chai rượu tu một hơi như rồng lấy nước ? Cả mấy bàn tiệc đều sợ hoảng xúm nhau kéo tay không cho Tốt uống nữa, nhưng Tốt đã nuốt miếng ly vô bụng hồi nào

mất đi rồi ! Bữa tiệc hào hứng bao nhiêu nay buồn tẻ bấy nhiêu. Đến đây bữa tiệc trở thành một bi hài kịch nửa cười nửa mếu và tự tan rã. Chúng tôi xin nước rửa mặt, chủ nhà lo lấy dầu nóng đánh lưng bắt gió cho Tốt phở lở. Tuy vậy đến mười lăm giờ chiều, qua làng Mỹ Long, Tốt vẫn đóng dấu cân lường y như không có việc gì xảy ra. Đến mười sáu giờ, phận sự chúng tôi làm xong, còn kéo qua nhà ông Xã Chỉnh (không biết nay còn hay mất ?) ngồi đánh cắt-tê trâu cho đến mười tám giờ mới chia tay ông xã, xuống tàu trực chỉ Sa Đéc. Xuống tàu vẫn chưa thôi, lại lấy ốc gạo của ông Cai biểu, rồi hết chai nầy qua chai khác, chúng tôi sáu người uống thêm hai chai la-ve Larue, một chai rượu chát Médoc, một chai vin du Bourdon... Đến hai mươi mốt giờ tàu cập bến ngay nhà ông Tư Hanh gần tòa bố, thì cả thủy đều say mềm, nường nhau về nhà.

May thời tôi không quên chiếc cạp-táp tiền và khi đến nhà tôi để y bộ y phục bèo nhèo, ngả lên giường đánh một giấc đến sáng, bất chấp tiếng đon ren của ai kia khiển trách bên tai.

Bữa sau tôi vẫn ngây ngất chưa tỉnh, và qua ngày kế vẫn còn lừ đừ hai bữa liên tiếp tôi rần đi làm cho có mặt nhưng cố tránh không dám đem giấy tờ cho quan chánh ký tên, sợ biết mình là bợm say thì không trông gì lên chức !

Từ đó tôi lĩnh hội được một bài học khôn : đấu tửu là giỡn với cái chết. Không tự sát thì cũng tự hủy hoại sức khỏe của bản thân.

Vừa rồi (năm 1974) tôi đến nhà một ông bạn thân³⁴, nghe ông tự khoe lúc thiếu niên, khi còn dạy học tại Tây Ninh, ông đã từng ăn liên tiếp sáu tô mì

34 Ông Tr. V. H. Có lúc làm phó tổng thống.

nước và uống xen kẽ sáu trái dừa Xiêm. Nay ông vẫn còn mạnh, nhưng ông cũng như tôi, sống nhờ thuốc men và sống nhờ có bác sĩ tận tình, ông nghĩ sao tôi không biết, chớ riêng tôi, tôi rất tiếc đã phí phạm lúc nhỏ sức khỏe một cách thật là ngu dại. Chính ngày nay khi tôi thấy chúng bạn tranh nhau cạn ly này đến ly khác, và một khi chai rượu đã mở nút thì quyết cho cạn đến giọt cuối cùng, thiệt là một cảnh chẳng đáng dừng đáng tiếc. Nhưng mấy ai khuyên giải được đệ tử của Lý Bạch, Lưu Linh ? Rượu uống vừa phải còn thấy ngon, uống quá hớp chỉ làm thân chủ cho bác sĩ và trại hòm.

Riêng anh bạn Tốt, đến nay vẫn mạnh và vẫn ở Sa Đéc, không nghe nói đau bao tử hay rách ruột non ruột già. Một bằng chứng ai ham giăng mo-ranh là bậy.

Cũ cũng chết, kiềng cũng vô hòm,
hay là ta ăn uống vừa vừa và nhớ không
nên nói thật với bác sĩ !

Tái bút. - Ông cai tổng An Tịnh, cố
nhân Lê Đình Quảng, sau thăng huyện
hàm, ngày 7-4-1932, khi tôi từ giã đổi về
Sốc Trăng, có biểu tôi một bình vôi sứ có
quai, mục lục số 51, tôi có nói trong tập
số 8 “Khảo về đồ sứ men lam Huế” tập
hạ, chương nói về bình vôi.

Tốt, sau này tôi có gặp trên Sài Gòn.
Nhắc lại chuyện mò ốc gạo năm xưa,
chàng ta cười, thè lưỡi cho xem và khoe
không bị miếng chai cắt. Hỏi đã học được
phép gì, Tốt cười thêm lớn và nói đó là
phép say. Hỏi không rách ruột sao ? Tốt
ngó tôi và nói : “Nếu rách thì nay sao Tốt

còn đứng đây. Và bao giờ tiên Lưu Linh vẫn phù hộ bọn đệ tử trung thành như Tốt !”

12. CÁNH BUỒM BỂ HOẠN

Thức khuya mới biết đêm dài.
Sống đến hôm nay 12-1-1975, bảy mươi ba tuổi, còn hơn một tháng nữa tới tết Ất Mão, là đã bảy mươi tư. Kiếp già, sống thừa, sao chưa chết để tránh thấy những bài dám chê ông Trương Vĩnh Ký. Đọc Bách Khoa III XVII “Trương Vĩnh Ký trong quỹ đạo xâm lăng văn hóa Pháp”. Rồi đọc Bách Khoa R. IV–XVIII “Trương Vĩnh Ký, bài học cho kẻ hợp tác”.

Đọc suốt hai bài, lấy làm tội nghiệp cho nhà học giả tiền bối miền Nam. Chết được dựng tượng đồng³⁵, mà nay có trẻ nhỏ dám đến đá dưới gốc chân tượng. Lòng muốn hỏi tác giả hai bài này, giá thử gọi ông ở trong quỹ đạo Mèo, và từng hợp tác với Mèo ? Có được không ? Nhưng hỏi làm gì một khi người ta muốn viết như vậy, và dám xưng hôm nọ ở nhà kếp Năm Châu : “là một nhà văn” (Chúa nhật 1-12-1974). Thiệt là chát tai. Cũng may nhớ lại để an ủi, vừa đọc nơi chương 46, trong quyển quý giá “Tiếng hát sông Hương” của cụ Ứng Bình Thúc Giạ Thị, do bà Tôn Nữ Hỷ Chương xuất bản năm 1972, nay mới gởi biểu. Đọc thấy hai bài như vậy :

1) Văn hào Trương Vĩnh Ký :

35 Tượng dựng trước dinh Độc Lập, sau 1975 đã bị dẹp bỏ.

“Đạo đức văn chương là ông Trương Vĩnh Ký

Có tân thơ, có báo chí, có tự vị rõ ràng.

Thanh danh rạng giữa dinh hoàn.

Học xưa biết trước chỉ dành cho hậu sinh”

2) Thi gia Tôn Thọ Tường :

“Nhả ngọc phun châu, có nhiều câu kiệt tác,

Hào đoan lỗi lạc, có nhiều đoạn danh ngôn.

Một tay thi sĩ tiếng đồn,

Cuối đời vua Tự Đức là ông Tôn Thọ Tường”.

Thì ra kẻ khen người chê đều có, và
găm lại không lý cụ Ung Bình là con dòng

cháu giống, học lực uyên thâm, cụ thấy xa hiểu rộng hơn nhiều và kể về thuật xét đời cụ há đi thua nhà hậu sanh dám đại ngôn kia ? Lại cười cho mình đứng giữa hai thế kẹt : kẹt giữa thế hệ trên như cụ Ứng Bình uyên bác một lòng kính trọng người xưa, kẹt giữa thế hệ dưới ngựa con háu đá, té ra chê khen là quyền thiên hạ, chỉ nực cười cho mình là thế hệ hèn, sợ mãi : lúc nhỏ sợ cha mẹ, sợ thầy, trông về già được hết sợ, nay tuổi gần xuống lỗ, cái sợ cũng chưa tha : sợ đám trẻ chửi thầy. Hai ông Trương Vĩnh Ký và Tôn Thọ Tường mà có người đòi hạ bệ, thì mình là cái thá gì ? Nhưng xét lại trong đời cạo giấy của mình đã trải,... tôi chưa đánh đi kiếp người tuy trót đã làm tôi mọi ăn cơm chánh phủ Tây ngót hai chục năm dư, – nên tôi thẳng thắn tiếp tục chép ra đây khoảng đời tôi, nạp tài liệu sẵn cho người kia, muốn chửi tôi thì chửi.

Nhắc lại khi còn thuộc Pháp, kể về công chức cao cấp làm việc ở Tòa BỐ (nay đổi gọi tòa hành chánh, và công chức đổi gọi cán bộ, chung qui danh từ tuy đổi chớ cũng một kiếp người cạo giấy kiếm cơm), lúc ấy cũng như bao nhiêu người đi trước và bao nhiêu kẻ đồng thời, tôi nào phân biệt thế nào là thương nước, và tự xét chánh phủ nào trên mảnh đất này, cũng vẫn cai trị và mình vẫn phải phục tùng, vẫn cho mình cơm ăn áo mặc. Duy mấy cậu sanh sau khỏi kiếp đô hộ, không thương bọn già nặng lời chỉ trích, chứ thuở ấy muốn làm Di Tề thấy hơi khó, bắt thợ phạm Châu, nhưng rau Vi lại cũng mọc trên đất nhà Châu chớ mấy thứ ? Thuở ấy trong hàng bồi Tây, mỗi thư ký chánh ngạch đều nuôi hy vọng trở thành huyện phủ, mỗi lính quèn đều ấp ủ trong túi cây gậy lính nhà đại tướng (chaque soldat loge dans sa giberne le bâton de

maréchal). Ai đâu tôi không rõ, nuôi ác tâm thi đậu làm quan lớn, dễ hách dịch bóc lột, “làm dân chi phụ mẫu”, nhưng đối với tôi, nói ra nay chẳng hổ lòng, tôi chỉ mong lên ngạch cao ăn lương lớn, dễ bề ăn xài, nhứt là mua sắm đồ xưa cho phỉ chí. Những năm khoảng trước 1925, trường cao đẳng dạy luật và hành chánh ở Hà Nội (école supérieure de droit et d'administration) chưa đào tạo và cung cấp đủ người dùng, thì chức huyện cũng được tuyển chọn trong hàng thơ ký soái phủ lâu năm nhưng bắt buộc những người này phải qua hai kỳ thi đồ lửa :

a) Khoa nhứt gọi “examen de culture générale”, khảo về học lực phổ thông, tương đối dễ mà khó, vì phải có thực tài, viết và nói tiếng Pháp thật cứng mới mong trót lọt. Tuy vậy vì là khoa khảo khí thường (examen), nên không nghe

nói cần đánh phép. Khoa này năm 1927, tôi thi có một keo, may thời được chấm đầu đầu. Không biết nên gọi may hay là rủi, vì ngựa mơ háu đá, tôi ỷ tài phách lối, sau vì tiếc đeo đuổi theo hoài, quả tôi chưa từng thấy biển nên lội trong rạch ngòi mà tưởng mình là thợ giỏi.

b) Khoa kế, gọi “concours professionnel”, (khảo về chuyên nghiệp và khả năng) khoa này thật gắt mấu, số thí sinh càng ngày càng nhiều, số lấy đỗ càng ngày càng sụt, vì vậy từ năm 1929 về sau, có nạn đánh phép, nay gọi phải nhờ đức Thánh Trần³⁶ hộ mạng, thì mới mong thoát khỏi búa rìu giám khảo được, làm ngư vượt võ môn, cá chép biến thành rồng. Nói chí đáng không nên quơ đũa cả nắm phao cho hết thấy đều vậy, và cũng có nhiều bạn công phu nhiều, học

36 Bạc thời VNCH có in hình “đức thánh Trần”(Hưng Đạo vương).

tận tụy và thi với thực tài, vẫn đậu tự nhiên, nhưng số này rất ít. Nay việc cũ đã qua, bàn lại vô ích nhưng thiết tưởng đời nào cũng thế, vả lại tôi có chủ tâm muốn vạch những lỗi cũ của mình, dầu có người chửi, tôi cũng xin cúi đầu nhận tội và sám hối, nghĩ như vậy nên tôi vẫn chép ra đây, cho đúng câu : “Hơn nửa đời hư”. Tại sao tôi mù quáng, không bỏ cuộc tìm con đường khác xuất thân. Rõ là hư, còn chối cãi gì nữa được. Nhưng trong thâm tâm, lúc ấy tương lai vận mạng nước nhà còn mịt mù, việc lấy lại độc lập như nay chưa thành vấn đề, đường công danh các bạn đồng bối và tôi đều nghĩ như nhau, làm việc kiếm cơm độ thô nhĩ, với nghề cạo giấy, thì chánh phủ nào cũng vậy, cũng đều một thế, dầu làm với Pháp, miễn biệt giữ trong sạch, không thẹn với lương tâm, thì thà tôi làm cho địch mà cứu vớt được

sự lấm than cho đồng bào, còn hơn làm cho được tiếng sạch mà không có chút công với xã hội đang trong hòng kềm đô hộ. Đường có đi mới biết, khoan vội chê khen tội lỗi miệng. Lại nữa tôi cố lì quyết thi cho đậu, để làm gương trì chí có ngày nên công.

Trước năm 1926, người đậu khoa phổ thông thuộc số ít, nên ai đậu khoa này thì kể như chắc nắm chức huyện trong tay. Ngờ đâu, đến lượt tôi, đậu rồi năm 1927, bị bắt chờ đến năm 1929, đúng bốn năm trong chức vụ mới được thi và cũng từ năm 1929, gặp nạn kinh tế khủng hoảng mà chớ, thêm sĩ tử có bằng tú tài được thi chung với bọn tôi gốc thư ký và xui xẻo nhất là số tuyển chọn hạn chế có bốn người. Quả tôi đã quá ngây thơ và ngu muội, mãi tin nơi sự công bằng của giới quan trường thời đó. Kỳ

thi tuyển khả năng từ 1929, tiếng rằng thi để chọn người rành việc hành chánh, kỳ trung đó là cửa mở rộng cho sự hồi lộ, quan trên ăn theo đảng quan, bóp cổ bọn cò ke lục chốt lấy lại phần nào, và quan dưới tức thơ ký và tú tài, muốn đậu được bổ huyện hạng ba thì phải có lễ mễ, mặc sức vơ vét và tom góp lại sau. Những con gà không của và đá đòn trơn như tôi, sức mảy mà thi đỗ, tức ăn độ bao giờ ?

Năm 1929, bài tôi là ai khá lắm, nếu tôi làm như người ta, nghĩa là nếu tôi chịu tốn một số tiền như người ta đòi hỏi nói sau đây, thì có lẽ tôi có hy vọng được chấm đậu cũng chưa biết chừng. Nguyên lai số điểm đậu, theo nguyên tắc, ít nhất là phải trên số 412 điểm. Thế thì số điểm của tôi, lên đến 460 điểm tức dư chừng đậu. Nhưng vì số tuyển hạn chế chỉ lấy chỉ có bốn người, phần kỳ

thi này như đã nói là thi con cua (concours), nên mấy anh Tô Văn Qua, Trần Văn Chi, Thái Người Xàng và tôi có tên trong bảng vi bằng năm 1929, hiện tôi còn giữ được. Nói thiết tỷ, nếu một trong bốn đứa chúng tôi, có dư tiền đánh phép cho thật đúng chỗ, thì cũng dám “soán ngôi” của anh số 4 Ngô Văn Hóa nào đây, được lắm chứ chẳng không. Nhưng nói mà chơi vậy thôi, chứ tài nào cải số, với ban giám khảo lang-sa năm ấy (1929) mà chánh chủ khảo là tham biện Busière tỉnh Thủ Dầu Một.

Tôi còn nhớ rõ, năm đó, sau khi thi xong các bài viết, buổi chiều tôi đưa vợ tôi lúc đó là Tuyết, đến ăn cơm Tây nhà hàng Yeng Yeng, cơm rồi đưa nhau về phòng trọ ở khách sạn Tân Hòa đường Bonard (nay là Lê Lợi). Vừa nhắm mắt dưỡng sức, vì mai này còn chịu một trận

thử lửa hạch miệng, bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Đó là bác Năm Mỹ, người ân nhân năm xưa cho tôi ở trọ ăn cơm tháng, nay đến thăm hỏi han vụ thi cử... Bỗng bác bảo tôi hãy đưa cho bác bốn ngàn đồng (4.000\$00), thì sẽ đậu. Ông đốc phủ chủ quận Bến Cát (N.X.H) – bác Năm nói – ông thấy danh sách có thể chấm đậu (admissible) có tên mây, nay tao lãnh lệnh đi kiểm mây, mây đưa bốn ngàn cho ông thì ông nói một tiếng với chủ khảo là quan thầy của ông, tức mây được đậu tức thì.

Lúc ấy, tôi còn trẻ, sẵn tánh bộc trực và háo thắng, tôi khinh bỉ cười mà đáp rằng : “Thưa bác, bốn ngàn không dễ gì kiếm. Nếu tôi có, tôi sẽ mua một chiếc xe Citroen ba đầu nặng (ba chỗ ngồi), tôi và vợ tôi chiều chiều hóng gió chẳng là khoái hơn. Tôi không lo lót, vì hồi lộ

rồi ăn lại nhà nghèo, xấu hổ và then với lương tâm.

Bác Năm khuyên tôi không được nên giận bỏ ra về, nhưng chưa đầy một giờ sau thì quay lại, điệu giọng cắt nghĩa cho tôi nghe dịp may ngàn năm một thuở, phen này ông đốc phủ vì thua bài quá (ông đánh me), chịu bót còn hai ngàn thôi, và cam đoan khi nào tôi thấy có tên trong bảng hổ, sẽ chi tiền. “Đ.m, như vậy là tốt quá bậc, anh Năm hãy nói với nó, thuở nay các bác đàn anh đều dùng cây cầu ấy, khuyên nó đừng tưởng giỏi dùng cách khác, uống công !” Đó là mấy lời nói nặng của ông N.X.H, nói với bác Năm và bảo bác nói nhắn lại cho tôi nghe. Nhưng nói và khuyên cách mấy cũng không đặng, nên bác bỏ ra về và không đến thăm tôi cho đến ngày thi rồi tôi trở về Sa Đéc.

Sáng bữa sau tôi vào phòng thi hạch miệng, tôi có cảm giác không khí ngột ngạt nặng nề. Tôi đang ngồi chồm nhúm với các bạn sĩ tử, thuật lại câu chuyện xảy ra đêm rồi, anh em bàn ra tán vào đứa thì không tin, đứa thì khen nhẹ giá sao tôi không y theo cho an phận, bỗng đến phiên ông chủ khảo bắt tay làm việc và trước tiên ông gọi tên tôi lên cho dự thi. Nhưng thay vì hạch hỏi trong phạm vi khả năng, ông mời tôi trình giấy thuế thân cho ông khám. Đó là một việc bất thường và ngoại lệ, vì sĩ tử chỉ có hai mươi ba người, và thấy đều biết mặt nhau, đâu có sự trống tréo giả mạo gì được. Chủ khảo đọc trên tờ thuế thân (như tờ căn cước ngày nay), thấy tôi sinh năm 1904, vào năm 1929 đúng hai mươi lăm tuổi, ông bĩu môi nhưng không nói gì, trả lại giấy thuế và mời tôi bắt thăm chọn đề tài. Tôi quên nói kỳ thi này rất quan trọng, sĩ

tử có 23 người nên đề tài câu hỏi được viết sẵn trên giấy rời, cuộn tròn lại và đặt trong lòng ruột chiếc đỉnh đồng, lá thăm nào bóc rời là loại luôn, không dùng lại nữa, để tránh sự trùng điệp. Đề tài tôi chọn được là “Le budget régional” (sổ công nho địa hạt). Tôi đang đứng diễn giải nghe giòn giã, bỗng ông chủ khảo ngắt ngang và hỏi tôi một cách bất ngờ : “Xin vui lòng cho biết thầy giữ chức việc gì tại tòa bố và ở tỉnh nào ?”. Tôi thành thật thưa : “Dạ, tôi hiện làm việc ở tòa bố tỉnh Sa Đéc và có phận sự trông nom về công nho địa hạt”. Ông vụt vỗ bàn cười lớn và phân bua : “Hèn chi anh nói nghe suôn sẻ và rành mạch quá ! Như vậy là trúng tử anh rồi. Nhưng đây là kỳ thi về khả năng công chức cao cấp và Ủy ban chúng tôi có trách nhiệm tuyển chọn người xứng đáng, nhứt là tránh sự may rủi. Vậy thì anh hãy nói qua “công nho

tài chính nhượng địa Quảng Châu Loan” để xem thực tài của anh ra thế nào, như anh nói được tôi sẽ cho điểm cao”.

Và tức nhiên vì tôi khinh thường không nghiên cứu vấn đề “Le budget du Kouang-tchéou-wan” và không trả lời ổn thỏa. (Mà tôi dám chắc trong đám sĩ tử kỳ thi đó cũng đều bí lối như tôi). Và kết quả là tôi thi rớt.

Năm ấy thi rồi về tỉnh Sa Đéc, trong tai tôi còn văng vảng câu khuyên nhiều ý nghĩa của vị chủ khảo là tham biện Thủ Dầu Một Bussière : “Thầy còn trẻ quá, mới hai mươi lăm tuổi đầu, còn đủ thì giờ để già dặn thêm. Đường công danh thầy còn dài, và tương lai hy vọng thầy còn tràn trề. Thầy nên nhẫn nại... Hãy xem mấy bạn đồng khoa với thầy ngồi dưới kia, người nào cũng đầu hai thứ tóc, mà còn lận đận nơi trường ốc. Kể

trước tới người sau cũng tới, lo gì ? Theo tôi, thầy nên nhường chỗ cho họ, qua sang năm tôi sẽ nhớ đến thầy nếu tôi còn được cử làm chủ khảo như năm nay. Hề hề ! Phàm trái cây, phải đợi chín muồi mới là trái ngon ?”

Như vậy, thử hỏi nếu đêm rồi tôi ưng thuận chịu lo hối lộ cho chim mồi là ông Phủ Bến Cát, thì bữa nay tôi có hy vọng gì khỏi bị tham biện Thủ Dầu Một Bus-sière hỏi câu hóc búa và cứu độ cho tôi đâu không ?

Tại sao tôi không sớm tỉnh ngộ và chịu hiểu câu nói đầy ý nghĩa của chủ khảo, nửa đùa nửa thật, nửa khuyên tôi nên biết điều, nửa dạy tôi ẩn nhẫn đợi thời. Nhưng nay việc rồi tôi xét lại, chẳng qua đó là luật nhơn quả, đó là then chốt. Không có vậy, làm sao có chuyện viết thành sách “Hơn nửa đời hư”.

Đại phàm rượu phải uống cho đến cạn, và tôi xin thuật lại đây tường tận nỗi mờ ám của tôi xin chớ trách tôi dài dòng và như vậy mới thấy những hư hèn của tôi, và ai là khách đã qua cầu mới biết !

Suốt mười bốn năm bất tận, tôi ngu muội đeo đuổi theo nghiệp khoa cử hư danh, từ năm 1929 đến năm 1942, mà chưa tỉnh mộng, cứ tin thi mãi có ngày đậu. Ngờ đâu ngày nay nghiệm ra và giác ngộ đã trễ, thi concours professionnel, tiếng rằng thi chọn người có khả năng chức nghiệp, kỳ trung là thi mảnh khỏe, ai giỏi chạy chọt là có phần may “tới nơi tới chốn”, chớ dễ gì lấy tài “trơn” ra ứng cử, khác nào con gà đá độ không cựa mà dám so tài với gà “cựa chuối bén ngót như dao”, mình thi tài mà họ thi tiền thì mình thua là cái chắc.

Tại sao lúc đó tôi không bỏ nghề cạo

giấy, sang qua nghề khác ít cạnh tranh như nghề làm báo hay viết lách chẳng là hơn ? Nhưng như đã nói, tôi ngu tối, vẫn ngây thơ hiểu rằng nghề làm thơ ký cho chánh phủ vẫn là nghề trong sạch như muôn nghề khác, miễn mình ở giữa đám bùn lầy mà không nhiễm tật xấu, hối lộ ăn của đút, thì lương tâm vững vàng.

– Kỳ thi thứ 2 : mở ngày 1-12-1931. Sĩ tử 27 người. Chủ khảo là ông Estèbe, tham biện chủ tỉnh Tân An, phụ tá chủ khảo là ông Bunou, đầu Phòng Nhứt dinh Thượng Thơ (Nội vụ) và giám thị kỳ thi viết là ông Đốc phủ Ngô Văn Chiêu, người đầu tiên từ Hà tiên đem về Sài Gòn thuyết xây ghe cầu cơ, tức nguồn gốc của đạo Cao Đài sau này. Kết quả có năm người đậu.

Năm nay tôi thi rớt là đáng kiếp vì suốt năm 1931, tôi mải lo việc gia tài

cho Tư là người vợ nay đã ly dị. Năm này có một sĩ tử gặp dịp may hiếm có là bài viết kỳ 3, thảo lại bức thư trả lời một vấn đề nào đó, thì ông T, gặp bản giáp (minute de lettre) bỏ quên sót lại trong hồ sơ, ông đánh liều chép y rồi thủ tiêu bản giáp, bài được chấm nhứt hạng. Mãi lâu sau ông Võ Văn Nhiều mới thuật lại.

Kỳ thi thứ 3 : Mở ngày 1-3- 1933 – Sĩ tử quên ghi. Có ba người đậu.

Năm này, thi rồi hồ sơ đều niêm lại không cho ai biết, kết quả tuyên bố rất trễ. Có một người chỉ có công dò giấy số cho bà thống đốc Krautheimer mà nên công danh. Riêng tôi, công đăng hỏa mầy tháng trời, học đến xếp ve mà vẫn phải tay không, tuy chủ khảo là tham biện Le Strat trước nhậm ở Sa Đéc, có biết học lực và tánh tình tôi, nhưng không giúp ích được gì.

Kỳ thi thứ 4 : Mở ngày 16-12-1935
– Chủ khảo, gặp Bussière lại nữa, và kỳ này ông cũng xét giấy thuế thân tôi mà không xét người nào khác : tại sao ?

Phụ khảo : Ông Nay de Touris, sở kho bạc và ông Monvoisin, dinh Thượng Thơ.

Giám thị kỳ thi viết : Ông đốc phủ Hồ Biểu Chánh (Hồ Văn Trung).

Kỳ này, chua cay là rớt số Một, khít nút với người đội sổ. Gặp thầy bói tên Trần Thúc Sanh, coi tay và coi tướng, nói mình về già tốt phúc, năm nay không đậu vì tiểu nhơn ám hại, muốn đậu phải liều như đánh bài thua. Nhưng mình vẫn nhứt quyết không “liều như đánh bài”, chỉ tự trách còn óc mê tín, tin dị đoan và vẫn đi xem bói.

Kỳ thi thứ 5 – Mở ngày 24-8- 1937 –
Chủ khảo : Ông Roger.

Phụ tá giám khảo : Ông Nadal đầu phòng Ba và ông Josa đầu phòng Tư, dinh Thượng Thơ.

Cử tử có hai mươi tám người, mình rớt số 28 vì tội dám cãi lý với giám khảo. Số lấy đậu là bốn người, cũng quên biên danh tỉnh để lại, vì buồn tủi. Từ năm này, vẫn thi đi cho lấy có, nhưng đã thất niềm tin và tự chủ. Lại nữa, bề thế đã đổi thay, gia tư khá hơn.trước, nhờ ăn gia tài của Bà Phủ An Sốc Trắng là nội tổ người bạn nay đã ly dị. Tình thế nay đổi đời, nhưng không dám quên tri ân người đã khuất. Cũng từ đây, say mê đồ cổ, mỗi lần thi rớt là an ủi mua về một cổ ngoạn đáng giá, bất ngờ nay trở nên một thành công lớn, còn lớn hơn buổi xưa thi đậu. Ô hô ! Thời da ? Mệnh da ? Chẳng qua

vì vận thời, không nên trách cứ vào số mạng và nên tự tin vào sức của mình tự tạo là hơn.

Kỳ thi thứ 6 – Mở liền năm sau, ngày 1-6-1938, nên các cử tử đều không dự bị kịp. Ông Larivière, tham biện tỉnh Bạc Liêu làm chủ khảo. Phụ tá giám khảo gồm ông Nadal đầu phòng Ba và ông Kresser, đầu phòng Tư, dinh Thượng Thơ. Kỳ này đăng cáo thị lấy sáu người đậu, nhưng ông Larivière do có cảm tình và từng thấy cách tôi làm việc tại tòa bố Cần Thơ, nên sau khi thi, ông không tuyên bố kết quả mà lập biên bản đề nghị lên quan thống đốc xin tuyển thêm ba người đậu số 7 là tôi, số 8 là Trang và số 9 là ông Hải, viện có cả ba đều có số điểm trên trung bình và đáng được chấm đậu. Rủi cho tôi, lúc đó lại có thơ rơi tố cáo tôi : a) Lo lót tiền bạc (năm trăm đồng) cho một cò-mi làm

việc tại phòng nhơn ty và biết đầu đề bài thi viết, b) Tôi có hạnh kiểm xấu, bỏ vợ nghèo cưới vợ giàu, c) Đã mua chuộc tham biện Le Strat kỳ thi năm 1933 v.v...

Vì vậy, ông Larivière nổi giận, thay tờ vi bằng khác, lại bỏ tôi ra và chấm đậu tám người. Đây là một bài học đau thương, vì tôi giàu có nên có người ganh ghét ám hại, khi tôi kêu oan thì sự đã trễ, nên xử chìm xuống, hứa lại kỳ sau.

Kỳ thứ 7 : Mở ngày 19-2-1941. Kỳ này có đến hai ban giám khảo : a) Ban giám thị gồm ba ông : Kerjean, Le Pellisier và Trịnh Đình Quý, coi thi, b) Ban giám khảo thi và chấm bài, gồm ba ông : Goutcs, tranh biện Chợ Lớn ; Rolland, ngạch điền thổ và Mialin, đầu phòng Nhứt, dinh Thượng Thơ.

Kỳ thi này có một cải cách là cho thi ứng đáp trước khi thi ám tả. Cử tử cả thấy là hai mươi người nhưng qua kỳ hạch miệng chỉ còn lại có tám người, trong số ấy có tôi. Nhưng khi thi xong ba bài viết đến chiều ngày 22-2-1941, ông Rebouillet, chủ sự phòng Nhơn ty, đã quen với tôi lúc ở Cần Thơ, nay ông cho hay tôi tốt nữa, và các số điểm của tôi là :

Kỳ ứng đáp, nô m na gọi thi hạch miệng. Hành chánh (d'aministralion générale) 10 ; Tài chính (régime financier) 15 ; Luật (droit) 16 ; Sử địa (géographie) 18 ; Hành chánh địa phương (administration provinciale) 12. Tổng = 71.

Thi viết Bài thứ nhất, số điểm và hệ số $11 \times 5 = 55$; Bài thứ hai $11 \times 3 = 33$; Bài thứ ba $8 \times 5 = 40$; Bài thứ tư $11 \times 5 = 55$; Bài thứ năm $11 \times 3 = 33$. Tổng = 216.

Tổng cộng = $71 + 216 = 287$.

Theo nguyên tắc phải có 312 điểm là bậc trung mới đậu, và tôi thiếu 25 điểm, trong số đó có ba người đậu.

Hôm biết được kết quả, tôi phải gọi xe kéo đưa về nhà vì quá buồn. Hôm sau không còn lòng nào làm việc, định xin thôi về nhà vui thú điền viên nhưng ông Rebouillat cho hay lúc này tình hình nghiêm trọng, chánh phủ không chấp nhận cho thôi đâu mà hòng làm đơn vô ích. Ông lại cho hay trong một bài viết tôi có dùng một câu chữ la-tinh mà ban giám khảo nghi là “không tự nhiên ắt có tá tha nhưn làm bài giùm” nên cho điểm nhỏ (8×5), vì vậy mà rớt.

– Kỳ thi thứ 8 và kỳ chót – Mở hội thi ngày 21-7-1942. Ban giám khảo gồm có : Wolf, tham biện chủ tỉnh Thủ Dầu Một,

chánh chủ khảo và Freyssenge và Bealvais, đầu phòng nơi dinh Thượng Thơ, giáp ất phó chủ khảo.

Cử tử 24 người gồm bốn tú tài và 20 thơ ký đã đậu khoa phổ thông (culture générale), trong số có các bạn quen cũ là Nguyễn Đình Hào, Dương Văn Hưng, Hồ Văn Mạnh, Nguyễn Văn Vạng, Dương Văn Ký, Trần Văn Hưng, v.v...

Năm nay tôi rớt đau nhứt và nhục nhã nhứt vì bị loại vòng đầu trong kỳ hạch miệng. Và kỳ thi chấm đậu có ba người cũng quen biết và không nhớ rõ là ai, nhưng trong số đó có anh Dương Văn Ký. Một anh nữa là Nguyễn Văn Giáo nhưng sau cuộc đảo chính dưới trào thủ tướng Nguyễn Văn Thinh, anh được bổ nhiệm làm huyện và lần lên đốc phủ đó là việc khác.

Riêng tôi, thất bại về thi cử, kể bảy lần trước thì lòng có buồn tức thật vì có thể đậu nhưng bị ganh tị hoặc bị nghi ngờ việc nầy việc nọ mà rớt. Duy đến kỳ thứ tám nầy, rớt rồi lòng không buồn ức nữa mà chỉ chán chê cho cử nghiệp lao đao lận đận, khi biết mình luôn luôn bị dìm, bị đè đầu xuống thì mong gì đâu ? Việc làm đầu tiên là ngày 25-7-1942 ôm mớ sách học thi cả thảy tám cuốn, đem lại hiệu Tín Mỹ đường La Grandière bán được hai mươi bảy đồng, chiều lại đem tiêu vèo trong một bữa cơm Chợ Lớn, tổng khứ cái giấc mê đồ ham làm huyện làm phủ, trong khi tài không có mà miệng thể gièm pha thì nhiều. Cái nghề làm huyện để cai trị dân, đâu phải để dành cho những kẻ đại dột như tôi muốn trong sạch và không chịu đi theo con đường vạch sẵn, là phải lo lót để thi đậu rồi vơ vét mót máy gỡ vốn lại sau.

Tôi nói đây không có ý quơ đũa cả nắm và xin chừa những anh có thực tài, đi thi và đậu do sức riêng, tức không cậy thân cậy thế. Lúc đó tôi rất tự tin nơi tuổi trẻ và nơi công lao ăn học, tưởng rằng “có công mài sắt có ngày nên kim», nhưng nói mãi nhảm tai, tôi xin chịu tội lúc nhỏ duy có một chữ xứng đáng đánh dấu cuộc đời “phân nửa kiếp” của tôi, đó là chữ “Hư” to tướng.

Và cuốn sách này, lấy nhan là “Hơn nửa đời hư” là vì vậy.

Viết đến đây, miệng đắng lưỡi khô, lỗ khóc lỗ cười, vừa nhớ vừa thấm thía câu bất hủ trong Cung Oán :

Cánh bướm bể hoạn mệnh mang,

Cái phong ba khéo cột phùng lợi danh !

Còn nhiều câu nữa đều hay và dạy đời, nhưng mình không nên ngâm, vì dẫu cho giọng tốt cũng nên câm miệng lại, vì rõ là “thằng Hư !”

Cám ơn đã được thi rớt !

